

**VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
KHOA TẠO DÁNG CÔNG NGHIỆP**

CHỦ BIÊN: PGS. TS NGUYỄN LAN HƯƠNG



**GIÁO TRÌNH
NHẬP MÔN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN
DESIGN**

LƯU HÀNH NỘI BỘ - NĂM 2018

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG 1 : THẾ NÀO LÀ DESIGN	5
I. Design là gì ?	5
II. Tại sao có Design	13
1. <i>Bản chất của Design:</i>	13
2. <i>Đặc trưng của Design</i>	20
2.1. Tính thẩm mỹ	20
2.2. Tính ích dụng	21
2.3. Tính kinh tế	22
2.4. Tính phổ biến	23
2.5. Tính thời đại	24
2.6. Tính giáo dục	25
2.7. Tính dân tộc	25
3. <i>Design là văn hoá - văn hoá với cuộc sống</i>	26
4. <i>Design là nghệ thuật - đối với xã hội có vị trí quan trọng như thế nào ?</i>	30
CHƯƠNG II : DESIGN TRONG CÁC NỀN VĂN HÓA LỚN	34
I. VĂN HÓA HI LẠP.....	34
II. NỀN VĂN HÓA TRUNG CỔ	43
1. <i>Thời kỳ Romance</i>	43
1.1. <i>Hoàn cảnh ra đời</i>	43
1.2. <i>Kiến trúc thời kỳ Romance</i>	44
2. <i>Thời kỳ Gothic</i>	45
2.1. <i>Kiến trúc</i>	45
2.2. <i>Về trang phục</i>	48
III. PHỤC HƯNG	57
1. <i>Kiến trúc thời kỳ Phục Hưng</i>	57
2. <i>Thời trang thời kỳ Phục Hưng</i>	60
IV. BAROQUE (Thế kỷ XVII)	63

1. Hoàn cảnh ra đời.....	63
2. Kiến trúc thời kỳ Baroque.....	64
V. ROCOCO (THẾ KỶ 18)	73
1. Hoàn cảnh ra đời.....	73
2. Nghệ thuật kiến trúc.....	73
3. Phong cách thời trang.....	76
VI. NEOCLASSIC (THẾ KỶ 19)	78
VII. CÔNG NGHIỆP RA ĐỜI	82
1. Nghệ thuật và thủ công	83
2. Art Nouvean (Nghệ thuật mới).	86
CHƯƠNG 3 : DESIGN TẠI VIỆT NAM	93
I. Sự hình thành Làng của Việt Nam như thế nào ?	93
1. Cơ sở văn hoá được hình thành trong con mắt của Design ? ...	93
2. Đình làng :	94
3. Cách tổ chức làng:	97
II. Sự hình thành làng nghề.....	97
III. Đặc điểm của làng nghề :	99
IV. Phân loại làng nghề	101
1. Nghề chế tác kim loại	102
2. Nghề mộc, chạm	103
3. Nghề gốm.....	103
4. Nghề đan lát; nghề thêu, dệt; nghề làm giấy; đồ mã và nghề làm tranh dân gian	104
5. Nghề chế tác đá, nghề sơn và một số nghề khác	105
CHƯƠNG 4 : SỰ RA ĐỜI CỦA BAUHAUS	133
I. Sự ra đời của Bauhaus	133
II. Các giai đoạn phát triển của Trường Đại học Bauhaus.....	136
III. Xu hướng hoạt động.....	139
CHƯƠNG 5 : DESIGN TRONG THỜI KỶ ĐẦU CÔNG NGHIỆP ...	141
I. CHỦ NGHĨA CÔNG NĂNG.....	141
1. Hoàn cảnh ra đời.	141
2. Quá trình phát triển	142

II. DESIGN HỮU CƠ (ORGANIC DESIGN)	146
1. Hoàn cảnh ra đời	146
2. Quá trình phát triển	146
III. NGHỆ THUẬT KHÔNG GIAN	151
CHƯƠNG VI: DESIGN NGÀNH NGHỆ THUẬT MỚI VÀ	159
PHƯƠNG PHÁP HÀNH NGHỀ DESIGN	159
I. Design và ngành nghệ thuật mới	159
1. Nghệ thủ công với Design - Mỹ thuật công nghiệp :	159
2. Sự ra đời của tổ chức ICSID	162
3. Các định nghĩa về Design	165
II. Design là một ngành nghề mới.	166
1. Các chuyên ngành của Design	169
2. Một số chuyên ngành hẹp trong mỹ thuật công nghiệp	170
III. Phương pháp hành nghề Design.	172
1. Các chức năng và tiêu chí của mỹ thuật công nghiệp	172
1.1. <i>Quá trình hình thành và chuyển giao sản phẩm Mỹ thuật công nghiệp</i>	172
1.2. <i>Tiến trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp</i>	173
1.3. <i>Chức năng Mỹ thuật công nghiệp</i>	174
1.4. <i>Tiêu chí đánh giá sản phẩm Mỹ thuật công nghiệp</i>	175
2. Đặc trưng và yêu cầu của thiết kế mỹ thuật Công nghiệp	177
2.1. <i>Thiết kế MTCN phải đáp ứng yêu cầu sử dụng</i>	177
2.2. <i>Thiết kế MTCN phải đảm bảo thẩm mỹ</i>	178
2.3. <i>Thiết kế MTCN phải có ý tưởng mới</i>	178
2.4. <i>Phù hợp với phương thức sản xuất chế tạo</i> :	179
2.5. <i>Thiết kế MTCN phải đáp ứng điều kiện kinh tế</i>	180
3. Những nhân tố tác động đến hoạt động thiết kế mỹ thuật	182

dANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
MTCN	Mỹ thuật công nghiệp
TKMT	Thiết kế mỹ thuật
MTUD	Mỹ thuật ứng dụng

CHƯƠNG 1 : THẾ NÀO LÀ DESIGN

Mục tiêu của bài học :

- Sinh viên nắm được khái niệm về Design (thiết kế).
- Đặc trưng của Design và các đặc tính của 1 sản phẩm Design cần có.

I. Design là gì ?

Nếu nói Design là sự sáng tạo thì phải hiểu vị trí và cách làm việc để hiểu được cách sáng tạo. Design cũng giống như các ngành nghệ thuật khác ta phải nghiên cứu lịch sử của nó: lịch sử về thẩm mỹ sáng tạo nghệ thuật khác với những sáng tạo khoa học. Bằng cách thông qua tác phẩm của những người đi trước và sự thẩm định của mình ta mới thấy được cái đẹp.

Chữ Design tự thân nó đã mang một ý nghĩa quốc nội, thể hiện một phần linh hồn, giá trị vật chất và tinh thần của một quốc gia. Nếu như người Anh luôn tự hào vì có những cabin điện thoại công cộng sơn màu đỏ, người Đức có các sản phẩm điện gia dụng Braun thì người Pháp có chiếc nồi Le Creuset. Mỗi sản phẩm này đều được xem như là hình ảnh riêng của từng đất nước và được cả thế giới biết đến. Vì thế ở nghĩa chung nhất, từ Design không bao giờ đại diện cho một cái gì đó cao sang mà bao gồm tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống hàng ngày: từ việc tạo dáng sản phẩm cho đến việc tìm tòi và sử dụng các chất liệu phù hợp.

Hơn bao giờ hết, ngày nay Design phát triển mạnh mẽ và phát triển nhanh chưa từng thấy ở nhiều quốc gia trên thế giới. Design làm thay đổi từng ngày từng giờ sản phẩm vật chất hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của con người sống trong môi trường sống hiện đại.

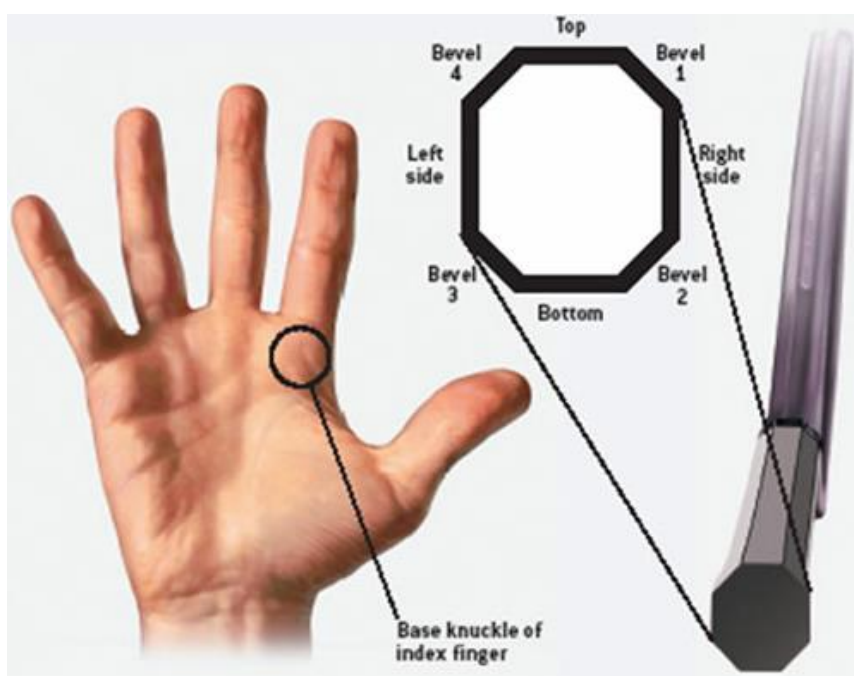
Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật hiện đại cũng góp phần thúc đẩy, tương hỗ cho sự sáng tạo Design. Chúng ta nghiên cứu Design là đề cập tới mối quan hệ của con người với tự nhiên và xã hội thể hiện trong sản xuất, cũng như trong sinh hoạt vui chơi và hưởng thụ thưởng thức sản phẩm vật chất mang giá trị văn hóa. Chức năng và mục đích của Design là nhằm thỏa mãn tâm sinh lý của người sử dụng, tức hàm chứa về mặt thẩm mỹ và chứa đựng giá trị sử dụng, phù hợp với mọi đối tượng và phù hợp về mặt giá cả kinh tế. Sản phẩm của mỹ thuật ứng dụng hết sức đa dạng và phong phú, với nhiều chủng loại sản phẩm và có giá trị rất lớn đối với đời sống sinh hoạt của con người, phục vụ cho con người, thỏa mãn cho con người cả về nhu cầu vật chất và tinh thần. Và sự thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần ấy cần phải phù hợp với bản sắc văn hóa và thị hiếu thẩm mỹ của mỗi dân tộc cộng đồng người khác nhau. Thế giới đồ vật được con người tạo ra gắn liền với môi trường sản xuất và đời sống hằng ngày của con người. Điều căn bản nhất của Design là tập trung đáp ứng các nhu cầu của xã hội. Sự hiện diện của nó được nhận thấy ở tất cả mọi mặt trong cuộc sống của con người như: ăn, mặc, ở trong sinh hoạt, học tập, sản xuất, các phương tiện, công cụ, sản xuất, lao động, vui chơi, giải trí ... Từ sản phẩm đến bao gói đựng chứa cho đến những sản phẩm công nghệ thông tin hàm chứa giá trị trí tuệ cao, tất cả đều mang dấu ấn của Design.

Sản phẩm Design là sản phẩm hay kết quả sáng tạo mang giá trị ích dụng và thẩm mỹ chứa trong một sản phẩm. Một sản phẩm Design không chỉ dừng ở sự đạt giá trị công năng, công thái học, sinh thái học mà phải bao hàm cả giá trị thẩm mỹ mang tính xã hội, văn hóa và phản ánh trình độ, phát triển kỹ thuật công nghệ của cộng đồng. Tất cả những giá trị ấy thống nhất chặt chẽ và được liên kết trong một chỉnh thể, đáp ứng nhu cầu đời sống xã hội. Từ sáng tạo mẫu mã, sản xuất ra sản phẩm rồi đến tay người tiêu dùng là một chu trình mang giá trị sử dụng, giá trị kinh tế, giá trị văn hóa thẩm mỹ theo cơ chế của cung và cầu. Và cơ chế ấy là một vấn đề luôn luôn được đặt ra trong xã hội, cho bất kỳ một

loại sản phẩm mỹ thuật ứng dụng nào. Và thực sự chúng đã trở thành cơ sở, động lực cho Design phát triển và phát triển không ngừng.

Con người luôn luôn hướng tới cái đẹp bởi sự đòi hỏi thỏa mãn nhu cầu về cái đẹp là một đặc trưng thuộc bản chất người. Trong quá trình phát triển, nhu cầu thẩm mỹ của con người đòi hỏi ngày càng cao, càng nhiều và đa dạng, đã thúc đẩy Design cũng phải phát triển không ngừng để đáp ứng những nhu cầu đó. Và như vậy Design phải đảm bảo nhiệm vụ sáng tạo đi liền với chế tác và sản xuất, với mục tiêu đáp ứng ngày một tốt hơn về nhu cầu vật chất và tinh thần cho con người. Điều đó cho thấy hoạt động Design chứa đựng trong nó tính nhân văn.

Có thể nói Design là một phạm trù văn hóa và khoa học. Một sản phẩm Design vừa tạo giá trị về thẩm mỹ vừa có khả năng sáng chế, kích thích công nghệ phát triển tạo ra những sản phẩm có giá trị về khoa học công nghệ, điều khiển sử dụng và giá trị kinh tế cao. Giá trị thẩm mỹ chính là hình dáng, màu sắc, bố cục, chất liệu. Khoa học công nghệ đòi hỏi trình độ hiểu biết về kỹ thuật chế tạo, công nghệ, vật liệu, chuyên chở. Điều khiển sử dụng là sáng tạo ra máy móc phù hợp với tầm vóc thể lực, tâm sinh lý để tránh bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động



Hình 1. Nghiên cứu nhân trắc học phục vụ sản xuất.

- Các khái niệm về Economic nói về mối liên quan của con người với Design (những vấn đề về giải phẫu). Một ví dụ cơ bản là nghiên cứu lòng bàn tay để thiết kế một cái tuốc nơ vít. Nếu ta không chú ý đến giải phẫu sẽ sinh ra bệnh nghề nghiệp.

- Nghiên cứu về môi trường làm việc của công nhân. Việc sản xuất ra hàng hoá đòi hỏi công nghệ như thế nào và người công nhân đó làm việc trong môi trường khắc nghiệt như tiếng ồn, độ ẩm, độ bụi... tạo ra các loại bệnh nghề nghiệp. Do đó, độ tuổi của người công nhân lao động thường ngắn hơn. Chính vì vậy, các nhà Design cần phải sáng tạo ra các sản phẩm dựa trên những nguyên lý cụ thể, trong đó có tính đến yếu tố môi trường để giải quyết và khắc phục vấn đề đó.

- Sự phát triển của khoa học kỹ thuật ảnh hưởng đến sự phát triển của thẩm mỹ kỹ thuật. Một công trình kiến trúc sử dụng hình thức nghệ thuật nào thì đề ra nhu cầu thẩm mỹ đó. Nghệ thuật ở các thời kỳ là khác nhau như một chiếc điện thoại di động dùng công nghệ cao có thể điều chỉnh được hình dáng tạo ra công nghệ đa chức năng và chú ý đến thẩm mỹ kỹ thuật (1 sản phẩm Design gồm: cái đẹp, nhu cầu sử dụng, công nghệ chế tác, tâm lý tiêu dùng tạo nên thẩm mỹ kỹ thuật).

VD: 1 cái kéo có thể phân chia thành nhiều chức năng tinh tế của nó như tĩa cây, cắt tóc... Nhưng 1 sản phẩm có thể gộp nhiều chức năng lại như chiếc máy vi tính, điện thoại di động.



Hình 2 : Điện thoại phát triển qua các thời kỳ.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật hiện đại cũng góp phần thúc đẩy, tương hỗ cho sự sáng tạo Design. Chúng ta nghiên cứu Design là đề cập tới mối quan hệ của con người với tự nhiên và xã hội thể hiện trong sản xuất, cũng như trong sinh hoạt vui chơi và hưởng thụ thưởng thức sản phẩm vật chất mang giá trị văn hóa. Chức năng và mục đích của Design là nhằm thỏa mãn tâm sinh lý của người sử dụng, tức hàm chứa về mặt thẩm mỹ và chứa đựng giá trị sử dụng, phù hợp với mọi đối tượng và phù hợp về mặt giá cả kinh tế.

Sản phẩm của mỹ thuật ứng dụng hết sức đa dạng và phong phú, với nhiều chủng loại sản phẩm và có giá trị rất lớn đối với đời sống sinh hoạt của con người, phục vụ cho con người, thỏa mãn cho con người cả về nhu cầu vật chất và tinh thần. Và sự thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần ấy cần phải phù hợp với bản sắc văn hóa và thị hiếu thẩm mỹ của mỗi dân tộc cộng đồng người khác nhau. Thế giới đồ vật được con người tạo ra gắn liền với môi trường sản xuất và đời sống hằng ngày của con người. Điều căn bản nhất của Design là tập trung đáp ứng các nhu cầu của xã hội. Sự hiện diện của nó được nhận thấy ở tất cả mọi mặt trong cuộc sống của con người như: ăn, mặc, ở trong sinh hoạt, học tập, sản xuất, các phương tiện, công cụ, sản xuất, lao động, vui chơi, giải trí ... Từ sản phẩm đến bao gói đựng chứa cho đến những sản phẩm công nghệ thông tin hàm chứa giá trị trí tuệ cao, tất cả đều mang dấu ấn của Design.

Như vậy nhà Design phải làm việc độc lập nhưng vẫn phải kết hợp với những kỹ sư. Kiến thức của họ có lúc là nhà nghệ thuật nhưng cũng có lúc lại là nhà kỹ thuật.

Mỹ thuật tạo hình bao gồm hội họa, điêu khắc mà các sản phẩm đặc trưng là tranh, tượng. Mỹ thuật ứng dụng sản phẩm là thủ công mỹ nghệ và mỹ thuật công nghiệp. Hai loại hình này có sự khác biệt cơ bản bởi mỗi loại hình đều có đặc thù riêng. Mỹ thuật tạo hình chỉ chú trọng cái đẹp để ngắm còn mỹ thuật ứng dụng vừa chú trọng đến cái đẹp vừa phải thực dụng tức là sản phẩm phải

sản xuất được hàng loạt. Nếu thực dụng mà không đẹp thì vẫn có thể sử dụng được còn sản phẩm đẹp mà không điều khiển sử dụng được thì nó vô giá trị. Một sản phẩm Design tốt phải được đánh giá mọi khía cạnh về thẩm mỹ, sản phẩm gọn nhẹ, bố cục chặt chẽ, màu sắc hấp dẫn, thiết kế, chế tạo, vận chuyển dễ, tiết kiệm vật liệu, năng lượng và quan trọng phải được sản xuất hàng loạt với công nghệ hiện đại. Đối với người lao động cần phải tạo ra một môi trường làm việc để có thể thao tác dễ dàng, thiết kế phù hợp với tầm vóc, thể lực, tâm sinh lý lao động để tránh tai nạn lao động, giảm thiểu bệnh nghề nghiệp, tạo ra môi trường lao động tốt đẹp gây hưng phấn cho người sử dụng để tăng năng suất lao động nhưng giá thành phải hạ. Nếu nhà Design thiếu sáng tạo không đạt được mục đích nhất là thẩm mỹ trong thiết kế, chế tạo khó thì sản phẩm sẽ bị loại bỏ.

- Kant là nhà triết học đưa ra quan điểm về cái đẹp “cái đẹp không vụ lợi, không gắn liền với thực tế, cái đẹp tránh xa đời thường”. Quan điểm Design nói đến cái đẹp và giá trị cao nhất của cái đẹp. Đối với nhà Design cần có sự phân tích tính đến thị hiếu của người sử dụng, sử dụng loại vật liệu nào cho phù hợp. Tư duy ngẫu hứng là nghệ thuật (như vẽ tranh). Tư duy sáng tác Design là ngẫu hứng (có cảm hứng sáng tác và phải gắn với thực tế thì ý tưởng đó mới thành công).

VD: Sáng tác thời trang như áo, váy...

Sáng tác nội thất: ghế, giường, tủ...

Sáng tác đồ họa: bao bì, ấn phẩm....

Xem xét quá trình hình thành và phát triển của mỹ thuật trong lịch sử phát triển của loài người thì Design có nguồn gốc từ rất sớm. Nó tồn tại ngay trong các công cụ lao động và sinh hoạt của con người từ những thuở ban đầu. Design tồn tại ở những nhu cầu tối thiểu, thiết yếu của con người như: ăn, mặc, ở. Và rồi tùy vào điều kiện phát triển của xã hội và tư duy nhận thức, nhu cầu thị hiếu của con người mà Design được biểu hiện ở những lĩnh vực khác cao hơn. Sự phát triển ngày một cao hơn về giá trị sử dụng và giá trị thẩm mỹ của các sản

phẩm mỹ thuật ứng dụng được coi như một yếu tố khi nghiên cứu về quá trình phát triển của văn minh loài người. Đó chính là quá trình tìm kiếm sự thống nhất về các giá trị trong một chỉnh thể sáng tạo, tức chính là đồ dùng, vật dụng. Từ chỗ chỉ để dùng phục vụ sinh hoạt, tiến đến biết làm đẹp đồ vật, làm đẹp sản phẩm do mình làm ra. Từ những đồ đơn giản, bình thường như: cái cày, cuốc, liềm, dao... phục vụ cho công việc lao động sản xuất của người nông dân đến các đồ cao cấp hàm chứa tính trí tuệ, sáng tạo cao như: Tivi, tủ lạnh, xe máy, máy bay, tàu vũ trụ ... và ta thấy quá trình hoàn thiện đồ vật về cơ cấu và cả hiệu quả sử dụng là một bước tiến lớn lao trong quá trình nhận thức để cải tạo thế giới tự nhiên của con người. Khi bước vào bảo tàng thì điều đó được minh chứng thật rõ ràng: những mảnh tước, mảnh ghè đến những vây rìu đá, cuốc đá đến trong công cụ để sinh tồn của con người ở thời kỳ xa xưa đến những cây rìu sắt ngày nay, con người đã phải trải qua những giai đoạn cải tiến và để từng bước khám phá để hoàn chỉnh như thế nào.

Xã hội càng tiến hóa, càng văn minh thì ở thế giới đồ vật (do con người sáng tạo) tính kỹ thuật và thẩm mỹ càng được kết hợp chặt chẽ và cấu thành tồn tại trong nhau một cách hoàn hảo như một chỉnh thể. Con người không chỉ có nhu cầu sử dụng mà còn có nhu cầu thưởng ngoạn vẻ đẹp ở chính trên ngay các đồ dùng hàng ngày. Từ cái đĩa, bát ăn cơm, cái chén uống nước ... đều cần tạo dáng, chất liệu, màu men trang trí và sử dụng thuận tiện bền đẹp. Một ngôi nhà để ở không chỉ đơn thuần là nơi che chắn nắng mưa, mà còn đòi hỏi không gian, kiến trúc; cái đẹp tổng thể kiến trúc với môi trường; cái đẹp trong trang trí nội thất, ngoại thất; vừa đẹp vừa ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt của các nhu cầu khác: ăn mặc, đồ dùng, quạt điện, ti vi, tủ lạnh, xe máy ... Tất cả đều là đòi hỏi và yêu cầu trong đời sống mà Design phải đáp ứng. Và những đòi hỏi khách quan đó đối với mỗi sản phẩm hàng hóa ngày cao hơn cả hai mặt: đẹp và ích dụng, gắn bó trong đời sống tinh thần và vật chất của con người.

Sản phẩm Design là sản phẩm hay kết quả sáng tạo mang giá trị ích dụng và thẩm mỹ chứa trong một sản phẩm. Một sản phẩm Design không chỉ dừng ở

sự đạt giá trị công năng, công thái học, sinh thái học mà phải bao hàm cả giá trị thẩm mỹ mang tính xã hội, văn hóa và phản ánh trình độ, phát triển kỹ thuật công nghệ của cộng đồng. Tất cả những giá trị ấy thống nhất chặt chẽ và được liên kết trong một chỉnh thể, đáp ứng nhu cầu đời sống xã hội. Từ sáng tạo mẫu mã, sản xuất ra sản phẩm rồi đến tay người tiêu dùng là một chu trình mang giá trị sử dụng, giá trị kinh tế, giá trị văn hóa thẩm mỹ theo cơ chế của cung và cầu. Và cơ chế ấy là một vấn đề luôn luôn được đặt ra trong xã hội, cho bất kỳ một loại sản phẩm mỹ thuật ứng dụng nào. Và thực sự chúng đã trở thành cơ sở, động lực cho Design phát triển và phát triển không ngừng.

Con người luôn luôn hướng tới cái đẹp bởi vì sự đòi hỏi thỏa mãn nhu cầu về cái đẹp là một đặc trưng thuộc bản chất người. Trong quá trình phát triển, nhu cầu thẩm mỹ của con người đòi hỏi ngày càng cao, càng nhiều và đa dạng, đã thúc đẩy Design cũng phải phát triển không ngừng để đáp ứng những nhu cầu đó. Và như vậy Design phải đảm bảo nhiệm vụ sáng tạo đi liền với chế tác và sản xuất, với mục tiêu đáp ứng ngày một tốt hơn về nhu cầu vật chất và tinh thần cho con người. Điều đó cho thấy hoạt động Design chứa đựng trong nó tính nhân văn. Ở Việt Nam hiện nay, với bề dày tinh hoa truyền thống mỹ thuật dân tộc, giao lưu và tiếp thu những giá trị mỹ thuật-kỹ thuật của nhân loại, đội ngũ các nhà thiết kế mỹ thuật đang có nhiều cơ hội hơn kế thừa phát huy sáng tạo. Sự phát triển mạnh mẽ đó đã và đang tham gia tác động trực tiếp vào trong đời sống sản xuất công nghiệp, kinh tế và văn hóa xã hội của chúng ta.

Nhìn chung ở bất cứ quốc gia phát triển nào, ở bất cứ xã hội nào, Design cũng đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa. Điều đó càng được nhận thấy ở nước có nền sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển mạnh.

Nhiều người cho rằng Design là một cái gì đó cao cấp sang trọng như thực tế không phải vậy. Design có từ khi con người biết làm ra đồ dùng sinh hoạt hàng ngày (từ thời nguyên thủy). Thời Phục Hưng người đã chỉ ra một công việc là phác thảo ra một sản phẩm tiếng Anh gọi là Designo vừa có nghĩa

là vẽ vừa có nghĩa là một ý định sau đó chuyển sang tiếng Anh là Design, ý nghĩa là một tác phẩm nghệ thuật và đến bây giờ nó dùng để chỉ một kế hoạch hay là một phác thảo.

Design là 1 nghề mới, là nghề giao thoa giữa nghệ thuật và kỹ thuật bao gồm nhưng kiến thức giáp ranh giữa khoa học kỹ thuật, nghệ thuật và kinh tế. Một sản phẩm có khi 80% là nghệ thuật. Người thiết kế tạo nên hình dáng sản phẩm đẹp nhưng phải hài hòa với các sản phẩm khác. Chính vì vậy người làm Design cần phải tìm hiểu môn học Economic nghiên cứu mối quan hệ giữa con người và đồ dùng).

Đồ dùng chia làm nhiều loại:

- Thông thường
- Lắp máy

Do nhu cầu của từng công việc mỗi loại đồ dùng lại có chức năng khác nhau nên làm đồ dùng cần có phương pháp như tạo hình dáng. Về nguyên tắc luôn tạo sự cải tiến về chất lượng tiêu dùng, nhu cầu của người sử dụng cần thuận lợi hơn. Vì vậy nhà thiết kế cần phải nghiên cứu nhu cầu của người tiêu dùng (tâm lý, thói quen).

II. Tại sao có Design

1. Bản chất của Design:

Cách ứng xử mỹ thuật trên mặt đồ vật có sẵn đường như là bước sơ khai. Tuy vậy nó vẫn còn được duy trì và phát triển đến ngày nay, mà vẫn cùng với ngành chế tạo mới với thẩm mỹ, kỹ thuật của MTCN. Trên cơ sở sản vật vốn có của tự nhiên, thiết kế sáng tạo ra đồ vật sản phẩm chú trọng đến sáng tạo cái đẹp, đến trang trí hoa văn, màu sắc. Sự lợi dụng của những sản vật của thiên nhiên như hoa trái, cỏ, cây, động vật ... để biến nó thành đồ dùng và gia cố mỹ thuật trên bề mặt của đồ vật mà chúng ta thường thấy trong phương thức sản xuất mỹ nghệ thủ công.

Một hệ dạng sáng tạo quan trọng khác của Design vượt ra khỏi cái mô phỏng trực tiếp vào một vật thể có sẵn, mà nó được sáng tạo chế tác sản xuất công nghiệp (hoặc thủ công) thông qua sự tiếp nhận từ nghiên cứu, sàng lọc thiên nhiên, để cho ra đời những sản phẩm “được đúc liền” giữa nhu cầu dùng và nhu cầu đẹp. Chẳng hạn tìm loại đất thích hợp để tạo nên đồ gốm, thủy tinh. Nhựa tạo các đồ dùng sinh hoạt, kim loại để tạo nên các máy móc, các đồ dùng cơ, điện. Không phải vô cơ máy bay chế tạo ít nhiều mô phỏng theo cánh chim. Nhưng rõ ràng cơ chế về qui cách sản phẩm và qui trình sản xuất hoàn toàn khác với cái nghĩa sử dụng kỹ thuật thẩm mỹ để xử lý bề mặt của đồ vật có sẵn, ở đây hoàn toàn đòi hỏi mặt tạo dáng của một vật thể chiếm chỗ không gian được kết hợp xử lý trong sự thống nhất chỉnh thể của sản phẩm TMCN.

Design hoàn toàn không phải ứng dụng, cái đẹp không phải thêm thắt. VD: cách đây khoảng 20 năm nhà máy sứ Hải Dương tính thành tích là bao nhiêu chiếc 1 năm nhưng là chiếc chén, bát phải sản xuất ra những con kê (để làm khuôn). Trong một bữa ăn cái gì cũng đưng vào bát thì không có giá trị và trước đây trình độ của công nhân không có tay nghề. Trước đây con người quan niệm cái đẹp là cái thêm thắt vào chứ không phải là bản chất.

VD: cái xe được cải tiến qua nhiều thời kỳ. Thái Lan đưa Design làm marketing mua công nghệ xe Honda đổi thành xe Dream. Quan niệm của người châu á coi chiếc xe là tài sản lớn nhất nên đặt tên là Dream nên bán rất chạy mặc dù không tốt bằng xe Honda 50.

Lấy dẫn chứng ý kiến của C.Mac “con người cần đồ dùng thì phải lao động để sản xuất ra nó và lao động đó gọi là lao động sáng tạo”. Con người luôn có nhu cầu hướng tới cái đẹp, Mác đã coi nhu cầu và khả năng hướng tới cái đẹp là dấu hiệu cơ bản để phân biệt giữa con người và con vật. Lịch sử phát triển nhân loại đã chứng minh, mỗi bước tiến của xã hội cũng chính là bước con người vươn tới cái đẹp. Nhu cầu và khả năng vươn tới cái đẹp là một trong những động lực quan trọng tạo nên sự tiến bộ về sự sáng tạo vật chất và về tinh thần của cuộc sống con người. Ngày nay chúng ta đang ở trong thời đại khoa

học công nghệ cao, con người càng tiến tới trình độ văn minh thì khát vọng và nhu cầu về cái đẹp càng nổi lên như những nhu cầu bức thiết. Design vừa có khả năng thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người trong xã hội, vừa góp phần định hướng nhu cầu đó. Đến với thế giới của Design, thực sự là chúng ta đến với thế giới của cái đẹp thông qua thế giới hình tượng muôn màu muôn vẻ. Từ nhu cầu được thưởng thức và sở hữu cái đẹp của công chúng và khát vọng sáng tạo cái đẹp của thiết kế cùng với sự hỗ trợ của kỹ thuật công nghệ, thế giới đồ vật giàu giá trị thẩm mỹ đã ngày càng hoàn thiện hơn. Và cũng thông qua thế giới đồ vật ấy con người đã được tiếp nhận một sự giáo dục thẩm mỹ. Chức năng thẩm mỹ không tách rời chức năng nhận thức vì tất cả đều hướng tới chức năng bao quát là giáo dục con người trong chức năng xã hội của Design.

VD: nhà của con người - tổ ong - tổ kiến. Tổ ong và tổ kiến đời đời vẫn vậy, trong khi đó, nhà của con người thì thay đổi theo từng thời kỳ. Con người làm nhà không phải cho gia đình mà cho đồng loại. Do đó các đồ dùng con người làm ra phải được sản xuất theo quy luật của cái đẹp (đây là câu nói cơ bản).

VD: Để chế tác đồ gốm nguyên thủy khi chưa có cái bàn xoay, người ta phải khoét lỗ xuống đất. Đưa vào các nan xuống và trát đất vào, sau đó tiến hành nung đốt. Khi có nhiều nan thì không nứt vì trong đất có nhiều tạp chất và hình thức trang trí này là phù hợp. Nhưng khi làm gốm bằng tay thì họ trang trí bằng các dụng cụ ngay trên bàn xoay.

Làm ra đồ dùng không chỉ đơn thuần là mục đích sử dụng. Lenin đưa ra dẫn chứng: Cái cốc không chỉ để uống và đựng nước nhưng đôi khi có cơn gió thổi qua nó còn dùng để chặn giấy. Cái cốc còn là vật thể sử dụng với nhiều mục đích khác.

Đưa cái đẹp vào sản phẩm là quy luật của lao động sáng tạo. Sự thích nghi về mặt sinh vật làm con người không có những quan điểm giống loài vật để điều chỉnh hành vi một cách tự động theo đòi hỏi của sinh tồn con người được bù vào những đặc tính của sinh vật khác. Đó là năng lực học tập tiếp thu ý

tưởng lẫn nhau. Như vậy việc làm đẹp một sản phẩm là để sản phẩm đó mang tính quy luật. Con người trong cuộc sống của mình luôn luôn người hoá môi trường sống, vật thể được tạo 1 hình thể. Hình thể ấy được làm ra để dùng nhưng ngoài mục đích để dùng còn những kỹ năng khác.

Vì vậy con người có 1 di truyền không cứng nhắc như loài vật. Nhờ quan điểm này mà tạo ra muôn vàn cái mới. VD: làm ra 1 chiếc piano nhằm 2 mục đích là học tập và chơi đàn.

Việc làm đẹp của sản phẩm là 1 việc làm quan trọng, tái hiện cuộc sống, làm cuộc sống có ý nghĩa. Một cuộc sống không những nó hiện ra mà là 1 cuộc sống với những sáng tạo tâm hồn. Trong cuộc sống đó con người được bộc lộ, được thoả mãn nhu cầu và khẳng định mình như một vật thể có tính tộc loại trong việc cải tạo thế giới. Như vậy trọng tâm của vấn đề này là quy luật của cái đẹp. Cái đẹp bao giờ cũng gắn liền với sự hoàn thiện và cái đẹp là nhu cầu cao nhất của cuộc sống.

Phạm trù cái đẹp trong mỹ học: đẹp là phạm trù cơ bản và trọng tâm của mỹ học, nó là thước đo của con người, là tiêu chuẩn chỉ phẩm chất con người. Đẹp là sự hoàn thiện, sự phát triển và đẹp là sự đánh giá con người về bản thân mình, là sự tác động có tính thanh cao tự thân bên trong con người. Nó gắn với quá trình cải tạo thiên nhiên và bản thân. Chính vì vậy vấn đề nghiên cứu cái đẹp và đánh giá nó trong nhiều thời kỳ đều có những ý kiến khác nhau.

Đẹp và nghệ thuật. Đẹp được biểu hiện rất nhiều trong nghệ thuật. Trong nghệ thuật phân chia ra rất nhiều loại từ đó nảy sinh ra những hoạt động chuyên nghiệp về cái đẹp.

Nghệ thuật thị giác: là nghệ thuật biểu thị thông qua nhu cầu của cái nhìn. Các sách viết về vấn đề này được hệ thống từ kiến trúc đến điêu khắc - hội họa - thủ công mỹ nghệ. Theo sự trưởng thành, các ngành nghệ thuật này tách ra hoạt động riêng.

- Trong kiến trúc chia thành nhiều loại: dân dụng và quy hoạch.

- Trong điêu khắc thì chia ra: tượng bày bàn, tượng tròn, tượng ngoài trời, tượng hoành tráng.

- Trong hội họa: giá vẽ, hoành tráng, đồ họa nghệ thuật. Hội họa chia thành nhiều chất liệu khác nhau.

- Thủ công mỹ nghệ và Design.

Tất cả thống nhất với nhau về giá trị thẩm mỹ. Từ những tác phẩm kiến trúc hình thành các tác phẩm điêu khắc, hội họa, thủ công mỹ nghệ mang 1 phong cách tổng thể. Công trình kiến trúc Ai Cập sáng tạo ra kiểu quần áo, bàn ghế theo cùng 1 phong cách. Là nhà Design phải thẩm định được phong cách ấy.

VD: trong công trình kiến trúc phân biệt đường cong của mái nhà Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam khác nhau. Vậy là nhà Design cần phải rèn luyện năng lực sáng tạo.

Từ khi ngành sản xuất công nghiệp ra đời trên thế giới, phong trào trang trí, nghệ thuật mới, phong cách mới rất phát triển, tuy nhiên hoạt động này vẫn chưa xác định được phong cách. Phải đến thời điểm trường Bauhaus hình thành ở Đức năm 1919 do các Kiến trúc sư sáng lập thì mới hình thành hoạt động của Design hay còn gọi nôm na là nghề Design.

Ngược lại các nhà nghiên cứu khi bàn về Design thì cho rằng Design có từ khi con người làm ra của cải vật chất. Trong quá trình lao động ấy họ nâng cấp chất lượng lao động. Làm như thế nào để dựng nhà nhanh chóng và dỡ ra nhanh chóng. Design là tiện nghi sử dụng, tổ chức mỹ thuật. Mỹ thuật ở thời trung cổ đã mang trong nó nhiều đặc tính Design.

VD: quan niệm của người Hy Lạp, người Hy Lạp bắt đầu phát triển nghề thủ công và theo tôn giáo của Ai Cập (thờ đá thần). Thế nào là cái đẹp, là tỉ lệ, tương quan... Từ đó làm ra các công trình kiến trúc có tỉ lệ với hoạt động của con người.

Theo quan điểm mà Design bắt nguồn từ lao động khi con người làm ra sản xuất đồ dùng. Nó là loại hình nghệ thuật thông qua thụ cảm thị giác và có sự gắn bó với nhau. Làm thế nào khi 1 sản phẩm ra đời có 1 phong cách.

Trước khi model ảnh hưởng đến Design bây giờ thì có sự chuyển biến về cái nhìn. Trước đây gọi là phong cách còn bây giờ gọi là *những yếu tố* của Design.

Trong Design có 3 yếu tố quan trọng: công năng, vật liệu, công nghệ. Để làm ra sản phẩm phải tính đến công năng, nhu cầu phát triển thì công năng phát triển. Khi nghiên cứu về Design không thể không nghiên cứu về lịch sử phát triển đồ dùng. Sản phẩm là sự tiến hóa về thẩm mỹ, chi tiết vật liệu của đồ dùng có nhiều yếu tố thẩm mỹ nên Design hiện đại phải nghiên cứu.

VD: yếu tố tối thiểu (minimalism - chủ nghĩa tối thiểu) phong cách này ra đời trong nghệ thuật từ thế kỷ 18 ở Nga trở thành phong cách mà nhiều họa sĩ áp dụng - giá trị ngôn ngữ hiện đại là ngôn ngữ ngắn gọn.

Trong xu hướng ngôn ngữ hiện đại, lượng thông tin nhiều nên cần thu lại ngắn gọn. Minimalism xuất hiện do 2 nhu cầu: thẩm mỹ và chất lượng tiêu dùng. Trong tối thiểu phát biểu trong Design gọi là Minimalism Design. Khi Bauhaus ra đời hình thành chủ nghĩa cấu trúc, hữu cơ và đến nay hình thành chủ nghĩa Hightech (công nghệ cao). Tại Mỹ bắt đầu từ trường phái Chicago đi vào thẩm mỹ tối thiểu.

=> Phải nghiên cứu quá trình phát triển của các ngành thủ công mỹ nghệ. Design là tổ chức cái đẹp của vật phẩm rồi liên kết cái đẹp với nhau trong một môi trường. Trong lịch sử thủ công mỹ nghệ bao hàm ý nghĩa lớn như một công trình kiến trúc, một bộ quần áo...

Cách sản xuất vật dụng cũng mang tính chất Design, sản xuất theo hướng chuyên môn hóa (có cái chuẩn của thẩm mỹ).

=> Design là một nhu cầu của cuộc sống. Design hình thành nét văn hóa trong cuộc sống của người dân, từ lao động sáng tạo đến vật phẩm có quá trình

đáp ứng như cầu đời sống, tiến bộ ở các mặt, mở ra sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

Design đang là vấn đề thiếu hụt. Một thời gian đem truyền thống làm ra bán. Tuy nhiên nhu cầu xã hội cần thẩm mỹ thời đại.

Các yếu tố của Element Design bao gồm những vấn đề: tâm lý tiêu dùng...

Design ra đời khi công nghiệp phát triển, thực tế là thế kỉ 18 và phát triển vào những năm giữa thế kỉ 19 nhưng những yếu tố Design có từ khi con người lao động làm ra của cải vật chất. Lao động đó là lao động sáng tạo và nó làm theo quy luật của lao động sản xuất. Trong quá trình phát triển của Design phải căn cứ vào yêu cầu của công năng. Khi nói đến công năng lại liên quan đến địa phương, tâm lý tiêu dùng.

- Vật liệu: trên cơ sở của vật liệu tạo ra những hình dáng khác nhau của đồ dùng. Ví dụ: bộ bàn ghế bằng gỗ khác nhựa. Gỗ lại có nhiều loại nên tạo dáng hoàn toàn dựa trên cơ sở của vật liệu.

- Kỹ thuật công nghệ (điều này đẻ ra cái đẹp)

=> 3 yếu tố này phải được giải quyết một cách tương hỗ mới tạo ra giá trị của sản phẩm.

Nhà Design phải quan tâm đến vấn đề này (cần quan tâm đến văn hóa phục vụ cho cuộc sống và yếu tố Design rất quan trọng trong nền văn hóa và tổ chức cơ sở). Cái đẹp căn cứ vào đẹp của hình thể, màu sắc, giải quyết được chức năng tiêu dùng của sản phẩm. Ví dụ: kiến trúc + đồ dùng + thời trang + đồ họa trong nghệ thuật gọi là phong cách. Ví dụ: đình kiến trúc Hy Lạp + đồ dùng + thời trang + chữ viết Hy Lạp. VD: Nhà hát lớn làm theo phong cách tân cổ điển và diễn ra các hoạt động trong lịch sử nên nó mang dấu vết của lịch sử, vì vậy phải tuân theo kiểu kiến trúc này khi sửa chữa, không được mất đi tinh thần của nó. Và cách giải quyết ấy là cách giải quyết của một nhà Design. Các công trình xung quanh tạo nên một hợp thể kiến trúc.

- Vấn đề môi trường:

VD: chiếc ghế của Thonet: dùng công nghệ ép hơi để tạo ra những đường cong và dùng những linh kiện để ghép thành chiếc ghế.

2. Đặc trưng của Design

Như những phân tích ở trên, khi nói đến MTUD, chúng ta hiểu là việc đề cập đến sản phẩm được tạo thành từ hoạt động TKMT nên khi xem xét về đặc trưng của MTUD, tác giả luận văn đã căn cứ vào những yêu cầu hay những yếu tố cần phải có trong sản phẩm sáng tạo của hoạt động thiết kế trong lĩnh vực MTUD để đưa ra những đặc trưng của MTUD. Đặc biệt, sự tồn tại và tác động của MTUD đến con người và xã hội thông qua hoạt động văn hóa, xã hội, kinh tế được biểu hiện rõ nét nhất. Đặc trưng cơ bản của MTUD được tìm kiếm, phát hiện ở những tính chất cơ bản sau: tính thẩm mỹ, tính ích dụng công năng, tính kỹ thuật - khoa học - công nghệ, tính kinh tế, tính phổ biến, tính thời đại và tính dân tộc.

2.1. Tính thẩm mỹ

Tính thẩm mỹ trong MTUD là những hiện tượng thẩm mỹ hay vẻ đẹp biểu hiện và hàm chứa trong các sản phẩm (vừa mang giá trị vật chất vừa mang giá trị tinh thần) của hoạt động sáng tạo trong TKMT. Và bản thân những sản phẩm ấy luôn biểu hiện tính chất, cấu trúc của của văn hóa thẩm mỹ. “Văn hóa thẩm mỹ là một hệ thống chỉnh thể bao hàm bên trong nó những năng lực tinh thần thực tiễn, đặc biệt giúp cho con người có khả năng hoạt động theo qui luật của cái đẹp, nhằm cảm thụ, nhận thức, đánh giá và sáng tạo nên các giá trị thẩm mỹ” (Văn hóa thẩm mỹ và nhân cách – TS Lương Quỳnh Khuê). Như chúng ta đã biết, văn hóa thẩm mỹ là một bộ phận quan trọng hợp thành và là bộ phận hữu cơ của nền văn hóa nhân loại. Nó biểu hiện trình độ tổng hợp phát triển cao của văn hóa xã hội, là trình độ của con người trong thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ. Ở sản phẩm MTUD tính thẩm mỹ thể hiện ở hình khối, màu sắc, chất liệu và giá trị ích dụng của sản phẩm. Trong đó các

yếu tố nói trên được kết hợp một cách hài hòa tạo nên tính chỉnh thể của sản phẩm. Những sản phẩm ấy do con người tạo ra để phục vụ nhu cầu thị hiếu của con người và chính chúng tạo nên môi trường thẩm mỹ cho con người và vừa có ý nghĩa thẩm mỹ hóa (giáo dục, định hướng thẩm mỹ) chính con người. Về đẹp của sản phẩm, giá trị công dụng của sản phẩm mỹ thuật ứng dụng hàm chứa trong mỗi thiết kế đối với cuộc sống con người, xã hội đã tạo nên tính thẩm mỹ cho loại hoạt động này.

2.2. Tính ích dụng

Mỗi sản phẩm của MTƯD được tạo ra đều nhằm phục vụ cho con người trong cuộc sống, sinh hoạt, lao động sản xuất về mặt vật chất và tinh thần. Thường thì sản phẩm MTƯD luôn luôn hướng tới việc thỏa mãn con người song song cả về phương diện vật chất và tinh thần. Về phương diện vật chất sản phẩm mỹ thuật trở thành những công cụ phương tiện, được sử dụng phục vụ cho con người theo những mục đích, hoàn cảnh không gian nhất định. Mỗi một phương tiện có những phương thức sử dụng và vận dụng riêng vào cuộc sống. Tính ích dụng của sản phẩm MTƯD thể hiện ở giá trị công năng, giá trị sử dụng để tạo ra hiệu quả năng xuất lao động hay chất lượng trong sinh hoạt. Về phương diện tinh thần của sản phẩm MTƯD được xem xét ở vấn đề sản phẩm ấy mang lại cho người tiêu dùng những giá trị ngoài giá trị về mặt vật chất hay không, có làm thỏa mãn nhu cầu của người sử dụng hoặc mua sắm thông qua thái độ tình cảm của họ.

Như chúng ta đã biết một sản phẩm ra đời bao giờ cũng phục vụ một mục đích của con người. Người thiết kế chính vì thế nên luôn luôn đặt ra tính ứng dụng lên hàng đầu khi thiết kế một sản phẩm nào đó. Với câu hỏi mình thiết kế ra để làm gì? Đã có sản phẩm nào có tính chất như nó chưa?...Người thiết kế qua đó mới hiểu được mục đích của thiết kế. Trong cuộc sống xã hội một sản phẩm khi mất đi tính ứng dụng thì sẽ bị biến mất và không còn tồn tại trong cuộc sống. Ví dụ: các bộ điện thoại công cộng - một điển hình về văn hóa ở

Anh - ngày nay đã mất đi tính ứng dụng khi mà nó bị thay thế bởi điện thoại di động; hay như các đầu máy dùng băng đĩa VHS hay VCD - DVD hiện nay đã bị thay thế bởi các thiết bị nghe nhìn kỹ thuật số. Sự phát triển của điện thoại thông minh làm con người dần dần thay đổi cách tiếp cận với internet. Thay vì vào máy tính giờ đây người ta dần dần sử dụng điện thoại. Vậy vì sao các sản phẩm bị mất đi tính ứng dụng của nó? Với sự phát triển về kỹ thuật và công nghệ, các xu hướng công nghệ sẽ tạo điều kiện cho một sản phẩm tích hợp các tính ứng dụng của sản phẩm khác. Ví dụ: điện thoại di động vừa là máy chụp ảnh, vừa là đồng hồ.v.v... điều này dẫn đến các sản phẩm bị cũ mang tính ứng dụng bị chiếm mất bởi các sản phẩm mới có tích hợp tính ứng dụng của sản phẩm cũ. Trường hợp thứ hai đó là lỗi của công nghệ khiến cho sản phẩm mang công nghệ lỗi thời bị thay thế bởi các sản phẩm mới với công nghệ hiện đại: thiết bị băng nghe cassette hiện đã được thay thế bằng thiết bị công nghệ mới với công nghệ nhạc kỹ thuật số mp3. Hiện nay với sự bùng nổ về công nghệ và kỹ thuật, vòng đời của sản phẩm ngày càng ngắn đi điều này đòi hỏi người thiết kế luôn luôn phải biết cập nhật về kỹ thuật cũng như công nghệ qua đó có thể đáp ứng và phục vụ nhu cầu thiết kế và áp dụng tính ích dụng cho sản phẩm.

2.3. Tính kinh tế

Cơ chế của việc tạo ra sản phẩm phục vụ cuộc sống sinh hoạt của con người xuất phát chính là từ những nhu cầu. Nhưng bản tính của con người trong sáng tạo thế giới đồ vật là luôn hướng tới sự hoàn thiện cả về mặt công năng ích dụng lẫn giá trị về mặt tinh thần nên những sản phẩm được tạo ra càng ngày càng hoàn thiện, đáp ứng những nhu cầu phong phú của con người. Và thế giới đồ vật ấy càng tiếp tục được thay đổi hoàn thiện hơn khi chúng trở thành hàng hóa và tham gia vào guồng quay của sự vận hành kinh tế: tiền – hàng – lợi nhuận. Tính kinh tế trong MTƯĐ chính là biểu hiện chi phối đến quyết định cho tái sản xuất sản phẩm, dựa trên giá cả và nhu cầu tiêu dùng để cung cấp, và khâu lưu thông hàng hóa trong kinh tế đầu vào, đầu ra trong hoạt động sản xuất

kinh doanh và xúc tiến thương mại. Điều đó có nghĩa là sản phẩm của mỹ thuật ứng dụng hướng tới hiệu quả kinh tế và mang lại hiệu quả về mặt kinh tế khi những sản phẩm ấy được tạo ra đạt các tiêu chí, chỉ số về chất lượng và giá thành của sản phẩm. Ví dụ như một sản phẩm máy điện thoại di động được thiết kế đẹp về kiểu dáng, màu sắc, chất liệu vỏ kết hợp với sự hoàn thiện máy móc bên trong, có được những điều đó là nhờ quá trình lao động sáng tạo của nhà thiết kế đã tạo nên một mẫu điện thoại gọn, nhẹ, đa năng, và đẹp về hình thức và được nhiều người sử dụng vì nó thỏa mãn cả về vật chất (đáp ứng nhu cầu sử dụng; phục vụ giao tiếp thông tin cá nhân và xã hội một cách hiệu quả). Sản phẩm mỹ thuật ứng dụng được áp dụng vào sản xuất công nghiệp phải mang lại lợi nhuận cho nhà sản xuất và nhiều ích lợi cho người tiêu dùng: khả năng đáp ứng nhu cầu cho nhiều người, giá thành sản xuất hạ, tính ưu việt trong sử dụng cao (có nhiều tính năng trên cùng một sản phẩm, góp phần tái sản xuất cao...).

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khi công nghệ không hẳn là thế mạnh và chính yếu tạo tính chất cạnh tranh thì hoạt động thiết kế trong MTƯD lại lên ngôi và giữ một phần vai trò quyết định đến sự thành công trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

2.4. Tính phổ biến

Sản phẩm MTƯD được làm ra bao giờ cũng phải bao gồm các yếu tố: đẹp, ích dụng, thuận tiện phù hợp, luôn đáp ứng được những đòi hỏi trong cuộc sống sáng tạo và chế tạo. Cùng một loại sản phẩm, nhưng càng những thế hệ sản phẩm ra sau càng ưu việt hơn: công năng ích dụng hiệu quả hơn, hình dáng, kiểu cách đẹp hơn. Chính vì vậy, ngay từ xa xưa khi con người sáng tạo ra một vật dụng có tính hữu ích và tác động tích cực đến đời sống con người thì đều được con người tiếp nhận chuyển giao một cách nhanh chóng. Và ngày nay khi cách mạng thông tin đã đưa con người xích lại gần nhau hơn cùng với sự phổ biến về khoa học kỹ thuật công nghệ trong thời kỳ công nghiệp phát triển thì tính phổ biến trong sản phẩm MTƯD được tính bằng giờ, bằng phút giây.

Chúng ta dễ dàng thấy, cùng một loại sản phẩm nhưng chúng ta có thể thấy chúng hiện diện bất cứ nơi nào trên thế giới - nơi mà con người có nhu cầu sử dụng chúng.

Nói về tính phổ biến trong sản phẩm mỹ thuật ứng dụng là chúng ta xem xét những yếu tố cơ sở tạo khả năng ứng dụng nhanh, mạnh và khẳng định giá trị của một sản phẩm, loại sản phẩm nào đó vào cuộc sống của con người. Tính chất phổ biến của sản phẩm mỹ thuật ứng dụng mỗi thời kỳ lịch sử một khác. Nó phụ thuộc vào điều kiện thông tin trao đổi và khả năng áp dụng sản xuất do chi phối của kỹ thuật sản xuất xưa kia và khoa học kỹ thuật công nghệ sau này. Tất nhiên vấn đề cốt lõi là cơ sở tạo ra tính phổ biến là tính phù hợp trong ích dụng cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu tinh thần của sản phẩm của người tiêu dùng ở những vùng miền khác nhau với các nền văn hóa khác nhau. Tính phổ biến còn thể hiện khả năng chuyển giao kỹ thuật khoa học công nghệ và giá trị của sản phẩm từ người này cho người khác, từ nơi này qua nơi khác, ngày nay chúng ta gọi là sự chuyển giao công nghệ. Tính chất phổ biến ở mỗi thời điểm lịch sử với những điều kiện khác nhau mà tính chất phổ biến diễn ra khác nhau. Thời kỳ khoa học kỹ thuật công nghệ chưa phát triển thì sự phổ biến trong sản phẩm mỹ thuật ứng dụng thường diễn ra không trọn vẹn. Có thể sai lệch về hình thức và công năng. Nhưng thường là phần công năng được bổ sung, hình thức được hoàn thiện hơn. Còn ngày nay, có sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại thì sự chuyển giao thường diễn ở cả hai hình thức: trọn vẹn (phổ biến nguyên vẹn, thường là với máy móc công nghệ) và biến đổi (phổ biến biến đổi phù hợp, thường là với sản phẩm tiêu dùng). Và có thể nói, tính phổ biến là con đường đi mang tính tất yếu của sản phẩm MTUD.

2.5. Tính thời đại

Mỗi thời đại đều để lại những dấu ấn riêng của mình. Tính thời đại khi xem xét trên sản phẩm MTUD thì thực sự thể hiện trên rất nhiều phương diện như: tri thức trí tuệ, nhu cầu thị hiếu, kỹ thuật khoa học công nghệ và thông

tin...

Tự ngàn xưa, khi con người biết tạo ra công cụ lao động sản xuất và những đồ dùng vật dụng phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt của con người thì trong chính bản thân những đồ vật ấy đã in dấu ấn về kỹ thuật trong khả năng sáng tạo của con người. Và theo quá trình phát triển của xã hội cùng với sự phát triển trong tư duy và nhận thức của con người thì thế giới đồ vật – những sản phẩm sáng tạo của con người cũng theo đó mà thay đổi. Con người trong lịch sử đã vận dụng những tri thức do mình phát hiện để cải tạo thế giới đồ vật phục vụ cho chính cuộc sống của con người ngày càng hoàn thiện hơn. Và ngày nay, khi cuộc cách mạng thông tin cùng với sự ra đời của công nghệ kỹ thuật số thì bất cứ sản phẩm nào từ lớn đến bé, từ to đến nhỏ, từ sản phẩm mang tính thiết yếu hay thứ yếu, người ta đều có thể lượng giá được tính chất chi phối và dấu ấn của kỹ thuật khoa học công nghệ hàm chứa trong sản phẩm MTUD.

2.6. Tính giáo dục

Con người là một thực thể sinh thành. Các phẩm chất của mỗi con người là những giá trị do chính họ tạo nên trong cuộc sống sinh trưởng và phát triển của mình với sự trưởng thành của những tư chất mà con người đó nhận được từ sự di truyền của các thế hệ trước. Và môi trường văn hóa nói chung và môi trường MTUD nói riêng với các sản phẩm là kết quả sáng tạo của con người – “thiên nhiên thứ hai” sẽ là yếu tố tạo cho nhân cách con người phát triển. Và tùy vào yêu cầu của từng thời đại mà bản thân sản phẩm MTUD - môi trường nhân tạo do con người sáng tạo ra góp phần đáp ứng những yêu cầu của thời đại. MTUD kích thích sự phát triển tư chất ở con người bằng giá trị của cái đẹp trong sản phẩm. Và từ đó xuất hiện những năng lực ở con người, mang lại giá trị nhân văn cho chính con người.

2.7. Tính dân tộc

Tính dân tộc có thể được nhận thấy ở sản phẩm MTUD. Khi phân tích chính thể sản phẩm luôn luôn ở hai mặt là: Tính mỹ thuật và tính ích dụng

Trong đời sống công nghiệp hiện đại ngày nay thì khó tách từng mặt bản thể của nó. Những bề dày mỹ thuật cổ truyền Việt Nam như đồ gốm, đồ đồng chẳng hạn, chúng luôn toát lên phong cách nghệ thuật (tạo dáng, chất liệu, trang trí, màu men) dấu ấn thời đại và tinh thần thẩm mỹ dân tộc cũng thể hiện rõ nét. Ông cha để lại những tinh hoa mỹ thuật trên nhiều ngành truyền thống, cái nghĩa ích dụng và đẹp rất được chú ý. Trong sáng tạo một mặt tìm cái đẹp, một mặt chú trọng đến tính hợp lý trong sử dụng: bền, đẹp, thuận tiện, tất cả toát ra sự giản dị, tao nhã trong sáng. Nó được sàng lọc và kế thừa từ đời này sang đời khác và được phát huy, phát triển chứ không hoàn toàn lặp lại. Bởi vậy tuy là đồ vật dụng, nhưng ta thấy sự gửi gắm trong sản phẩm là cả tinh thần sáng tạo, lao động và cả tình cảm của con người với tâm hồn của cộng đồng dân tộc trong đó. Bởi nó có khả năng gợi cảm xúc và thích thú trong sử dụng và nhu cầu thưởng lãm. Chẳng hạn các đồ dùng nội ngoại thất của các lầu các cung điện, kiến trúc cổ, các đồ gốm, khảm ghép, thảm, vườn cảnh, đồ sơn, đồ mây tre đan ... đầy thẩm mỹ dân tộc. Cái đó được truyền cảm và tạo dáng, vào trang trí, hoa văn, men màu ... không ít những họa sĩ đã thể hiện cảm xúc vẽ lên những đồ dùng MTƯĐ bằng những hình hoa văn, chim, hoa, hình người và cả những yếu tố tranh lên sản phẩm MTƯĐ. Và mỗi sản phẩm mỹ thuật ứng dụng bao giờ cũng có xuất xứ chứng minh giá trị văn hóa tinh thần, trí tuệ, của một dân tộc nào đó. Thông qua chúng, ta tìm thấy sức mạnh khả năng lưu giữ và biểu hiện những giá trị tâm hồn tình cảm con người – những chủ nhân sáng tạo (thuộc về một dân tộc nào đó).

3. Design là văn hoá - văn hoá với cuộc sống.

Văn hoá là toàn bộ những hoạt động sáng tạo và những giá trị của nhân dân một nước, một dân tộc về mặt sản xuất vật chất và tinh thần trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Ông tổng giám đốc Unesco Mayor đã nói : “Văn hoá bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng phong tục tập quán lối sống

và lao động. Như vậy văn hoá theo Taylor (nhà văn hoá nổi tiếng thế giới) “Văn hoá hoặc văn minh là một chỉnh thể phức hợp bao gồm trí thức, tín ngưỡng nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, tập tục. Bất kỳ năng lực, thói quen nào khác mà con người cần có với tư cách thành viên xã hội. Khoảng 3 thế kỷ nay xuất hiện khái niệm về mặt văn hoá nghệ thuật mà còn chỉ những nhu cầu của cá nhân cộng đồng trong đó có kinh tế, khoa học và kỹ thuật. Tóm lại văn hoá là toàn bộ những cái mà qua đó 1 dân tộc tự biểu hiện mình và tự nhận biết mình và là nơi thực hiện rõ nhất tinh thần dân tộc.

Design có khi làm chuyển biến cuộc sống của cả 1 vùng. Nước Ý ra đời xe Babetta và trở thành phong cách của nước ý. ở Mỹ được định hình thông qua các ngành Design và Design là một phần cuộc sống. ở Nhật Bản đã làm lý thuyết màu sắc của Nhật, tổ chức cửa hàng theo phong cách Nhật.

Design ra đời rất sớm. Từ xa xưa con người đã có bản năng yêu thích cái đẹp, và trong điều kiện rất khó khăn, đã có thể tạo ra nghệ thuật trong hang động, bằng những hình vẽ từ những tri giác đầu tiên, đến những vật dụng, những tạo vật hoang sơ. Ngày nay Design phát triển mạnh mẽ vào cuộc sống văn minh hiện đại của xã hội, đáp ứng những nhu cầu cơ bản không thể thiếu, không chỉ để con người tồn tại mà còn để đảm bảo một đời sống phát triển cao hơn và ngày một tiến bộ hơn.

Sản phẩm thời kỳ đầu của Design Việt Nam được khám phá là những đồ trang sức bằng đá, vỏ trai, vỏ ốc, mảnh gỗ, mảnh tre ... Nhiều nhà khảo cổ đã tìm thấy đồ trang sức bằng đá, vỏ trai, vỏ ốc ... thời xa xưa cách ngày nay hàng vạn năm. Đó là những vòng khuyên tai, hoa tai mà người xưa đã đeo gọt, chế tác, tạo dáng từ chất liệu đá, sừng, răng thú vật để làm đẹp cho con người. Đến giai đoạn đồ đồng con người lại sáng tạo ra những trang sức bằng đồng như hoa tai, vòng tai, vòng đeo cổ, đeo tay... Tất cả chúng được coi là những sản phẩm Design đầu tiên.

Lịch sử phát triển loài người và xã hội là một quá trình lịch sử lâu đời. Ngay từ những thế kỷ trước Công nguyên, qua những dấu tích văn hóa của

nhiều cuộc khai quật khám phá của các nhà nghiên cứu, các nhà khảo cổ trên thế giới và ở Việt Nam đã làm hiện rõ vô số hiện vật thuộc lĩnh vực Design đã từng tồn tại nhiều thế kỷ trước đây ở khắp nơi, đặc biệt nổi bật là ở các trung tâm văn minh lớn của thế giới. Qua các công trình kiến trúc cổ xưa của người Ai Cập, Hi Lạp – La Mã cổ đại, Trung Quốc, Châu Phi, ngay cả ở Việt Nam, sản phẩm mỹ thuật ứng dụng cũng được tìm thấy dấu tích qua những đồ dùng, vật dụng của người Việt cổ.

Có thể nói rằng Design là loại hình có quá trình hình thành, phát triển. Sự phát triển của Design gắn liền với quá trình lao động sáng tạo của con người. Design là nghệ thuật của sự kết hợp giữa cái thực dùng và cái đẹp, giữa cái lâu bền và cái thẩm mỹ. Design là cái tổng hòa của nhiều ngành: cả khoa học kỹ thuật, cả quy trình công nghệ, sản xuất và kỹ thuật. Giá trị thẩm mỹ của nó không chỉ làm đẹp cho cuộc sống, mà làm đẹp cho cả thế giới vật chất do con người tạo ra. Trên thực tế ta dễ dàng nhận thấy nếu không có sự tham gia của các giá trị thẩm mỹ thì ở thế giới đồ vật gắn liền với đời sống chúng ta, sẽ tồn tại những đồ vật khô cứng, khó coi và như vậy, sự phát triển của con người cũng như phát triển xã hội sẽ không thể toàn vẹn về mặt văn hóa thẩm mỹ cũng như sự hiểu biết về mặt khoa học. Và các mặt khác, bằng việc đưa cái đẹp vào cuộc sống xã hội, Design đã và đang hoạt động có tính sáng tạo nhằm thiết lập một môi trường vật thể vừa hài hòa vừa có sự tương quan để thỏa mãn đầy đủ nhất các nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Nó gắn chặt với sự phát triển văn hóa, văn minh của cộng đồng, một dân tộc hoặc quốc gia. Design đã có một bề dày truyền thống và làm nên lịch sử từ cổ đến kim. Bởi vì, Design được sử dụng như một nhu cầu cần thiết ở tất cả các lĩnh vực sau: kiến trúc xây dựng, sản xuất tiêu dùng, môi trường nội ngoại thất, tạo dáng máy móc công nghiệp, quảng cáo, báo chí tuyên truyền thông tin đại chúng, văn hóa nghệ thuật như : Sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh... trưng bày, sắp đặt, thủ công mỹ nghệ (nghề mộc, nghề sơn, đục đá, đúc đồng, tạc tượng, đắp phù điêu), trang trí lễ hội, trang phục, khánh tiết v.v... Design đang trên đà phát triển những bước mới để phù

hợp với thời đại. Vai trò của Design ngày càng rộng lớn. Nó là một hình thức thiết lập và tạo sự bền vững cho nền tảng đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân ta. Nó không còn chỉ là những hoạt động trong phạm vi thủ công mỹ nghệ mà đã phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội .

Hiện nay, vấn đề đưa cái đẹp vào đời sống văn hóa tinh thần và vật chất của xã hội đang rất sôi động. Để hình thành được đồng bộ sự quy hoạch về mặt thẩm mỹ không phải dễ dàng, nhưng trong thực tế lịch sử của đất nước, cha ông ta đã làm được như vậy. Chỉ đơn cử về mặt thị hiếu thẩm mỹ được ứng dụng vào nghệ thuật kiến trúc và xây dựng không thôi cũng đã thấy bất cứ một công trình quy mô lớn, nhỏ nào cũng thật sự gắn bó với môi trường, với thiên nhiên dù ở trạng thái tự nhiên khách quan hoặc do chủ quan sáng tạo của con người sắp đặt. Vẻ đẹp ở những kiến trúc xưa được tạo nên không thể thiếu sự tham gia của những kiến trúc sư, những nhà chuyên môn với những hiểu sâu biết rộng, có trình độ thị hiếu thẩm mỹ tốt để tổ chức xây dựng nên những công trình đạt tới độ hoàn chỉnh như vậy. Khi đứng trước những ngôi đình cổ, lặng ngẫm và chỉ có thể nhận xét rằng: từ vị trí cho đến kiểu dáng kiến trúc thật cân đối, đường nét hài hòa với khối hình, kích thước vừa độ, hòa nhập vào cảnh quan của làng quê Việt Nam. Cái dáng vẻ Việt Nam ở những công trình kiến trúc này thật đậm đà, đầm thắm. Nó thực sự không chịu đồng hóa mà độc lập, tự chủ, tự cường, không phô trương, không lòe loẹt mà khiêm nhường, đĩnh đạc, thanh nhã, vững vàng, ổn định. Chính vì thế đã xây dựng được một phong cách điển hình riêng cho kiến trúc gỗ của Việt Nam.

Ngoài tính khoa học và tính kỹ thuật, giá trị thẩm mỹ của nền Design ở phương diện này quả đã có tác dụng xây đắp cho con người Việt Nam lòng yêu nước, yêu cái đẹp do chính bàn tay con người tạo nên ý thức tự lập tự cường, không hề lệ thuộc, không bắt chước ai mà vẫn biểu lộ rõ tinh thần văn hóa nghệ thuật đậm đà bản sắc dân tộc.

Đối với sự phát triển, chúng ta đều biết rằng sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia đòi hỏi sự tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với việc xây dựng môi

trường văn hóa, tiến bộ xã hội . Sự kết hợp hài hòa giữa kinh tế và văn hóa sẽ khơi dậy tiềm năng sáng tạo của mỗi quốc gia. Và trong quá trình phát triển, Design như là một yếu tố cấu thành của văn hóa đã tham gia một cách tích cực, hiệu quả vào quá trình này.Design đã và đang tồn tại, đồng thời tác động mạnh mẽ đến các quá trình, các lĩnh vực của hoạt động kinh tế như: thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm, bao bì sản phẩm; thiết kế quảng cáo, xúc tiến thương mại, thiết kế tạo lập môi trường thẩm mỹ trong sản xuất... Tất cả những hoạt động ấy của DESIGN là cơ sở để nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội .

4. Design là nghệ thuật – đối với xã hội có vị trí quan trọng như thế nào ?

Từ trước đến nay phân chia thành văn học và nghệ thuật.Aristos đã viết quyển thơ ca, ông phân biệt 1 thể loại nghệ thuật ứng với một ngôn ngữ riêng.Thế kỷ 18 Hegen trong quyển thẩm mỹ học của mình (nhà tư tưởng lớn người Đức) ông dành 1 chương lớn để viết về ngành nghệ thuật.Lúc đó chưa có Mỹ thuật công nghiệp. Mỹ thuật công nghiệp có trong sách của Kagant “Các hình thái nghệ thuật” ông phân chia các loại nghệ thuật như bảng tuần hoàn của Mendeleep trong đó có nghệ thuật thị giác trong đó có : kiến trúc, điêu khắc, hội họa, nghề thủ công. Trong cuộc sống hàng ngày năng lượng tiêu hao ở con mắt lớn hơn tất cả. Trong lĩnh vực này cần đến họ đề cập đến vấn đề cái đẹp, cái đẹp là phạm trù cơ bản trọng tâm của Mỹ học được coi là thước đo của con người, tiêu chuẩn để chỉ phẩm chất người theo định nghĩa của các nhà Mỹ học thì đẹp là cái hoàn thiện, cái đang phát triển tất yếu của nó, vật đẹp là vật mang đến cho ta những cảm xúc dễ chịu. Như vậy đẹp là sự đánh giá của con người về bản thân mình là sự tác động có tính thanh cao tự thân bên trong của con người gắn với quá trình cải tạo tự nhiên và bản thân dần dần con người biết duy trì cái đẹp để chỉ tất cả những gì dấy lên ở con người những cảm xúc, cảm hứng tốt lành”.

Thực tế, theo khái niệm của triết học về văn hóa “Văn hóa là tất cả những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình hoạt động

thực tiễn” thì sản phẩm của TKMT là những sản phẩm hàm chứa những giá trị về văn hóa. Bất cứ một sản phẩm nào được hình thành từ hoạt động TKMT có giá trị phục vụ đời sống dân sinh cộng đồng, đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu của con người trong bất cứ lĩnh vực nào từ kinh tế, chính trị... đều được coi là sản phẩm văn hóa và có giá trị về mặt văn hóa xã hội. Bản thân những con người tham gia hoạt động TKMT ấy đều được coi là những con người giữ vai trò quan trọng trong hoạt động sáng tạo văn hóa thẩm mỹ. Khi xem xét hoạt động TKMT trong mối quan hệ với hoạt động văn hóa xã hội là chúng ta chỉ tìm hiểu, nghiên cứu hoạt động TKMT đặt trong mối quan hệ với các vấn đề văn hóa xã hội mà thôi. Trên thực tế thì hoạt động TKMT luôn biểu hiện sự tồn tại và có mối quan hệ mật thiết với nhiều lĩnh vực, phương diện của cuộc sống. Và để hiểu được vai trò giá trị của hoạt động TKMT đối với đời sống xã hội một cách rõ nét nhất, chúng ta phải tìm hiểu sự tác động của sản phẩm thiết kế đến các vấn đề trong đời sống xã hội của con người.

Thứ nhất, chúng ta xem xét sản phẩm TKMT đáp ứng thỏa mãn nhu cầu vật chất tinh thần của con người. Khi một người thừa nhận và sử dụng một sản phẩm nào đó thuộc loại hình Design, điều đó có nghĩa là sản phẩm ấy đã thỏa mãn nhu cầu cho người tiêu dùng về mặt sử dụng và tình cảm qua thái độ sử dụng. Nhà thiết kế muốn thiết kế của mình được người tiêu dùng chấp nhận thì nhà thiết kế phải hiểu về đối tượng tiêu dùng sản phẩm của mình là ai (tâm lý, giới tính, lứa tuổi, ngành nghề, thói quen tiêu dùng, đặc điểm văn hóa...) để thiết kế cho phù hợp. Một mặt nhà thiết kế phải nghiên cứu về chính sản phẩm mà mình thiết kế về mặt công năng: nghiên cứu về mặt công năng là nghiên cứu về những vấn đề để mang lại sự tối ưu nhất cho giá trị sử dụng của thiết kế.

Thứ hai, chúng ta xem xét sản phẩm TKMT phản ánh trình độ tư duy nhận thức của con người. Chúng ta có thể phân tích và xem xét bất cứ một sản phẩm thiết kế nào của Design cũng đều hàm chứa phản ánh trình độ tư duy nhận thức của xã hội, của thời đại. Nhìn vào sự xuất hiện hàng loạt những bàn ghế là sản phẩm thủ công mỹ nghệ nội thất như: mây, tre,... chúng ta có thể nhận thấy

nhận thức, tâm tư tình cảm của người tiêu dùng nhận thức được những giá trị thẩm mỹ mang tính đặc trưng của sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống.

Thứ ba, chúng ta xem xét sản phẩm TKMT có mang lại giá trị nâng cao trình độ tư duy, nhận thức và giáo dục thẩm mỹ cho con người hay không và mức độ như thế nào. Mỗi sản phẩm của TKMT là kết quả sáng tạo mang tính trí tuệ người và gián tiếp thông qua sản phẩm ấy đã hàm chứa giá trị nhận thức tư duy cho người tiêu dùng. Một đồ chơi được thiết kế dành cho trẻ là những sản phẩm được thiết kế với chủ đích nhằm giáo dục nhận thức và rèn khả năng tư duy cho trẻ. Nhưng trong cuộc sống tồn tại biết bao sản phẩm quanh môi trường sống của con người cũng gián tiếp làm cho con người hiểu biết về thế giới vật chất và khả năng của thiên nhiên vũ trụ và con người. Qua phương tiện máy thu hình và ăng ten ta hiểu biết sự tồn tại sóng trong không gian... Thông qua những sản phẩm thiết kế đồ họa xử lý ánh sáng trong không gian, ta hiểu được giá trị của KHKT công nghệ kỹ thuật số...

Thứ tư, sản phẩm TKMT là phương tiện thông tin phục vụ giao tiếp và phản ánh những hình thức giao tiếp mang đặc thù văn hóa xã hội của từng dân tộc. Bản thân sản phẩm thiết kế mỹ thuật đã chứa đựng những ký mã ngôn ngữ thông tin đặc biệt của màu sắc, hình khối, đường nét, bố cục, chất liệu, kiểu dáng... Và thông qua những đặc trưng “ngôn ngữ” ấy mà mỹ thuật ứng dụng đã tham gia vào mọi hoạt động của cuộc sống. Nhưng những kết quả sáng tạo ấy luôn mang giá trị văn hóa Việt Nam vì nó được sáng tạo bởi người Việt và phục vụ nhu cầu cho chính những con người mang tâm hồn và phong cách thẩm mỹ Việt Nam.

Thứ năm, sản phẩm TKMT là công cụ tham gia vào công tác quản lý tổ chức nhà nước và cộng đồng và sinh hoạt cộng đồng. Trong hoạt động văn hóa chính trị thì sản phẩm thiết kế mỹ thuật là một phương tiện tuyên truyền, triển khai thông tin một cách hữu hiệu. Từ hoạt động thông tin quảng cáo phục vụ lợi ích dân sinh cộng đồng đến công tác quản lý tổ chức nhà nước ... Từ hoạt động kinh tế đến văn hóa giáo dục và cuộc sống sinh hoạt của con người. Và ngày

nay công nghệ thông tin phát triển nên bên cạnh những sản phẩm mỹ thuật ứng dụng thông thường còn có các sản phẩm sử dụng trên các phương tiện như: Internet, truyền hình, máy ảnh kỹ thuật số, bảng biển điện tử, ánh sáng hình ảnh bằng laser...

Tóm lại Design là hoạt động nghệ thuật và nghệ thuật là yếu tố của văn hoá, giải quyết vấn đề văn hoá, vấn đề cái đẹp.

Câu hỏi ôn tập :

Câu 1: Anh (chị) hãy trình bày: Thế nào là design? Quan niệm của design?

Câu 2 : Anh (chị) hãy trình bày: Thế nào là design và xu hướng phát triển của design hiện đại ?

Câu 3: Anh (chị) hãy trình bày: Design và sự ảnh hưởng qua lại của nó với nghệ thuật?

CHƯƠNG II :DESIGN TRONG CÁC NỀN VĂN HÓA LỚN

Mục tiêu của bài học :

- Sinh viên hiểu rõ về Design gắn với văn hóa – văn minh trên thế giới qua các thời kỳ.

- Sinh viên nắm được sự hình thành và các xu hướng nghệ thuật trên thế giới qua các thời kỳ

I. VĂN HÓA HI LẠP

Hy Lạp có nền văn hóa lớn “không có nền văn minh Hy Lạp thì không có nền văn hóa châu Âu hiện đại”. Thần thoại Hy Lạp Iliat và Odixê của Home (không có Home thực sự vì có 9 đảo nhận Home là quê hương) phải dùng thuật toán để xác định quê hương của Home

- Thần thoại: ngôn ngữ cách điệu hóa và trở thành phong cách sáng tác nghệ thuật: văn hóa Hy Lạp có cơ sở để hình thành vì:

- Kinh tế phát triển: là nơi giao lưu của các quốc gia, phát triển các ngành thủ công: gốm, vải (vải mỏng đến mức gắn vào da thịt), đồ kim loại. Mặc dù là thời kì chiếm hữu nô lệ nhưng là thể chế dân chủ. Giai cấp lao động do những người từng sản xuất đồ gốm. Do có chế độ dân chủ người Hy Lạp có phát triển nhận thức, muốn khai phá vũ trụ (cosmos) khai thác cái đẹp nằm trong vũ trụ, cái hài hòa, cân xứng, tỷ lệ, mức độ) .Aristos đưa ra học thuyết về thuật bắt chước.

- Về triết học phát triển rất cao. Đặc biệt triết học duy tâm phát triển (Pitago), duy vật (Aristos). Họ đề cập đến vấn đề cái đẹp, nhận thức, làm sao cho con người hiểu cái đẹp. Trong xã hội họ sống trong những thành bang dân chủ

phát triển đến mức xây các nhà hát hàng năm tổ chức các cuộc thi sáng tác. Người dân dưới thời đó bắt buộc phải đi xem hát vì họ thấy rằng văn hóa có khả năng tẩy rửa con người. Ngoài ra họ phát triển thể thao (Olympic), có trí thức phải học triết học và có nghề)

=> Nghệ thuật giữ vai trò giáo dục.

- Tôn giáo giữ vai trò quan trọng. Đặc biệt thờ các vị thần nhân đồng hình (có tính người cao). Xây dựng quần thể kiến trúc đền đài. Có rất nhiều vị thần, mỗi thần đều gắn với một nghề trong xã hội. Nền văn hóa Hy Lạp được xây dựng trên cơ sở tôn giáo và sự phát triển của tri thức.

Văn hóa Hy Lạp thường sống theo các thành bang, giữa các thành bang trên đồi vao xây ngôi đền là nơi ở của các vị thần và là trung tâm văn hóa của người dân. Nghệ thuật kiến trúc Hi Lạp cổ đại cùng với đời sống xã hội của Hi Lạp chịu ảnh hưởng lớn của tôn giáo. Họ thờ nhiều vị thần và mỗi nơi khác nhau thờ một thần bảo trợ khác nhau. Bởi vậy có nhiều nhà thờ ra đời với các kiểu kiến trúc khác nhau. Đó là điều kiện tạo nên sự đồ sộ của kiến trúc Hi Lạp cổ đại. Điển hình nhất có thể kể đến đền thờ Pác tê nông là sự kết hợp hài hòa giữa sự khoáng bằng đường thẳng của thức Doric và sự nhẹ nhàng uyển chuyển giữa đường thẳng và đường cong của thức Ionic. Đền được xây dựng trên một mặt bằng hình chữ nhật có kích thước 31x70m, cao 14m. Đền Pác-tê-nông được chia làm 3 phần: tiền sảnh, gian thờ (nơi đặt tượng nữ thần Atena bằng ngà voi và vàng) và phòng lưu giữ châu báu.

Mái đền được đỡ bằng 16 cột tròn cao 10m ở bốn mặt. Hành lang cột bao quanh đền bằng đá cẩm thạch; hai mặt chính, mỗi mặt 8 cột, hai mặt ngang mỗi mặt 15 cột. Cột đền theo kiểu cột Đô-rích trang nghiêm, pha lẫn với thức cột I-ô-ních phóng khoáng. Những cột biên lớn hơn cột giữa, chúng hơi nghiêng vào bên trong một chút. Khoảng cách của các cột ở giữa bé hơn gây cảm giác các cột đều theo phương thẳng đứng và có khoảng cách đều nhau. Điều này càng làm cho đền Pác-tê-nông mang dáng vẻ nhẹ nhàng hơn, là đền thờ thần nhưng mang sắc thái dung dị, thể hiện đặc tính con người rõ nét hơn, chứ không bị

thần thánh hoá như các đền khác. Tuy vậy đền Pác-tê-nông không mất đi vẻ đẹp cao quý, trang nghiêm, sự lộng lẫy của công trình được thể hiện qua tỷ lệ cân đối trong việc sử dụng vật liệu đá, màu sắc và việc kết hợp nhuần nhuyễn tinh vi giữa phần kiến trúc và điêu khắc.



Hình 3 : Đền thờ Hy Lạp cổ đại

Hy Lạp là quốc gia xuất hiện nền văn minh khá sớm, người Hy Lạp đặc biệt chú trọng đến đời sống tinh thần, những nhà hát ngoài trời, thư viện quốc gia (Aleccxăngđria) chứa hơn 40 vạn cuốn sách là một minh chứng cho sự phát triển văn hóa cộng đồng của người Hy Lạp. Nghệ thuật hát và biểu diễn ngoài trời phục vụ các công dân Hy Lạp đã được người Hy Lạp rất hưởng ứng vì thế nó nhanh chóng trở thành loại hình nghệ thuật san khấu phát triển mạnh mẽ cho tới tận thời kỳ Hy Lạp hóa



Hình 4 : Dionysos Theater

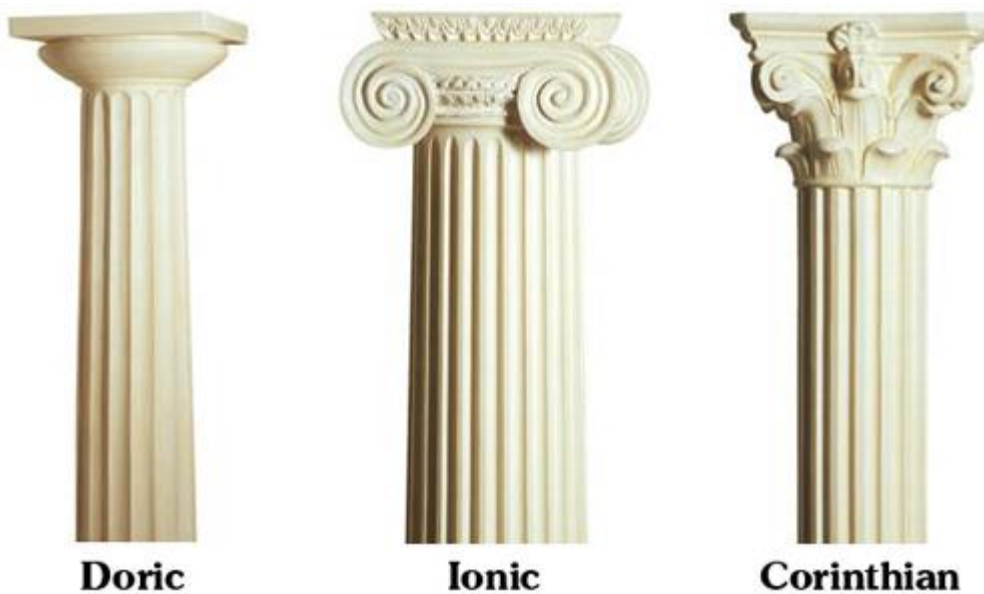
Tỉ lệ giữa cạnh a và b phải mang 1 vẻ đẹp mức độ hài hòa. Sử dụng công thức toán học của Pitago: $\frac{b}{a}$ tỉ lệ thuận $\frac{a}{b+a}$

Cột đơn và cột kép chia làm 3 loại:

- Ionic vuông: chiều cao và đường kính 10 - 12
- Ionic vuông: cột thanh mảnh

Cột bằng đá cẩm thạch khi có ánh sáng làm khối căng. ánh sáng ngăn cách khoảng không gian bên trong và bên ngoài tạo cảm giác nơi ở của các vị thần.

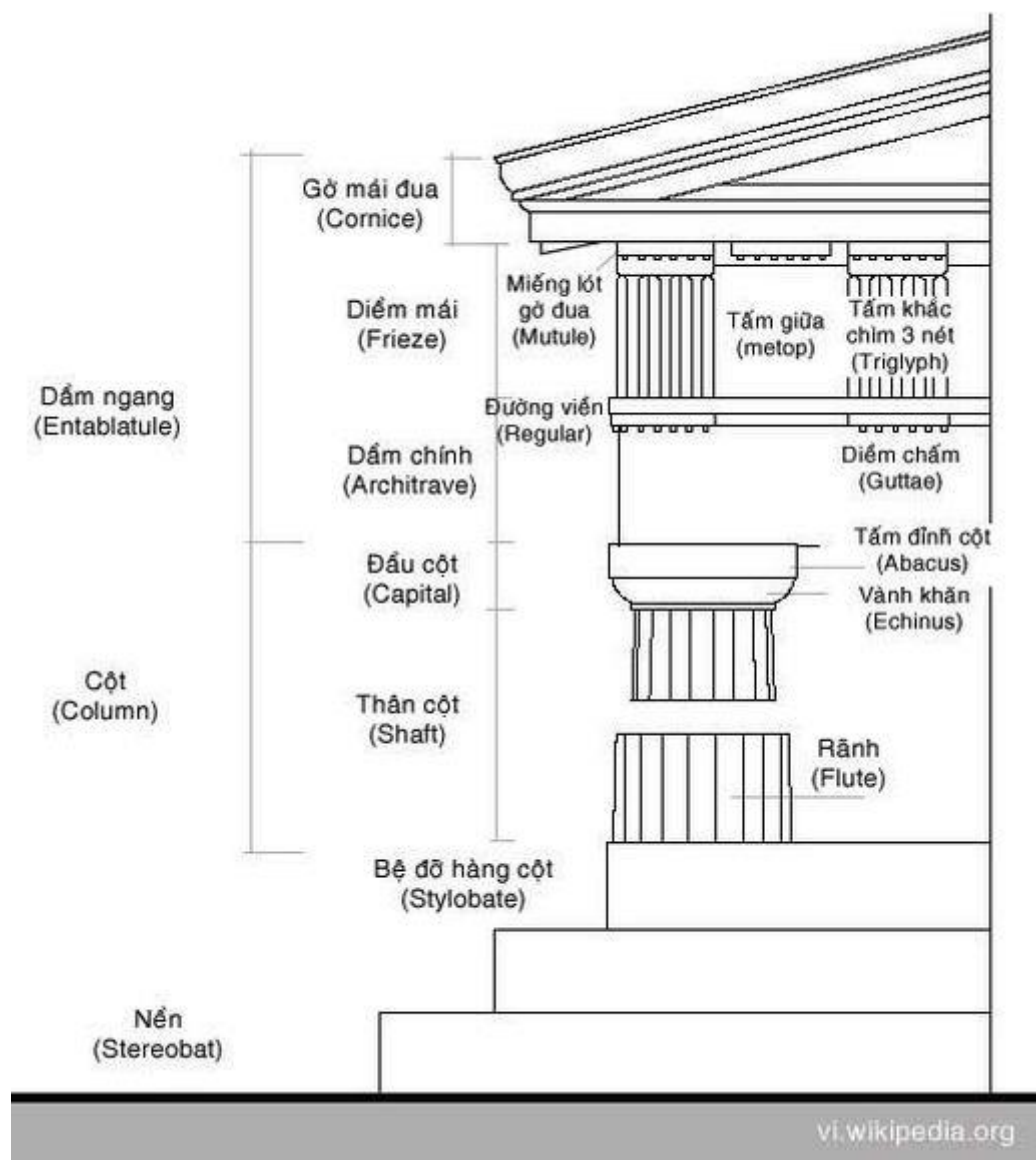
Đóng góp lớn nhất của KT Hy Lạp sau này phải kể đến việc họ tìm tòi ra 3 hình thức cột là: *Doric*, *Ionic* và *Corinth*. Mà sau này người La Mã đã dựa vào đó tạo nên 5 thức cột La Mã kinh điển.



Hình 5 : Ba thức cột Hy Lạp cổ đại

Thức cột Doric ra đời sớm nhất vào khoảng thế kỉ VII trc. CN do người Doria sáng tạo ra. Cột Doric mang một vẻ đẹp thô sơ mạnh mẽ và đầy nam tính. Gồm 2 thành phần: thân cột (Fut) gồm 20 gờ đứng nhấn mạnh hướng thẳng

đứng của cột, đầu cột (Sapporo) là một tấm vuông và một mũ đỡ phía trên cong lượn vào dưới.

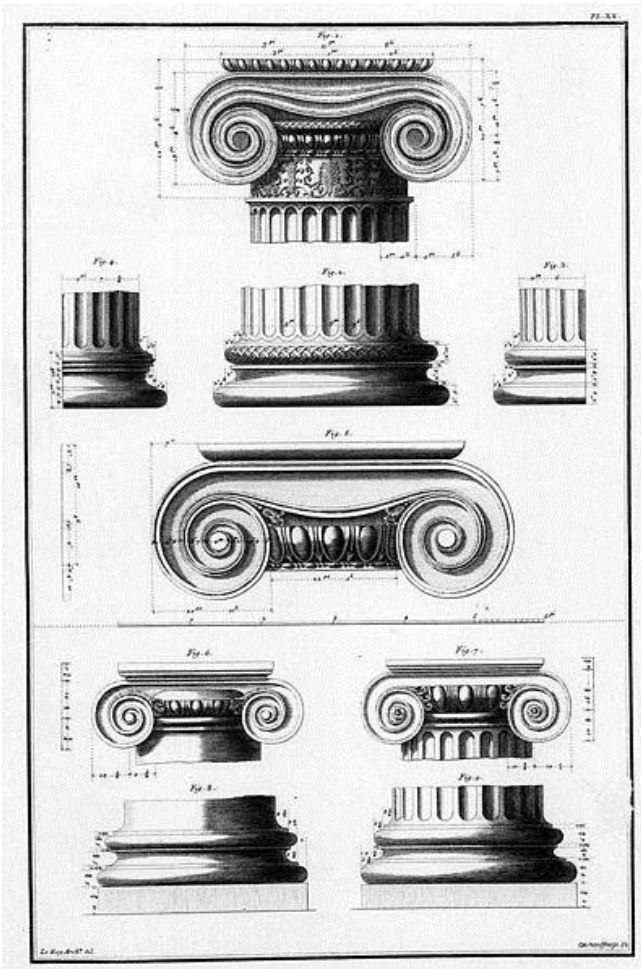


Hình 6 : Kiến trúc Hy Lạp cổ đại

Dạng cột thứ hai là cột Ionic, mang một vẻ đẹp nữ tính mềm mại, giàu tính trang trí.

Là sự kết hợp giữa đường cong và đường thẳng, vừa khoẻ khoắn vừa mềm mại. Phần thân cột là những rãnh thẳng, phần đầu cột được trang trí bằng những đường cong mềm mại, duyên dáng hơn. Thức cột Ionic mang dáng dấp nữ tính, mảnh dẻ và giàu tính trang trí hơn cột Doric. Nguồn gốc cột Ionic là ở Ionia, thuộc địa của Hy Lạp. Ionic thích hợp với những đền đài quy mô nhỏ và

vừa. Cột Ionic có 24 gờ sống đứng trong khi cột Doric chỉ có 20 gờ, tỷ lệ đường kính trên cột trên chiều cao cột là 1:9. Ngoài ra cột này có thêm đế cột ở phía dưới và đầu cột có hình đệm nhỏ, phía trên có hình xoắn ốc loe ra rồi cuộn vào trong. Các dầm ngang của cột Ionic có phân vị theo chiều ngang thành 2 dải



Hình 7 : Thức cột Ionic

Ra đời muộn hơn là thức cột Corinthian do kiến trúc sư Callimachus sáng tạo ra vào nửa sau TK V trước Công nguyên. Mang những đường nét mảnh mai và giàu tính trang trí, hoa lệ. Nếu cột Ionic chỉ có thể thấy từ phía trước thì cột Corinthian có thể quan sát tính thẩm mỹ từ nhiều không gian khác nhau. Cột khá giống cột Ionic nhưng có phần trên được trang trí cầu kì như một lẵng hoa kết hợp với tầng lá phiên thảo diệp.

Chọn chiều cao của các mái nhà: lấy 2 cạnh đáy + $\sqrt{3}$ lấy làm tâm quay chạm ở đâu đến đỉnh mái.

Về trang phục : kiểu dáng trang phục thời kỳ này thường rộng lưng thụng, không có tay áo, đầu tiên xếp choàng đơn giản sau đó chau chuốt hơn. Các tấm dài bằng len hay bằng vải lanh được choàng quanh cơ thể, giữ lại vai bằng nút buộc hay ghim và thường ôm quanh thắt lưng.



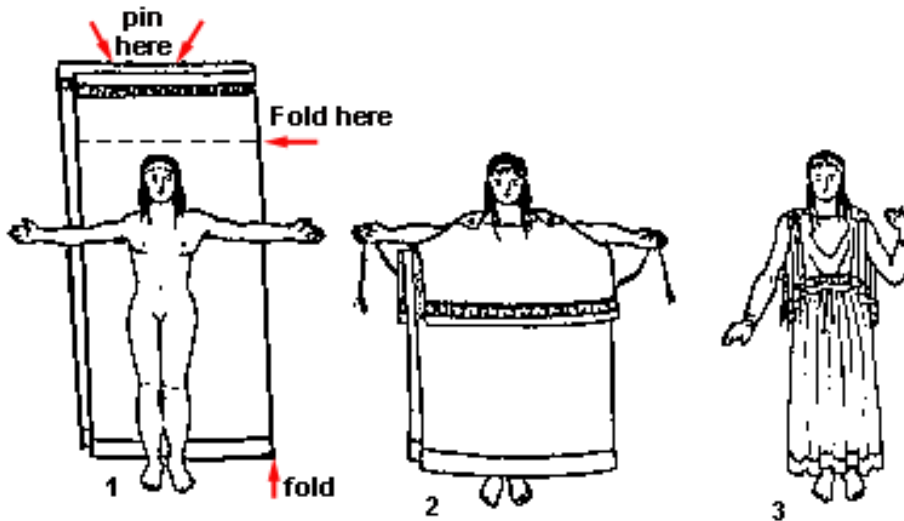
Hình 8 : Trang phục Peplos thời kỳ đầu.

Đó chính là chiếc váy Peplos dành cho phụ nữ Hy Lạp cổ đại. Có hai loại trang phục cổ phổ biến, đó là Peplos và Chiton, nhưng phổ biến nhất vẫn là Peplos.

Đây là loại trang phục được tạo thành từ một mảnh vải hình chữ nhật, được cố định bằng những chiếc ghim vắt trên vai, phần eo có thắt lưng (thông thường là một sợi dây) quấn quanh, vải thừa còn lại để rũ xuống.

Peplos có chiều dài từ vai đến hơn mắt cá chân của người mặc. Thời kỳ đầu màu sắc thường là màu trắng hoặc trắng ngà, không có hoa văn trang trí, cũng không có áo choàng phía sau (thường được gọi là Himation). Về sau chính sách mở cửa, các màu sắc được phổ biến rộng rãi hơn, thêm cả phần hoa văn trên ghim vắt trên vai, họa tiết trang trí

Cách mặc cũng khá đơn giản. Lấy mảnh vải hình chữ nhật dài (hoặc hai mảnh vải chập lại, trước và sau) từ vai đến hơn mắt cá chân như mình đã nói từ đầu, quấn quanh người, dùng ghim cố định trên vai cuối cùng là dây buộc thắt lưng. Phần vải trên ngực được gấp xuống, hai bên hông đôi khi được khâu lại hoặc sử dụng ghim cài. Chất liệu thường là vải lanh hoặc len, bông hoặc tơ tằm.

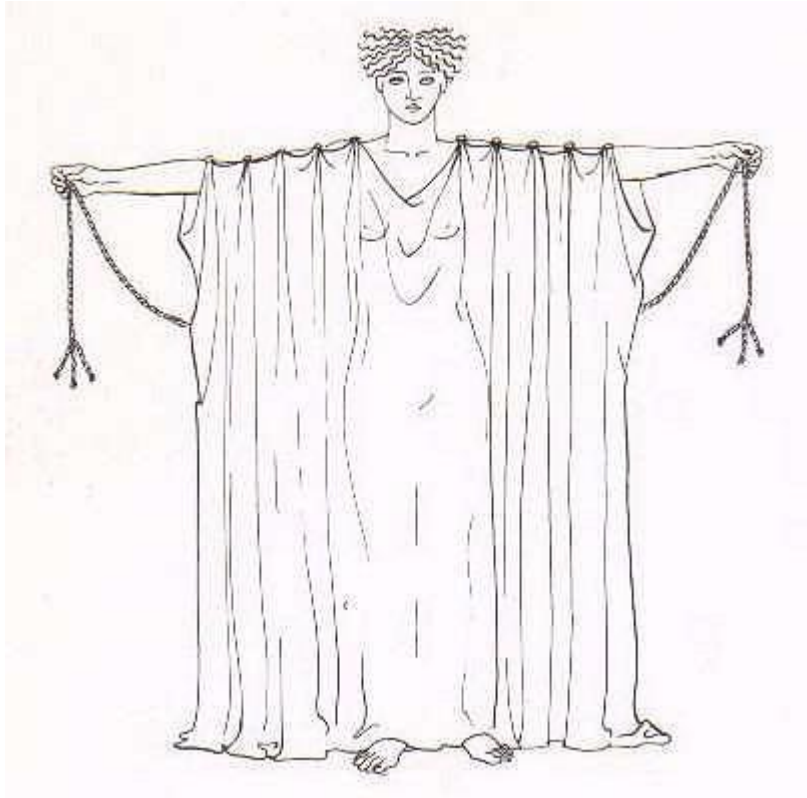


Hình 9 : Cách mặc Peplos với một mảnh vải hoặc hai mảnh vải

Một nhánh trang phục cổ khác nữa là Chiton, đàn ông và phụ nữ đều có thể mặc loại này. Cũng không khác là mấy Peplos, bạn có thể dùng một mảnh vải lớn quấn quanh người, hoặc hai mảnh chập lại nhưng điểm khác biệt ở đây là phần tay áo sẽ dài từ ngón tay đến cuối cánh tay. Sau đó thu gọn lại với một vải ghim cài, kết thúc nơi cánh tay.



Hình 10 : Cách mặc trang phục Peplos



Hình 11 : Cách mặc Chiton với một mảnh vải



Hình 12 : Chiton nam

II. NỀN VĂN HÓA TRUNG CỔ

1. Thời kỳ Romance

1.1. Hoàn cảnh ra đời

Nền văn hóa Trung Cổ diễn ra vào thế kỉ 11 đến 14 chia làm 2 thời kì:

- Roman
 - Gothic
- } => nền văn hóa của thị dân

Bắt đầu hình thành thị trường buôn bán, phường thủ công. Nhà thờ được xây dựng chỉ yếu. Các quốc gia châu Âu đều có tồn tại các nhà thờ trung cổ và trở thành di sản văn hóa. Nó mang phong mang những đặc trưng của 1 di sản văn hóa, là 1 trong những biểu hiện sức mạnh vật chất cũng như tinh thần của xã hội và là hình thái điều chỉnh xã hội và là thành phần trong hoạt động tổng thể xã hội. Nó tái hiện cuộc sống và làm cho cuộc sống có nhiều ý nghĩa. Nó trình bày cuộc sống không như nó hiện ra trong thực tế mà còn bao hàm những sáng tạo ra lý tưởng. Hầu hết các di sản ấy đều bộc lộ tâm hồn con người để thỏa mãn những nhu cầu cả về vật chất cũng như tinh thần.

Các thành phố trở thành trung tâm của các thị dân và nhà thờ là trung tâm. Nó biểu hiện đời sống tinh thần rất rõ ràng và biểu hiện 1 văn hóa của cuộc sống thị dân. Các nhà thờ này được thể hiện các yếu tố mục đích sử dụng vừa văn hóa vừa tôn giáo. Nó thể hiện được sự uy nghiêm nơi ở của đức chúa trời (theo quan niệm của thiên chúa giáo là đáng tối cao). Cuộc sống của con người có nhiều sai lầm từ đáng tối cao đến đầy cứu thế.

- Giai đoạn đầu các công trình kiến trúc xây dựng bằng đá nên rất nặng nề.

- Giai đoạn sau bắt đầu xây dựng những công trình kiến trúc như Nhà thờ đức mẹ Paris...

Các công trình này thường làm bệ lên xuống rộng để đỡ cảm giác cao. Trong lịch sử của tạo dáng trở lại Gothic nhiều lần vì nó định hình được đường cong và hình dáng của công trình kiến trúc. Kính màu và ánh sáng nền tạo ánh sáng hữu hiệu cho không gian. Từ nhu cầu của công năng (của văn hóa tế lễ) các nhà thờ đạt được tiêu chí như vậy. Nhà thờ trở thành di sản văn hóa của nhân loại.

1.2. Kiến trúc thời kỳ Romance

Thời kỳ Roman phát triển ở thế kỷ thứ 11 và 12, nền văn hóa đô thị lúc bấy giờ không khác xa với văn hóa lãnh địa nông thôn trước đó ít lâu, vì các tầng lớp dân đô thị cũng vừa mới ở nông thôn ra, họ đã là các thế hệ thị dân đầu tiên. Tuy vậy, từ thế kỷ 10, nông nghiệp và thủ công nghiệp đã phục hồi và phát triển, người dân đã xây nhà không chỉ bằng gỗ, mà còn bằng gạch, đá, để "xây nhà như người La Mã cổ đại". Kiến trúc Roman trải dài trên một bình diện rộng, phát triển chủ yếu ở các nước Tây Âu và Trung Âu, gồm Pháp, Anh, Ý, Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha... khi các thành phố đã bắt đầu gượng dậy nhưng bộ mặt kiến trúc nhiều công trình còn thô sơ. Loại hình kiến trúc không đa dạng, phần lớn là kiến trúc tôn giáo như nhà thờ, tu viện và các nhà ở và công trình kiến trúc có tính phòng thủ của giai cấp phong kiến. Phần nhiều công trình có mặt ngoài thô ráp, ít yếu tố trang trí, kiến trúc nặng nề, sử dụng cửa đi và cửa sổ kích thước nhỏ. Phía Tây nhà thờ Roman thường nổi bật lên hai hay nhiều tháp cao, những tháp này có hình trụ tròn hoặc có dáng hình học, trong khi đó ở phía Đông thân nhà thờ được cắt bằng một cánh ngang.



Hình 13 :Kiến trúc nhà thờ kiểu Roman

2. Thời kỳ Gothic

2.1. Kiến trúc.

Thời kỳ Gothic ra đời sau Roman, Sự khác biệt dễ dàng nhận thấy nhất giữa hai lối **kiến trúc Trung cổ** này là trong khi kiến trúc Roman theo kiểu vòm cong tròn thì kiến trúc Gothic lại theo kiểu vòm nhọn. Kiến trúc Gothic có cửa sổ nhiều hơn và kích thước cửa sổ cũng lớn hơn kiến trúc Roman.

Kiến trúc Gothic (hay francigenum opus) là một phong cách kiến trúc bắt đầu phát triển từ nửa sau thời Trung cổ ở Tây Âu. Kiến trúc Gothic được thể hiện rõ rệt nhất và đẹp nhất trong các nhà thờ lớn, trong các thánh đường và một số các công trình dân dụng. Nhiều mẫu kiến trúc nhà thờ còn lại đến ngày nay mà trong số chúng, ngay những công trình nhỏ nhất cũng mang vẻ đẹp đặc trưng phần vì không có 2 công trình kiến trúc Gothic nào lại giống hệt nhau.

Thời kỳ hưng thịnh của kiến trúc Gothic từ giữa thế kỷ 12 ở Anh và lan rộng khắp Châu Âu trong suốt thế kỷ 13, sau đó vẫn ảnh hưởng rất mạnh trong các kiến trúc về nhà thờ và các trường đại học cho đến tận thế kỷ 15.



Hình 14 : Mái vòm nhọn - điểm đặc trưng của kiến trúc Gothic

Đặc điểm của kiến trúc Gothic

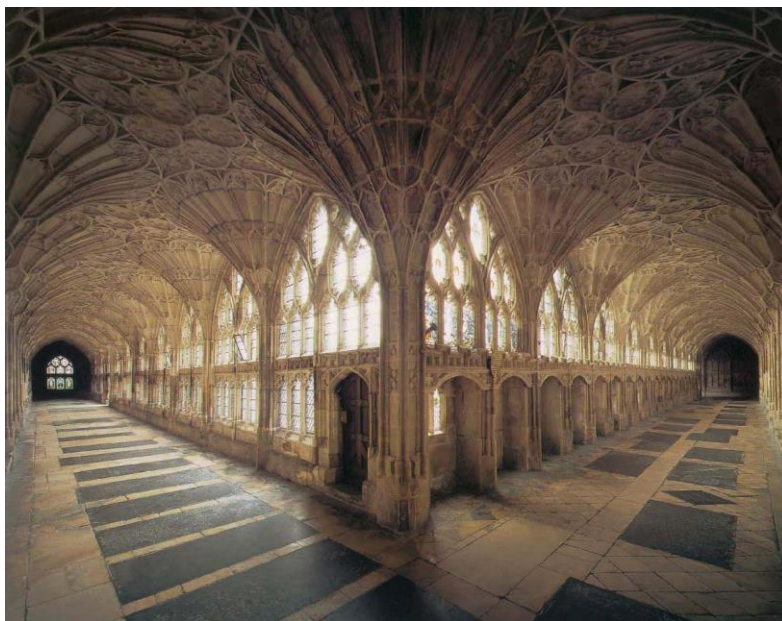
Nhà thờ Gothic có chiều cao lớn từ 38-42m, riêng tháp lấy ánh sáng cao đến 60m, cửa sổ kính màu ở mặt đứng có thể lớn tới 8-12m. Mặt đứng phía Tây (mặt chính) của kiến trúc nhà thờ Gothic tuân theo những chế định nhất định, từ dưới lên trên được chia làm ba phần (ba tầng): phần dưới cùng là cửa, thường có ba hốc cửa rất sâu (chiều sâu của hốc có thể chiếm hẳn một bước nhà), phần giữa ở chính giữa cửa sổ kính màu như những bông hoa hồng, phần trên là hành lang và hai tháp chuông.



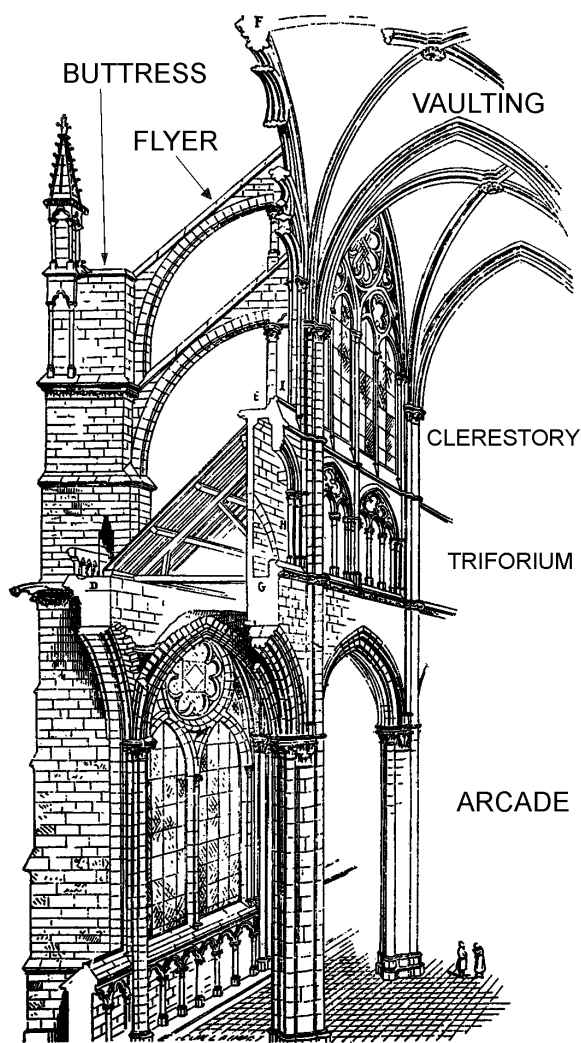
giữa cửa sổ kính màu như những bông hoa hồng, phần trên là hành lang và hai

Hình 15 : Cấu trúc ba phần qua từng nhà thờ mang phong cách Gothic

Kết cấu nhà thờ Gothic là một trong những sáng tạo đặc biệt nhất, tạo cho kiến trúc nhà thờ những ưu việt và vẻ đẹp đặc biệt, mà trước đó các hệ thống kết cấu, kể cả những nền kiến trúc phát triển cao như La Mã cổ đại, chưa đạt được. Hệ thống kết cấu nhà thờ Gothic là một hệ thống không gian lớn, dùng khung chịu lực, tách biệt rõ rệt giữa kết cấu chịu lực và kết cấu ngăn cách, với những thành phần chính tính từ đồ mái xuống là: vòm mái hình múi có sống, cuộn nhọn, cột và cuộn bay. Hệ thống đã tạo cho kiến trúc những không gian mệnh mông, khoáng đạt và một khung cảnh nội thất nhẹ nhàng, tràn ngập ánh sáng.



Hình 16 : Cửa vòm đặc trưng của kiến trúc Gothic



Trong các công trình kiến trúc Gothic, khi xây dựng vòm mái bằng hình chữ nhật, thông thường người ta gặp mái cong hai chiều rất phức tạp, như vậy khi mặt chiếu bằng của nó là hình chữ nhật, chiều cao của cuốn vẫn bằng nhau, nên xử lý kiến trúc vòm có múi đơn giản hơn rất nhiều.

Hệ thống kết cấu của vòm Gothic không còn có một gắn bó nào với kết cấu của kiến trúc La Mã cổ đại, tính chất cách tân của kiến trúc Gothic có được là nhờ những cuộn nhọn (đến từ kiến trúc phía Đông, mái vòm có bốn cuộn nhọn có múi đỡ).

Vòm mái hình múi có sống trong kiến trúc mái nhà thờ Gothic chia ra làm các loại: vòm có sống bốn múi có hình chiếu mặt bằng hình chữ nhật, vòm có sống sáu múi có

hình chiếu hình chữ nhật, vòm có nhiều sống và nhiều múi, vòm có sống bốn múi có hình chiếu mặt bằng hình chữ nhật, vòm có sống sáu múi có hình chiếu hình chữ nhật, vòm có nhiều sống và nhiều múi hình sao có mặt chiếu hình chữ nhật (loại vòm mái phức tạp này là sản phẩm của kiến trúc Gothic hậu kỳ), bốn chân vòm của kiến trúc truyền tải xuống cột và một phần của tải trọng xuống cuốn bay.

2.2. Về trang phục

Lãnh chúa phong kiến và gia đình của ông có một khoảng không gian riêng trong những tòa lâu đài rộng và kiên cố. Các phòng được thông gió rất ít. Vào mùa đông, chỉ có một lò sưởi lớn để sưởi ấm. Những bộ trang phục bằng len chẳng những rất hữu ích vào mùa đông để chống lại cái lạnh, mà chúng còn

được mặc vào mùa hè khi mà những tòa lâu đài vẫn tiếp tục ẩm ướt và giá lạnh. So với tiêu chuẩn hiện đại, đồ nội thất gia dụng thời đó rất đơn giản và không tiện nghi cho lắm, tuy nhiên, ngày càng có nhiều những vật dụng cao cấp như thảm, màn treo tường và ghế nệm được mang trở về từ phương Đông như là những chiến tích của cuộc Thập Tự Chinh. Bất chấp những tiến bộ này, những bộ trang phục nhiều lớp vẫn là cách ăn mặc thực tế và thoải mái nhất.



Hình 17 : Trang phục thời kỳ Romance

Định chế của tinh thần hiệp sĩ và tinh thần thượng võ, hệ thống huấn luyện các hiệp sĩ, quy định các chàng trai trẻ không những học nghệ thuật chiến đấu mà còn học phong cách và cử chỉ của những người thuộc tầng lớp thượng lưu. Thông thường, để làm được điều này, những hiệp sĩ trẻ phải rời khỏi gia đình và thường trú tại lâu đài của một vị lãnh chúa quyền lực. Những tòa nhà này, đặc biệt là những tòa nhà của các vị công tước hay các vị hoàng đế, thường có sẵn nhiều họa sĩ, nhà thơ và những nghệ sĩ nhạc kịch, những nhạc công và những người làm trong ngành giải trí khác. Những lâu đài tại phía Nam nước Pháp được đặc biệt ghi nhận là trung tâm của nghệ thuật, âm nhạc và văn học thơ ca. Thêm vào đó, chúng còn cung cấp sân khấu để trình diễn thời trang.

Sau khi thành Rome thất thủ, rất nhiều trung tâm đô thị thịnh vượng trước đây bị giảm đi dân số một cách rõ rệt. Trong suốt thế kỷ 10 và 11, đời sống thành thị đã được hồi sinh. Châu Âu đã trải qua điều này và kinh tế bắt đầu đi

lên trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và thương mại, do đó từ thế kỷ 12 và 13, những thành phố lớn bắt đầu trở thành những trung tâm sản xuất với dân số tăng chóng mặt. Trong số những người định cư tại thành thị, có những thương gia giàu có, những người mà sự giàu có của họ được thể hiện ở chỗ họ sẽ ăn mặc y chang phong cách đang thịnh hành của giới quý tộc. Chính vì thế mà giới tăng lữ không chấp nhận sự phân biệt giai cấp không rõ ràng này.

Trang phục cho đàn ông và phụ nữ vào thế kỷ XII

Ít nhất một vài phong cách thời trang thế kỷ XII được nhìn nhận là đã tiến rất xa so với những bộ trang phục cổ truyền trước đó. Có 3 kiểu trang phục thanh lịch trong thời kỳ này được thể hiện trong hội họa. Kiểu thứ nhất là loại áo tunic ôm sát hơn một chút so với thế kỷ trước. Đàn ông và đàn bà thuộc tầng lớp thấp thường mặc những chiếc áo tunic này. Loại thứ hai là những bộ trang phục một mảnh ôm vừa vặn, được gọi là những chiếc áo bliaut. Loại thứ ba là những loại trang phục ôm sát người với phần trên được nối với chân váy,

được gọi là bliaut gironé.



Hình 18 : Trang phục cho phụ nữ thế kỷ XII

Những bộ trang phục trong giai đoạn đầu thường sưng, xê dưới cánh tay và được buộc bằng dây ren chứ không cài nút như bây giờ. Những bộ trang phục bliaut được làm cho ôm sát hơn bằng cách cắt thành đường cong ở đường

sườn, gắn với phần thân trên. Các miếng chèn hình tam giác (gores) được may lên vào váy để làm cho chiếc váy rộng hơn lên.

Bliaut gironé thì lại phức tạp hơn trong kỹ thuật cắt cúp so với những bộ trang phục trong giai đoạn trước đó, có phần chân váy phồng được ráp vào phần thân áo trên. Và những bộ trang phục này cũng được xẻ và cột dây ren một bên. Đường nối giữa phần chân váy và phần áo trên ở trên thường nằm dưới đường eo tự nhiên. Phần chân váy và phần áo trên được may lại với nhau và một mảnh vải xéo thường được chèn vào để cho phần hông được vừa vặn. Những đường nối thường được giấu đi bằng những dây vải trang trí. Tuy nhiên không có bằng chứng nào cho thấy tay áo được ráp vào thân. Bliaut gironé, những bộ trang phục được cắt may cầu kỳ, ôm sát cơ thể chỉ được sử dụng hạn chế cho đàn ông và đàn bà ở tầng lớp thượng lưu. Chúng được làm từ những loại lụa đắt tiền như satin hoặc nhung, được thêu bằng chỉ vàng, và trang trí bằng đá quý.

Một điểm khác biệt nữa của trang phục bliaut minh chứng cho những thay đổi vượt bậc trong cái nhìn về tính khiêm nhường chính là cách xẻ và cột dây của nó. Cả trang phục bliaut và áo lót đều được cài bằng cách cột dây ren. Những nút thắt bằng ren này thỉnh thoảng bị tuột ra và để lộ phần da trần bên trong.

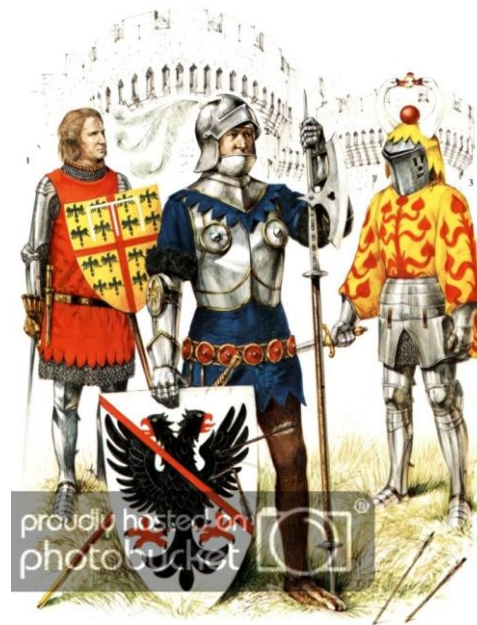
Các thành phần của trang phục nam thế kỷ XII

Người ta mặc *áo mantle* (áo choàng không tay) khi đi ra ngoài, không có thay đổi lớn nào trong phong cách ăn mặc truyền thống.

Những người đàn ông thuộc tầng lớp thượng lưu mặc những chiếc bliaut. Cả áo tunic bên ngoài tunic mặc bên trong vẫn tiếp tục là trang phục chủ yếu cho hầu hết đàn ông, mặc dù trong vài trường hợp chiếc áo tunic bên trong không được để lộ ra bên ngoài, điều này dẫn đến sự ngộ nhận là đàn ông chỉ mặc có một chiếc áo tunic. Cánh tay áo có rất nhiều dạng, những dạng chính thường là:

- Ống tay áo ôm sát với họa tiết trang trí và cổ tay áo lật
- Tay áo dài tới khuỷu tay

- Áo tunic bên ngoài để lộ ống tay áo ôm sát của áo tunic bên trong
- Tay áo ôm sát ở phần trên và rộng dần xuống dưới thành hình cái chuông



1. Mathieu de Montmorency, 1360
2. Bertrand du Guesclin, died 1380
3. Jean de Craquy, circa 1440

Hình 19 : Trang phục nam thế kỷ XII

Hầu hết đàn ông đều để râu quai nón và ria mép. Chiều dài của tóc thì cũng lắm vẻ, nhưng thường không dài quá vai. Những vị tu sĩ lên án những kẻ để tóc dài và để râu ngắn thành từng chòm nhỏ, nhọn. Những người này bị xem là không có nam tính.



Hình 20 : Tóc và trang sức cho tóc

Khi ra ngoài, đàn ông mang những chiếc mũ trùm đầu hay những chiếc nón tròn nhỏ có núp trên đỉnh. Mũ ni, loại mũ có cột dây dưới cằm và có hình

dáng gàn giống như những chiếc mũ em bé ngày nay, bắt đầu được sử dụng trong giai đoạn cuối của thế kỷ này.

Giày

Giày và bốt giống như ở thế kỷ trước được tiếp tục sử dụng. Trong số những cải tiến gây phẫn nộ cho những nhà đạo đức học là những đôi giày dài, mũi nhọn rất được những người đàn ông thượng lưu ưa chuộng.



Hình 21 : Giày nam thế kỷ XII

Các thành phần trang phục nữ thế kỷ XII

Nếu như trang phục cho những phụ nữ ở giai cấp thấp thay đổi rất ít, thì trang phục cho phụ nữ ở giai cấp thượng lưu lại có rất nhiều thay đổi như đã mô tả ở trên. Áo lót phụ nữ, áo tunic mặc bên trong, và áo tunic mặc bên ngoài đều ôm sát cơ thể. Một vài tác phẩm điêu khắc mô tả những chiếc áo bbliaut gironé trong thời kỳ này cho thấy chất liệu thường được xếp pli, thêu xích móc hoặc tạo nếp nhăn.

Trang phục mặc ngoài

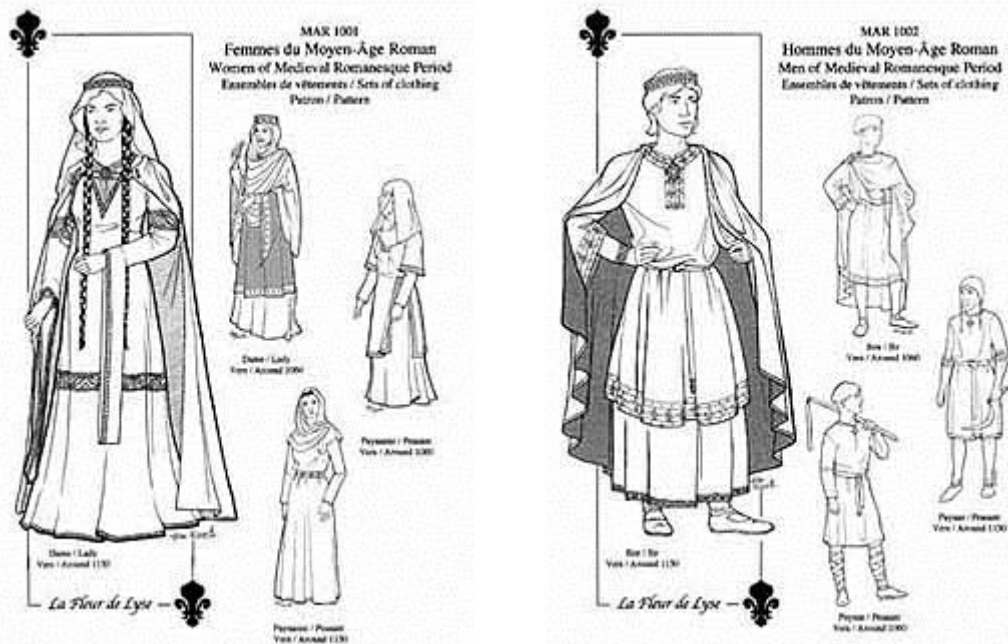
Tay áo bbliaut dành cho nữ giới và những chiếc áo tunic thậm chí dài hơn và phóng khoáng hơn trong các đường cắt cúp so với những kiểu áo của đàn ông. Một số bức vẽ minh họa cho thấy rằng cuối những cánh tay áo ôm sát sẽ là những cổ tay lòng thông dài tới sàn nhà. Nếu mặc cả hai áo tunic bên trong và tunic bên ngoài thì phần tay áo bên trong thường dài và vừa vặn trong khi tay áo

bên ngoài thì lại có phần cổ tay loe, hoặc ống tay áo phía dưới rộng có dải băng trang trí, hoặc cánh tay hẹp ở trên và dần xòe ra ở dưới thành hình cái chuông.



Hình 22 : Trang phục quý tộc thời kỳ Gothic

Chainse là một loại trang phục bên ngoài đặc thù khác dành cho phụ nữ thượng lưu. Được may bằng những loại chất liệu có thể giặt ủi như là linen, loại trang phục này thường dài và được xếp pli. Có rất nhiều nhà lịch sử trang phục lầm lẫn giữa áo chainse và áo lót phụ nữ (chemise). Tuy nhiên, người ta nhận thấy rằng áo chainse thì được mặc ngoài áo chemise và là loại trang phục hoàn toàn tách biệt. Áo chainse không cần phải mặc với áo tunic bên ngoài, giống như “áo mặc nhà” và có vẻ đặc biệt được ưa chuộng vào cuối thế kỷ 12. Có thể loại áo này được coi là trang phục mùa hè, vì chúng có thể giặt ủi và được may bằng chất liệu nhẹ.



Hình 23 : Trang phục cho phụ nữ thượng lưu

Những người Pháp lớn tuổi mặc áo măng-tô, từ này đã được người Anh mượn để đặt tên cho áo “mantle” (áo choàng không tay), loại áo này là một loại áo choàng mặc khi ra ngoài dành cho phụ nữ tầng lớp thượng lưu. Áo choàng ngày xưa cho giới thượng lưu thường dài, không tay, xẻ trước và lưng được thắt bằng dây ruy băng dài có móc gài cả hai bên đường cài nút thân trước.

Một số mẫu áo măng-tô cực kỳ xa xỉ. Có loại được mô tả là làm bằng hoa hồng và vải trắng từ Ấn Độ, được dệt hoặc thêu hình muông thú và hoa lá, cắt may một mảnh, và được lót bằng lông thú ướp hương thơm. Chúng có cổ điểm các đường viền màu xanh đậm và màu vàng, trên vai có móc khóa cản trang sức bằng hai viên hồng ngọc.

Một số áo choàng được viền hoặc trang trí bằng lông. Áo choàng lông và áo có viền lông là tên gọi chung của một số những loại trang phục được trang trí bằng lông bao gồm áo khoác ngoài, áo tunic mặc trong và áo tunic mặc ngoài.

Tóc và trang sức cho tóc

Phụ nữ ở tầng lớp cao nhất thường để tóc thành hai bím dài rồi quấn lên ở hai bên khuôn mặt. Những chiếc bím tóc này đôi khi dài gần chạm đất, và những ghi chép đương thời cho thấy rằng những món tóc giả cũng thường được

thêm vào để tạo thêm độ dài ưng ý và được coi là thời trang. Những dải ruy băng trang trí có thể được bện vào bím tóc hoặc vào đoạn cuối của bím tóc để giữ những móc cài nữ trang. Tiếp đến là một chiếc mạng che mặt rộng được trùm lên, tuy nhiên người ta vẫn có thể thấy được mái tóc.



Hình 24 : Các kiểu tóc thời kỳ Gothic

Hầu hết mọi phụ nữ đều che tóc mình hoàn toàn và mang mạng che mặt thật kín sao cho chỉ chừa lại khuôn mặt. Những cải tiến mới trong lĩnh vực khăn trùm tóc có thể kể đến những chiếc mũ barbette, fillet và wimple. Barbette là một dải băng bằng linen được mang vòng qua một bên thái dương, xuống cằm rồi lại vòng lên thái dương bên kia. Barbette thường đi cùng fillet. Fillet là một dải băng đứng bằng linen, nhìn giống như vương miện, nơi để phủ những chiếc mạng che mặt lên. Còn wimple lại là một chiếc khăn choàng bằng linen loại tốt hoặc bằng lụa quấn từ đầu xuống ngang cổ, phần giữa đặt ngay cằm và mỗi đầu khăn được giấu vào sau tai hay sau thái dương. Một chiếc wimple thường đi cùng với một chiếc mạng che mặt. Không được những phụ nữ có con nhỏ ưa chuộng sau thời kỳ Trung Cổ, wimple trở thành một phần trong trang phục của

các nữ tu Thiên Chúa Giáo tại Rome và tiếp tục được sử dụng cho tới thập niên 1960.

III. PHỤC HƯNG

Thời kỳ Phục hưng kéo dài gần 150 năm, nhưng trong khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với các giai đoạn trước đó, thời trang thay đổi liên tục. Vào những năm 1450, giống như nghệ thuật Ý, trang phục cũng bị ảnh hưởng bởi các thiết kế Trung cổ và Gothic.

1. Kiến trúc thời kỳ Phục Hưng.

Kiến trúc thời kỳ Phục Hưng là kiến trúc của thời kỳ giữa thế kỷ 14 và đầu 17 đầu ở các vùng khác nhau của châu Âu, thể hiện một sự hồi sinh và phát triển của một số yếu tố của tư tưởng Hy Lạp và La Mã cổ đại và văn hóa vật chất có ý thức. Phong cách, kiến trúc Phục hưng theo kiến trúc Gothic và được kế tục bởi kiến trúc Baroque. Phát triển đầu tiên tại Florence, với Filippo Brunelleschi là một trong những sáng tạo của mình, phong cách thời Phục hưng nhanh chóng lan sang các thành phố khác của Ý. Các phong cách được chuyển đến Pháp, Đức, Anh, Nga và các bộ phận khác của châu Âu vào những thời điểm khác nhau và với mức độ tác động khác nhau.

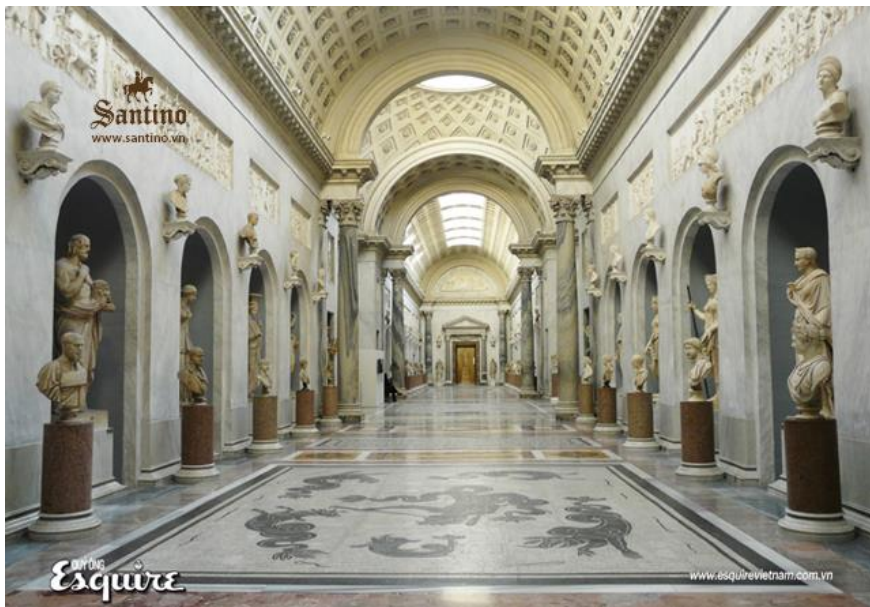
Phong cách Phục hưng nhấn mạnh vào tính đối xứng, tỷ lệ hình học và sự hài hòa của các cấu trúc như đã được thể hiện trong kiến trúc cổ điển và đặc biệt là kiến trúc La Mã cổ đại, qua đó nó được gìn giữ lại. Sự sắp xếp hợp lý của cột trụ, lan tô, cũng như việc sử dụng các mái vòm bán nguyệt, bán cầu, các hốc tường và aedicules để thay thế cho các hệ thống có nhiều phức tạp hơn của các tòa nhà trung cổ.

Các nhà sử học thường chia thời kỳ Phục hưng ở Ý thành ba giai đoạn. Trong khi đó, các nhà sử học nghệ thuật có thể nói về một "Early Renaissance" thời gian, trong đó họ bao gồm phát triển trong hội họa và điêu khắc từ thế kỷ 14, điều này thường không phải là trường hợp trong lịch sử kiến trúc. Các điều kiện kinh tế ảm đạm của những năm cuối thế kỷ 14 đã không tạo ra các tòa nhà được coi là một phần của thời kỳ Phục hưng. Kết quả là, từ "Renaissance" giữa các nhà sử kiến trúc thường được áp dụng cho giai đoạn 1400 đến khoảng 1525, sau đó các trường hợp còn lại của Renaissances không phải người Ý. Các nhà sử học thường sử dụng các mô tả sau đây:

- Tiền kỳ Phục hưng (khoảng 1400-1500); thường gọi là Quattrocento.
- Thịnh kỳ Phục hưng (khoảng 1500-1525)
- Hậu kỳ Phục hưng (thói quen) (khoảng 1520-1600)



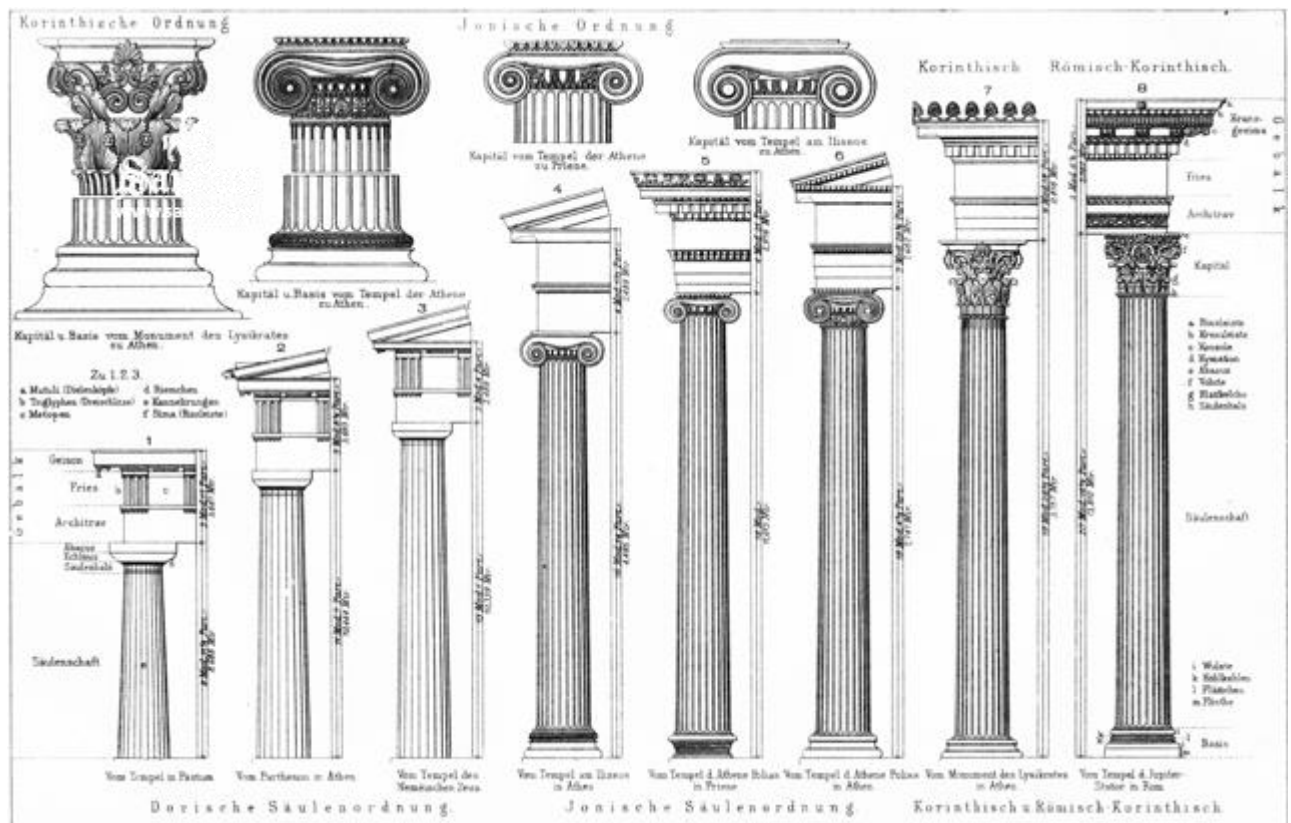
Hình 25 : Tòa thánh Vatican



Hình 26 : Viện Bảo tàng Vatican

Các thức cột La Mã được sử dụng: Tuscan, Doric, Ionic, Corinthian và Composite. Các hình thức này không những là một cấu trúc, chống đỡ mái vòm hoặc đầu dầm, hoặc hoàn toàn dùng để trang trí, được đặt áp sát các bức tường dưới hình dạng những trụ ốp tường. Trong thời kỳ Phục hưng, kiến trúc sư có mục đích sử dụng cột, pilasters, và entablatures như một hệ thống tích hợp.

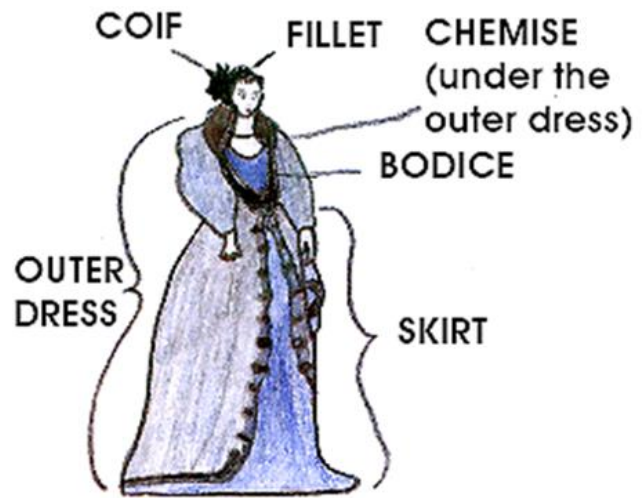
Một trong những công trình đầu tiên sử dụng pilasters như một hệ thống tích hợp là The Old Sacristy (1421-1440) của Brunelleschi.



Hình 27 : Các thức cột thời kỳ Phục Hưng

2. Thời trang thời kỳ Phục Hưng

Thời trang nữ thời kỳ này tự nhiên hơn so với thời kỳ Gothic. Những chiếc váy không còn chiếc đuôi dài, váy chảy (flowing skirt) trở nên phổ biến. Áo choàng, thực tế là một chiếc váy gồm một phần áo ở phía trên và váy ngắn ở phía dưới, cũng bắt đầu xuất hiện. Thêm vào đó, áo nịt ngực dài và cứng có vạt hình chữ V phổ biến trong giai đoạn đầu thời kỳ này. Đối với tóc, thay vì che đầu, phụ nữ trang điểm cho nó bằng các kiểu tóc cùng với mạng che mặt và trang sức.



SHARED BY DESIGNS.VN



SHARED BY DESIGNS.VN

Hình 28 : Áo vạt hình chóp

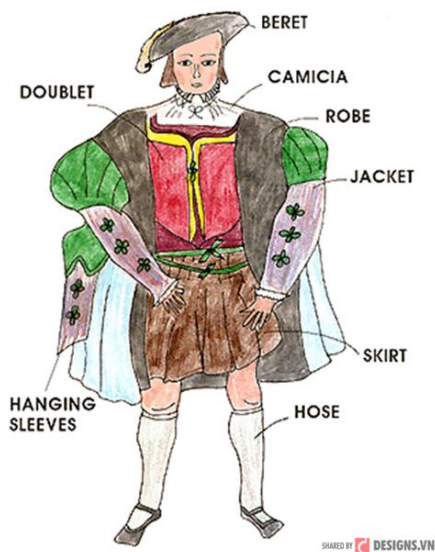
Hình 28: Kết cấu trang phục nữ

Áo chèn đàn ông được may ngắn hơn, cổ thấp hơn và sơ mi trở nên phổ biến. Bít tất dài cũng trở nên cần thiết với họ. Vải thêu kim tuyến và mạng che mặt được dùng cho cả hai giới.

Sau khi chuyển sang thế kỉ XVI, thời trang phục hưng mang phong cách Đức. Sự đơn giản, tự nhiên của thời kỳ đầu được thay thế bằng phong cách thô và những đường ngang. Thời trang nam trở nên sắc cạnh trong đường cắt và bố cục phức tạp, quần ống túm dài hơn, sơ mi linen được trang trí bằng viền tay, cổ và tay áo có diềm xếp. Áo dài của phụ nữ trở nên thụng hơn, với những chiếc váy xếp li to, nhấn nhá bằng đai làm từ kim loại hoặc liễu gai, cùng với các dải ruy băng và dải viền.

Váy có đai, được gọi là farthingale, khi rộng tối đa (xấp xỉ 1600), sẽ biến thành hình bánh xe hoặc hình cái trống. Ống tay được may tròn hoặc bông, cổ cao ra đời tổ điểm cho đường cổ để trống trước đây. Nam giới cũng tương tự, mặc quần phồng (hose), tay bóng bay (balloon sleeves), áo có đệm lót và cổ áo xếp ly lớn. Slashing (cắt lớp bên ngoài để lộ sự đối lập về màu sắc và chất liệu với lớp bên trong) cũng trở nên phổ biến với cả hai giới.

Thời trang tóc cũng đi theo xu hướng phức tạp. Phụ nữ đeo những chiếc “váy” cho đầu (headdress), lúc đầu là một mũ trùm đơn giản sau đó có thêm vành. Đàn ông đội mũ rộng, đôi khi được gắn đá quý. Thời trang phục hưng đạt đến đỉnh cao vào cuối thời kỳ, trước khi bước vào thời kỳ Elizabeth.



Hình 29 : Thời trang nam



Hình 30 : Thời trang tóc

IV. BAROQUE (Thế kỷ XVII)

1. Hoàn cảnh ra đời

Baroque là một phong cách nghệ thuật bắt nguồn từ Phục Hưng Ý, sau đó lan ra khắp châu Âu và cả những thuộc địa ở Tân thế giới cho tới cuối thế kỷ 18. Nghệ thuật Baroque được đánh dấu bằng cuộc cách mạng ở thế kỷ 17 và mở đầu cho thời kỳ Khai Sáng. Baroque này nở rộ và phát triển nhờ các nhân tố là nhà thờ, hoàng gia và tầng lớp thị dân.

Nghệ thuật Baroque phát triển ở nhiều nơi thuộc châu Âu. Một trong những trung tâm lớn nhất là xứ Flandre, vùng đất ngày nay bao gồm Bỉ, Hà Lan và một phần nước Pháp. Rất nhiều họa sĩ Baroque nổi tiếng sinh sống ở xứ Flandre: Peter Paul Rubens, Rembrandt... Đây cũng là một thời kỳ hoàng kim của vùng đất này

Các thế lực chính vào thế kỷ 17 tại Châu Âu là Pháp, Anh và Tây Ban Nha. Nước Ý vẫn bị chia thành những đơn vị chính trị nhỏ bị thống trị bởi những nước khác. Hà Lan không những thoát khỏi sự lệ thuộc vào Tây Ban Nha mà còn trở nên giàu có và thịnh vượng. Các hoàng tử người Đức, thật ra là chỉ trong phạm vi của Đế Chế La Mã, là các thế lực tối cao, độc lập và được tự do tạo ra chiến tranh hay hòa bình.

Phong trào Phục Hưng trong nghệ thuật vào cuối thế kỷ 16 đã nhường chỗ cho chủ nghĩa cách điệu Mannerism. Phong cách cách điệu có nguồn gốc từ ở Florence và Rome nhưng cuối cùng lan rộng sang tận miền Trung và Bắc Âu. Phản kháng lại chủ nghĩa cổ điển hài hòa và chủ nghĩa tự nhiên lý tưởng trong nghệ thuật Phục Hưng, phong cách cách điệu quan tâm đến việc giải quyết những vấn đề nghệ thuật rắc rối, thí dụ như khắc họa cảnh khỏa thân trong

những tư thế phức tạp. Hình ảnh người trong các tác phẩm của chủ nghĩa cách điệu thường có tay chân yếu điệu nhưng dài một cách kỳ quặc, đầu nhỏ, và nét mặt được cách điệu, trong khi tư thế của họ trông có vẻ khó khăn hoặc giả tạo không giống trong đời thực. Cách bài trí không gian theo chiều dài và chiều sâu trong phong cách Phục Hưng bị kéo dẹt ra và thật mơ hồ đến nỗi các hình ảnh xuất hiện như sự sắp đặt các hình dạng trước bối cảnh phẳng của những chiều không gian vô định. Những họa sĩ theo phong cách cách điệu tìm kiếm sự cải tiến liên tục của hình thể và khái niệm, đẩy lên đến đỉnh điểm sự cường điệu và đối nghịch. Phong cách cách điệu là chiếc cầu nối giữa phong cách Phục Hưng và phong cách Baroque và trong thế kỷ 17, người Ý một lần nữa lại dẫn đầu trong việc chuyển từ phong cách cách điệu sang phong cách Baroque đầy sức sống.

2. Kiến trúc thời kỳ Baroque

Baroque là một phong cách trong nghệ thuật đã sử dụng những chuyển động cường điệu và chi tiết rõ ràng, dễ hiểu để tạo ra kịch tính, sự căng thẳng, nét phong phú và hoành tráng từ điêu khắc, hội họa, văn chương và âm nhạc. Sự phổ biến và thành công của Baroque được Nhà Thờ Thiên Chúa Giáo khuyến khích khi họ xác định tính kịch tính của các họa sĩ theo phong cách Baroque có thể truyền đạt các chủ đề tôn giáo trong sự lôi kéo cảm xúc trực tiếp. Tầng lớp quý tộc thế tục cũng nhận ra phong cách kịch tính của kiến trúc và hội họa Baroque như là một phương tiện để gây ấn tượng cho khách mời và những đối thủ cạnh tranh tương lai. Các cung điện kiểu Baroque được xây dựng xung quanh hàng loạt lối vào của cung đình, phòng chờ, cầu thang hoành tráng, và những phòng khánh tiết ngày càng rộng rãi. Nhiều hình thức nghệ thuật, âm nhạc, kiến trúc và văn chương gây cảm hứng cho nhau trong phong trào văn hóa Baroque.

Baroco (Barôc) mang tính cầu kỳ tỉ mỉ, kiểu cách. Barôc là 1 trào lưu, trường phái nghệ thuật thống trị thế kỷ 17 ở hầu hết các nước phương Tây. Thời

phục hưng những cuộc cách mạng mầm mống của cuộc cách mạng tư sản đầu tiên “một bước ngoặt vĩ đại của những con người khổng lồ đã đi qua” mở ra 1 chân trời mới cho xã hội, chú ý đến những biến động của tự nhiên.

=> Thời kỳ Barốc là cuộc cách mạng tấn công vào giai cấp phong kiến. Mặc dù vậy giai cấp phong kiến vẫn tồn tại.

Từ nhà nước phân quyền đến tập quyền (có lẽ là tập quyền mới đúng) đến phong kiến đến những quốc gia lớn hơn. Tính chất phong kiến chỉ còn hình dáng bên ngoài còn thể chế bắt đầu suy sụp họ phải dùng quyền lực để củng cố nó.



Hình 31 : Đồ dùng thời kỳ Baroque

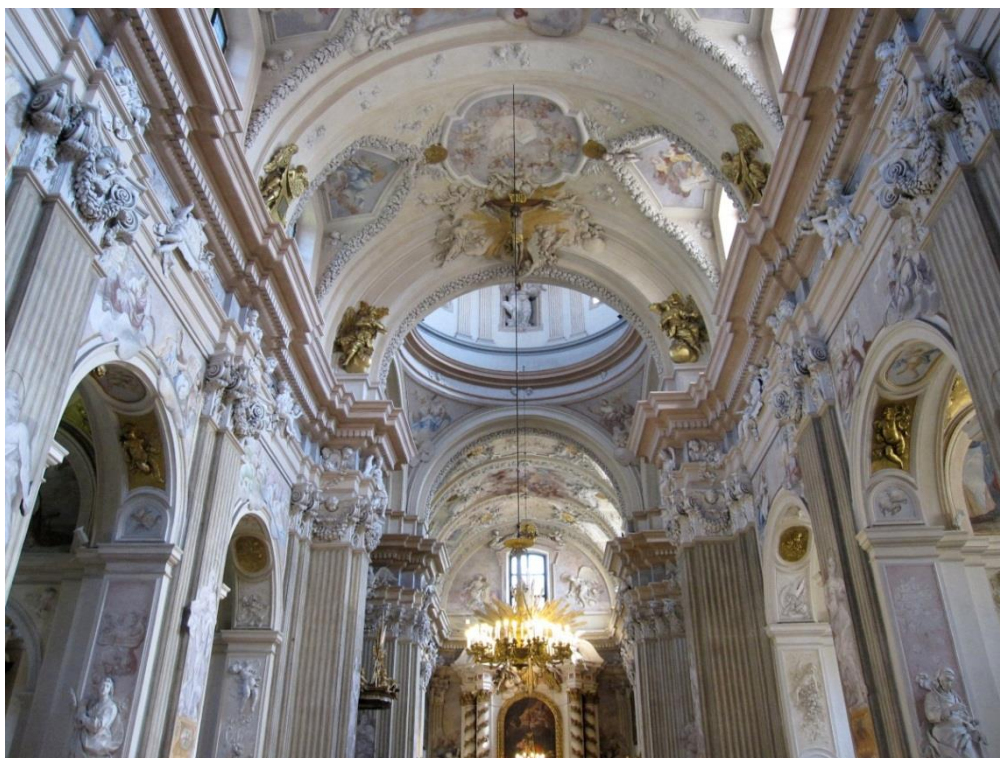
Thế kỷ 17 nhà nước phong kiến Pháp là tiến bộ cho ra đời trào lưu cổ điển. Nghệ thuật phải ca ngợi triều đình và có tính chất bá quyền. Phát triển triết học duy lý, triết học của Đề các “con người phải tôn sùng nhà vua, phải hy sinh mâu thuẫn cá nhân”. ở Pháp và các nước châu Âu tập trung vào phong cách Barốc tạo nên bộ mặt hoành tráng cho triều đình. Nhà cửa, đồ dùng mang cái gì đó rất kiêu cách xa vời đấu tranh lại tư tưởng của chế độ phong kiến.

Kiến trúc Baroque là một thuật ngữ dùng để mô tả phong cách xây dựng của thời kỳ Baroque, Ý bắt đầu vào cuối thế kỷ 17, tận dụng những ngôn ngữ của kiến trúc Phục hưng theo một cách thức mới mang tính chất hùng biện và phong cách sân khấu; thường dùng để phô trương sức mạnh của Nhà Thờ và chính quyền chuyên chế. Nó tạo dựng nên một khám phá mới về hình dáng, ánh

sáng và bóng với cường độ mạnh. Trong kỷ nguyên Baroque, kiến trúc trở nên phức tạp và cầu kỳ hơn.

Nghệ thuật kiến trúc Baroque đi ngược lại với lối nghệ thuật kiến trúc thời Phục Hưng cứng nhắc vốn thừa hưởng từ Hy Lạp cổ đại và La Mã cổ đại.

Trong khi thời Phục hưng đã thu hút của cải và quyền lực của các triều đình Ý và là một sự pha trộn của các thế lực thế tục và tôn giáo, thì ít nhất ban đầu, Baroque lại trực tiếp liên quan đến Kháng – Cải cách, một phong trào trong Giáo Hội Công Giáo cải cách chính nó để đáp trả Cải cách Tin lành. Kiến trúc Baroque là sự vận động liên tục của những bức tường uốn lượn đầy ấn tượng. Lối kiến trúc này thường được thấy trong nhà hát, nhà thờ bằng những không gian kịch tính vốn là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ giữa các kiến trúc sư, các nhà điêu khắc, các nhà hội họa cùng tạo ra một kết quả thống nhất và nhấn mạnh hiệu quả ảo ảnh với mục đích làm cho chiều sâu sâu hơn, chiều dài dài hơn, những luồng ánh sáng chuyển động và sự âm vang của âm thanh khi được phát ra dù chỉ là một tiếng động rất nhỏ. Hình oval là hình chủ đạo của lối kiến trúc đòi hỏi sự tỉ mỉ, chi tiết và cầu kỳ này, nó xuất hiện hầu như ở tất cả mọi nơi, từ nét uốn lượn của những dãy tường dài đến cái góc nhỏ khuất cao trên trần.



Hình 32 : Không gian nội thất cung điện

Kiến trúc Baroque tạo ra những không gian phức tạp và những luồng ánh sáng kỳ bí được chiếu khắp nơi mà người ta không thể nào tìm ra được điểm xuất phát của ánh sáng đó. Ngoài ra, người ta còn nhận biết được kiểu kiến trúc này thông qua các thức cột có kích thước lớn và thường chông cao hai tầng, cửa sổ lớn hình chữ nhật, một cửa bé hơn hình tròn, nửa tròn hay hình oval.



Hình 33 : Kiến trúc Baroque Thượng La Mã

Kiến trúc Baroque Thượng La Mã có thể được giao phó bởi các triều đại giáo hoàng của Urban VIII, Innocent X và Alexander VII, trải rộng trong thời gian từ 1623-1667. Ba kiến trúc sư chính của thời kỳ này là nhà điêu khắc Gianlorenzo Bernini, Francesco Borromini và họa sĩ Pietro da Cortona và mỗi người trong số này phát triển biểu hiện kiến trúc cá nhân một cách riêng biệt.

Sự phổ biến các kiến trúc Baroque ở phía Nam của Ý kết đã dẫn đến các biến thể khu vực như kiến trúc Baroque Sicilia hoặc của Baroque Napoli và Baroque Lecce. Về phía bắc, kiến trúc sư Theatine Guarino Guarini Camillo, Bernardo Vittone và kiến trúc sư sinh ra ở Sicilia Filippo Juvarra đã đóng góp thiết kế kiến trúc cho các tòa nhà theo phong cách kiến trúc Baroque ở các thành phố Torino và vùng Piedmont.

Đến giữa thế kỷ XVII, phong cách Baroque đã tìm thấy biểu hiện thể tục của nó trong các hình thức cung điện lớn, đầu tiên ở Pháp, với Château de Maisons (1642) gần Paris thiết kế bởi François Mansart, và sau đó trên khắp châu Âu.

4.3. Trang phục



Hình 34: Trang phục dành cho các tầng lớp thượng lưu TK 17

Trang phục dành cho các tầng lớp thượng lưu vào thế kỷ 17 thường khá nhất quán từ nước này sang nước khác. Tuy nhiên, nếu nhìn xu hướng này trong phạm vi thế giới, chúng ta sẽ nhận thấy có sự phát triển của một số truyền thống trang phục đặc biệt. Tại Anh, trang phục của giới Puritan phản ánh giá trị tinh thần và chính trị của họ. Tại Tây Ban Nha, những phong cách thời trang đặc thù lại chính là kết quả của sự bảo thủ và từ chối thay đổi.

Trang phục của người Puritan

Những mô tả của những nhà lịch sử hậu thế về sự bất hòa giữa người Puritan và Cavalier (Hoàng Gia) tại Anh hay hàm ý việc hai bên dùng phong cách ăn mặc để phân biệt lẫn nhau. Thực tế là người Puritan theo phong cách ăn mặc của hầu hết đại đa số quần chúng. Sự khác biệt giữa hai đảng phái này chủ yếu là trong mức độ ăn mặc. Phái Puritans đã làm giảm đi sự rườm rà quá mức của chiếc váy cũng như những bộ trang phục quá cầu kỳ không phù hợp với

hoàn cảnh, trong khi phái Cavaliers và quý bà trong giới quý tộc thì lại coi trọng những bộ váy áo trang trí xa hoa với những màu sắc rực rỡ.

Trang phục của người Puritan thường được miêu tả là “có màu sắc buồn”. Theo nghĩa chung, “màu sắc buồn” là những màu nâu xám. Những người giàu có thuộc phái Puritan thường mặc những bộ trang phục may bằng vải thượng hạng mặc dù màu sắc và trang trí nghèo nàn hơn những người láng giềng Cavalier của mình. Quân lính theo phe Puritan phải cắt tóc ngắn hơn và không được uốn quăn như người Cavaliers, vì vậy họ có biệt danh là “đầu tròn”.

Phe Cavalier hay những người ủng hộ chế độ quân chủ thường đội những chiếc mũ rộng vành và có chóp bằng được trang trí bởi lông chim, trong khi phe Puritans thích đội những chiếc mũ có chóp cao, vành hẹp, nhưng cả hai phái đều không thích sự phung phí. Những người phụ nữ thuộc phái Puritan và Cavalier đều thích mang tạp dề mỗi ngày, nhưng những chiếc tạp dề của người Puritan thường ít hoa mỹ hơn như một quy luật.

Người Puritan định cư tại Mỹ mang theo phong cách thời trang Anh tại thời điểm mà họ lên thuyền ra đi, năm 1620. Cũng như những bản sao khác của Anh, giới tăng lữ của nước Mỹ ăn mặc đơn sơ và giản dị. Bất chấp việc giảng đạo của các tu sĩ và thời đại đòi hỏi những thông tin mới nhất để đi xuyên Đại Tây Dương, nhóm người thực dân này vẫn cố gắng bắt kịp những phát triển chính của thời trang châu Âu.

Trang phục của Tây Ban Nha

Mặc dù Tây Ban Nha từng là nước dẫn đầu về thời trang của Tây Âu trong suốt nửa cuối thế kỷ 16, nhưng từ đầu thế kỷ 17, phong cách thời trang Tây Ban Nha đã bắt đầu tụt hậu sau những nước khác. Người Tây Ban Nha có khuynh hướng bảo thủ hơn những nước láng giềng, và sự bảo thủ này đã có ảnh hưởng lớn đến việc kéo dài các phong cách thời trang cũ, ví dụ như họ vẫn mặc những chiếc cổ áo xếp nếp và chiếc váy phòng kiêu Tây Ban Nha (tiếng Tây Ban Nha là *verdugado*) thậm chí sau khi cả châu Âu đã từ bỏ chúng từ lâu.

Ngay cả vật dụng có tên *mantilla* của Tây Ban Nha, một chiếc mạng được dùng để che tóc gắn liền với trang phục Tây Ban Nha truyền thống và trở thành một phiên bản thu nhỏ của chiếc áo măng tô dành cho phụ nữ trong suốt thời kỳ Trung Cổ vẫn tiếp tục được sử dụng cho tới tận những thời gian sau đó. Truyền thống tại Tây Ban Nha rất mạnh và truyền thống chi phối độ dài của chiếc mạng tùy thuộc vào vị trí xã hội của người phụ nữ bao gồm cả góa phụ, phụ nữ đã có gia đình, hoặc một thiếu nữ chưa chồng. Trong một vài địa phương, một cô gái chưa chồng phải che mặt khi ra khỏi nhà. Phong tục này được lấy từ người Moors, những người đã thống trị Tây Ban Nha trong suốt một thời gian dài của thời kỳ Trung Cổ.



Hình 35 : Trang phục truyền thống Tây Ban Nha

Nhưng loại trang phục đáng chú ý nhất trong cách ăn mặc của người Tây Ban Nha vào thế kỷ 17 lại chính là bộ trang phục mà mãi về sau mới được chấp nhận, đó là loại trang phục gần giống như chiếc áo đầm phòng rộng kiểu Pháp. Bị lạc hậu với phần còn lại của châu Âu sau thập niên thứ hai của thế kỷ 17, những phụ nữ Tây Ban Nha giàu có đã bắt kịp phong cách *guardinfante* (váy

độn phồng hình oval). Váy có hình oval hơn là những chiếc váy phồng hình tròn kiểu Pháp, với kích thước rộng hơn từ cạnh này sang cạnh kia. Thân áo có thêm phần *basque* (phần kéo dài của thân áo xuống dưới đường eo), trùm lên phần trên của chiếc váy phồng. Đường vai của thân áo thường được may ngang và có đường cổ tương tự như trang phục của những nước châu Âu khác. Tay áo phồng và có xẻ để lộ vải lót có màu tương phản bên trong và thường kết thúc với cổ tay ôm sát. Với những chiếc áo này, phụ nữ thường mang những đôi giày *chopine* (giày đế bằng) cao với đế giày bằng gỗ hoặc bằng thân cây bần giúp họ trông cao hơn bù vào độ rộng của chiếc váy phồng oval *guardinfante*. Nhưng không phải phụ nữ Tây Ban Nha nào cũng mặc những chiếc váy quá rộng quá khổ này, chiếc váy được coi là biểu tượng của dòng dõi hoàng gia.

Phong cách thời trang dành cho đàn ông tại Tây Ban Nha thay đổi khá chậm. Người ta giữ lại cổ áo xếp nếp và quần có vẻ dài hơn so với các nước châu Âu khác. Tuy nhiên, phong cách thời trang dành cho đàn ông không bao giờ quá khác biệt giữa các vùng như của phụ nữ. Từ năm 1700, người Tây Ban Nha đã hòa nhập trở lại với giòng chảy chính của thời trang châu Âu.

V. ROCOCO (THẾ KỶ 18)

1. Hoàn cảnh ra đời

Xu hướng phong cách nghệ thuật Rococo bắt nguồn từ nước Pháp trong những năm cuối của triều đại vua Louis XIV và nở rộ dưới thời vua Louis XV (1715 – 1774). Ánh hào quang, sự hoa mỹ cũng như những đường nét trang trí tinh tế của phong cách Rococo đã lan rộng khắp châu Âu.

Kết hợp một cách khéo léo cùng với chủ nghĩa anh hùng dưới thời vua Louis XIV, phong cách Rococo đã xuất hiện lần đầu tiên cùng với nhà thiết kế người Pháp Pierre Lepautre, người đã đưa những đường nét uốn lượn và những đường cong vào kiến trúc nội thất trong cung điện của hoàng tộc ở vùng Marly, và sau đó được hưởng ứng bởi đông đảo các nhà kiến trúc, thiết kế, thợ mộc và thợ vẽ.

Thuật ngữ “Rococo”, xuất phát từ từ “rocaille”, được sử dụng vào khoảng những năm 1730 để chỉ một phong cách thiết kế trang trí bắt chước những vách đá và những viên đá tự nhiên. Nó bắt đầu xâm nhập vào miền Trung châu Âu bắt đầu từ năm 1745 cùng với một phong cách trang trí đặc trưng bởi những đường nét uốn lượn của ánh hào quang, những đường vòng lượn sóng không theo qui luật và bố cục tuân theo hệ thống. Trong hội họa, phong cách Rococo được thể hiện bởi những màu sắc tinh tế, nơi mà màu hồng, màu xanh lá cây và màu vàng được dùng làm chủ đạo trong các chủ đề thần bí và những câu chuyện ly kỳ của các nhân vật thần thoại.

2. Nghệ thuật kiến trúc

Trong kiến trúc nội thất, phong cách Rococo đạt tới đỉnh cao tại nước Pháp với việc cải tạo lại khách sạn Soubise ở Paris (1735 – 1740), công trình có sự đóng góp của rất nhiều họa sỹ và nhà trang trí trong đó có Germain Boffrant và Pierre-Alexis Delamair. Quảng trường Stanislas ở thành phố Nancy, được vẽ bởi Héré de Corny, là một ví dụ điển hình.

Phong cách Rococo nhanh chóng phát triển sang các nước châu Âu khác, đặc biệt là Đức và Áo, nơi mà chúng đã kết hợp với phong cách Baroques đang thịnh hành tạo nên một phong cách kiến trúc rất hoang phí, đặc biệt trong các nhà thờ và trong những địa điểm thiêng liêng. Phong cách này đạt tới đỉnh cao trong tác phẩm của nhà kiến trúc và trang trí vùng Bavaria có nguồn gốc Flemish là François de Cuvillies. Ngôi nhà của Amalienburg (1734 – 1739) ở vùng Nymphenburg gần Munich là một ví dụ không cân xứng về sự kết hợp hoàn hảo giữa kiến trúc và trang trí.

Trong suốt thế kỷ 18 ở Pháp, một tầng lớp trung lưu có thể lực và giàu có mới phát triển rất nhanh và mạnh, mặc dù giới quý tộc và hoàng gia vẫn là những người bảo trợ chính cho Nghệ thuật. Sau cái chết của vua Louis XIV và sự từ bỏ cung điện Versailles, xã hội thượng lưu Paris trở thành nguồn nuôi sống cho phong cách nghệ thuật này. Phong cách này, ban đầu được sử dụng trong việc trang trí nội thất, sau đó được gọi là Rococo. Rococo xuất phát từ ?rocaille?, trong tiếng Pháp có nghĩa là mã não trong và được dùng để chỉ những viên đá và vỏ sò được dùng để trang trí nội thất của các hang động. Do vậy, hình vỏ sò trở thành một motif có tính nguyên tắc trong phong cách Rococo. Phụ nữ trong xã hội thượng lưu đua nhau trang hoàng nội thất trong nhà ở của họ một cách phù hoa nhất. Vì vậy, phong cách Rococo bị chi phối và ảnh hưởng bởi khiếu thẩm mỹ của phụ nữ.

Nghệ thuật cần có sự thoải mái, nguyên lý về hàng lối, chất liệu đắt tiền được bỏ dần, thay thế bằng chất liệu mới mẻ, đường nét thanh thoát. Trong tranh thể hiện tình cảm lưu luyến, sự tiến đưa khác với thời kỳ trước ca ngợi sự đấng quang. Thể chế của triều đình dẫn đến sự thay đổi về quan niệm nghệ thuật và thay đổi hình thức cuộc sống. Quan điểm của sự tự do, bình đẳng nhẹ nhàng khác với công thức và khép kín ở thời kỳ trước.

Rococo là khái niệm mà các nhà phê bình nghệ thuật thế kỷ 19 sử dụng để mô tả những công trình trang trí kiến trúc và đồ gỗ đã được phát triển từ trường phái Baroque và trở thành một tại Pháp vào những năm 1720 sau khi nhà vua

Louis XIV chết. Rococo đã phát triển một cách đại chúng, phổ biến khắp châu Âu. Trong kiến trúc, phong cách này phần lớn giới hạn trong trang trí các mặt đứng, facades bên ngoài. Rococo thể hiện đầy đủ nhất phong cách trang nhã của nó tại những công trình trang trí đồ gỗ, tường nhà của những biệt thự, nhà riêng của cư dân Paris. Tại Đức và Áo, phong cách Rococo được ứng dụng vào những công trình nội thất kiểu Baroc trong các nhà thờ và cung điện.

Kiến trúc Rococo là một phong cách nghệ thuật và thiết kế nội thất của Pháp thế kỷ 18. Đây là phong cách kiến trúc được sử dụng phổ biến ở thời của hoàng hậu Marie Antoinette. Các phòng thuộc phong cách Rococo thường được thiết kế thành một sản phẩm nghệ thuật tổng thể với vật dụng trang trí lộng lẫy và thanh tao, những vật phẩm điêu khắc nhỏ, những chiếc gương trang trí, thảm thêu, ngoài ra nó còn được bổ sung bởi những bức tranh tường tinh tế.

Từ Rococo là sự kết hợp của từ *rocaille* (vỏ) trong tiếng Pháp và từ *barocco* trong tiếng Ý. Đây là phong cách kiến trúc thường có các đường cong trang trí dạng vỏ và thường tập trung vào những đường nét họa tiết trang trí, do vậy nên một vài nhà phê bình nghệ thuật đã sử dụng từ này để ngụ ý chỉ rằng đây là một phong cách phù phiếm và chỉ coi nó như một trào lưu thời trang; khi từ *Rococo* được sử dụng lần đầu ở Anh năm 1836, nghĩa thông tục của nó là "lạc hậu" (*old-fashioned*). Dù vậy thì từ giữa thế kỷ 19, từ này đã được chấp nhận bởi các nhà sử học về nghệ thuật. Trong khi hiện nay vẫn có một số tranh luận về tầm ảnh hưởng của phong cách kiến trúc này tới nghệ thuật nói chung thì Rococo hiện vẫn được thừa nhận là một thời kỳ quan trọng trong lịch sử phát triển của kiến trúc châu Âu. Rococo là khái niệm mà các nhà phê bình nghệ thuật thế kỷ 19 sử dụng để mô tả những công trình trang trí kiến trúc và đồ gỗ đã được phát triển từ trường phái Baroque và trở thành một tại Pháp vào những năm 1720 sau khi nhà vua Louis XIV chết. Rococo đã phát triển một cách đại chúng, phổ biến khắp châu Âu. Trong kiến trúc, phong cách này phần lớn giới hạn trong trang trí các mặt đứng, facades bên ngoài. Rococo thể hiện đầy đủ nhất phong cách trang nhã của nó tại những công trình trang trí đồ gỗ, tường nhà của

những biệt thự, nhà riêng của cư dân Paris. Tại Đức và Áo, phong cách Rococo được ứng dụng vào những công trình nội thất kiểu Baroc trong các nhà thờ và cung điện. Rococo có nguồn gốc từ sự kết hợp giữa Baroque và trang trí vườn non bộ kiểu Pháp, đá và vỏ sò được sử dụng để trang trí kiến trúc ngoại thất nhà vườn.



Hình 36 : Nội thất phong cách Rococo

3. Phong cách thời trang

Thời trang trong giai đoạn 1700-1750 ở châu Âu và châu Âu chịu ảnh hưởng của các nước được đặc trưng bởi một mở rộng, toàn đi men bóng cho cả nam giới và phụ nữ sau khi cao, nhìn hẹp của thập niên 1680 và thập niên 90. Tóc giả vẫn cần thiết cho nam giới của chất, và thường là màu trắng, tóc tự nhiên đã được xay thành bột để đạt được cái nhìn thời trang.

Phân biệt đã được thực hiện trong giai đoạn này từ đủ chiếc váy tại Toà án, cho những dịp đặc biệt, và quần áo mặc hàng ngày, quần áo. Như những thập kỷ tiến triển, ít kêu gọi đầy đủ váy đó đã hoàn toàn biến mất vào cuối thế kỷ này.



Hình 37 : Các kiểu thời trang phong cách Rococo

VI. NEOCLASSIC (THẾ KỶ 19)

Neoclassical Architecture - phong cách Tân cổ điển trong kiến trúc - là một phong cách kiến trúc được sản xuất bởi phong trào tân cổ điển bắt đầu vào giữa thế kỷ 18.

Với phong cách Neoclassical thể hiện các trên những chi tiết như một phản ứng chống lại phong trào Rococo bởi vật liệu tự nhiên. Xuất phát ban đầu của NeoClassical được cho rằng kết hợp của kiến trúc cổ điển Hy Lạp và phong cách kiến trúc của nhà thiết kế người Ý Andrea Palladio. Trong nguyên mẫu, kiến trúc Tân cổ điển nhất mạnh các bức tường và có dấu ấn trên những chi tiết của những bức tường.

Trong cuốn sách đầu tiên của Siegfried Giedion (nhà sử học và kiến trúc) có tiêu đề "Late Baroque and Romantic Classicism" được xuất bản vào năm 1922, đã gọi lên phong trào Baroque và lãng mạn cổ điển khẳng định rằng phong cách Louis XVI hình thành nên cấu trúc xu hướng baroque, một phong cách cổ điển trong khuôn khổ, và phong cách Tân cổ điển gọi lên những ý nghĩa liên tưởng, đẹp như tranh vẽ, một sự vui chơi giải trí trong một thế giới xa xôi và đi vào trong cảm giác lãng mạn.

Siegfried Giedion, cuốn sách đầu tiên (1922) đã có danh hiệu gọi Cuối Baroque và lãng mạn cổ điển, khẳng định sau đó, [1] "Các phong cách Louis XVI hình thành hình dạng và cấu trúc kết thúc của xu hướng cuối baroque, cổ điển phục vụ như là khuôn khổ của nó." Trong ý nghĩa tân cổ điển trong kiến trúc có ý nghĩa liên tưởng và đẹp như tranh vẽ, vui chơi giải trí của một thế giới xa xôi, bị mất, đó là, như Giedion cho thấy, đóng khung trong cảm giác lãng mạn.

Phong cách Tân cổ điển còn thể hiện *Trí tuệ*, mong muốn trở về sự "tinh khiết" của nghệ thuật Roma, của nghệ thuật cổ đại Hy Lạp

Đầu thế kỷ 19, nhiều nhà thiết kế kiến trúc phong cách Tân cổ điển chịu sự ảnh hưởng từ các bản vẽ dự án của Estienne - Louis Boullée và Claude Nicolas

Ledoux. Những bản vẽ này được sinh viên học tập cách đưa hình khối hình học vào trong thiết kế. Và phong cách Tân cổ điển được ưa chuộng lên tới cao trào, phong cách này được lưu hành rộng rãi trên Thế giới. Đối lập với Rococo là đi sâu vào điêu khắc một cách kỹ lưỡng, Tân cổ điển chú trọng bề mặt phẳng của những bức tường và tạo những điểm nhấn bởi chính những bức tường, cột trụ, điêu khắc tường với sự vừa phải, không kỹ lưỡng như Rococo.



Hình 38 : Nội thất phong cách Tân cổ điển

Ảnh hưởng chủ yếu của Rococo nhưng có nét khác hơn. Ở thời kỳ này tiêu biểu có những sự kiện:

- Napoleon
- Cách mạng Pháp (1789)
- Cương lĩnh của Các Mác (1848).

Ảnh hưởng của sự phát triển nghệ thuật cũng như sự hình thành của thể chế xã hội. Xã hội lúc đó xuất hiện những trào lưu như trào lưu tân cổ điển, lãng mạn, hiện thực, ấn tượng,...ảnh hưởng đến các sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

Đặc biệt tân cổ điển là trào lưu xuyên suốt, yếu tố ấn tượng, lãng mạn ảnh hưởng đến yếu tố thẩm mỹ của Design.

Neoclassic vẫn học theo bài bản lấy đề tài của thần thoại làm đề tài chính của tranh. Với phong trào lãng mạn đòi hỏi tự do về màu sắc, bố cục. Phong trào tân cổ điển nổi bật với 2 phong trào tiêu biểu:

- Phong trào Empire ở Pháp. Xem chi tiết 2 bình gốm nằm trong phong cách Empire. Nằm trong thời gian của chủ nghĩa tân cổ điển phong cách cung đình được tồn tại hơn 10 năm do Napoleon xây dựng. Tân cổ điển đưa vào nét mới đời thường nhưng vẫn giữ cốt cách của cổ điển.

Tân cổ điển bắt đầu bằng hoạt động xã hội của Napoleon năm 1812. Sự kiện phong trào cách mạng năm 1830 ở Pháp, tư tưởng tiến bộ dân chủ bình đẳng được lưu truyền trong đời sống nhân dân. Họa sĩ Đơ la coa chọn những đề tài sôi nổi (trước phong cách cổ điển chọn đề tài thần thoại, bố cục công thức), hình ảnh phê phán nhà nước độc tài, đưa màu vàng vào tranh.

Năm 1848 cương lĩnh chính trị của C. Mác ra đời ảnh hưởng đến cuộc cách mạng năm 1872 làm nảy sinh xu hướng của nghệ thuật mới sau lãng mạn là đến hình thức phê phán.

VD: Họa sĩ Mile vẽ cảnh sống của nhân dân. Họa sĩ Đômê vẽ chân dung chính quyền thối nát.

Về khoa học bắt đầu ra đời lý thuyết nghiên cứu về màu đưa sự tác động đồng thời của màu (hình thành trường phái ấn tượng).

VD: tranh mặt trời mọc của Đômê, sự ra đời của tháp Eiffel (1878), Crystal Palace. Năm 1853 có cuộc triển lãm sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Nhật, tranh của Hokusai và từ đó hình thành các trào lưu khác biệt: tân cổ điển, lãng mạn, hiện thực, ấn tượng.

- Phong trào Victoria ở Anh phát triển với Revivals Historic (trở lại với lịch sử). Những thay đổi mạnh mẽ do cuộc cách mạng ảnh hưởng đến đời sống đã tác động trên mọi khía cạnh của cuộc sống. Những sản phẩm được làm từ các nhà máy không chỉ được làm bởi những người sản xuất ra chúng mà còn những

nguồn khác ảnh hưởng một cách gián tiếp. Phong cách Victoria là phong cách thiết kế tiêu biểu của thời gian này mà đặc trưng của nó là loè loẹt mượn từ bất kỳ hay tất cả các xuất xứ lịch sử để tạo ra các tác phẩm nội thất, những sản phẩm giàu có và dư dả. Những tác phẩm này hòa nhập với nỗi niềm hoài cổ như phong cách Gothic, Baroco, Rococo, phong cách châu á. Những phong cách này trộn lẫn với nhau có những mặt hạn chế (như sự hỗn loạn nhằm lẫn phong cách trang trí nhiều xu hướng có mặt ở các sản phẩm). Đồng thời có những ưu điểm cùng thời phát triển với những thiết kế thông minh như bàn ghế đa chức năng và phát triển những công dụng mới của vật liệu như gang, kim loại, bàn ghế xoắn, giường cao cấp làm bằng sắt. Cuộc triển lãm đầu tiên lớn nhất năm 1951 ở London.

Sự phát triển văn hoá mới luôn phát triển và sự phát triển như đường xoáy ốc cao lên, loại trừ cái cũ. Lenin nói “văn hoá không phải từ trên trời mà nó luôn phát triển nối tiếp khác với khoa học (1 công trình khoa học mới ra đời có thể loại bỏ công trình cũ).

Bên cạnh sự loè loẹt xa xỉ nó đã bổ sung cho quá khứ những nét mới, phong cách nghệ thuật chú ý đến tình cảm.

VII. CÔNG NGHIỆP RA ĐỜI

1765 xe lúa đầu tiên ra đời

1668 hệ thống chiếu sáng bằng hơi gas ở Berlin ra đời

- Các công trình sử dụng vật liệu mới... ảnh hưởng đến văn hóa 1851 Paxton xây dựng xong lâu đài kính Crystal Palace ở London, Eiffel xây dựng tháp truyền hình.

- 1866 Pháp có tặng Mỹ tượng nữ thần tự do cho thấy sự phát triển khoa học kỹ thuật rất lớn.

- 1899 ra đời máy diezen

- 1883 đèn điện Edison ra đời

- 1871 máy khâu ra đời

- 1876 máy chữ Remington ra đời

- 1855 máy dệt hình thành

- 1888 máy ảnh mang nhãn hiệu Kodak

Cộng đồng người tôn giáo Skaker thực hiện chế độ nam nữ bình đẳng, tài sản của chung nên nảy sinh ra chủ nghĩa cộng sản. Họ có đặc điểm rất tiết kiệm, chất chẽ, ảnh hưởng đến thiết kế của taklnel – những thiết kế công nghiệp

* Sự phát triển về thẩm mỹ. Sự phát triển của các ngành văn hóa ảnh hưởng đến thẩm mỹ Design. Nhưng bây giờ thẩm mỹ của Design ảnh hưởng đến thẩm mỹ của các ngành văn hóa . Ví dụ điển hình là công trình Crystal Palace làm thay đổi thẩm mỹ con người bằng vật liệu nhẹ. Năm 1876 trào lưu ấn tượng ra đời do có lý thuyết về màu của Chevreur – sự tương đương và tương phản của những màu nguyên chất. Họ có khả năng dùng màu thay đổi biến đổi của tự nhiên trong từng khoảnh khắc. Cần phải có sản phẩm mang tính người.

Từ thực tế ấy ra đời các trào lưu:

1. **Art and Crafts (nghệ thuật và thủ công)**: xuất hiện ở Anh do 2 nhà tư tưởng lớn đề xuất và phát triển: William Morus và Ruskin

2. *Art Nouvean (nghệ thuật mới)*” ảnh hưởng của nghệ thuật và thủ công nhưng tiếp cận nhiều với thẩm mỹ. Hoffmain ở Bỉ. Wright là kiến trúc sư các tác phẩm của ông. Trào lưu này phát triển ở nhiều nước: Đức, Áo, Bỉ, Pháp, Ý. ở Đức gọi là phong trào Jugendstil (nghệ thuật trẻ), ở Áo là Secession, ở Ý là nghệ thuật trẻ.

1. Nghệ thuật và thủ công

Triển lãm nghệ thuật lần đầu tiên năm 1951 tại Crystal Palace do kiến trúc sư Paxton thực hiện. Triển lãm lần thứ 2 được tổ chức dưới chân tháp Eiffel nêu lên vai trò của triển lãm góp sức cho cạnh tranh. Những yếu tố của Design bắt đầu hình thành tại những triển lãm này đã phát hiện được những nhược điểm của đồ dùng. Thonet đã nghiên cứu và sản xuất đồ dùng khai thác từ chất mây song kiểu cách, mở đầu cho ngành Design.

Thời đại của cách mạng công nghệ:

Đầu máy xe lửa đầu tiên ra đời năm 1765.

Năm 1826 hệ thống chiếu sáng bằng hơi ga xuất hiện ở Beclin.

Năm 1851 Paxton hoàn thành công trình Crystal Palace cũng trong năm này tổ chức Expo lần đầu.

Năm 1855 máy dệt xuất hiện.

Năm 1855 ra đời súng lục Colt Samuel.

Năm 1855 máy se sợi bằng hơi nước ra đời ở Manchester.

Năm 1870 ở Đức có đường sắt dài 18.000 km.

Năm 1871 máy khâu Singer xuất hiện.

Năm 1876 máy chữ Remington ra đời.

Năm 1878 tháp Eiffel ra đời.

Năm 1881 ở Beclin có xe điện chạy.

Năm 1883 bóng điện Edison ra đời.

Năm 1886 xây dựng tượng nữ thân tự do.

Năm 1888 máy ảnh Kodak ra đời.

Năm 1889 ra đời máy Diesel.

Do đó nảy ra những tranh cãi muốn làm đẹp những sản phẩm này như thế nào? Trường Bauhaus là một đóng góp quan trọng. Mở đầu là phong trào phường hội thủ công (art and crafts) do Morris đề xướng. Phường hội này tồn tại từ năm 1880 đến 1920 trung tâm hoạt động ở Anh, phong trào này nảy sinh do sự khủng hoảng ý thức trước sự phát triển công nghiệp hoá nước Anh. Sự nảy sinh này mang tính chất xã hội đồng thời gắn bó với đạo đức và thẩm mỹ bởi họ thấy rằng công nghiệp đã làm ra những cỗ máy xấu xí và ngột ngạt. Những cỗ máy này không hề thay đổi làm cho lao động của con người giống hệt như cảnh khổ của Xixiphe làm người lao động rất khổ cực (làm ra sản phẩm bao giờ cũng cải tiến và cái đẹp có vai trò quyết định không chỉ hình thức mà còn bao gồm cả hình dáng, chức năng).

Sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp hóa thế kỷ XIX tại Anh đã tạo ra một trật tự xã hội mới dựa trên sự đầu tư mạnh mẽ vào công nghiệp cơ khí và kinh doanh. Hàng hóa sản xuất ra rất đa dạng và được phân phối rộng rãi góp phần nâng cao đáng kể chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên cuộc sống không phải lúc nào cũng tươi đẹp mà có cả những điều chưa tốt, đem lại những thất vọng về sự xuống cấp của những giá trị đạo đức và tinh thần. Có nhiều ý kiến lo ngại về sự suy giảm của những tiêu chuẩn nghệ thuật trong những mặt hàng sản xuất hàng loạt theo phương pháp công nghiệp bởi vì những nhà thiết kế ít chú ý đến khía cạnh này do quá quan tâm đến lợi nhuận. Ngoài ra, sự phát triển ồ ạt của công nghiệp Tư bản Chủ nghĩa làm cho chất lượng môi sinh xấu đi trông thấy.

"Nghệ thuật và Thủ công mỹ nghệ, thừa nhận nhiều định nghĩa. Nó có thể được kết hợp với sự chuyển động của ý tưởng, đặc trưng của gần của thế kỷ trước, và được xác định là một nỗ lực để mang lại cho nó dưới ảnh hưởng của nghệ thuật là chế độ tối cao trong hoạt động của con người của tất cả các loại thể hiện bản thân ở mức cao nhất và tốt nhất, trong trường hợp này được gọi là 'Nghệ thuật và Thủ công mỹ nghệ Triển lãm sẽ là nhưng sự biểu thị một biểu tượng của toàn bộ một phần, tự nó không có khả năng sự biểu thị: hoặc nó có thể được kết hợp với sự hồi sinh, bởi một vài nghệ sĩ, của bàn tay - nghề như

trái ngược thủ công - máy, và được định nghĩa là các khẳng định trên các giá trị của bàn tay con người, một công cụ độc đáo trong nguy cơ bị mất trong các thay thế cho nó máy móc thiết bị cao tổ chức và phức tạp, hoặc của cảm xúc như phân biệt việc chỉ đơn thuần lao động có tay nghề và kỹ thuật : một lần nữa, nó có thể được xác định là một trong những khác, và để có một phạm vi rộng hơn hoặc, như ví dụ, nó có thể được xác định để tạo thành một phong trào mang lại cho tất cả các hoạt động của con người tinh thần dưới ảnh hưởng của một ý tưởng, ý tưởng rằng cuộc sống là sự sáng tạo, và được sáng tạo trong phương thức nghệ thuật, sáng tạo này nên mở rộng đến tất cả các ý tưởng khoa học và tổ chức xã hội, tất cả những ý tưởng và thói quen sinh ra của một cuộc điều hành hoành tráng và ý thức quan niệm của nhân loại, chỗ không có gì và không nơi nào, vào tất cả mọi thứ và ở khắp mọi nơi, cũng như những ngành nghề chỉ đơn thuần là công cụ của chúng tại bất kỳ thời điểm cụ thể.

Các giá trị xã hội và chất lượng sản phẩm công nghiệp là hai vấn đề cốt lõi của phong trào Arts and Crafts thịnh hành ở Anh trong những năm 1850 - 1900 và ở Mỹ (1876- 1916).

Triết lý của phong trào công nghiệp thủ công: công nghiệp hóa sẽ kéo theo sự phá bỏ mục đích của đời sống. Những con người sống trong môi trường với những sản phẩm công nghiệp xấu xí không thể có quan niệm về vẻ đẹp và do đó cũng không thể xúc động trước vẻ đẹp được.

Các họa sĩ Velde, Methesuis, Gropinis khôi phục lại nghề thủ công trung cổ. Họ chú ý đến việc làm đẹp bằng tay và lưu ý đến sự giản dị và toàn vẹn của đồ dùng thực hiện được nguyên tắc quan trọng của nghệ thuật thủ công trong việc nâng cao chất lượng tinh cảm ưu việt của đồ vật và kết hợp cái đẹp với cái hữu ích. Các sản phẩm của phường hội thủ công này có ưu điểm đẹp hơn làm bằng máy. Tuy nhiên thời đó máy móc chưa đủ để thể hiện ý đồ sáng tạo của con người. Sau hoạt động của nghề thủ công nhận thức được sản phẩm phải được làm đẹp nhưng công nghệ chưa cho phép.



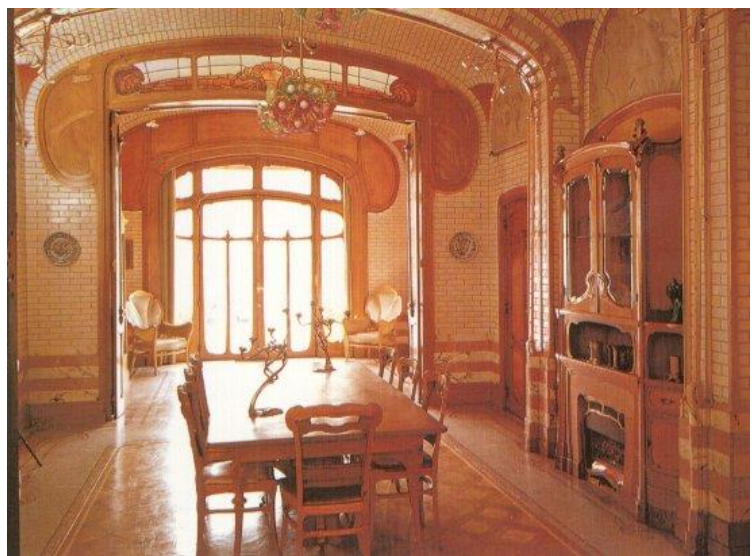
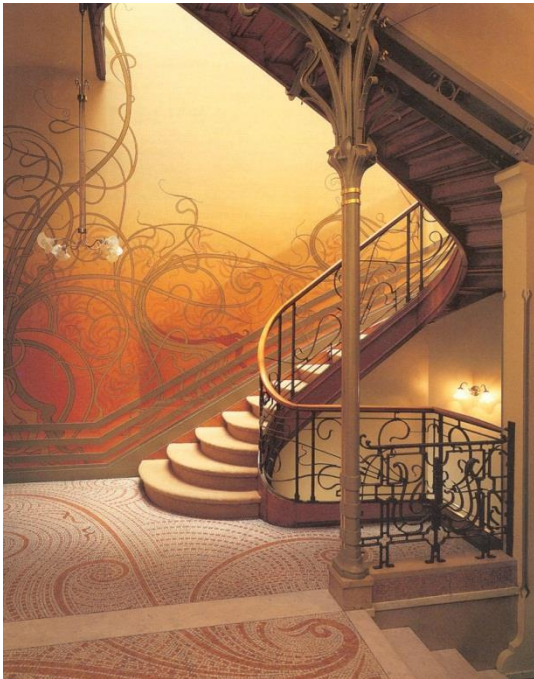
Hình 40 : Thiết kế đồ gốm

2. Art Nouvean (Nghệ thuật mới).

Phong trào "Nghệ thuật mới" (Art nouveau) xuất hiện ở phương Tây (1890-1905), đưa ra những tư tưởng mới, cách thức mới với những công việc liên quan đến mỹ thuật chính là nhằm giải quyết mâu thuẫn trên. Những người khởi xướng phong trào "Nghệ thuật mới" thấy rằng khó có thể chống lại xu thế công nghiệp hóa, cho nên phải tận dụng những phương tiện kỹ thuật mới do cuộc cách mạng công nghệ tạo ra để sản xuất các đồ thủ công mỹ nghệ, cũng như các đồ dùng khác, và như vậy lại càng phải chú ý, tăng cường nhiều hơn nữa các yếu tố mỹ thuật khi làm ra chúng.

Mặt khác những người tham gia phong trào "Nghệ thuật mới" cũng nhìn ra một đối tượng mới của nghệ thuật rất đông đảo đầy tiềm năng có thể có nhu cầu nhiều hơn gấp nhiều lần đối tượng nghệ thuật chính thống cũ: vua, chúa, quan lại, giới quý tộc, các nhà tư bản, những người giàu có trước đây, đó chính là các tầng lớp bậc trung, tầng lớp đại chúng ngày càng tỏ rõ là một lực lượng hùng hậu của xã hội hiện đại và người nghệ sĩ sẽ có nhiều lợi thế cả tiền bạc lẫn

tài năng nếu phục vụ những đối tượng nghệ thuật đang ngày một lớn mạnh này.



Hình 41 : Nội thất Art Nouveau

Với những tư tưởng, quan niệm của phong trào "Nghệ thuật mới" như vậy, đã được nhiều nghệ sĩ, nghệ nhân của nhiều nước phương Tây hưởng ứng, thể hiện. Ở Anh đưa ra "Phong trào mỹ thuật và mỹ nghệ" (Arts and Crafts Movement) do William Morris làm thủ lĩnh. Ở Pháp năm 1901 Emile Gallé thành lập Trường Nancy, ông chuyên về các đồ thủy tinh, gốm, sứ, đồ mộc, Lalique chuyên về đồ kim hoàn, nữ trang, Majorelle làm đồ sắt, thép, còn Grubes chuyên về sơn khắc... Với Nancy đồ thủy tinh của Gallé đã trở thành niềm tự hào của ngành Thủ công mỹ nghệ Pháp do kết hợp được giữa sản xuất theo lối công nghiệp (sự trợ giúp của cơ khí máy móc) và "những bí quyết nhà nghề" (làm bằng cách thủ công truyền thống).

Cho đến nay, mặc cho công nghệ thủy tinh đã tiến những bước rất xa, nhưng những đồ thủy tinh Gallé vẫn giữ nguyên vị trí và giá trị, vẫn là những đồ thủy tinh đắt giá nhất và được những người sành điệu yêu mến nghệ thuật thủy tinh yêu thích nhất. Thực hiện những tư tưởng của phong trào "Nghệ thuật mới" với những màu sắc, cách thức, đặc thù khác nhau ở Bỉ có nhóm "Stile Liberty", ở Italia là "Arte Joven", Tây Ban Nha có tổ chức "Jugendstil", còn ở Áo và Đức có tổ chức Sésession. Xã hội công nghiệp càng phát triển, những đô thị cũng thi nhau phát triển, kéo theo những nhu cầu xây dựng và kiến trúc, cũng như các vật dụng, đồ dùng, đồ đạc mới mà trước đây ngành Thủ công mỹ nghệ chưa làm ra, chưa nghĩ tới những mặt hàng như vậy, và các phong trào, các nhóm, các tổ chức "Nghệ thuật mới" ấy đã sáng tạo, đã đưa thêm nhiều vật liệu mới để phục vụ những nhu cầu đó. Với các vật liệu, các đồ mà ngành Thủ công mỹ nghệ truyền thống đã sử dụng, đã làm ra trước đây như các vật liệu, các đồ bằng gỗ, thủy tinh, hàng dệt, giấy sơn, đồ trang sức... đều được các nghệ nhân, nghệ sĩ cải tiến, đổi mới về mẫu mã, phong cách, kiểu dáng và cả các chức năng nữa.



Hình 42 : Thiết kế đồ gỗ phong cách Art Nouvean

Từ năm 1890 đến năm 1914 phát triển ở Pháp, Bỉ, Đức.

- ở Đức gọi là phong cách jugendstil
- ở áo gọi là phong cách Secession

- ở Ý gọi là phong cách Stilo liberty
- ở Hà Lan gọi là Stigl
- ở Anh gọi là Art deco
- ở Nga gọi là Vkhutemas (đây cũng là tên gọi của trường mỹ thuật đầu tiên ở Nga được phát triển trên mọi lĩnh vực trang trí nội thất đồ gỗ, sắt, gốm, quần áo.

Nghệ thuật mới là phong cách trẻ trỗi dậy phong cách Hàn Lâm Viện, chống chủ nghĩa trở về với lịch sử, chống cái xấu, thiếu thẩm mỹ của các sản phẩm công nghiệp có 1 phần như nghệ thuật thủ công nhưng khác hơn ở sự tìm kiếm giá trị nghệ thuật mới. Các tác phẩm của họ tạo ra các kiểu trang trí năng động hơn, tìm kiếm trong kỹ thuật những cảm xúc về thiết kế sử dụng có ý thức hơn với vật liệu, vật liệu được lựa chọn những hình dáng thích hợp với thiết kế.



Hình 43 : Thiết kế đồ dung phong cách Art Nouvean

Các sản phẩm của công nghiệp này có thiên hướng về nghệ thuật không chú ý nhiều đến công năng. Thực chất họ từ chối hình thức sản xuất công nghiệp với các sản phẩm hàng loạt, tìm kiếm cải cách trong ngành thủ công. Xét cho

cùng phương pháp sáng tác của họ vẫn gần gũi với thiên nhiên trong toàn bộ hoạt động của phong cách trẻ thiên về ý tưởng trở lại với thiên nhiên.

Tiêu biểu cho phong cách này là 3 tác giả lớn:

- Van de Velde: tìm được ngôn ngữ xác thực với sản phẩm và thời đại.
- Behrens thành lập xưởng sản xuất đầu tiên và lập ra những sản phẩm mẫu mực về đồ họa. Ông tập trung cho công nghiệp.
- Hermann Obist cho rằng: “chúng ta coi cái đẹp của sản phẩm công nghiệp là ở chỗ nó phải đơn giản, tiện dụng có hình dáng hợp lý”.
- Agande (người Tây Ban Nha) ông đã làm nhà thờ và nhà theo kiểu cách tân không trùng khớp với thời đại. Công trình kiến trúc nổi tiếng của Tây Ban Nha gây xôn xao.

Sự mâu thuẫn không cái nhìn của họ (cách tân). Có cái nhìn gần hơn với nghệ thuật thủ công nhưng vẫn lẫn lộn giữa thủ công và hiện đại. Đây là mầm mống của Design hiện đại.

Ở Pháp bắt đầu ở Nancy thành lập các trường dạy trang trí chủ yếu lấy thiên nhiên: cây cỏ hoa lá và biểu tượng hoá. Họ thành lập các nhà máy đồ gỗ sử dụng hơi nước, máy cưa chạy bằng quạt gió và đặc biệt ở Paris có hoạt động rất sôi động như thiết kế cửa ga tàu điện ngầm ở ga Guimark. ở Bỉ có nhóm hoạt động Libre Esthetignic. Đồ gỗ của Bỉ sử dụng những nghiên cứu mới bằng sắt, ứng dụng vật liệu mới, kết hợp vẻ đẹp của đồ dùng với kiến trúc. Vật liệu mới thể hiện cấu trúc tự do tạo không gian rộng nhiều ánh sáng. Nhóm này chống lại sự bảo thủ của lịch sử, chú ý đến chất lượng sản phẩm, cố gắng đưa vào sản phẩm công nghiệp vì sản phẩm công nghiệp đem lại sự tiến bộ.

Ở Đức thành lập liên đoàn thủ công Đức với mục tiêu nâng cao chất lượng nghề nghiệp. Họ chủ trương kết hợp công nghiệp với thủ công, chú ý đến thị trường cạnh tranh, hàng hóa phải cải tiến có thêm thẩm mỹ cao. Người có chủ trương này nổi tiếng ở Đức là Muthesms, Othaus, Behrens. Muthesms hoạt động ở London, ông có nguyện vọng tạo thiết kế mới đạt hình dáng có thể sản xuất công nghiệp giá cả phải chăng, tuổi thọ cao.

Muốn rẻ thì phải giảm vật liệu đó là xu hướng tối thiểu (cái đẹp của tối thiểu Minimalism), gia công ít thì chất lượng phải giảm xuống, tiêu chí đẹp được đánh giá cao hơn. Khi chú ý đến cái đẹp vai trò của Design rất cao. Osthaus đã chú ý đến điều đó.

Trường Bauhaus ra đời (1919 - 1924) ở Weimar (Bênmer)

Năm 1925 đến 1933 ở Dessau do kiến trúc sư Walter Gropius sáng lập do sự kết hợp của 2 trường là Viện hàn lâm nghệ thuật Weimar và trường mỹ nghệ hoàng gia lãnh địa, với mục đích:

- Tái thiết sự hợp nhất các ngành mỹ thuật dưới ưu thế của nghệ thuật.

- Nhằm đào tạo những sinh viên đạt trình độ đáp ứng nhu cầu của nền sản xuất có chất lượng. Bauhaus trong những năm này luôn phải thay đổi cái nhìn nhưng vẫn giữ tư tưởng chủ yếu là sự thống nhất toàn diện của sáng tạo về không gian. Nghĩa là không gian và vật thể thống nhất một cách hữu cơ như tổng hợp những điều kiện phương tiện và ý nghĩa xã hội. Đào tạo cho sinh viên những tiêu chí sau:

- + Nắm vững quy luật và tính chất vật liệu, sử dụng chúng thích hợp về thẩm mỹ với không gian nội thất.

- + Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng phục vụ cho 95% dân số sống xa xỉ.

- + Hiểu biết về công nghệ công nghệ thuật thuần túy. Khẩu hiệu đề ra “thống nhất nghệ thuật và kỹ thuật” các Design và Kiến trúc sư mới được tiếp xúc với kỹ thuật sản xuất hiện đại.

Nền nghệ thuật Bauhaus có nhiều ưu điểm:

- Loại trừ trang trí bề ngoài trên sản phẩm tiêu dùng.

- Thừa nhận một nền mỹ thuật trong công nghiệp và tiêu chuẩn hóa nó, cải tiến nó trong sản xuất.

- Khởi nguồn cao nhất để sản xuất hàng loạt sản phẩm có thẩm mỹ.

- Chú ý đến khoa học và kỹ thuật lấy cơ sở đào tạo kỹ thuật gốc cụ thể là Kiến trúc sư. Bên cạnh đó giáo dục thẩm mỹ, cơ sở thẩm mỹ của Fracostel dựa vào các vấn đề cấu trúc họ đã xây dựng trường (hiện nay đã thành bảo tàng là di

tích của trường và là đề xuất đầu tiên của chủ nghĩa công năng trong kỹ thuật. Nhược điểm của Bauhaus là bỏ quên các ngành thủ công. Họ trông thấy rằng thủ công chứa đựng sự giàu có của sức tưởng tượng. Bauhaus chú ý đến kỹ thuật, nghệ thuật, mỹ thuật đến modern. Họ hiểu được công trình đầu tiên phải có khoa học.

Câu hỏi ôn tập.

Câu 1: Anh (chị) hãy trình bày design trong nền văn hóa cổ Ai cập, Hy Lạp & La Mã

Câu 2: Anh (chị) hãy trình bày design trong thời kỳ trung cổ & phục hưng

Câu 3: Anh (chị) hãy trình bày design trong thời kỳ baroque & rococo

Câu 4: Anh (chị) hãy trình bày design trong thời kỳ tân cổ điển

Câu 5: Phong trào “Nghệ thuật và Thủ công” (Arts and Crafts) do ai khởi xướng. Quan điểm và sản phẩm của phong trào này. Sự đóng góp và hạn chế của trào lưu này

Câu 6: Phong trào Art nouveau ra đời từ khi nào? Quan điểm và sản phẩm của phong trào này? Sự đóng góp và hạn chế của trào lưu này.

CHƯƠNG 3 :DESIGN TẠI VIỆT NAM

Mục tiêu của bài học :

- Sinh viên hiểu rõ về Design gắn với văn hóa truyền thống (văn hóa Việt Nam)
- Sinh viên nắm được sự hình thành và đặc trưng các sản phẩm nghệ truyền thống ở Việt Nam.

I. Sự hình thành Làng của Việt Nam như thế nào ?

Làng là một hạt nhân của văn hoá, là nơi cụm cư những người ở khu vực nào đó di chuyển đến hoặc ở nhiều nơi cụm lại với nhau theo nghề : nông, thủ công. Qua quá trình ấy hình thành nếp sống, thói quen thành văn hoá Làng. Làng là đơn vị cá thể trong một đất nước. Họ chung sống với nhau phải có “khế ước” (quy định về luật lệ). Từ đó hình thành một nếp sống theo nghề nghiệp cụ thể. Họ tổ chức nếp sống thích nghi với làng từ đó nảy sinh ra phong tục. Trong nhu cầu này nhu cầu văn hoá là nhu cầu cơ bản : tục, lệ, hội, nhu cầu gặp gỡ giao tiếp trong cộng đồng, tổ chức hát (chèo, quan họ, trống quân, tục treo tranh...)

1. Cơ sở văn hoá được hình thành trong con mắt của Design ?

Làng nào cũng có chùa mục đích phục vụ tín ngưỡng. Đạo Phật xuất phát từ Ấn Độ bằng hai đường: phương Nam và Trung Quốc. Vua Hy Lạp mang nền văn hóa truyền cho Ấn Độ (tượng A di đà mang phong cách Hy Lạp rõ ràng). Đạo Phật Ấn có 30 vị tiên La Hán sang Việt Nam lại thành 36 vị (làm theo phong cách Trung Quốc). Tín ngưỡng của Phật vào văn hóa làm theo tín ngưỡng dân gian. ví dụ: Quan âm thi kính, tượng đức ông, cạnh chùa có nơi thờ mẫu. Các nghệ nhân Việt Nam xây dựng chùa như thế nào? và chùa thành trung tâm văn hóa của làng.

Nhờ bàn tay của người nghệ sĩ căn cứ vào công năng sử dụng của chùa để xây dựng chùa. Chùa xây dựng ở nơi khép kín, tĩnh mịch, đẹp của sự tĩnh

mịch. Trong chùa nơi tĩnh hình đến một tính chất “nội công ngoại quốc” (trong là chữ công, xung quanh chữ quốc).

(Kết quả khép kín, nguyên tắc phù hợp với kết cấu chức năng của nơi thờ thần)

- So sánh cái chùa với đồ gốm thời lý
- So sánh đồ gốm trong chùa

=>thể thức của cái đẹp. Cái đẹp của sự tỉ lệ, mức độ, hài hòa. Một con số nếu đã đẹp thì là vĩnh cửu, bất biến (Pitago). Tuy nhiên điều này chưa chính xác. Vì vậy người Design khi sản xuất phải nghiên cứu tâm lý sản xuất của con người. Quan niệm của Pitago có thể vĩnh cửu nhưng đẹp ở thời điểm này nhưng không đẹp ở thời điểm khác, Pitago đã đưa ra định thức:

$$\frac{b}{a} \sim \frac{a}{b+a}$$

=>thể thức về đẹp của Việt Nam là thể thức vuông tròn (nếp sống của người Việt Nam)

Kiến trúc chùa Việt Nam thích hợp với môi trường, chú ý đến môi trường xung quanh. Đặc biệt chú ý ánh sáng một không gian tỏa rộng, khép kín và nâng lên chiều cao.

=> Tạo ra những không gian ảo giác.

Có thể nói chùa đã được các nhà kiến trúc dân gian dựng lên. Trong chùa ta thấy một loạt đồ dùng được tạo bởi thợ thủ công chính đây đã trở thành đồ dùng không thể phủ nhận.

2. Đình làng:

Đình làng là loại kiến trúc duy nhất ở Việt Nam, là nơi tôn nghiêm nhất để thờ thành hoàng làng. Đình cổ nhất có ở thế kỉ 16. Lý giải của nhà sử học Trần Văn Giáp. Vua đời Trần thường đi kinh lý. Đi đến đâu thường xây nhà to để ở. Khi vua đi thì trở thành đình. Trước đây đình thường chỉ có 3 gian và 2 trái. Gian giữa không có sạp, trong gian thờ Thành hoàng. Cuối thế kỷ 17 từ gian giữa và kộ dài về sau gọi là chuội vò, tạo cho đình làng mang kiểu chữ Đình.

Cuối thế kỷ 17, nhất là thế kỷ 19, đờnh làng được bổ sung tũa tiền tế.Công Văn Trung (họa sĩ): “Sinh hoạt của nhà Rông người Mường như đình: trai gái tụ họp, tổ chức các lễ hội. Ông nghiên cứu dáng của nhà Rông.

Kiến trúc truyền thống được xây dựng dựa trên những nguyên tắc của thuật phong thủy.Địa điểm của đình khác đềnchùa.Trong khi chùa và đền chuộng địa điểm tĩnh mịch, có khi u tịch, khuất lối thì đình làng chủ yếu lấy địa điểm trung tâm.Lý tưởng nhất là đình có địa điểm thoáng đấng nhìn ra sông nước. Nếu không có được aohồ thiên nhiên thì dân làng có khi đào giếng khơi để có mặt nước phía trước đình cho đúng thế "tụ thủy" vì họ cho đó là điềm thịnh mãi cho làng. Kiểu xây dựng bằng gỗ bao gồm các yếu tố nghiêng về trang trí và chạm khắc.

Đình làng thường là một ngôi nhà to, rộng được dựng bằng những cột lim tròn to thẳng tắp đặt trên những hòn đá tảng lớn.Vì, kèo, xà ngang, xà dọc của đình cũng làm toàn bằng gỗ lim.Tường đình xây bằng gạch. Mái đình lợp ngói mũi hài, hai đầu hồi xây bít đốc hoặc làm bốn góc đầu đao cong. Trên nóc đình là hai con rồng châu mặt nguyệt, tục gọi là "lưỡng long triều nguyệt" hay "lưỡng long tranh châu". Sân đình được lát gạch.Trước đình có hai cột trụ cao vút, trên đình được tạc hình con nghê.Trong đình, gian giữa có bàn thờ, thờ một vị thần của làng gọi là Thành hoàng. Một chiếc trống cái cũng được để trong đình để đánh vang lên theo nhịp ngũ liên thúc giục dân làng về đình tụ họp bàn tính công việc của làng.

- Theo Nguyễn Văn Huyền (bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên): Đình là nhà công cộng: hội làng, họp lý dịch, phạt vạ.

- Theo Trịnh Cao Tường: Từ hình thuyên trên trống đồng ra dáng của đình.

=> Chức năng của đình là gì?

- Thờ thành hoàng làng (ông tổ nghề, người lập ra làng)
- Cơ quan hành chính
- Câu lạc bộ văn nghệ

- Nhà tưởng niệm

=> Kiến trúc đình là kiến trúc mở, thường là nơi qua lại đông người, không có cổng ngăn cách.

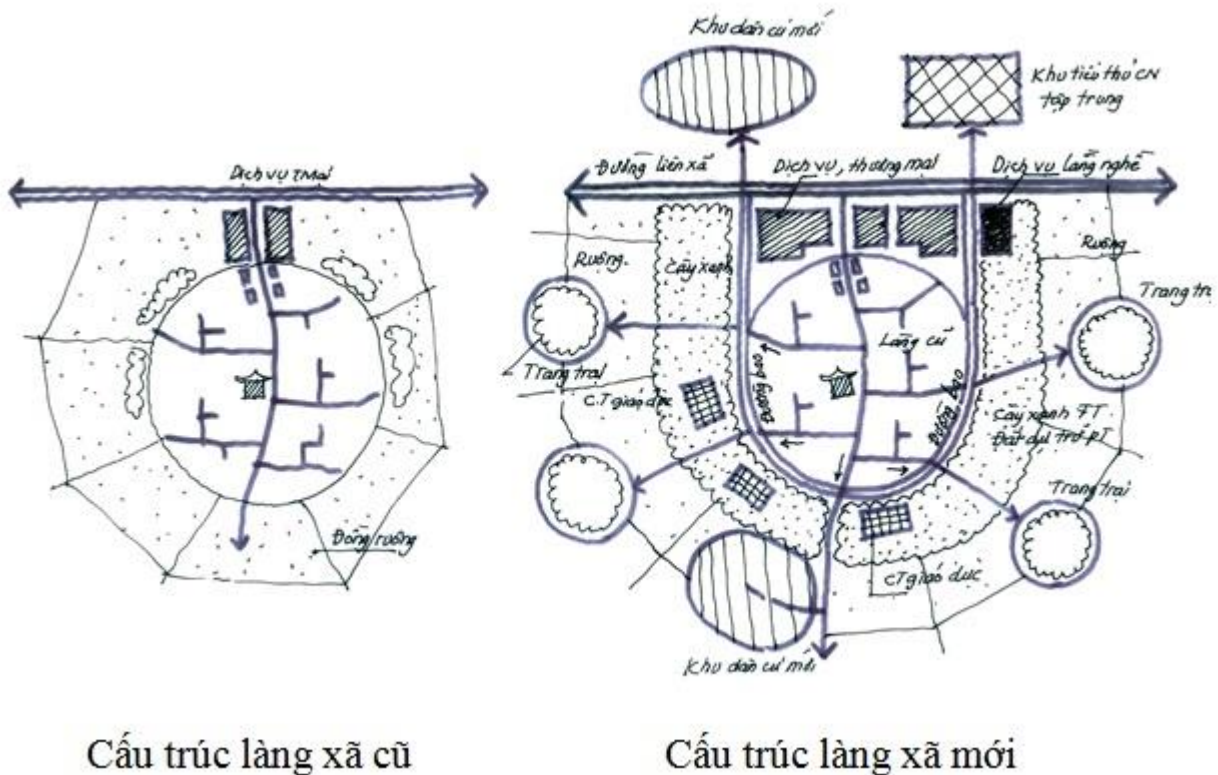
Trong đình không có tượng nhưng cấu trúc chạm trổ rất nhiều. Hiếm có một công trình kiến trúc nào không dùng một cái đình nào. Đình có kết cấu mộng. Mái đình rất dày, 2 phần mái, 1 phần nhà.

Kiến trúc đình làng theo kiểu “Vì kèo” có sàn gỗ, hoặc nền đất lát gạch với những hàng cột lim to khoẻ, vững chãi. Phân bố các gian của đình thường là 3 gian, hoặc 5 gian, tùy theo khả năng làng to nhỏ, giàu nghèo. Mái đình lợp ngói có độ dốc vừa phải. Bốn góc mái thường có đầu đao uốn cong mềm mại vút lên như cánh chim bay. Hoặc theo kiểu “mái dốc – hai đầu đốc” có hoặc không có cánh gà nhô lên. Bờ nóc của đình thường được trang trí một dải dài hoa văn chạm nổi hoặc chạm thủng chạy suốt là hoa chanh, hay hoa thị. Bờ nóc thường đắp đôi rồng châu nguyệt (hoặc châu mặt trời). Tường bao xây bằng gạch trần nung già “da vại” mạch bắt vữa, hoặc trát vữa (còn gọi là hồ áo), quét vôi trắng. Nhìn gần, ngôi đình có độ thấp với mái ngói hơi nặng, nhưng nhìn xa lại có vẻ bề thế, thanh thoát bởi độ cao vừa phải, vừa với tầm kích con người Việt Nam nên nó thân mật, không tạo khoảng cách xa lạ, hoặc uy hiếp chủ nhân như những giáo đường phương Tây có gác chuông cao nhọn chọc thẳng lên trời. Trước ngôi đình thường có giếng nước hoặc hồ nước - ao làng - theo thuyết phong thủy âm dương hoà hợp. Hồ thường thả sen, hay súng, tới mùa hương hoa toả thơm mát dịu. Nằm trong khuôn viên kiến trúc còn có tam quan - cổng đình, có mái lợp ngói hoặc là bốn trụ có trang trí kiến trúc đứng lộ thiên. Góp phần vào vẻ đẹp kiến trúc, còn có những cây cổ thụ - như đa, muỗm - tỏa bóng mát xuống công trình. Màu trắng của tường vôi, màu nâu đỏ của ngói hoặc gạch trần, hoặc rêu phong, màu xanh của lá, mặt phẳng thoáng của nước hồ ao như tấm gương soi lớn phản chiếu cảnh vật, nhân đôi chiều cao công trình

=> Có thể nói đình, chùa, đền nằm trong hợp thể mang một nét văn hóa tiêu biểu của làng.

3. Cách tổ chức làng:

- Làng 1 bờ sông: kiểu xương cá
- Có nơi đình thành trung tâm, có nơi đình chùa thành một cụm
- Trong làng chú ý đến nhà ở. Trong gian nhà có bàn thờ. Trên bàn thờ có vật dụng gắn liền với chức năng tín ngưỡng do quá trình sống tạo nên. Ngoài ra còn có sập gụ, tủ chè, tràng kỷ.



II. Sự hình thành làng nghề.

Làng nghề Việt Nam, làng nghề thủ công, làng nghề truyền thống hoặc làng nghề cổ truyền thường được gọi ngắn gọn là làng nghề, là những làng mà tại đây hầu hết dân cư tập trung vào làm một nghề duy nhất nào đó, nghề của họ làm thường có tính chuyên sâu cao và mang lại nguồn thu nhập cho dân làng.

Làng nghề là một thiết chế kinh tế - xã hội ở nông thôn, được tạo bởi hai yếu tố làng và nghề, tồn tại trong một không gian địa lý nhất định, trong đó bao gồm nhiều hộ gia đình sinh sống từ nguồn thu chủ yếu từ nghề thủ công, giữa họ có mối liên kết về kinh tế, xã hội và văn hóa.

Khái niệm làng nghề được hiểu là làng tuy vẫn diễn ra hoạt động trồng trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi nhỏ, cũng đã có một số nghề phụ khác(Đan lát... xong đã nổi trội một nghề cổ truyền, tinh xảo với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp, có phường hội, (có cơ cấu tổ chức nhất định), có ông trùm có phó cả.... cùng một số thợ phụ và phó nhỏ, đã chuyên tâm có quy trình công nghệ nhất định và sống chủ yếu bằng nghề đó, sản xuất ra những mặt hàng thủ công, những mặt hàng có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng hóa có quan hệ thông thương với thị trường trong nước và tiến tới mở rộng xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Những làng nghề này ít nhiều đã nổi danh từ lâu, có quá khứ từ trăm ngàn năm, tên làng đã đi vào lịch sử, ca dao, tục ngữ ... trở thành di sản văn hóa dân gian.

Theo thời gian và sự biến đổi về kinh tế văn hóa... ta lại có KN về làng nghề như sau:Những làng ở nông thôn có các ngành nghề phi nông nghiệp chiếm ưu thế về số hộ, số lao động và tỷ trọng thu nhập so với nghề nông.

Một xã hội nông nghiệp lạc hậu, khép kín trong các làng xã, ở mức cao hơn lại khép kín trong từng vùng, rồi suốt những năm dài của chế độ phong kiến hầu hết các triều đại đều bế quan tảo cảng, hạn chế thông thương với bên ngoài. Bờ biển dài, hải sản phong phú nhưng khai thác chủ yếu ven bờ.Đời sống chủ yếu tự cấp tự túc, trao đổi chật hẹp trong những chợ làng nhỏ nhỏ. Do đó, phần lớn hàng hóa trong đó có sản phẩm thủ công chỉ là để phục vụ nội bộ trong phạm vi hạn hẹp, tự sản tự tiêu. Sản phẩm làm ra chủ yếu để phục vụ trong gia đình và rộng hơn một chút là trong xóm ngoài làng.Chính sự khép kín này góp phần ra đời các làng nghề thủ công bởi không có nơi khác đến trao đổi với mình.

Áp lực dân số ngày một tăng nhanh, đất chật người đông, nhất là ở các vùng chiêm trũng chỉ trồng lúa một vụ, người nông dân có nhiều thời gian nhàn rỗi do nhịp điệu thời vụ canh tác quy định, vì thế người nông dân nào cũng biết thêm một nghề phụ thủ công từ đơn giản như đan lát, làm gốm thô sơ, các đồ

mộc, trồng dâu nuôi tằm... đến các nghề thủ công tinh xảo nhằm thỏa mãn nhu cầu tự túc tự cấp trong phạm vi làng xóm.

Cho đến nay vẫn chưa có khái niệm chính thống về “làng nghề”. theo giáo sư trần quốc vượng thì “làng nghề là một làng tuy vẫn còn trồng trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi nhưng cũng có một số nghề phụ khác như đan lát, gốm sứ, làm tương... song đã nổi trội một nghề cổ truyền, tinh xảo với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có phường (cơ cấu tổ chức), có ông trùm, ông cả... cùng một số thợ và phó nhỏ, đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ nhất định “sinh ư nghệ, tử ư nghệ”, “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, sống chủ yếu được bằng nghề đó và sản xuất ra những mặt hàng thủ công, những mặt hàng này đã có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng và có quan hệ tiếp thị với một thị trường là vùng rộng xung quanh và với thị trường đô thị và tiến tới mở rộng ra cả nước rồi có thể xuất khẩu ra cả nước ngoài”

III. Đặc điểm của làng nghề :

- Đặc điểm nổi bật nhất của các làng nghề là tồn tại ở nông thôn, gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp. các làng nghề xuất hiện trong từng làng- xã ở nông thôn sau đó các ngành nghề thủ công nghiệp được tách dần nhưng không rời khỏi nông thôn, sản xuất nông nghiệp và sản xuất- kinh doanh thủ công nghiệp trong các làng nghề đan xen lẫn nhau. người thợ thủ công trước hết và đồng thời là người nông dân.

- Hai là, công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm trong các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống thường rất thô sơ, lạc hậu, sử dụng kỹ thuật thủ công là chủ yếu. công cụ lao động trong các làng nghề đa số là công cụ thủ công, công nghệ sản xuất mang tính đơn chiếc. nhiều loại sản phẩm có công nghệ- kỹ thuật hoàn toàn phải dựa vào đôi bàn tay khéo léo của người thợ mặc dù hiện nay đã có sự cơ khí hoá và điện khí hoá từng bước trong sản xuất, song cũng chỉ có một số không nhiều nghề có khả năng cơ giới hoá được một số công đoạn trong sản xuất sản phẩm.

- Ba là, đại bộ phận nguyên vật liệu của các làng nghề thường là tại chỗ. hầu hết các làng nghề truyền thống được hình thành xuất phát từ sự sẵn có của nguồn nguyên liệu sẵn có tại chỗ, trên địa bàn địa phương. cũng có thể có một số nguyên liệu phải nhập từ vùng khác hoặc từ nước ngoài như một số loại chỉ thêu, thuốc nhuộm... song không nhiều.

- Bốn là, phần đông lao động trong các làng nghề là lao động thủ công, nhờ vào kỹ thuật khéo léo, tinh xảo của đôi bàn tay, vào đầu óc thẩm mỹ và sáng tạo của người thợ, của các nghệ nhân. trước kia, do trình độ khoa học và công nghệ chưa phát triển thì hầu hết các công đoạn trong quy trình sản xuất đều là thủ công, giản đơn. ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học- công nghệ, việc ứng dụng khoa học- công nghệ mới vào nhiều công đoạn trong sản xuất của làng nghề đã giảm bớt được lượng lao động thủ công, giản đơn. tuy nhiên, một số loại sản phẩm còn có một số công đoạn trong quy trình sản xuất vẫn phải duy trì kỹ thuật lao động thủ công tinh xảo. việc dạy nghề trước đây chủ yếu theo phương thức truyền nghề trong các gia đình từ đời này sang đời khác và chỉ khuôn lại trong từng làng. sau hoà bình lập lại, nhiều cơ sở quốc doanh và hợp tác xã làm nghề thủ công truyền thống ra đời, làm cho phương thức truyền nghề và dạy nghề đã có nhiều thay đổi, mang tính đa dạng và phong phú hơn.

- Năm là, sản phẩm làng nghề, đặc biệt là làng nghề mang tính đơn chiếc, có tính mỹ thuật cao, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. các sản phẩm làng nghề truyền thống vừa có giá trị sử dụng, vừa có giá trị thẩm mỹ cao, vì nhiều loại sản phẩm vừa phục vụ nhu cầu tiêu dùng, vừa là vật trang trí trong nhà, đền chùa, công sở nhà nước... các sản phẩm đều là sự kết giao giữa phương pháp thủ công tinh xảo với sự sáng tạo nghệ thuật. cùng là đồ gốm sứ, nhưng người ta vẫn có thể phân biệt được đâu là gốm sứ bát tràng (hà nội), thổ hà (bắc ninh), đồng triều (quảng ninh). từ những con rồng chạm trổ ở các đình chùa, hoa văn trên các trống đồng và các hoạ tiết trên đồ gốm sứ đến những nét chấm phá trên các bức thêu... tất cả đều mang vóc dáng dân tộc, quê hương, chứa đựng ảnh

hưởng về văn hoá tinh thần, quan niệm về nhân văn và tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc.

- Sáu là, thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề hầu hết mang tính địa phương, tại chỗ và nhỏ hẹp. bởi sự ra đời của các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống, là xuất phát từ việc đáp ứng nhu cầu về hàng tiêu dùng tại chỗ của các địa phương. ở mỗi một làng nghề hoặc một cụm làng nghề đều có các chợ dùng làm nơi trao đổi, buôn bán, tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề. cho đến nay, thị trường làng nghề về cơ bản vẫn là các thị trường địa phương, là tỉnh hay liên tỉnh và một phần cho xuất khẩu. Làng nghề truyền thống ở Việt Nam

- Bảy là, hình thức tổ chức sản xuất trong các làng nghề chủ yếu là ở quy mô hộ gia đình, một số đã có sự phát triển thành tổ chức hợp tác và doanh nghiệp tư nhân.

IV. Phân loại làng nghề

Làng nghề là một trong những nét đặc sắc của quá trình phát triển tiền tư bản phương Đông ở Việt Nam, các nghề nổi tiếng và lâu đời nhất như nghề đúc đồng, dệt vải, làm giấy, làm gốm, chạm gỗ... đều xuất phát và tồn tại ở các làng. Ở Việt Nam, ngoài những làng nghề thủ công xuất hiện từ hai, ba ngàn năm trước phần lớn các nghề thủ công phát triển mạnh trong cơ cấu làng nghề từ sáu, bảy trăm năm trở lại đây. Nghề thủ công Việt Nam suốt hàng ngàn năm tồn tại, không chỉ để lại cho đời sau những sản phẩm vật chất và tinh thần vô giá, mà còn đóng góp những vật dụng thiết yếu, góp phần phát triển và nâng cao giá trị cho các loại hình nghệ thuật dân gian khác. Nghề và làng nghề thủ công đã trở thành một bộ phận không thể tách rời trong di sản văn hóa dân tộc.

Trong chiếc nôi của nền văn minh lúa nước, các nghề thủ công ở Việt Nam dường như không tách rời khỏi nông nghiệp mà luôn đan xen, song hành với nghề nông, là một phần không thể thiếu của làng xã nông nghiệp cổ truyền. Để duy trì các hoạt động nghề nghiệp, mỗi làng nghề do đặc trưng nghề nghiệp

đều có cách thức tổ chức và phân công lao động khác nhau. Những cách thức này ban đầu chỉ là những quy ước, sau trở thành quy lệ; lúc đầu chỉ là truyền khẩu rồi theo thời gian những lệ, luật trong hành nghề và truyền nghề được văn bản hóa và được giữ gìn, bảo lưu các bí quyết nghề nghiệp. Tri thức nghề không chỉ thể hiện trong khuôn khổ một nghề truyền thống mà còn thể hiện qua sự phối hợp đồng bộ và hài hòa giữa nhiều nghề khi cùng làm nên một sản phẩm là những công trình kiến trúc, như: cung điện, đình chùa, lăng tẩm... Có thể phân loại thành các nhóm ngành nghề chủ yếu :

1. Nghề chế tác kim loại

Trong lịch sử thủ công nghiệp Việt Nam, nghề đúc đồng mở đầu cho các dạng nghề sử dụng nguyên liệu chính là kim loại (đồng, vàng, bạc...). Ngay từ khi xuất hiện, nghề đúc đồng đã phát triển nhanh và lan rộng tới các vùng lãnh thổ. Cũng như đồ gốm, đồ đồng trở thành vật chứng tiêu biểu nhất chứng minh các giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.

Tư liệu khảo cổ học cho biết từ thời văn hóa Phùng Nguyên (cách ngày nay khoảng 3500 năm) đã diễn ra những hoạt động chế tác đồng. Đến văn hóa Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn đồ đồng đã có rất nhiều loại, như đồ gia dụng, công cụ sản xuất, đồ trang sức, binh khí... với những đường nét chạm khắc tinh xảo mô tả cảnh sinh hoạt của người Lạc Việt có kỹ thuật làm khuôn, pha chế đạt tiêu chuẩn cao. Nổi trội và trở thành biểu trưng của văn minh sông Hồng là trống đồng Đông Sơn – sản phẩm đặc sắc của nền thủ công mỹ nghệ nước ta. Đây là sáng tạo tuyệt vời của người Việt cổ về kỹ thuật đúc, nghệ thuật tạo dáng và trang trí.

Song hành với nghề đúc đồng, gò đồng là nghề kim hoàn với nguyên liệu chính là vàng, bạc. Với tính năng bền, dẻo, dễ chế tác và sớm được phát hiện (từ thời kỳ đồ Đá mới) nhưng vàng bạc không được người nguyên thủy quan tâm vì chúng không có độ cứng cần thiết cho công cụ sản xuất và vũ khí. Đến thời kỳ đồ Đồng và sơ kỳ đồ Sắt khi kỹ nghệ luyện kim và đặc biệt là kỹ nghệ đúc đồng

phát triển, thịnh hành thì vàng bạc mới được quý trọng và chiếm vị trí hàng đầu trong các nguyên liệu sản xuất đồ trang sức.

2. Nghề mộc, chạm

Dù xuất hiện muộn hơn các nghề có niên đại từ thời tiền, sơ sử (như nghề chế tác đá, nghề đan, nghề làm đồ gốm...), nghề mộc vẫn được coi là một nghề nảy sinh và phát triển sớm ở Việt Nam, bởi nó phải đáp ứng một trong những nhu cầu thiết yếu của con người khi bước chân ra ngoài hang động – đó là sự ở.

Nghề mộc xuất hiện sớm, nhưng vào khoảng thế kỷ XIV, XV các làng nghề mộc vùng châu thổ sông Hồng mới dần được hình thành và nằm rải rác ở nhiều nơi, do nhu cầu của đời sống và sự phân công một cách tự nhiên của xã hội. Nếu lấy kinh đô Thăng Long làm trung tâm thì khắp đông, đoài, nam, bắc đều có các làng nghề, vùng nghề mộc hình thành và phát triển, như xứ Đoài có Chàng Sơn, Sơn Đồng, Dư Dụ (ở các huyện Thạch Thất, Hoài Đức, Thanh Oai ngoại thành Hà Nội ngày nay); xứ Bắc có Phù Khê, Đông Kỵ, Thiết Ứng...; xứ Nam có La Xuyên (Nam Định), Cao Đà (Hà Nam), Nhị Khê (Thường Tín, Hà Nội); xứ Đông có Cúc Bồ (Hải Dương), Hà Cầu (Hải Phòng) và đặc biệt là trung tâm khắc in mộc bản với các phường thợ nổi tiếng Hồng Lục, Liễu Tràng...

Sản phẩm của nghề mộc là vật dụng thiết yếu và phổ cập của người dân từ xưa đến nay nhưng lịch sử nghề mộc không được các sử gia phong kiến biên chép cẩn trọng, đến nay các công trình nghiên cứu về làng nghề truyền thống nói chung cũng không dành nhiều sự quan tâm cho chúng.

3. Nghề gốm

Nghề chế tác đồ gốm xuất hiện ở nước ta từ rất sớm, có niên đại từ thời tiền – sơ sử. Dấu ấn của cuộc sống con người được lưu giữ lại thông qua các hiện vật tồn tại trong lòng đất, trong đó nổi bật và đa dạng hơn cả là đồ gốm – chúng được coi là những “vật chứng trung thành nhất cho từng thời kỳ phát triển của nhân loại”.

Đồ gốm cũng như nghề chế tác gốm có lịch sử lâu đời nhưng lịch sử nghiên cứu gốm lại diễn ra rất muộn, vào nửa đầu thế kỷ XX những phát hiện và nghiên cứu sớm nhất về gốm Việt Nam hầu hết đều do các học giả nước ngoài khởi phát, đến nửa sau thế kỷ XX công cuộc nghiên cứu của các học giả Việt Nam mới thực sự khởi động. Việc nghiên cứu về đồ gốm của các nhà khảo cổ học liên quan mật thiết đến với việc nghiên cứu nghề chế tác gốm, kết quả từ những phát hiện mới về khảo cổ học là tác nhân, động lực thúc đẩy việc nghiên cứu đồ gốm với tư cách là sản phẩm của nghề thủ công và làng nghề truyền thống.

4. Nghề đan lát; nghề thêu, dệt; nghề làm giấy; đồ mã và nghề làm tranh dân gian

Theo sử liệu, nghề đan lát có từ thời tiền sử. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về nghề đan lát chưa có nhiều thành tựu như các nghề thủ công khác, điều này có thể do chất liệu của đồ đan không tồn tại được lâu như các đồ gốm, gỗ, kim loại...

Nghề dệt được quan tâm nhiều, tư liệu khảo cổ học đã cung cấp cho chúng ta những bằng chứng xác thực về nghề dệt thời Hùng Vương qua một số công cụ dệt được làm từ chất liệu gốm (di chỉ gò Cây Táo, Thanh Trì, Hà Nội), đây là hiện vật liên quan đến nghề dệt có niên đại sớm nhất giúp chúng ta xác định thời kỳ này người Việt cổ đã biết dệt và dùng sản phẩm dệt để tạo nên trang phục cho mình. Cùng với các nghề đan lát, đúc đồng, chế tác vàng bạc... dệt là một trong những nghề thủ công quan trọng của nước ta.

Xuất hiện muộn hơn các nghề trên là nghề làm giấy có từ đầu Công nguyên, hiện nay một số loại giấy làm từ rong, rêu biển không còn nữa nhưng nghề làm giấy và kỹ thuật “xeo giấy” bằng phương pháp thủ công của người Việt vẫn còn tồn tại đến cuối thế kỷ XX. Nổi tiếng là nghề làm giấy dó vùng Bưởi (làng Đông Xã, Hà Khẩu, Yên Thái...), quận Ba Đình, Hà Nội. Sản phẩm giấy dó đã gắn liền với lịch sử, văn hóa, văn minh của dân tộc ta và là đặc sản của Thăng Long.

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của nghề làm tranh khắc gỗ dân gian không chỉ liên quan đến nghề làm giấy mà còn liên quan đến nghề khắc in mộc bản. Làng Đông Hồ (Thuận Thành, Bắc Ninh) là nơi có nghề làm tranh khắc gỗ dân gian sớm nhất (khoảng thế kỷ XV). Đến nay nghề làm tranh ở nước ta trải qua nhiều thăng trầm và hiện chỉ còn được duy trì qua một số cơ sở sản xuất nhỏ hẹp.

5. Nghề chế tác đá, nghề sơn và một số nghề khác

Trong số các nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam, nghề chế tác đá và nghề sơn là những nghề có truyền thống lâu đời và phát triển bền bỉ, nhiều sản phẩm độc đáo của nghề này còn được gìn giữ đến ngày nay. Nếu như thời đồ Đá là thời kỳ mở đầu cho lịch sử loài người thì chế tác công cụ lao động và sản phẩm bằng nguyên liệu đá là nghề mở đầu lịch sử thủ công nghiệp Việt Nam. Nghề chế tác đá khá đa dạng, bao gồm các nghề: khai thác đá và chạm khắc đá, trong đó chạm khắc đá đòi hỏi người thợ phải có phải có tay nghề cao và để lại nhiều tác phẩm điêu khắc có giá trị. Nghề đá nổi tiếng với các địa danh Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam), Bửu Long (Đồng Nai).

Nghề sơn được biết đến từ rất sớm, theo tư liệu khảo cổ học tại nhiều địa điểm ở hai huyện Phú Xuyên và Ứng Hòa (Hà Nội) người ta đã tìm thấy dấu vết của đồ sơn có niên đại cách ngày nay 2400-2500 năm. Nghề sơn nước ta phát triển rực rỡ nhất vào thời Lý, Trần khi Phật giáo được Nhà nước phong kiến coi trọng. Sơn ta được dùng vào việc tô tượng, trang trí toàn bộ Phật điện và nội thất đền chùa.

NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ GÓM

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	Nghề gốm men Phù Lãng	Làng Phù Lãng thuộc xã Đại Tân, huyện Qué Võ, tỉnh Bắc Ninh	Phục vụ sinh hoạt hàng ngày: chậu, chum, vại, nôi... Các loại đồ tế khí: lư hương, bát hương...	Xương gốm kết dính hạt mịn và rắn chắc gần như gang. Là loại gốm sành nâu đã được tráng một lớp men có sắc nâu vàng hoặc nâu đen khá dày. Men của nó không bóng như men gốm sành Bát Tràng, không đều màu mà có chỗ đậm, chỗ nhạt, chỗ rạn men, chỗ co men gọi là men da lươn. Về trang trí: thời Nguyễn chủ yếu là hình đắp nổi các họa tiết lá lật, hoa sen, hoa sói, hoa cau, cỏ cây, rồng, phượng và nùm hoa tròn tám cánh được cách điệu về sau chỉ trang trí bằng men. Về tạo hình có ba dáng cơ bản là: hình trứng, hình ống, hình tròn (và tròn dẹt)
2	Nghề gốm Thổ Hà	làng Thổ Hà là một vùng đất trên tả mạn sông Cầu thêm cả đoạn sông Cầu, thuộc xã Vân Hà, huyện Việt	Các mặt hàng dân dụng chiếm tới 90% còn lại là gốm thờ (chỉ sử dụng và cúng vào đình chùa của làng) và gốm mỹ nghệ.	Sản phẩm không phủ men, sắc gốm đỏ (gạch non, mặt chín, nâu đỏ, nâu đen, nâu xám...), bề mặt đanh, nhẵn bóng như mỡ phủ. Trang trí bằng thủ pháp điêu khắc: chạm nổi hoặc khắc chìm, trở thủng. Riêng sản phẩm mỹ nghệ toàn bộ được trang trí theo nguyên tắc đối xứng từng cặp qua một trục. Tạo hình sản phẩm được chia làm hai dạng: một dạng có thiết

		Yên, tỉnh .Bắc Giang.		diện tròn như chum, chậu, chõ, vò, vại, âu...một dạng có tiết diện là hình vuông, chữ nhật, đa giác...
3	Làng gốm Cây (Kệ Gián)	Bình Giang, Hải Dương	Sản phẩm chiếm số lượng nhiều nhất là bát, đĩa	Xương gốm phần lớn có màu xám nhạt, cứng rắn, có loại trắng đục, trắng trong đạt tiêu chuẩn của sứ. Men có nhiều màu và sắc độ khác nhau: xanh rêu, trắng ngà, xanh lục, xanh lam, vàng, nâu đậm, ghi đá, trong bóng hoặc rạn đục, được tráng hai màu men. Men dùng để vẽ hoa văn chủ yếu là màu lam gồm nhiều sắc độ khác nhau. Các mẫu họa tiết trang trí cơ bản: sen, cúc và hàng chục loại hoa văn khác: hình động vật có rồng, phượng, hổ phù, chim, cá cách điệu
4	Gốm Trù Nghệ An	làng Trù thuộc hai xã Trù Sơn và Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Chủ yếu là nồi với nhiều chủng loại, hình dáng và kích cỡ khác nhau, nhưng thường có ba loại nồi là: nồi thường- để nấu com, nồi miệng hẹp- để nấu nước, nồi trệt và cạn (trách)- để kho cá	Đặc điểm các sản phẩm mỏng có kích thước đều tăm tắp và có màu vàng ruộm. Sản phẩm mỏng, nhẹ sau khi nung mặt ngoài nhẵn và chỉ nung một lần. Hình dáng chủ yếu là như cái trách úp ngược. Ngoài ra gốm làng Trù không dùng men và bất kì loại hoa văn trang trí nào dù vẽ chì hay đắp nổi.
5	Gốm	Làng Quế	Những mặt hàng	Thuộc loại sành. Đặc điểm: xương mịn,

	<p>Quế</p> <p>là Danh Xá, nằm bên tả ngạn sông Đáy thuộc thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam</p>	<p>có tên chữ</p>	<p>dan dụng dùng trong sinh hoạt hàng ngày: các loại chum, vò, vại, chậu, luv.v...Đặc biệt nổi tiếng là bộ ấm trà màu son hoặc màu nâu đỏc khả năng giữ nhiệt lâu và khử được độc tố. Gồm mỹ nghệ xuất khẩu và gồm thờ: bát hương, đỉnh, chân nến, lọ lục bình, tượng các con vật linh...</p>	<p>để tron không dùng men để gia công, trang trí sản phẩm mà chỉ pha son để làm đẹp. Một số sản phẩm được trang trí bằng thủ pháp khắc chìm, trở thủng hay chạm nổi</p> <p>Các sản phẩm thờ với mẫu mã được tạo dáng cầu kì, trang trí công phu.</p>
<p>6</p>	<p>Gồm Bát Tràng</p>	<p>Xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội</p>	<p>Đa dạng về chủng loại, phong phú về cỡ và lượng, gồm 4 loại chính: đồ dân dụng(sản phẩm cỡ nhỏ và vừa), đồ thờ (bát hương, đỉnh trầm, ôn cắm hương, lọ hoa...), đồ trang trí (nội thất và vườn cảnh cùng các loại phù điêu và</p>	<p>Có 4 hình thức phủ men: đục men, kim men, quay men, đội men và phun men. Trang trí bao gồm các thao tác: đánh chỉ, đắp nổi, khắc chìm, vẽ, bột men chảy</p> <p>Gốm hoa lam: vẽ trang trí màu xanh (coban) trên nền gốm trắng</p> <p>Gốm nâu</p>

			đĩa treo tường), đồ xây dựng (gạch lát nền và gạch trang trí kiến trúc)	
7	Gốm Hiên Lễ	Làng Hiên Lễ(tên nôm là Kẻ Dẫy) thuộc tổng Hiên Lễ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Phú Bình, xứ Thái Nguyên, nay thuộc xã Cao Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội	Vật liệu xây dựng: gạch, ngói tây và ngói ta	Sản phẩm gốm thường có màu xám đen, cứng và đanh hoặc có màu hồng thẫm.
8	Gốm Chạm Bàu Trúc	làng Bàu Trúc thuộc Phan Giang	Các sản phẩm chủ yếu là đồ gia dụng: lu, nồi, chậu, bếp lò, lò bánh căn. Ngoài ra còn có chậu trồng cây cảnh, ống đựng tiền...	Là loại gốm thủ công làm hoàn toàn bằng tay không có bàn xoay, được nung lộ thiên ngoài trời. Khi nung chín có nhiều màu: vàng, đỏ, đỏ hồng, xanh, nâu, đen..Xương gốm dày, thô có trộn loại hạt cát nhỏ,mịnĐặc điểm: dễ thấm nước, dễ vỡ, không bền trong quá trình sử dụngTrang trí: chỉ có lu đựng nước hoặc

				<p>đựng lương thực dự trữ là được trang trí hoa văn. Hoa văn phổ biến nhất là hình kẻ khuôn nhạc, hoa văn hình họa bằng in con dấu và hoa văn chấm ấn răng lược. Hình dáng có 4 loại chính: - Gauk (nôi nhỏ)- Klaik (trã nhỏ)- Buk (đụ đội nước)- Wan lo dhan (lò than)</p>
9	Gốm Hương Canh	<p>làng Hương Canh thuộc tổng Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Yên</p>	<p>Những đồ gia dụng như chum, vại, lu, vò, chậu... và sản phẩm mỹ nghệ.</p>	<p>Là loại gốm sành đanh chắc, có độ bền cao, gõ lên như chuông.</p>
10	Gốm Phước Tích	<p>Làng Phước Tích (trước gọi là xứ Cồn Dương) nay thuộc thôn Phước Phú, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên- Huế</p>	<p>gốm dân dụng phục vụ sinh hoạt hàng ngày: lu, hông, đoộc, hũ, ang, âu, om, trách đuộc, trách, kẻ vát... các loại đồ đựng bằng đất nung</p>	<p>Do công năng chính dùng vào việc làm nền nên ren làng Hạ Mỗ chỉ có hai màu: màu trắng tinh và màu trắng ngà.</p>
11	Nghề gốm	Tỉnh Lâm Đồng	Sản phẩm kém phong phú về chủng	Nung lộ thiên trực tiếp trên lửa. Không có hoa văn trang trí trên sản phẩm....

	Chu Ru		loại chỉ có duy nhất nồi đất (gõ) với các kích thước khác nhau. Nồi đất có 5 loại: gõ rông, gõ aóu, gõ dam, gõ glah, gõ kệt	Đặc điểm: dễ vỡ hay thấm nước, đơn điệu về kiểu dáng
12	Nghề gốm Chu Đậu	Chu Đậu ở tả ngạn sông Thái Bình, giáp làng Đặng Xá nay là Mỹ Xá, ở phía tây sông Kè Đá một sông nhỏ chảy qua phía bắc Chu Đậu	Chủ yếu là đồ gốm gia dụng, số ít là đồ thờ cúng. Các loại sản phẩm: bình, bát, đĩa, chén, hộp gốm, lọ, bát hương, ống nhỏ, âu, tước. Trong đó nổi tiếng là bình tỳ bà, bình gốm hoa lam(bình củ tỏi)	Có ba dòng men chính là: men xanh ngọc, men nâu và men trắng vẽ hoa lam. Trang trí rất phong phú và đa dạng: trang trí hoa lá cách điệu, hoa văn trang trí hình học, trang trí hình động vật, trang trí hình người và phong cảnh, trang trí chữ Hán, trang trí miệng cắt hình cánh hoa, khắc chìm, hoa văn đắp nổi và in nổi
13	Gốm Quao	Quao hay làng Phù Mao thời cổ, sau đổi tên là Lâm Xuyên thuộc tổng	Sản phẩm chính là các loại nồi, ấm, ang, chậu, vại nhỏ. Một số gia đình tự sản xuất đình hương, con giống, ống dẫn nước song	Đặc điểm: gốm mộc- gốm không tráng men

		<p>An Điền, huyện Chí Linh, đến thế kỷ XIX An Điền cất chuyển về huyện Thanh Lâm. Nay Lâm Xuyên là một trong 7 thôn của xã Phú Điền, huyện Nam Thanh.</p>	<p>sản lượng không đáng kể.</p>	
14	<p>Nghề nắn nồi đất ở Hòn Đất</p>	<p>Huyện Hòn Đất thuộc tỉnh Kiên Giang. Nghề nắn nồi đất tập trung ở xã Thổ Sơn, Nam Thái Sơn, Sơn Kiên và thị trấn Hòn Đất</p>	<p>Sản phẩm nghề nắn nồi nói chung gồm có: cà om (người Khmer), nồi đất, trách, trà, cà rang. Ngoài ra còn có lò củi, lò than, xông đất, chảo đất, chõ xôi, vỉ lò, đồ chơi trẻ em...</p>	

15	Ngành gốm Tân Vạn	ở Biên Hòa	Sản phẩm chính là những lu lớn đựng nước, chén, bình hoa, chậu đất và hũ mắm nhỏ, hũ đường, bát mủ cao su, một số chậu hoa và tiểu sành	
16	Nghề làm đồ chơi đất nung	làng Khô tức thôn Nguyễn Lâm thuộc xã Hoa Lư huyện Tiên Hưng, Thái Bình	Phục vụ tín ngưỡng thờ cúng (lư hương, đỉnh bạc cắm nến, lọ cắm hoa, tượng Phật); trang trí nhà cửa (tượng nhỏ phủ men gắn núi non bộ, chậu cây cảnh, hay những chum nhac đất nung hình con cá, cái chuông, cái khánh...); đồ chơi trẻ em ("tu huyết", ống đựng tiền hình con gà, con chim, con ngựa, con cóc...)	<p>Làm quanh năm với hàng chục mẫu khuôn in tượng đủ loại. Ban đầu tượng đất nung được để mộc, sau tô vẽ thêm màu. Tượng đất- đồ chơi trẻ em: thể thức tạo dáng đồ chơi đơn giản, chất phác, đơn giản hóa cao độ, khối hình các tượng thường mập mạp, đầy đặn, no căng biểu thị sự viên mãn, đầy đủ. Trái lại, đồ đất nung làm phục vụ người lớn: tạo dáng đồ vật thường mang tính chất tả thực, trau chuốt, màu sắc trang trí êm dịu, hài hòa hơn đồ chơi tượng đất trẻ em.</p>

NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC KIM HOÀN

- Nghề kim hoàn

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	Nghề chạm bạc Đồng Xâm	Làng Đồng Xâm thuộc xã Hồng Thái, huyện Kiếm Xương, Tỉnh Thái Bình	<p>Hàng thờ cúng: đỉnh, vạc, lư hương, đĩa quả, ngai, mũ thờ, các con vật thiêng trong "tứ linh" (long, ly, quy, phượng) dùng đặt tại đền, điện, ban thờ. Đỉnh thờ là sản phẩm đặc sắc của thể loại này.</p> <p>Hàng trang sức bằng bạc ở Đồng Xâm bao gồm nhiều loại: dây chuyền, ống vôi, xà tích, hoa tai, vòng, lá, nhẫn, trâm, thánh giá, nhạc, khánh v.v... Riêng nhẫn có các loại: magiê, giống trúc, lòng máng, mặt nhật, mặt vuông, mặt ngọc, mặt đá các kiểu mặt hoa, lá, mặt chữ... Còn dây chuyền (dân gian gọi là kiếng) cũng có nhiều mẫu, chưa kể đến các kiểu mắt xích tạo thành dây. Riêng mặt dây chuyền cũng rất</p>	<p>Có hai hình thức chạm: chạm ám và chạm nổi</p> <p>Ở mỗi loại hình sản phẩm, mỗi chủng loại hàng khác nhau, người thợ bạc đều sử dụng những đề tài khác nhau. Xuất phát từ chức năng, hình dáng, kích thước của sản phẩm mà người thợ lựa chọn, áp đặt cho chúng những đề tài thích ứng. Việc lựa chọn đề tài là một trong những yếu tố tạo nên sự hài hòa, đồng điệu từ nội dung đến hình thức của sản phẩm. Những đề tài này người thợ chẳng cần phải tìm kiếm, học hỏi đâu xa. Mỗi mảng chạm là một bức tranh sinh động của thế giới thần tiên, huyền thoại và những cảnh huống cô đọng từ cuộc sống đời thường. Ngay việc trang</p>

			<p>nhiều loại, kiểu.</p> <p>Hàng chơi dùng: là những lọ hoa, bình trà, ly rượu, nậm rượu, bộ ấm chén, gạt tàn, khay, tráp, bao diêm, hộp thuốc, hộp chùa, tranh khảm, v.v...rồi những con giống và tượng nhỏ...đủ các kiểu loại, dáng vẻ, kích cỡ..</p>	<p>trí một sản phẩm được cấu thành từ nhiều bộ phận, nhiều chi tiết người thợ thường sử dụng nhiều đề tài xen kẽ những mảng trang trí thuần túy như các hình hoa văn, hoa dây, đường triện, hoa lá cách điệu... tạo nên sinh động trong từng bộ phận và sự đồng bộ logic trong tổng thể từng sản phẩm.</p>
2	<p>Nghề kim hoàn truyền thống làng Định Công</p>	<p>làng Định Công là một xã nằm trong tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng nằm ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng</p>	<p>Nghề làm đồ nữ trang</p>	<p>Khi chế tác các sản phẩm tinh xảo luôn thực hiện ba khâu chuyên môn, kỹ thuật của nghề: chạm, đập và trơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạm là chạm trổ các hình vẽ hoa văn, họa tiết trên mặt các đồ trang sức hay các đồ bằng vàng, bạc gồm các loại: khánh, vòng, kiềng, chóp nón, ống nhỏ, ống vôi... - Đập là kéo vàng bạc đã nung chảy thành những sợi chỉ vàng, bạc rồi từ những sợi chỉ này chuyển thành hình hoa lá, chim muông gắn

				vào đồ trang sức - Trơn là những đồ vàng bạc không cần chạm trổ mà chỉ cườm cho nhẵn, bóng, trơn
3	Vàng bạc Châu Khê	Làng Châu Khê ở Hải Dương	Các mặt hàng vàng, bạc: các sản phẩm trang sức, đồ thờ cúng đúc bạc nén, đậu vàng, hàng chạm bằng vàng, hàng chạm bằng bạc(đa dạng gồm hàng trăm loại khác nhau: hộp trà, ống điếu, tráp, chóp nón, nữ trang và nhiều đồ dùng sinh hoạt), hàng trơn.	Việc trang trí một sản phẩm được cấu thành bởi nhiều bộ phận, chi tiết người thợ thường sử dụng nhiều đồ án hoa văn xen kẽ những mảng trang trí thuần túy như các hình hoa dây, đường triện, hoa lá cách điệu... tạo sự hài hòa, sinh động trong từng bộ phận và sự đồng bộ, logic trong toàn chỉnh thể. Các dạng đồ án căn bản như hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình ovan và hình quả trám... Những sản phẩm có khối hình chữ nhật, hình lập phương như hộp trang sức, hộp trà, bao diêm, hộp thuốc v.v...thì đa số các mảng trang trí được bố cục theo kiểu đăng đối. Còn những sản phẩm có khối tròn, khối cầu dẹt(như hình quả bí đao) hoặc mặt phẳng tiết diện

				chạy theo hình tròn như âu, tráp, lọ hoa, bình trà, gạt tàn, ấm chén, v.v...thì thường bố cục theo kiểu đường diềm hoặc sự kết hợp nhiều mảng nhỏ là những hình vuông, chữ nhật, ovan, quả trám...
--	--	--	--	--

- Nghề đúc đồng

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	Làng nghề Phú Lộc	Phú Lộc (xưa có tên là Phú Lộc phụ lũy xã) nằm ở phía bắc thành Diêm Khánh, nằm ven sông cái Nha Trang	Các loại chân đèn thờ(đại, trung, tiểu), lư hương, đài để chén nước, cổ bông, bình cắm hoa, chuông chùa, phèn la, cúp và các linh vật bằng đồng để thờ cúng.	Công nghệ sản xuất thì chủ yếu bằng phương pháp thủ công, công nghệ và thiết bị lạc hậu nên sản phẩm làm ra thường có giá thành cao, chủng loiaj ít, mẫu mã không phong phú
2	Làng đúc đồng, đúc bạc Đồng Qũy	Làng Đồng Qũy thuộc xã Nam Tiên, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Từ xưa đã có người đúc tiền đồng cho vương triều phong kiến. Ngoài ra, thợ Đồng Qũy còn đúc các quả chuông lớn cho một số cổ tự danh lam, trong đó có chuông	Các sản phẩm thờ cúng thì điểm các họa tiết như rồng, phượng, chim, hoa...Riêng các đồ gia dụng như nồi, xanh, ấm, nồi đồng các cỡ đều có dáng đẹp, phần thân trên nồi nổi ba đường viền

			<p>chùa Cổ Lễ. Đồ gia dụng: nôi, xanh, ấm, nôi đồng các cỡ. Đồ dùng thờ cúng, đồ mỹ nghệ cao cấp như vòng đeo tay, vòng đeo cổ, xà tích, vòng tai, khay, chén..</p>	<p>trang trí cùng các chấm tròn tạo thành bông hoa chanh</p>
3	<p>Nghề đúc đồng cổ truyền Trà Đông</p>	<p>Trà Đông-làng Chè ở Thiệu Trung, Thiệu Hóa, Thanh Hóa</p>	<p>Các sản phẩm đồ gia dụng: xoong, nôi, niêng, sanh, chảo, mâm, chậu... Sản phẩm thờ cúng: bát hương, lư hương, chân nến, ống hương, hạc, đỉnh, rùa, chuông, tượng.. Sản phẩm trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cộng đồng: cồng chiêng, thanh la, trống..</p>	<p>Các sản phẩm đồ gia dụng: về tạo dáng chủ yếu là hình trụ đối với các loại nôi có quai hai bên:về trang trí chủ yếu là mặt hàng trơn, nước đồng sáng bóng, ít bị thoi đồng hoặc gỉ đồng Sản phẩm thờ cúng: về hình dáng thông thường bát hương được cấu tạo hình trụ, lư, đỉnh, bầu có hình tròn hoặc chữ nhật, những con thú linh như rồng, hạc, nghê, sư tử...có nhiều hình dáng, kích cỡ khác nhau. Về trang trí phần lớn theo thủ pháp chạm nooir: cách thể hiện đồ án trang trí như hình rồng, hoa văn, hoa sen...thường theo lối đối xứng.</p>

				Sản phẩm trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cộng đồng có nhiều hình dáng, kích cỡ, chủng loại khác nhau
4	Nghề đúc ở Quảng Bó- Bắc Ninh	Quảng Bó hay làng Vó nằm giữa vùng đồng bằng thấp thuộc huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh	Các sản phẩm chủ yếu là đồ thờ, hàng tiêu dùng và một số đồ trang trí, đúc tiền	
5	Làng Đại Bái- Gò Đồng	Làng Đại Bái là một làng nhỏ của huyện Gia Lương, trên bờ sông Bái	nghề đúc đồng, gò đồng: nồi đồng, mâm đồng, sanh đồng, chậu thau, siêu đồng, chiêng, mặt hàng ghép tam khí	Sản phẩm sau khi được gò sẽ được đánh tro, chấu và chất chua cho sạch bóng, sau đó đốt trong than lim cho đến khi hiện lại màu đỏ rờng hoặc tựa màu vàng mười trước khi vẽ hoa. Đối với các mặt hàng ghép tam khí thì người thợ thường tỉ mỉ hơn: vẽ hoa, ghi nét trên vật phẩm; dùng ve đục tẩy những phần trên vật phẩm mà sau đó ghép các kim loại khác nhau để lấy màu; ốp giấy trên hình đã chạm được,

				dùng vỏ sùng nhỏ vỏ nhẹ để cắt mẫu; dán mẫu giấy trên các bản kim loại và cắt; ghép các hình cắt được vào vật phẩm; cuối cùng là mài , dũa và đánh bóng
6	Làng Ngũ Xã và nghề đúc đồng truyền thống	Làng Ngũ Xá- Hà Nội	thời kì đầu lập làng chuyên đúc tiền đồng. Những sản phẩm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng dân gian như: tượng Phật, chuông, đỉnh, bát hương, cây nến, ngai, lọ, hạc thờ...Các đồ gia dụng: sanh, nồi, mâm, chậu, cối trầu...Sản phẩm mỹ nghệ	
7	Làng Lư An hội quận Võ Giáp	An Hội, thành phố Sài Gòn quận Võ Giáp	các sản phẩm như: tượng, đồ pháp khí, lư đồng: lư Bắc có dáng tròn và lư Nam có dáng vuông	
8	đúc đồng Đại Đồng	Đại Đồng gồm 9 thôn: Bùng Đông, Văn Ổ, Xuân Phao, Lộng Thượng, Đại Từ, Đồng Xá,	Sản phẩm chính của Bùng Đông, Văn Ổ, Xuân Phao là linh. Lộng Thượng truyền thống đúc chuông, đỉnh, tượng	

		Đại Bi, Đình Tổ, Đại Đồng nay thuộc huyện Mỹ Văn		
9	đúc đồng ở thị trấn Lâm	Tổng Xá- Vạn Điểm thuộc thị xã Yên Xá nay thuộc thị trấn Lâm	Đúc gang, đúc nhôm, đúc đồng. Mặt hàng đúc đồng khá phong phú phục vụ tín ngưỡng, tôn giáo như: chuông, khánh, đỉnh, bình, lọ đồng tượng Phật, tượng chân dung nghệ thuật về vua chúa, danh nhân, danh tướng...	Đúc gang: sản phẩm đúc xong thường gọi là phôi phải được làm sạch đất và vật phụ bám vào(mài gọt), làm nguội cho nhẵn nhụi các sản phẩm như đỉnh, lư, bình muốn cẩn tam khí thì sau đó đưa hoa văn , họa tiết vào thân, nắp và chân cho hài hòa rồi khảm, chôm bạc, vàng, đồng lấp vào vị tí khảm(cẩn) xong thì chuyển sang đánh bóng và làm màu. Đúc đồng: một số đồ gia dụng như mâm cảnh chạm nổi họa tiết tứ linh tứ quý, nậm tỳ bà độc đáo
10	Phước Kiều- Tây Nguyên	làng Phước Kiều nay là thôn Thanh Chiêm 1, xã Điện Phương, huyện Điện	nghề đúc đồng và chế tác công chiêng Tây Nguyên	

		Bàn, tỉnh Quảng Nam		
11	Nghề đúc đồng Phường Đúc	Phường Đúc nằm trong địa phận làng Dương Xuân	Sản phẩm trong thời kỳ phong kiến Nguyễn chủ yếu là đồ đồng những mặt hàng phục vụ cho cung đình và dân gian trong các lĩnh vực lễ nghi, phong tục, sinh hoạt, mỹ thuật...	Sản phẩm nào cũng ra đời từ một cái rập(khuôn đúc). Lu Huế ít khi đứng riêng lẻ mà cấu tạo trong một thể hòa hợp là bộ tam sự

- Nghề rèn sắt

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	nghề rèn Phương Danh	Phương Danh là một làng bán công, bán nghề nằm ở phía bắc huyện An Nhơn	sản phẩm sản xuất phục vụ công nghiệp và gia đình(dao, cuốc, xẻng), các dụng cụ phục vụ nghề mộc, một số mặt hàng cơ khí (phụ tùng xe đạp, lưỡi cày máy, máy cắt lúa, máy bơm nước	dụng cụ sản xuất phong phú và đa dạng, chất lượng sản phẩm tốt tạo uy tín với khách hàng
2	nghề luyện quặng sắt ở Nho Lâm	làng Nho Lâm thuộc Diễn Châu	súng thần công	phương pháp luyện sắt catalan phổ biến ở Châu Âu

3	<p>nghề đúc gang, đúc đồng làng Phương Mỹ</p>	<p>làng Phương Mỹ xưa có tên Hoa Kiều trang, gồm 4 xóm: xóm Hồ, xóm Đông, xóm Bắc, xóm Chùa thuộc xã Mỹ Đồng</p>	<p>nghề rèn, nghề đúc gang, đúc lưỡi cày. Sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp: lưỡi cày, diệp cày. Sản phẩm phục vụ sinh hoạt đời sống: kiềng ba chân, nồi, chảo, gang, bếp lò kiểu Tây... Sản phẩm phục vụ giao thông vận tải: ống trục xe bò kéo, trâu kéo, trục xe. Sản phẩm phục vụ cấp thoát nước: các loại ống nước, nắp cống</p>	
4	<p>nghề rèn sắt ở Đúc Thảng</p>	<p>làng Đúc Thảng(tên nôm là làng Núi) là một xã trung du thuộc huyện Hiệp Hòa</p>	<p>Sản phẩm phục vụ sinh hoạt hàng ngày</p>	
5	<p>làng rèn Vân Chàng</p>	<p>Vân Chàng nay là một thôn của xã Nam Giang, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định</p>	<p>súng bộ binh, vỏ cắt tót các loại, sản xuất vũ khí, đạn dược, mìn hẹn giờ, rèn vỏ đạn pháo kích, ống phóng lựu đạn, các chi tiết súng lớn. Các mặt hàng kim khí tiêu dùng bằng nhôm, sản</p>	<p>sản phẩm phong phú và đa dạng về mẫu mã, chất lượng đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của khách hàng</p>

			xuất phụ tùng xe máy	
6	nghề rèn ở Phya Chang	bản Phya Chang	dao quắm, búa chặt cây và liềm	bộ cựa toàn thể con dao cân đối, phẳng mịn Hai bên thân, thẳng đều sống và bụng dao không cong vênh
7	làng rèn Bảo Ngũ	làng Bảo Ngũ ở xã Quang Trung, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	các đồ tự khí: cây đèn bằng sắt, cây đèn mai hóa long, ròng uốn lượn theo cây trúc, cây mai hóa long làm quán tẩu, cây mai hóa long mã, một đôi nghệ nhân sắt. Công cụ cầm tay và công cụ cải tiến, công cụ phục vụ đắp đê chống lụt. Sản xuất liềm xén, dao tốp bi và kéo cắt thảm len. Sản xuất nhiều bộ phận thay thế cho máy cày, máy kéo Liên Xô, máy khoan đình lỗ đường ray, làm hệ thống tín hiệu cho tổng cục Đường sắt. làm bộ súng, càn súng pháo phòng không, máy thông nòng súng cải tiến	

8	nghề rèn Đa Sĩ	thuộc phường Kiến Hưng , quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất các loại dao bào, dao rựa, cái cuốc...	kỹ thuật tôi điều luyện trên cùng một sản phẩm người thợ có thể tạo ra độ mềm cứng khác nhau: con dao sóng lưng tôi rất cứng, phần giữa cho độ cứng vừa phải, riêng lưỡi dao tôi sắt có độ dẻo để chặt không bị mẻ, có độ dao cứng sắc bén để tác động sâu vào vật chặt. Thị trường rộng từ Bắc vào Nam, sản phẩm rèn đạt chất lượng cao

NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ MỘC, CHẠM

- Nghề chạm khắc gỗ.

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	làng nghề Chàng Sơn	xã Chàng Sơn thuộc huyện Thạch Thất, ngoại ành Hà	Nghề mộc xây dựng: làm đình, chùa Nghề mộc đóng đồ: sập, tủ chè Chàng Sơn	Nghề mộc xây dựng: trùng tu những công trình cổ và tân tạo những công trình mới Nghề mộc đóng đồ: về phom

		Nột	<p>Nghề làm quạt: quạt đan, quạt giang</p> <p>Nghề tạc tượng: tượng Phật</p> <p>Nghề xây đắp</p> <p>Nghề rèn</p> <p>Nghề khảm sơn son thiếp vàng</p> <p>Nghề trồng bông kéo sợi dệt vải</p>	<p>dáng thì sập nào cũng chân quỳ dạ cá và được khu ba phần chân, quay, và mặt sập; hay như tủ thì có hai dạng cánh cong và cánh phẳng</p> <p>Nghề làm quạt: quạt đan có nhiều hình thù và trang trí khác nhau, quạt giang chất liệu đan bằng giang</p> <p>Nghề tạc tượng: điêu khắc tượng tròn, tính hiện thực lạc quan mộc mạc và đầy đặn</p> <p>Nghề xây đắp: hình khối đường nét của các hoa văn nhã nhặn và khúc chiết</p>
2	làng nghề điêu khắc gỗ Dur Dụ	làng Dur Dụ (Kẻ Túc) thuộc tỉnh Hà Đông	sản phẩm điêu khắc, chiếu hạt bằng gỗ pơ mu, gỗ thông đỏ, sản phẩm nghệ thuật hoặc phục vụ tín ngưỡng	
3	làng chạm gỗ cổ truyền La Xuyên	làng La Xuyên thuộc xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	làm chùa tạc tượng, dựng đình, chạm phù điêu, chế tác sập gụ tủ chè	có rất nhiều cảnh trí và đề tài. Khảm ốc khảm trai màu sắc thiên phú, rục rờ theo thời gian
4	Làng nghề	Làng Phù Khê thuộc xã	là một làng nghề thủ công mộc chạm: mộc dựng nhà	trang trí sản phẩm mỹ nghệ Phù Khê là biểu tượng rồng

	chạm gỗ Phù Khê	Phù Khê huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh	(đình làng), mộc đóng đồ(sập gụ, tủ chè Phù Khê, đồ cũ đồ mới)	và mô tuýp rồng
5	Làng nghề chạm khắc gỗ Đông Giao	Đông Giao thuộc xã Lương Điền huyện Cẩm Bình	các loại đồ thờ và vật trang trí bằng gỗ như: ngai, y, bài vị, long đình, đao kiếm, cuốn thư, câu đối... và một số đồ dùng gia đình: sập, tủ, tạn	đề tài chạm khác thường là tứ linh. Các họa tiết phải đăng đối cân xứng. Sơn cùng với kĩ thuật khảm trai, xà cừ, thếp vàng hoặc bạc.
6	Chạm gỗ ở Long An	tỉnh Long An	chạm bạc chạm gỗ đóng ghe đệt chiếu	đặc sắc nhất là lối chạm lọng, cả hai mặt đối xứng nhau (mặt bên trong và bên ngoài). Đề tài truyền thống như tứ linh, lưỡng long tranh châu, lưỡng long châu nguyệt,... xu hướng hiện thực trong nghệ thuật chạm gỗ với đề tài sen cua, cua cốm, bần cò,... thợ họ Đinh: bộ cục phóng khoáng, nét hơi to , phá sâu, nhiều lớp, đan xen, gắn bó nhiều tầng nhưng lớp dưới thì rất ít gắn tới hồ vắn. thợ họ Huỳnh: nét chạm tỉ mỉ chau chuốt và nhuyễn trên nhiều lớp chằng chịt nhau

7	nghề điều khắc ở làng Mĩ Xuyên	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	chủ yếu chạm các đồ thờ, bàn ghế phục vụ triều đình; phục vụ tôn giáo;hững người giàu sang tín ngưỡng hat kiến trúc nhà ở của những người giàu sang	hình ảnh chính vẫn lá tứ linh và dây lá hoa quả, trong các nhà giàu quyền quý phần lớn trang trí các tích tuồng dây lá, sản phẩm không quét sơn
8	làng chạm gỗ Thiết Ứng	huyện Đông Anh, Gia Lâm , Hà Nội	trang trí nội thất (sập gụ, tủ chè, sa lông Tàu) và đồ chơi mĩ nghệ (trâu, voi, phật Di Lặc, La Hán, Tiên nữ , ông lão,...)	

- Nghề tạc tượng

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	Nghề tạc tượng Hà Cầu, Đông Minh	Xã Đông Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	nghề đục tượng con rối, tượng mĩ nghệ, tượng thờ	nhìn chung các con rối vừa nhỏ, vừa lùn, tỉ lệ méo mó xộc xệch: đầu to, chân tay teo. Về mặt tạo hình thường mang tính khái quát rất cao. Tượng mĩ nghệ cao từ 10- 30cm, hình thức không sa vào thừa tốt cầu kỳ , tập trung mô tả cốt lõi của hình tượng. Tượng thờ chủ yếu là tượng tròn
2	chế tác	Chàng Sơn	tượng phật	tính hiện thực và đầy đặn,

	tượng phật Chàng Sơn	thuộc huyện Thạch Thất, Hà Nội		khối tròn đều đặn tia tốt công phu
3	làng nghề Sơn Đồng	xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức , tỉnh Hà Tây	đồ thờ truyền thống	về chất liệu gỗ: gỗ mít, gỗ vàng tâm, gỗ dổi, gỗ xoan. Chất liệu sơn và vàng bạc quỳ: sơn ta và sơn Nật , vàng quỳ bạc quỳ, nhũ được phủ sơn cánh gián giả bạc
4	nghệ thuật tạo tác quân rời nước dân gian làng Đa		quân rời nước	tính hài, cường điệu, đầu to hình cầu , thân nhỏ, khối cơ thể tay chân hình trụ. Các khối thường chỉ gợi tả mà không miêu tả, cao từ 10cm- 1m. Hình tượng người, con vật
5	nghề điều khắc làng Bảo Hà	làng Bảo Hà, huyện Vĩnh Bảo Hải Phòng		được mô tả theo khuôn mặt thực, có cá tính của người thực. Tượng tròn để thờ, lấy ba dáng chính để tạo hình: đứng, ngồi song thất, ngồi xếp bằng. Hàng gỗ sơn
6	nghề làm tượng thờ Sơn Đồng	nằm giữa sông Đáy và sông Nhuệ	tượng thờ	tạc khuôn mặt chia thành 3 khoảng: thượng- trung-hạ đỉnh, tai kéo từ phần trung đỉnh ra. Sơn: sơn lót, sơn thí, quang

1. Nghề khảm trai

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	Làng khảm Chuyên Mỹ	làng nằm trên bờ trái con sông Nhuệ, cách đường cái quan chừng 7km	tranh khảm xà cừ trên cánh tủ chè, câu đối, khay nước, tráp quả, bình phong...	đề tài tranh về phong cảnh, sinh hoạt, chân dung. Đề tài khai thác ý tứ các tích truyện dân gian, lịch sử. Sắc màu của khảm trai, ốc nhều vẽ, biến động hư ảo khi ánh sáng mặt trời chiếu vào
2	Làng khảm trai Chuôn Ngọ	làng Chuôn Ngọ thuộc xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây	khảm trực tiếp lên các sản phẩm mộc như gỗ, đồng, đồi mồi... và mảng thứ hai là khảm (trai) sơn mài. Đồ thờ cúng, đồ gia dụng và khánh tiết	Sắc màu của khảm trai, ốc nhều vẽ, biến động hư ảo khi ánh sáng mặt trời chiếu vào

- Nghề mộc, tiện, đóng thuyền

STT	Tên Làng nghề	Vị Trí địa lý	Các sản phẩm tiêu biểu của làng nghề	Đặc trưng các loại sản phẩm
1	làng nghề đóng ghe ở Hội An	Hội An, Quảng Nam	Đóng ghe thuyền: ghe bầu	ghe bầu là loại thuyền có vỏ hai đầu nhọn, lô lái và lô mũi cong cao, lô mũi thường cao hơn lô lái để dễ dàng lướt sóng. Bộ khung tre bằng gỗ, kích thước phổ biến: dài

				12-25m, rộng 4-6m, sâu 2-3m; tỉ lệ giữa dài rộng dao động từ 3,5-4,5m; giữa rộng và sâu từ 1,5-2,2m trọng tải phổ biến từ 50-100 tấn.
2	làng mộc Kim Bồng	làng Kim Bồng (tên cũ là Bồng Châu) nay thuộc xã Cẩm Kim, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam	làm đồ mộc dân dụng và đóng thuyền: các loại thuyền buôn đường xa trọng tải lớn (ghe bầu), thuyền, nan, sen. Nghề mộc kiến trúc- chạm khắc gỗ, phù điêu, tượng gỗ và các dụng cụ sinh hoạt gia đình	nghệ thuật trang trí, chạm khắc gỗ hài hòa và điêu luyện. Đề tài, nội dung: bát bửu, bình tiên, tứ linh, tứ bình, tam đa... thể hiện qua các kỹ thuật chạm nổi, chạm lõng, chạm thủng. Nghề đóng thuyền đi biển trọng tải 19-20 tấn
3	làng nghề tiện gỗ Nhị Khê	làng nghề tiện gỗ Nhị Khê thuộc tỉnh Hà Tây cũ nay thuộc thành phố Hà Nội	đóng các sản phẩm đồ thờ : chân đèn, chân nến, mâm quả ,ngai kiệu,... đồ gia dụng : chày ,thớt, chuôi dao, liềm...	các loại sản phẩm đồ gia dụng luôn biến đổi theo nhu cầu thị trường, chế tác đơn giản không cầu kì. Sản phẩm đồ thờ tự trình độ kỹ thuật, giá trị thẩm mỹ cao.
4	Hồng Lục- Liễu Tràng trung tâm khắc in	phường Hồng Lục Liễu tràng	nghề khắc ván, khắc in sách, khắc các loại dấu gỗ, đồng.	bản khắc dày trung bình 1,5cm, thường khắc hai mặt, mỗi bản khắc gồm hai trang sách in trên một tờ giấy

	mộc bản			
5	làm đình Cúc Bồ		làm đình, các công trình kiên trúc lớn bằng gỗ và các yêu cầu điêu khắc nhất định như: chùa ,quán ,đền ,miếu, văn chỉ	đình kiểu chữ đình, trang trí điêu khắc của đình tập trung vào vào kẻ ,bẩy, con chông, đầu sen,trụ, dư, cốn,xà, rieng cột thì tron, thân cán cân chân quân cờ hoặc hình măng mọc tứ trụ có thể được sơn son. Đề tài trang trí phổ biến tứ linh, tứ quý, long quần, tam hữu tùng hạc, tùng lộc, long quần thủy, liên áp.
6	Ghe bầu Phan Thiết	Phan Thiết, Bình Định	ghe bầu Mũi Né	ghe loại một dài 20m, ngang 6m đóng dạng nan, dạng ván. Buồm ghe có 3 cột, buồm dẹt đệm lá buông.

Câu hỏi ôn tập :

Câu 1: Anh (chị) hãy trình bày về sự phát triển của Design trong nền văn hóa Việt Nam.

Câu 2 : Anh (chị) hãy trình bày đặc trưng của các làng nghề truyền thống ở Việt Nam là gì? Đặc trưng và sản phẩm tiêu biểu của từng ngành nghề ?

CHƯƠNG 4 : SỰ RA ĐỜI CỦA BAUHAUS

Mục tiêu bài học :

- Giúp sinh viên hiểu được sự hình thành của trường Design đầu tiên trên thế giới

- Sinh viên hiểu được thành tựu của Bauhaus với Design hiện đại (đóng góp và hạn chế).

I. Sự ra đời của Bauhaus

Năm 1918, chiến tranh thế giới lần I kết thúc. Đức là nước thua trận, đế quốc Đức sụp đổ. Chính trị và kinh tế của Đức lúc bấy giờ rơi vào tình trạng bất ổn. Sau khi đế quốc Đức sụp đổ, nước cộng hòa Weimar ra đời, địa vị người dân được củng cố thông qua việc thành lập hiến pháp dân chủ. Cùng thời điểm đó, trường Bauhaus, theo tiếng Đức có nghĩa là “ngôi nhà của kiến trúc” được khai sinh. Năm 1919, trào lưu thiết kế này được sáng lập bởi kiến trúc sư Walter Gropius - người muốn tạo nên một thứ gì đó mang tư tưởng tiên tiến sau Thế chiến I, thời kỳ mà ông mô tả là “*thảm họa của lịch sử thế giới*”, “*một tai ương của lịch sử thế giới*”.

Gropius, lúc đó 35 tuổi, đã xác định rõ sẽ quay lưng với truyền thống, bất chấp quan niệm lạc hậu khi đó, ông luôn sẵn sàng để chịu trách nhiệm trước xã hội. Ngày 20 Tháng 3, 1919, ông trình một lá đơn để thành lập một học viện trong thành phố Weimar. Giấy phép Bauhaus cấp quốc gia ở Weimar (National Bauhaus in Weimar) đã được duyệt vào ngày 12 Tháng tư. Trong một khoảng thời gian ngắn, kiến trúc sư ấy đã viết một bản tuyên ngôn tóm lược, và nó đã chính thức đánh dấu sự khởi đầu của một cuộc biến động về mỹ học trên toàn thế giới—hay nói một cách khác, đó là một cuộc cách mạng về mỹ học. Những tên tuổi lừng danh như Albers, Lyonel Feininger, Wassily Kandinsky, Paul Klee và Oskar Schlemmer. Ludwig Mies van der Rohe, hiệu trưởng thứ 3 của Bauhaus, Peter Behrens từ trào lưu Phong cách trẻ, một trong những nhà sáng lập Liên

đoàn lao động thủ công Đức năm 1907, cha đẻ của *Design* công nghiệp Đức với những đóng góp ứng dụng *Design* mẫu mực cho hãng điện dân dụng AEG và góp phần để có Bauhaus thành lập năm 1919, cũng là người đề cử Walter Gropius giữ trọng trách quản lý trường Bauhaus đã vươn lên để trở thành một huyền thoại của lịch sử ngành kiến trúc. Sau cùng, ngôi trường đó thực sự đã sáng tạo ra hình dáng của thế hệ hiện đại. Đối với Bauhaus đó là sứ mệnh cao quý của người nghệ sĩ muốn từ bỏ những thói quen lỗi thời. “Việc làm đầu tiên của Bauhaus là đã gạt bỏ tất cả những quan niệm đã từng được thừa nhận ...

Nền văn hóa dựa trên nhu cầu của cuộc sống tạo ra thợ thủ công, nghệ sĩ. Khi công nghiệp ra đời, sản xuất hàng loạt làm mất khả năng làm đẹp của sản phẩm, từ đó nảy ra tranh cãi giữa kỹ sư và nghệ sĩ.

Do đó người ta phải tìm đến một cách làm việc đưa cái đẹp đến với các sản phẩm thủ công, sản phẩm sản xuất bằng phương pháp công nghiệp. Vào đầu thế kỉ XX (1919), một trường học kiểu mới Bauhaus ra đời (Bauhaus là một trường phái nghệ thuật ứng dụng). Ra đời năm 1919 do KTS Gropius thành lập. Sự phát triển của trường hướng đến ý tưởng sản xuất sản phẩm theo chức năng và những việc làm của trường từ tổ chức đến giáo trình được sự đánh giá của những nhà văn hóa đã đặt nền móng cho nghề Design. Công việc của trường do Gropius thành lập ở Weimar kết hợp giữa 2 trường đào tạo các nghệ sĩ theo phương pháp thủ công mỹ nghệ. Học viện mỹ thuật và trường mỹ thuật hoàng gia lãnh địa với mục đích:

- Tái thiết và hợp nhất các ngành mỹ thuật dưới ưu thế của kỹ thuật.
- Nhằm đào tạo những sinh viên đạt điều kiện làm ra các sản phẩm có chất lượng tốt trong nền sản xuất. Trường luôn luôn giữ vững và nêu cao quan niệm về sự thống nhất toàn diện về một sáng tạo trong không gian được thống nhất một cách hữu cơ. Quan niệm này tránh cho con người khỏi nô lệ, máy móc, sống trong môi trường có ý nghĩa với cuộc sống.

Có những vấn đề đặt ra:

- Cho học sinh nghiên cứu sâu về vật liệu, nắm vững về quy luật và tính chất của vật liệu. Ngày nay vật liệu trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà Design. Trên cơ sở nghiên cứu vật liệu mới hình thành hình dáng. Trường Bauhaus đã hình thành các khoa: Dệt, Sắt, Gốm, Đồ họa.

- Trên cơ sở chuyên ngành chia việc giảng dạy các môn thẩm mỹ. Họ đã hình thành một cấu trúc mới về các môn học.

- Học những môn có thể giúp tạo ra sản phẩm, chú ý về nhu cầu tiêu dùng và dạy cho học viên những hiểu biết về công nghệ. Nêu khẩu hiệu thống nhất giữa nghệ thuật và kỹ thuật nảy ra những điều mà Design quan tâm “khi nghiên cứu sản phẩm phải nghiên cứu đầu tiên là chức năng của sản phẩm, làm nó bằng vật liệu gì và giải quyết bằng công nghệ như thế nào?”. Hiểu biết về công nghệ nhưng có nhược điểm lớn là coi nhẹ sản phẩm thủ công.

Trường Bauhaus phân chia thành các ngành:

- Nội thất (Interior Design).
- Thời trang (Fashion Design).
- Nghệ thuật giao tiếp thị giác (Visual Communication Design).
- Sản xuất (Product Design).

Do sự tiến bộ của Bauhaus, chính quyền Đức quốc xã giải tán trường. Những người hoạt động trong trường Bauhaus chuyển sang Mỹ và xây dựng nền Mỹ thuật công nghiệp Mỹ (đang đứng hàng đầu trong nền Mỹ thuật công nghiệp thế giới).

Trường Bauhaus: - Weimar

- Dessau

Trường hoạt động trong 2 giai đoạn

- Từ năm 1919 đến năm 1925: thời kỳ Gropius
- Từ năm 1925 đến 1933:
 - + từ năm 1925 đến 1927: Gropius
 - + từ năm 1927 đến 1929: Mayer
 - + từ năm 1929 đến 1930: Rohe

Họ khắc phục được chủ nghĩa lịch sử và họ có cách tổ chức mới học tập gắn liền với sản xuất, đào tạo về thẩm mỹ nghệ thuật (phong cách nghệ thuật), nghiên cứu vật liệu (hiện nay là vấn đề quan trọng trong sáng tác Design). Họ đã chú ý đến mỹ thuật và công nghệ và coi đó là sự thống nhất mới và dạy cho mọi người từ đó tạo ra phong cách: công năng và hữu cơ để đưa sản phẩm có thể sản xuất công nghiệp.

Hai phong cách này gặp sự biến động của các thời kỳ: tiền Modern, Modern và nghệ thuật không gian. Họ chú trọng đến hình dáng tốt (ở Đức), đẹp (ở Bỉ, áo và Bắc Âu), những quyết định trước sự phát triển của 1 mẫu Design chịu ảnh hưởng trực tiếp của nghệ thuật.

Về màu sắc có rất nhiều công trình nghiên cứu của Anxxtanh, Guess dựa trên cơ sở vật lý và tâm lý. Tại sao có những màu rực rỡ và trầm lắng? Từ lý thuyết này Monrean đưa ra bức tranh thẩm mỹ của thời kỳ mới là đơn giản và ông tạo ra khung to nhỏ và tạo ra những màu tương phản.

Kandinsky là nhà nghệ thuật tiên phong thời kỳ này, là người đầu tiên đề xướng nghệ thuật trừu tượng, nghệ thuật tâm linh tạo nên những chuyển biến về nghệ thuật trong nhận thức của con người.

Kandinsky, P. Klee, Isten được mời để xây dựng 1 công trình về thẩm mỹ của Bauhaus thường sử dụng màu và hình dáng cô đọng.

II. Các giai đoạn phát triển của Trường Đại học Bauhaus.

Mặc dù thời gian tồn tại của Bauhaus ngắn ngủi 14 năm nhưng dấu ấn nó để lại rất lớn

1. Bauhaus ở Dessau dưới thời W. Gropius (1919 – 1928).

Hầu hết sinh viên của Gropius đều nghèo và đói, theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Họ đói cả đời sống và tri thức, vật chất và thẩm mỹ. Họ thiếu thốn hầu như mọi thứ, từ nguyên liệu lao động tới quần áo và chỗ ở. Nhà ăn của trường, đã mở vào tháng 10 năm 1919, mở rộng thành một trong những nơi quan trọng nhất của học viện, họ còn trồng thêm những vườn rau riêng. Mặc

cho hoàn cảnh nghèo khó, sinh viên và giáo viên trường đã phát huy lòng tin mãnh liệt, cảm nhận về sự tồn tại bản thân như là một nhóm những con người ưu tú, hoặc ít nhất là một nhóm những người là ngoại lệ của những nguyên tắc Bauhaus ở Weimar không có khoa kiến trúc. Trong những năm đầu tiên của sự định hình, trường phái Bauhaus dừng lại trong các thử nghiệm về cân đối giữa thẩm mỹ và công năng ở những dự án nội thất hay ở việc chế tạo các vật dụng thường ngày như cái bàn, bộ ghế, những món đồ gốm, những cuộn giấy dán tường... Năm 1925, chính quyền Weimar đóng cửa trường Bauhaus vì những lý do chính trị, vì những nghi ngờ về việc chứa chấp tư tưởng nổi loạn và truyền bá chủ nghĩa cộng sản.

Tháng 3 năm 1925, trường Bauhaus được dời đến thành phố Dessau, thành phố tiến bộ với nền công nghiệp phát triển mạnh. Chính tay Gropius đã thiết kế các khu nhà của Bauhaus ở Dessau với khu nhà xưởng là nơi cho sinh viên thực tập, ký túc xá cho sinh viên, và khu biệt thự cho giáo viên. Sau đó, Gropius mở khoa kiến trúc ở Bauhaus vào tháng 10.1926.

Tại thành phố công nghiệp Dessau, nguồn nguyên liệu phong phú và chất lượng tốt của nơi đây đã giúp các nhà thiết kế của Bauhaus hoàn thành gần như toàn diện ý tưởng của họ. Bên trong ký túc xá, ý tưởng thực nghiệm kiến trúc có mặt ở mọi góc ngách. Tại đây, rất nhiều kiểu dáng thiết kế được ứng dụng vào trong công nghiệp lẫn các công trình dân dụng. Ưu tiên hàng đầu của Bauhaus là tạo ra những mẫu đơn giản, gọn nhẹ và tiện lợi. Các mẫu thiết kế đã ảnh hưởng sâu sắc đến kiến trúc hiện đại ngày nay. Rất nhiều sinh viên từ các nước trên thế giới đã theo học tại Bauhaus. Trong công tác đào tạo tại Bauhaus đã có những thay đổi, chuyển sang công tác thiết kế công nghiệp và ngành kiến trúc. Mục tiêu mà trường đặt ra là bên cạnh các việc đáp ứng nhu cầu về sản xuất công nghiệp, còn phải tạo ra các mặt hàng sản xuất hàng loạt.

Năm 1925 Bauhaus xuất bản cuốn sách đầu tiên do w.Gropius, Kandinsky và Mondrian cùng hợp tác xây dựng. Trong những năm 1926-1927 mặc dù trên phương diện quốc tế Bauhaus được công nhận một cách rộng rãi nhưng vẫn gặp

những vấn đề tài chính và những cuộc tranh cãi nội bộ về phương hướng trường cần lựa chọn giữa nghệ thuật và công nghiệp

2. Bauhaus ở Dessau dưới thời Hannes Meyer (1928 – 1930) .

Năm 1928 dưới những áp lực của những khó khăn ngày một tăng, Gropius tiến cử Mayer vào chức hiệu trưởng của Bauhaus. Lúc này về hình thức tổ chức và nội dung đã được thay đổi, ông yêu cầu tạo ra các sản phẩm được tiêu chuẩn hóa. Mayer là người theo phái ủng hộ những ý kiến tập thể và từ chối và từ chối bất kì kiểu lãng mạn nghệ sĩ nào. Ông nỗ lực để khoa học hóa công việc giảng dạy và cho thiết lập thêm các bộ môn tâm lý học, xã hội học và kinh tế học. Về kiến trúc Mayer yêu cầu trước tiên phải “Phân tích” các yếu tố xã hội.

Ông cho rằng các sản phẩm từ thiên nhiên đều do công thức tạo thành. Công trình ban đầu không mang tính thẩm mỹ mà mang tính xã hội và kinh tế. Với những đường lối lãnh đạo mới trong việc kĩ thuật hóa và chính trị hóa, nghệ thuật đã bị đẩy lùi một cách chính xác. Trong năm này Gropius và Breuer rời khỏi Bauhaus, về lý do chính trị Gropius đã cùng với Albert và Kandingky tác động đến việc thải hồi Meyer.

3. Bauhaus ở Dessau dưới thời Mies Van Der Rohe (1930 – 1933) .

Người kế nhiệm ông là L. Mies van Der Rohe được tiến cử năm 1930, là nhân vật đặt trọng tâm hoạt động hoàn toàn vào ngành kiến trúc, tuy nhiên không chú ý đến các khía cạnh xã hội và chính trị. Ông xây dựng chương trình đào tạo gồm các lĩnh vực xây dựng, nội thất, nhiếp ảnh và mỹ nghệ. Quan niệm trong thời gian này đặc biệt quan tâm tới chất lượng sản phẩm. Bởi vậy bộ máy giảng dạy hết sức bài bản đã được thực hiện trong thời gian này.

1932 trường Bauhaus tại Dessau đã bị phát xít Đức đóng cửa.

Từ 1932 đến 1933 Mies van der Rohe một lần nữa định chuyển trường thành trường tư thục của ông, nhưng nỗ lực đó cũng bị thất bại do phát xít Đức ngăn cản và trường Bauhaus chính thức đóng cửa năm 1933.

III. Xu hướng hoạt động.

Trường được hợp nhất từ trường Mỹ thuật thủ công và nghệ thuật thủ công. Mô hình đào tạo các nhà thiết kế tương lai đã xác định một cách dứt khoát tại Bauhaus học và hành luôn song hành. Chương trình đào tạo Bauhaus được đặt ra với mục tiêu nhằm đào tạo các họa sĩ mỹ thuật công nghiệp vừa là kỹ sư vừa là họa sĩ.

Giữa suy tàn và u ám, kiến trúc sư Walter Gropius nhận ra những khuôn vàng thước ngọc của kiến trúc thời trước không còn phù hợp nữa. Ông trút bỏ những họa tiết rườm rà khỏi các bản thiết kế, rồi chối từ hẳn những định ước xưa cũ vốn kiểu cách và đồng bóng. Và Gropius tìm lập một chốn nuôi dưỡng sự sáng tạo của các họa sĩ, các nhà thiết kế, và các kiến trúc sư.

Để Bauhaus tồn tại, Gropius hướng thầy trò của trường đến lối thiết kế phục vụ nhu cầu xã hội, mục đích cuối cùng là để tạo ra những sản phẩm bán được, chứ không phải là những tác phẩm nghệ thuật để trưng bày. Một Bauhaus vì cuộc sống có thể thấy được ngay khi bước vào cơ sở đầu tiên của trường ở Weimar: căn tin được đặt ngay trung tâm của khuôn viên, còn rau xanh được trồng thay cho cỏ và hoa.

Nhưng Bauhaus ở Weimar không có khoa kiến trúc. Trong những năm đầu tiên của sự định hình, trường phái Bauhaus dừng lại trong các thử nghiệm về cân đối giữa thẩm mỹ và công năng ở những dự án nội thất hay ở việc chế tạo các vật dụng thường ngày.

Đến thời Hannes Meyer làm hiệu trưởng thứ hai của trường Bauhaus. Nhưng hơn cả Gropius, Meyer tuyên truyền chủ nghĩa Marx, lập hội sinh viên cộng sản ngay tại trường, và biến trường thành tổ chức chính trị đối lập với đảng Công nhân quốc xã cầm quyền.

Mayer quan niệm tòa nhà đơn giản chỉ là một tổ chức không gian hẹp nhất theo nhu cầu, không hề có bất kì một sáng tạo nào. Ông dựa trên công thức thuần túy kỹ thuật “Kiến trúc bằng giá trị sử dụng nhân với giá trị kinh tế”

Thời kiến trúc sư Mies Van Der Rohe làm hiệu trưởng thì ông bị ảnh hưởng mạnh của trường phái kết cấu Nga và nhóm Destill của Hà Lan. Ông đặc biệt quan tâm tới chất lượng sản phẩm. Bởi vậy bộ máy giảng dạy hết sức bài bản.

Câu hỏi ôn tập :

Câu 1 : Anh (chị) hãy trình bày sự ra đời của Bauhaus? Quá trình của Bauhaus qua các thời kỳ?

Câu 2 : Vai trò đóng góp của Bauhaus đối với sự phát triển của Design?

CHƯƠNG 5 : DESIGN TRONG THỜI KỲ ĐẦU CÔNG NGHIỆP

Mục tiêu bài học :

- Giới thiệu cho sinh viên về chủ nghĩa công năng và tác động của nó tới Design hiện đại.
- Giới thiệu một số trường phái nghệ thuật trong Design (Design hữu cơ – Nghệ thuật không gian).

I. CHỦ NGHĨA CÔNG NĂNG.

1. Hoàn cảnh ra đời.

Chủ nghĩa công năng ra đời từ năm 1915 đến 1945. Trong thiết kế mang tính chất duy lý gạt hình thức cổ điển sang một bên. Chủ nghĩa công năng chú ý đến sự bền vững. Ở đây họ tạo những hình dáng với công năng đáp ứng yêu cầu sử dụng, chú ý đến kết cấu vật liệu, chế tác, hình dáng đơn giản và chú ý đến cấu trúc sắt kết hợp với vải, gỗ từ những đường cong, lượn nhưng vẫn tôn trọng cấu trúc.

Chủ nghĩa này phát triển trở thành phong cách Quốc tế được vận dụng trong kiến trúc và sản xuất hàng hóa đặc biệt là ở Mỹ: sản xuất tivi, radio, thời trang, mỹ phẩm. Các tác giả tiêu biểu cho chủ nghĩa công năng là: Sullivan (1856 - 1924), Vittrirns, Wright (1867 - 1957), Le Corbusier, Bruer, Mies Vanderohe.

Chủ Nghĩa Công Năng đã được ra đời từ rất sớm trong lịch sử, phải khẳng định một điều là chủ nghĩa công năng đã cùng một lúc xuất hiện với nền kiến trúc. Không những thế Chủ Nghĩa Công Năng đã nuôi dưỡng làm sống lại một nền kiến trúc mới, và cũng có thể so sánh nó như là tuổi ấu thơ của cuộc sống con người. Khi mà con người đã trưởng thành họ thường rời bỏ hoặc quên đi một vài đặc điểm riêng, song tuổi thơ ấu sâu sắc luôn là chỗ dựa để họ phát triển tính cách sau này.

“Hình thức phải đi sau công năng” là câu nói khẳng định, để giải thích về xu hướng công năng của nền kiến trúc hiện đại, một trào lưu lớn nhất thế kỷ và là một tổ chức tập hợp được đông đảo những người hoạt động sáng tác nhất. Vào thế kỷ XX đã xuất hiện khái niệm này, mặc dù là một ý tưởng còn rất lạ, rất trí tuệ và gặp rất nhiều khó khăn nhưng vẫn được số đông ủng hộ và chấp nhận. Chủ nghĩa công năng đi ngược lại những giá trị nghệ thuật truyền thống trong xây dựng. Trước thời gian này chưa hề xuất hiện một trào lưu kiến trúc nào đi ngược lại lịch sử nghệ thuật của quá khứ mà được thừa nhận. Từ những vòm cuốn của những ngôi nhà thờ của thời đại đồ đá cũ và trên những toà nhà ở của thời đại đồ đá mới, hình thức đều rất mâu thuẫn với nội dung. Trên những công trình bảo vệ quân sự của Rumani, những hệ thống cầu cống của người Bungari trong thời trung cổ, những bức tường thành của Trung quốc, các trung tâm công nghiệp, những nhà thờ của thế kỷ XVIII và ở những ngôi nhà chọc trời của những cơ quan hành chính ở Manhattan của thế kỷ XX, tất cả đều thể hiện lên một quan hệ chặt chẽ giữa hình thức và công năng.

2. Quá trình phát triển

Những cao trào của nền kiến trúc hiện đại xuất hiện ở giữa thế kỷ XIX, là những mầm mống và cơ sở sinh ra một Chủ Nghĩa Công Năng hiện nay. Chủ Nghĩa Công Năng có hai khuynh hướng, một là Chủ Nghĩa Công Năng trí thức, hai là Chủ Nghĩa Công Năng cơ hội. Một trong những người đầu tiên của phong trào này là Le Corbusier và Frank Lloyd Wright, họ đã bị hấp dẫn và lôi cuốn bởi lý thuyết của Eugene Viollet le Duc, ông là một kiến trúc sư của Pháp, và là một trong những nhà kiến trúc sư nổi tiếng không những về lý thuyết của thời bấy giờ, mà người ta còn biết ông từ lâu trên các tác phẩm công trình xây dựng phục chế lại những lâu đài và cung điện của thời trung cổ. Một bài viết của Le Corbusier trong cuốn sách với tên là “Hướng Tới Một Nền Kiến Trúc Mới” xuất bản năm 1920 đã thể hiện một nội dung lặp lại lý thuyết của Viollet le Duc. Điều quan trọng hơn cả là với những thực nghiệm của ông về quan niệm duy lý

và chủ nghĩa công năng, ông đã đưa ra những nguyên tắc đơn giản nhất, để giải quyết hình thức nghệ thuật bằng một hệ thống logic.

Những nguyên tắc đầu tiên của Chủ Nghĩa Công Năng cho rằng: hình thức chỉ cần thiết khi nó phản ánh được nội dung của công năng. Tất cả các thành phần cấu kiện của một toà nhà cần phải tìm thấy một sự biểu hiện hình thức kiến trúc phù hợp với nội dung của nó. Ví dụ như: những chân tường, dầm của một công trình phải được nhận biết thấy bằng mắt rõ ràng là nó nằm ở phía trong hay phía ngoài, hoặc phân biệt rõ sự khác nhau giữa bề mặt của bức tường chịu lực và bức tường ngăn. Các Kiến trúc sư phải làm thế nào để bề ngoài của công trình phải bộc lộ thật rõ ràng chức năng bên trong của nó, có nghĩa là thấy nó đang chịu tải trọng bề mặt của sàn nhà và mái nhà. Bản thân công trình phải có sự liên hệ giữa các thành phần một cách lô-gich, mỗi một không gian kiến trúc phải được nghiên cứu một cách cẩn thận về mặt chức năng sử dụng. Phải thật hợp lý hoá các thành phần cấu trúc của công trình.

Nguyên tắc thứ hai bị ảnh hưởng bởi những hình thức cấu tạo của máy móc, có nghĩa là những thành phần có chức năng về kỹ thuật rất được ưu đãi và hâm mộ. Khi người ta lạm dụng nguyên tắc này trên công trình người ta cảm thấy toàn bộ công trình bị mất đi cái tinh thần và linh hồn của nó. Luis Sullivan đã sử dụng hình thức mặt bằng có những bố cục là những hàng hiên ở bên cạnh để có cảm giác thâm nhập vào thiên nhiên, gây một cảm giác thích hợp với tổ chức tự nhiên. Các công trình của ông thường được chia thành từng khối với những chức năng đồng nhất, nối liền với nhau bằng lối đi.

Vào năm 1920 Le Corbursier đã gây một tiếng vang trong bài viết phê phán “Những kỹ sư nước Mỹ với những bài tính đại số đã gây một thảm hoạ cho nền kiến trúc”. Tuy vậy trong một bài viết về những tác phẩm hiện thực của chủ nghĩa công năng, ông lại ca tụng “Đó là một sự tổng hợp kỳ diệu, chính xác, và thật là rực rỡ của những hình khối, tập hợp lại dưới ánh sáng tự nhiên. . . những khối lập phương, những hình nón, hình tháp, với tỷ lệ to lớn, và cái đẹp cơ bản của nó khi mà ánh sáng chiếu xuống, nó tạo thành những hình ảnh kỳ ảo.

Đó chính là những ấn tượng tuyệt đẹp.” (trích dẫn trong bài viết về “Những hình thức thẩm mỹ tuyệt đẹp” của Le Corbursier), ông còn nói “Chủ nghĩa công năng thật đáng kinh ngạc, vì chính nó đã tạo nên những hình thức đáng kinh ngạc”.

Trong khi mà Chủ Nghĩa Công Năng trí thức, đang sáng tạo ra một phong cách, thì vào năm 1920-1940 cùng với những quan niệm cơ bản về khoa học kỹ thuật, đã xuất hiện một khuynh hướng khác về nó. Trong khuynh hướng này, người chủ công trình, đồng thời cũng là kỹ sư kết cấu của công trình, là người sáng tạo tất cả, họ quan niệm đối với kiến trúc phải đi đôi với kinh tế, phải thực hiện được (tính khả thi cao), và hình thức phải đáp ứng được dễ dàng. Khi mà hình thức đi theo công năng, nó phải được phản ánh một cách hợp lý, hình thành một cách thật chính xác trong kỹ thuật. Khái niệm này đã xuất hiện trên một số công trình: máy bay, cầu, thuyền, nhà máy, công xưởng, đập nước. Như vậy cái đẹp ở đây sẽ được hình thành theo cách hợp lý hoá. Trong thời gian này, tất cả những thành phố lớn của Mỹ đều cần xây dựng rất nhiều những toà nhà công sở và nhà ở cho thuê, điều này dẫn đến cần phải có những đồ án thiết kế mà sao cho có công năng được phát triển thật hợp lý. Hình thức bên ngoài công trình nói chung rất bình thường do bị ảnh hưởng những yêu cầu của công trình. Để thực hiện mục đích này cho vấn đề lợi nhuận, họ đã cho ra đời hàng loạt các hạng mục xếp loại của các công trình, nhà máy. Cầu thanh máy tốc độ cao được đặt bên ngoài toà nhà, những máy điều hoà nhiệt độ được đặt trên mái của các công trình, những kios báo được đặt ở trước sảnh vào nhà đều tạo thành những hình thức Kiến trúc Công Năng. Cuối cùng nó được đặt cái tên là “Chủ Nghĩa Công Năng Cơ Hội”. Điều này thật thiết thời cho những nhà hoạt động của “chủ nghĩa công năng trí thức” vì họ phải chịu đựng những sai lầm của người khác gây ra mặc dù họ là những người đầu tiên cho ra một phong cách mới mang tính kinh tế hơn và bền vững hơn.

“Chủ Nghĩa Công Năng” mặc dù bị các phần tử cơ hội thực hiện khác đi, nhưng nó vẫn được đánh giá là đã để lại một thực nghiệm rất mới và cho một

giá trị rất lớn. Mặc dù có sự lên án bởi hình thức của một cỗ máy, song chủ nghĩa công năng xuất hiện rất đúng lúc và hợp thời, và nó thích hợp với rất nhiều thể loại của công trình. Mặt khác nó đã thiết lập nên một sự nhìn nhận trong việc thể hiện mối quan hệ giữa các cấu trúc của công trình. Chủ nghĩa công năng nằm trong một thời kỳ chuyển tiếp các giai đoạn của nền kiến trúc, nó là đề tài nghiên cứu tuyệt vời cho các nhà kiến trúc sư trẻ và giúp cho ta thêm rất nhiều kiến thức trong vấn đề phê bình kiến trúc.

II. DESIGN HỮU CƠ (ORGANIC DESIGN)

1. Hoàn cảnh ra đời

Phong cách Organic phát triển vào những năm 30 trở đi, các nhà Design sau khi ở Bauhaus sang Mỹ. Bảo tàng ở New York tập hợp các sản phẩm Design năm 1941 đã đứng ra tổ chức cuộc thi Design hữu cơ để tìm ra hướng đi mới.

- Chú ý đến sự nhẹ nhàng mềm mại (quần áo bó sát không phải hình học).
- Chú ý đến cách sử dụng vật liệu (đưa ra các phong cách của hãng Kastel làm ghế bằng nhựa, nhôm, gỗ đan).

Các tác giả tiêu biểu: Sarinen, Earnes, Bertolia. Phong cách này phù hợp với lối sống Mỹ (chú ý đến khả năng tiêu thụ, sự thích hợp) đặc biệt ở Mỹ lúc này phát triển chủ nghĩa thực dụng.

Người Mỹ ưa lối sống thực dụng, tính chất này trở thành trào lưu trong văn học nghệ thuật và ảnh hưởng đến Design. Trong thực dụng thường hay nói đến vấn đề sống gấp, nhu cầu cuộc sống đầy đủ, thoải mái không quan tâm đến chính trị. Phái hiện sinh ra đời phê phán C.Mac, loại trừ mỹ thuật và coi trọng âm nhạc.

Sau này ở Mỹ có ông Raymond Loewy, J. Nelson (ông viết cuốn “Những vấn đề của Design”), Madonado (nhấn mạnh đến yếu tố hữu cơ).

Từ năm 1945 đến 1960 (thời kỳ của nội thất đồ dụng): xe Vespa ra đời, năm 1950 ra đời thuốc lá đầu lọc.

2. Quá trình phát triển

Học thuyết hữu cơ trong kiến trúc, xem xét các công trình gần giống như một tổ chức hình thành của thiên nhiên, và gắn bó với thiên nhiên như một cơ thể hợp nhất. Nó chịu ảnh hưởng của các quy luật tự nhiên như sinh ra lớn lên và chết đi, nó là môi trường tương quan hài hoà giữa tổng thể và đơn thể. Có rất nhiều lý thuyết khác nhau của học thuyết kiến trúc hữu cơ. Một số thường nhầm lẫn giữa kiến trúc hữu cơ với chủ nghĩa công năng trong kiến trúc. Nghĩa là nó

đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội, ví dụ như, dựa vào khả năng tổ chức hữu cơ mà người ta đi đến mở rộng ngôi nhà theo ý muốn của gia đình chủ nhà.

Mối liên kết giữa Kiến trúc và thiên nhiên đã được thể hiện ngay từ giữa thế kỷ XIX trong các tác phẩm của nhà điêu khắc người Mỹ Horatio Greenough. Trong sự tìm kiếm nhằm khắc phục sự yếu kém về quan điểm thẩm mỹ thời bấy giờ mà ông cho rằng chỉ là những tư tưởng chiết trung, Greenough đã chọn tự nhiên như là một điểm xuất phát. Ông cho rằng tự nhiên đã ban tặng cho con người vô số những hình dáng khác nhau không hề bị lệ thuộc vào bất kỳ một mô-típ, hình mẫu có sẵn. Tuy nhiên học thuyết này của ông hơi thái quá vì nó ảnh hưởng quá nhiều vào cái mà ông gọi là “những nguyên tắc mà chúa trời ban cho” (God given principles). Những lý luận của các Kiến trúc sư sau này tiến bộ hơn nhiều vì nó là kết quả của những lập luận chắc chắn, chính xác và duy lý. Những người sáng lập cho trường phái này gồm các nhà kiến trúc sư bậc thầy quan trọng trong thế kỷ này: đó là Henry van de Velde và Erich Mendelsohn ở châu Âu, Luis Sullivan và Frank Lloyd Wright ở Mỹ.

Lý thuyết thu hút được đông đảo Kiến trúc sư đi theo nhất của kiến trúc hữu cơ được phát sinh từ nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp, một xu hướng nghệ thuật được phát triển suốt trong thời kỳ Phục hưng. Trong nghệ thuật kiến trúc của các đền thờ Hy Lạp, có một sự liên quan đến tỷ lệ của cơ thể con người. Vitruvio là người đầu tiên đã phát triển lý thuyết này, sau đó có rất nhiều các nhà nghệ thuật khác đi theo. Vasari cho rằng kiến trúc có một tổ chức hữu cơ giống cơ thể của con người còn Miguel Angel khẳng định nếu người ta hiểu biết về cơ thể con người thì sẽ lĩnh hội được nghệ thuật kiến trúc.

Sau này đã xuất hiện lý thuyết chuyển đổi từ tỷ lệ con người sang lĩnh vực hình thức nghệ thuật kiến trúc dựa vào một lý thuyết hiện đại của kiến trúc hữu cơ. Cả hai lý thuyết này đều đi đến sự thống nhất quan điểm và đều muốn nêu bật lên cơ thể con người là tỷ lệ của môi trường sống xung quanh chúng ta. Mặt khác những nguyên lý tổ chức vật chất hữu cơ của môi trường sống chính là hình thức nghệ thuật của kiến trúc. Trong tổ chức hữu cơ của thiên nhiên có

một sự liên hệ hoà đồng giữa từng thành phần và tập thể, vì vậy nó phụ thuộc vào tổ chức của nó. Trên thực tế những tổ chức thuộc loại cao cấp của thiên nhiên chỉ nằm trong các tầng lớp cao. Bởi vậy khi chuyển đổi những nguyên lý này sang các công trình Kiến trúc người ta sẽ loại trừ một phần của xã hội, hay sự hình thành của các công trình Kiến trúc chỉ xác định cho một thành phần xã hội.

Ngoài ra hình thức trong Kiến Trúc Hữu Cơ luôn luôn được hài hoà trên toàn thể công trình. Mục đích duy nhất đề ra là sự biểu một công trình Kiến trúc như những hình thức tổ chức của tự nhiên. Trái lại quan điểm của kiến trúc hữu cơ không thể mở rộng cho tất cả các vấn đề của xã hội vì nó bỏ qua lĩnh vực vật lý học thực nghiệm mà bước thẳng vào Chủ Nghĩa Biểu Tượng. Phần đông các nhà kiến trúc sư xây dựng lên lý thuyết của sự hợp nhất hữu cơ, và áp dụng nó vào các công trình của họ, đó chính là mối quan hệ giữa công trình và địa hình phong cảnh xung quanh của nó. Kiến trúc sư đầu tiên phải kể đến là Louis Sullivan người Mỹ, ông cũng là người quan trọng nhất trong số những Kiến trúc sư tốt nghiệp từ trường Đại Học Kiến Trúc Chicago thời bấy giờ. Trong một bài viết năm 1896 có tựa đề “xem xét lại khía cạnh nghệ thuật của các toà nhà văn phòng cao tầng” (the Tall Office Building Artistically Considered) Sullivan đã kết luận trên cơ sở những quan sát về thiên nhiên rằng: “sự sống được cảm nhận bằng sự biểu hiện của nó do đó hình dáng phải đi sau công năng.” Cũng từ đây ông nêu ra một nguyên tắc: “điều quan trọng nhất để giải quyết một vấn đề chính là bản thân vấn đề đó vì nó chứa những giải pháp riêng của nó.” Cho nên hình dáng của công trình không nên được tạo nên bởi những kiến thức có sẵn từ trước hay những ý tưởng được ưu tiên nào đấy mà nó được hình thành từ những nghiên cứu về các yếu tố đang hiện có trong môi trường mà nó sẽ có mặt. Mối tương quan giữa môi trường tự nhiên và Kiến trúc dẫn đến sự ra đời của một trường phái Kiến trúc trong Chủ Nghĩa Công Năng được chi phối bởi “bản thể” (Ontological) hơn là “cơ giới” (Mechanistical). Trường phái Kiến trúc Công Năng này sau được đặt tên là Kiến trúc Hữu Cơ. Louis Sullivan cho rằng một

thực thể luôn luôn hài hoà với thiên nhiên còn những nhận xét về sự hài hoà của nó thì lại là yếu tố khách quan của con người. Yếu tố khách quan này không nên chỉ là sự suy luận riêng của từng cá nhân mà phải là những ý kiến được rút ra khi thực sự làm việc trong từng hoàn cảnh.

Frank Lloyd Wright một Kiến trúc sư lỗi lạc Mỹ khác đã thừa kế và tiếp tục mở rộng những học thuyết của Sullivan, Wright thêm vào rằng “hình dáng và công năng nhất định là một.” Đối với ông mối quan hệ giữa đơn thể và cá thể đặc biệt quan trọng trong Kiến trúc. Tất cả các đơn thể đều có tính chất riêng nhưng không thể tách rời khỏi tổng thể. Điều này được ông thể hiện trong công trình bằng cách bố trí không gian theo kiểu “lưu loát” (flowing space). Theo ông không gian không thể tự di chuyển được, cái di chuyển được là con người sử dụng nó vì thế ông không cố gắng tạo nên một không gian có thể chuyển động mà ông phân chia không gian đó thành những phần nhỏ và được nối với nhau bằng các không gian dẫn phụ. Wright cũng chi tiết hoá học thuyết về Môi Trường và Kiến trúc của Sullivan bằng câu nói: “một công trình Kiến trúc được xem như một cái gì đó vô cùng đặc biệt trong mối tương tác của nó với mảnh đất mà nó sẽ được xây dựng lên và cảnh quan môi trường xung quanh nó.” Các công trình do ông thiết kế như ngôi nhà Jacob ở Middletown, Wisconsin, 1948, nhà trên thác nước Falling Water House ở Mill Run, PA (1935-39) (Hình H1) hay trung tâm thị chính Marin County ở San Rafael, CA (1957-66) (Hình H2) là những ví dụ điển hình. Những vườn hoa, cây cỏ, thác nước, núi đồi và ngôi nhà hợp lại thành một thể thống nhất. Các công trình này đều được gắn liền với môi trường xung quanh, nó như được sinh ra từ đất và khi bị tách rời khỏi môi trường của nó, nó sẽ chẳng còn giá trị gì nữa.

Ngoài hai Kiến trúc sư nêu trên còn rất nhiều các Kiến trúc sư khác cùng theo khuynh hướng Kiến trúc Hữu Cơ như Alva Alto, Frei Otto, Hans Scharoun, Louis Kahn .v.v. Ngày nay bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội thay đổi người ta đánh giá cao tính công năng trong Kiến trúc và đưa nó lên hàng đầu nhưng những luận điểm về mối tương tác giữa Kiến trúc và môi trường vẫn được coi

trọng. Những tác phẩm Kiến trúc mang phong cách Huru Cơ vẫn có mặt khắp nơi trên thế giới mà cụ thể là ở các nước có nền Kiến trúc phát triển như Nhật Bản và Mỹ.

III. NGHỆ THUẬT KHÔNG GIAN

Vấn đề tổ chức không gian, môi trường sống:

- Design tốt ở Đức
- Design đẹp ở Bắc Âu
- Design thích ứng ở Mỹ
- Design kỹ thuật cao

Thời kỳ hậu hiện đại ra đời xu hướng Anti Design dựa trên lý thuyết phân tâm học của Freud “người điên làm nghệ thuật rất tốt. Nghệ thuật là tiếng nói của tiềm thức, tiếng nói của người điên”. Hậu hiện đại dựa vào quan điểm đó.

Từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20 bùng nổ hàng loạt các trào lưu nghệ thuật được gọi chung là nghệ thuật hiện đại bao gồm: Ấn tượng, Dã thú, Lập thể, Da Da, Siêu thực, Biểu hiện, Tượng trưng, Trừu tượng, Lập thể nhịp điệu (Orphism), nghệ thuật Tối thiểu (Minimal art), nghệ thuật Phi đối tượng (Nonobjective art), nghệ thuật Giả động (Kinetic art), nghệ thuật Cụ thể (Concrete art), Conceptual art (nghệ thuật Khái niệm), trường phái Tạo dựng (Constructivism), hội họa hành động (action painting)... Riêng 2 trường phái DaDa và Khái niệm được các triết gia, các nhà phê bình nghệ thuật cho là khởi điểm của tư tưởng hậu đại. Điều đó chứng tỏ nhu cầu thay đổi cảm xúc, thay đổi thói quen thưởng ngoạn nghệ thuật, thay đổi tư duy, tâm lý cùng đồng hành hướng đến những cảm xúc mới, những nhận thức mới về cái đẹp. Cho dù tâm lý, thói quen, các định chế lâu đời của truyền thống cổ tình lảng tránh hay kháng cự thì nó vẫn phát sinh ra đời và tồn tại...

Sự ra đời của hàng loạt các khái niệm mới : Anti,art (Phản nghệ thuật), Outsider art (nghệ thuật Bên ngoài), Neo- DaDa (Tân DaDa), Conceptual art (nghệ thuật Khái niệm), Psychedelic art nghệ thuật Ảo giác), Pop art (nghệ thuật Bình dân), Visionary art (nghệ thuật Hư ảo), Fluxus art (nghệ thuật Dòng chảy), Interactive art (nghệ thuật Tương tác) -, Assemblage art (nghệ thuật kết hợp), Postminimalism art (nghệ thuật Hậu tối giản), Land art (nghệ thuật Miền

đất), Installation art (nghệ thuật Sắp đặt)- Lowbrow art (nghệ thuật Ít học), Graffiti art (nghệ thuật tranh trên tường đường phố), Digital art (nghệ thuật Kỹ thuật số), Telematic art (nghệ thuật viễn thông), Performance art (nghệ thuật Trình diễn), Video art (nghệ thuật Video), Neo, expressionism (nghệ thuật Tân biểu hiện), Appropriation art (nghệ thuật Chiếm hữu), Neo-Conceptual art (nghệ thuật Tân khái niệm), ASCII art (nghệ thuật thiết kế đồ họa có sử dụng máy tính), Pevement art (nghệ thuật vẽ trên vỉa hè), Plop art (nghệ thuật công cộng), Live art (nghệ thuật Sống), Internet art (Nghệ thuật internet)... được gọi là các trào lưu của nghệ thuật Hậu hiện đại (postmodernism art) và cũng được gọi chung là: nghệ thuật đương đại (bởi những trường phái trên thuộc về lĩnh vực mỹ thuật nên ta có thể gọi chính xác hơn là nghệ thuật thị giác đương đại) đã tạo nên những làn sóng mới trong thế giới nghệ thuật.

Chủ nghĩa Hậu hiện đại đã ảnh hưởng bao trùm lên tư tưởng sáng tạo của rất nhiều nghệ sĩ đương đại. Thuật ngữ "hậu hiện đại" lần đầu tiên được sử dụng vào khoảng năm 1870 bởi họa sĩ người Anh John Watkins Chapman trong một phát biểu: "phong cách hậu hiện đại của một bức tranh mới như một cách để vượt qua trường phái ấn tượng Pháp". Triết gia người Anh J.M.Thompson, trong bài viết năm 1914 của ông trên tạp chí Hibbert (bình luận triết học hàng quý), sử dụng nó để mô tả những thay đổi trong thái độ và niềm tin trong các bài phê bình về tôn giáo: "Lý do tồn tại của hậu hiện đại là để thoát khỏi tâm hồn vô tư của chủ nghĩa hiện đại bằng cách lựa chọn kỹ lưỡng trong sự chỉ trích của mình cho sự mở rộng nó để tôn giáo cũng như thần học hay để cho cảm giác về Công giáo hiện đại cũng như Công giáo truyền thống"...

Theo nhà nghiên cứu người Nga sống ở Mỹ Mikhail Epstein thuật ngữ "chủ nghĩa hậu hiện đại" được coi xuất hiện lần đầu là ở cuốn sách *Die Krisis der europaischen Kultur* (1917) của nhà triết học Đức Rudolf Pannwitz để biểu thị chủ nghĩa hư vô trong văn hóa thế kỷ XX. Năm 1934 thuật ngữ này được nhà phê bình Tây Ban Nha Federico de Onis dùng trong sách *Antología de la Poesía Espanola e Hispanoamericana* để chỉ phản ứng thời đó đang tăng lên

chống lại chủ nghĩa hiện đại đầu thế kỷ. Năm 1939 ra đời cuốn sách của nhà thần học Anh Bernard Iddings Bell "Religion for Living: A Book for Postmodernists" (Tôn giáo cho cuộc sống: một cuốn sách cho Hậu hiện đại) trong đó từ "chủ nghĩa hậu hiện đại" biểu thị phản ứng chống lại chủ nghĩa thế tục hiện đại và sự mở đầu một cao trào tôn giáo mới. Trong bộ sách nhiều tập Study of History của Arnold Toynbee, ở tập 5 ra năm 1939, từ "chủ nghĩa hậu hiện đại" là để chỉ thời kỳ xuất hiện xã hội đại chúng sau thế chiến I.

Có thể hiểu khái quát chủ nghĩa Hậu hiện đại: là một thuật ngữ mô tả phong trào hậu hiện đại trong nghệ thuật, đề ra những xu hướng văn hóa và các phong trào văn hóa nói chung của sau thời hiện đại. Nó thường xuyên phức vụ như là một thuật ngữ bao quát toàn bộ không rõ ràng cho cách giải thích: sự hoài nghi, sự mất lòng tin về các lý thuyết và các hệ tư tưởng có liên quan đến kiến trúc, văn học, nghệ thuật, phản ứng chống lại các nguyên tắc truyền thống và hiện đại; hoặc là một lý thuyết có liên quan đến việc đánh giá lại căn bản của các giả định hiện đại về bản sắc văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ... Tư tưởng hậu hiện đại thường nhấn mạnh đến xu hướng tạo dựng, chủ nghĩa lý tưởng, thuyết tương đối, đa nguyên, đa dạng và chủ nghĩa hoài nghi trong cách tiếp cận với tri thức và sự hiểu biết, có thể nói là một khái niệm khá "siêu hình", bản thân các triết gia cũng không đưa ra một lý thuyết xác định nào và đôi khi còn có nhiều mâu thuẫn trong cách hiểu chính xác về thuật ngữ này. Các nghệ sĩ hậu hiện đại buộc tội nghệ thuật hiện đại đã đánh mất vị trí quan trọng của nó... khẳng định thuyết hậu hiện đại nâng cao bình đẳng, dân chủ, hệ sinh thái và tính đa nguyên đa dạng, chủ nghĩa Hậu hiện đại rất hoài nghi về tất cả các tiến trình giác ngộ hiện đại và thuyết tiến bộ.

Chủ nghĩa Hậu hiện đại xem thế giới là hậu hiện đại, là xây dựng xã hội, khoa học hợp lý, trong đó sự thật được tìm thấy thông qua các phương pháp, điều tra xử lý xem xét các xã hội truyền thống, trong các di sản của chủ nghĩa Tân lãng mạn và của các nền văn minh Mỹ và phương Tây. Sự thật cũng được tìm thấy thông qua việc đạt được sự hài hòa với thiên nhiên và hoặc thăm dò

ting thần của bản thân bên trong con người. Ý tưởng hậu hiện đại trong triết học và phân tích của nền văn hóa xã hội mở rộng tầm quan trọng của những lý thuyết đã được xác định khởi hành cho các lĩnh vực văn học, kiến trúc và thiết kế đương đại cũng như có thể nhìn thấy trong tiếp thị, kinh doanh. Việc giải thích lịch sử, pháp luật và văn hóa, bắt đầu từ nửa cuối thế kỷ 20, đánh giá lại toàn bộ những phát triển và hệ thống giá trị phương Tây (tình yêu, hôn nhân, văn hóa, sự chuyển đổi từ công nghiệp sang nền kinh tế dịch vụ) đã diễn ra từ những năm 1950 và 1960 (đặc biệt bùng nổ mạnh trong cuộc Cách mạng xã hội ở phương Tây vào năm 1968).

Những triết gia danh tiếng của chủ nghĩa Hậu hiện đại hầu hết là người Pháp: Jean Fracois Lyotard (1924 - 1998), Jacques Derida (1930, 1994), Jean Baudrillard (1929 - 2007), Michel Foucault (1926 - 1984). Ngoài ra, Phân tâm học Freud và chủ nghĩa Hiện sinh cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các nghệ sĩ đương đại. Khởi điểm sơ khai xúc tác ảnh hưởng đến tinh thần đương đại, xuất phát từ các nghệ sĩ Avant, gader (những người tiên phong) điển hình là nghệ sĩ người Pháp Marchel Duchamp.

Nhà thơ, nhà phê bình nghệ thuật người Pháp Charles Baudelaire đã từng tuyên bố tiên tri: "Trí tuệ con người có bốn phận luôn phải khởi động lại", "Cái đẹp luôn khác thường".

Bản thân sự ra đời của các triết lý mới của triết học cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các quan điểm thẩm mỹ. Chủ nghĩa hiện sinh và Phân tâm học của Sigmund Freud cũng tác động tới cảm xúc tâm hồn tư duy của các nghệ sĩ đương đại. Triết thuyết của chủ nghĩa hiện sinh luôn xác tín của ý nghĩa nhân sinh. Mỗi con người phải giữ vững tự do, tính độc đáo của cá nhân mình và để có tự do thực sự, con người phải luôn hướng tới cái siêu việt, không có siêu việt thì không có hiện sinh trung thực.

Sự bùng nổ của khoa học kỹ thuật, các quan niệm triết học, mỹ học, phân tâm học, tâm lý học, những hình ảnh từ truyền hình, quảng cáo, điện ảnh, Internet, kỹ thuật số, dồn dập ra đời. Buộc người làm nghệ thuật, tìm các giải

thoát khỏi những ràng buộc, những chuẩn mực, những quan niệm của các hệ thống trước đây hay thường gọi là truyền thống thống trị.

Hầu hết các nhà phê bình nghệ thuật trên thế giới đều cho rằng: nghệ thuật hậu hiện đại xuất phát kế thừa từ nghệ thuật hiện đại. Thời gian cho sự chuyển đổi từ hiện đại đến hậu hiện đại là vào năm 1914 ở châu Âu. Còn nghệ thuật đương đại phát triển từ nghệ thuật hậu hiện đại.

Trong ngôn ngữ tiếng Anh bản địa từ "hiện đại" và "đương đại" có thể gọi gần như là đồng nghĩa. Thuật ngữ chủ đạo cho những tác phẩm nghệ thuật từ những năm 1950 cho đến hiện nay được gọi là "nghệ thuật đương đại". Nhưng không có nghĩa rằng tất cả những tác phẩm nghệ thuật của thời hiện nay đều là nghệ thuật đương đại bởi có nhiều nghệ sĩ vẫn làm việc sáng tác thuần túy theo tinh thần cổ điển và chủ nghĩa hiện đại (họ vẽ tranh hay làm điêu khắc thuần túy theo những lý thuyết, quan niệm, của các tổ phụ cổ điển và hiện đại tạo dựng nên như về quy luật bố cục, sự cân bằng thị giác, quy luật sáng tối đậm nhạt, nội dung chủ đề thuần nhất, đồng nhất về chất liệu, đồng nhất bút pháp, đồng nhất phong cách, đồng nhất trương phái, những quan niệm về đẹp và xấu, về sự trường tồn dài lâu của tác phẩm...). Cũng có nhiều nghệ sĩ chống lại xu hướng hậu hiện đại họ đưa ra khái niệm Siêu hiện đại (metamodernism) hay gọi là chủ nghĩa sau hậu hiện đại, và không phải tất cả những nghệ thuật dán nhãn đương đại là nghệ thuật hậu hiện đại (bởi tác phẩm của các nghệ sĩ hậu hiện đại thường là Conceptual art (nghệ thuật Khái niệm), Psychedelic art (nghệ thuật Ảo giác), Pop art (nghệ thuật Bình dân), Visionary art (nghệ thuật Hư ảo), Fluxus art (nghệ thuật Dòng chảy), Interactive art (nghệ thuật Tương tác) -, Assemblage art (nghệ thuật kết hợp), Postminimalism art (nghệ thuật Hậu tối giản), Land art (nghệ thuật Miền đất), Installation art (nghệ thuật Sắp đặt), Digital art (nghệ thuật Kỹ thuật số), Telematic art (nghệ thuật viễn thông), Performance art (nghệ thuật Trình diễn), video art (nghệ thuật Video)... đó là những trường phái nghệ thuật không sử dụng đến bút chằm vào màu để vẽ lên mặt phẳng 2 chiều của một tấm vải hay trên một tấm gỗ như các họa sĩ cổ điển

hay hiện đại thường dùng để tạo nên một bức tranh nghệ thuật thuần túy, mà chủ yếu dựa trên công nghệ khoa học, kỹ thuật điện tử, vi tính, kỹ thuật số... trong không gian tự do ở bất kỳ đâu: trong nhà, sân khấu, ngoài trời... Việc phân loại "nghệ thuật đương đại" như một loại đặc biệt của nghệ thuật, chứ không phải là một cụm từ thuộc tính từ chung để gọi tên cho thời gian của thời hiện tại. Nhưng bởi nó được hình thành phát triển từ chủ nghĩa hậu hiện đại, và trở thành trào lưu lớn phổ quát rộng khắp toàn cầu vào nửa cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21 nên khái niệm đương đại được ám chỉ áp dụng cho tất cả những nghệ sĩ có tác phẩm từ nghệ thuật hội họa, điêu khắc, kiến trúc, văn học, thơ ca, tiểu thuyết, âm nhạc, múa, sân khấu điện ảnh... sáng tạo theo tinh thần tư tưởng của chủ nghĩa Hậu hiện đại. Ngoài ra, trong từ điển Dictionary .com có một số định nghĩa khác: "nghệ thuật đương đại như công việc của các nghệ sĩ đang sống trong thế kỷ hai mươi mốt.", "nghệ thuật đương đại là của 20 phần trăm vào cuối thế kỷ 20 và năm phần trăm vào đầu thế kỷ 21 là một kết quả tự nhiên và một sự từ chối nghệ thuật hiện đại".

Hiểu theo một nghĩa tối thiểu nghệ thuật thị giác đương đại (mỹ thuật đương đại) là bao gồm cả nghệ thuật đương đại và nghệ thuật hậu hiện đại, những họa sĩ hay nhà điêu khắc làm việc vẫn sử dụng các phương tiện vật liệu của truyền thống như cây bút vẽ, màu vẽ, khung vải, gỗ, đá, kim loại... nhưng hoàn toàn không tuân theo bất kỳ một quy luật tiền lệ nào, trên mặt phẳng tranh, trên một bức tượng hay trong các tác phẩm nghệ thuật của họ là những tương phản đột biến từ chối các tiêu chuẩn nghệ thuật thông thường của nghệ thuật cổ điển và hiện đại. Họ đã cố gắng để mang lại cho nghệ thuật gần gũi với cuộc sống hàng ngày, (riêng trường phái Phản nghệ thuật (Anti art) có xu hướng ít chú trọng về bản sắc cá nhân và sáng tạo cá nhân, mà kết hợp hợp tác trong quá trình sáng tạo với các đồng nghiệp của họ) bằng cách kết hợp các đối tượng từ cuộc sống hàng ngày vào công việc trưng bày và thực hiện tác phẩm của họ ở cả bên ngoài trên đường phố cho mọi người xem. Chống thương mại hóa trong tâm trí của nghệ sĩ là nghệ thuật có thể là xấu, có thể là tốt hoặc không quan tâm xấu

tốt , nhưng bất cứ điều gì như một tính từ được sử dụng đều có thể được gọi đó là nghệ thuật. Nghệ thuật xấu vẫn là nghệ thuật trong cùng một cách như một cảm xúc xấu vẫn là một cảm xúc nhưng không phán xét, không giải thích, không suy diễn, có sự soi rọi nội tâm, tính đồng diễn, phản xạ tự nhiên trong quá trình sáng tạo, mô phỏng, hài hước, châm biếm, diễn giải, nhại lại, sử dụng những tác phẩm sẵn có, thay đổi phiên bản, ẩn dụ, ám chỉ, bắt chước, lắp ráp, gép nối, cắt dán, đơn giản hóa, chiếm đoạt, tái chế, bổ sung làm lại, vay mượn tăng thêm hư cấu, ngẫu hứng tự nhiên, kết dính nhiều mảng kết cấu khác nhau trong cùng một tác phẩm, phân đoạn, không liên tục, đan xen hòa trộn những điều kỳ dị, ngớ ngẩn, tự do bất quy tắc, tùy tiện, điên rồ, phi lý, phi thực tế, vô chính phủ, pha trộn đời sống thực và không thực, vụng về, ngây thơ, có thể tạo nên sự hỗn loạn, kết hợp pha trộn ngẫu nhiên nhiều chất liệu, vật liệu và sử dụng ngay cả những đồ vật có sẵn trong thiên nhiên hoặc do chính con người chế tác nên, đa không gian, đa thời gian, đa sắc thái, đa phong cách, đa trường phái, đa thời đại, đa bản sắc, đa văn hóa, có thể có nhiều hình thái nghệ thuật khác nhau cùng hiện diện trong một tác phẩm, tự do thay đổi lịch sử theo thời gian, không phân biệt vô thức hay hữu thức bản ngã của tác gia, tạo cảm giác gây sốc, gây cảm hứng lật đổ ngông cuồng trong thế giới nghệ thuật, để mỗi sáng tác mang một ý nghĩa mỹ học tự thân và cố gắng vượt qua biên giới mỹ học hiện đại để đạt tới trạng thái siêu tự do (những khái niệm lý tưởng, bất tử, đẹp xấu... không còn là điều hệ trọng), thu hẹp khoảng cách, phá vỡ những rào cản giữa nghệ thuật và các hoạt động khác của con người, chẳng hạn như giải trí thương mại, công nghệ công nghiệp, thời trang, thiết kế... cũng đều được gọi là nghệ sĩ đương đại. Những hoạt động được tạo ra từ sự cô đơn và từ xung lực sáng tạo tinh khiết bản năng không có sự can thiệp của trường lớp đào tạo nghệ thuật, ví dụ như những bức tranh của những người bị bệnh tâm thần, điên mất trí, loạn thần kinh... vì đó là những sự kiện tạo nên những bất ngờ, kỳ dị, độc đáo rất quý giá đôi khi có thể hơn cả những sản phẩm của các nghệ sĩ chuyên nghiệp, nó ca ngợi và khuyến khích xã hội không có sự can thiệp vào tâm trí

sáng tạo của người nghệ sĩ (khái niệm nghệ thuật đương đại đôi khi có thể mâu thuẫn với chính khái niệm nghệ thuật hiện đại và hậu hiện đại bởi cùng một phong cách hay trường phái nghệ thuật nhưng để gọi tên chính xác cho nó thuộc khái niệm nào vẫn được các nhà phê bình nghệ thuật tranh luận quyết liệt. Một số nhà phê bình nghệ thuật như Julian Spalding (người Anh) và Donald Kuspit (người Mỹ) cho rằng thái độ hoài nghi, thậm chí từ chối, là một phản ứng hợp pháp và hợp lý để nghệ thuật đương đại hơn, cũng có hay có thể hiểu là tự do vượt qua tất cả những quy tắc đã từng tồn tại để sáng tạo.

Triết gia, nhà phê bình nghệ thuật người Mỹ, Arthur Danto lập luận rằng khái niệm "đương đại" là một thuật ngữ rộng lớn hơn, và các đối tượng hậu hiện đại chỉ đại diện cho một "tiểu khu" của phong trào hiện đại. Một đối thủ cực đoan của chủ nghĩa hiện đại, nhà phê bình nghệ thuật danh tiếng người Mỹ Hilton Kramer mô tả hậu hiện đại như "một sáng tạo của chủ nghĩa hiện đại ở phần cuối của chiếc dây buộc mình". Jean-François Lyotard cho rằng chủ nghĩa Hậu hiện đại đã khai sinh ra một thời đại đã mới. Ông được cho là một nhà triết học lớn của chủ nghĩa Hậu hiện đại.

Còn nhà triết học Mác xít người Mỹ, Fredric Jameson lập luận rằng các điều kiện của cuộc sống hiện đại và công nghệ sản xuất hiện đại sẽ được phản ánh trong tất cả các hoạt động, bao gồm cả việc tạo ra nghệ thuật .

CHƯƠNG VI: DESIGN NGÀNH NGHỆ THUẬT MỚI VÀ PHƯƠNG PHÁP HÀNH NGHỀ DESIGN

Mục tiêu bài học :

- Giới thiệu cho sinh viên về định nghĩa và phân loại mới về Design.
- Giúp sinh viên hiểu được vai trò của Design và xây dựng bản kế hoạch, phương pháp làm việc cho 1 người thiết kế.

I. Design và ngành nghệ thuật mới

1. Nghệ thủ công với Design - Mỹ thuật công nghiệp :

Nghề thủ công (Craft) có nghĩa là kỹ năng, kỹ nghệ của người thợ chế tạo ra sản phẩm. Từ xa xưa con người đã làm các nghề: gốm (pottery), mộc (furniture – making), thuộc da (leatherwork), đóng giày (shoes – making), kim hoàn (jewellery), đục đá (stone masonry), thổi thủy tinh (glass-blowing), tranh kính màu ghép (stained glass), thêu (embroidery), đan (knitting), dệt (weaving), thảm (tapestry), đóng sách (book-binding), đan rổ rá (basketry) và chế tạo đồ chơi (toy-making) ... ở Việt Nam có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống lâu đời. Đó là những nghề: gốm, thủy tinh, mộc, sơn mài, dệt lụa, đan lát, chế tác đá, tranh dân gian, làm giấy dó, đúc đồng, kim hoàn, thêu, dệt chiếu, làm quạt, làm trống, chạm khắc gỗ, mây tre đan, ... Bản thân người thợ là nghệ nhân, thiết kế và chế tác ra sản phẩm. Qua hàng ngàn sản phẩm lặp đi lặp lại, những cải biến trong xử lý chất liệu, trau chuốt bề mặt, hoàn thiện kết cấu ... đã tạo ra những sản phẩm – tác phẩm thủ công xứng đáng là những tác phẩm Design giá trị.

Đặc trưng của nghề thủ công là sự phân công lao động tham gia lao động trực tiếp của sức người vào quá trình chế tác hoàn thiện sản phẩm. Nói như thế không có nghĩa ở lao động thủ công không có sử dụng công cụ hay thiết bị máy móc và chỉ sản xuất đơn chiếc. Thủ công cũng sử dụng công cụ máy móc và sản xuất hàng loạt số lượng lớn sản phẩm cùng loại. Công nghệ thủ công cũng có những công đoạn quy định nghiêm ngặt như sản xuất công nghiệp hàng loạt. Tuy

nhiên đặc điểm dễ nhận thấy ở chỗ phương thức sản xuất thủ công không có sự phân biệt giữa thiết kế và chế tạo. Cả hai giai đoạn đó đều nằm trong tay người thợ trong khi lao động trong sản xuất công nghiệp chỉ thực hiện một công đoạn chế tạo sản phẩm. Như thế có thể hiểu trong nghề thủ công không phân định công việc thiết kế như một nghề nghiệp riêng biệt như trong sản xuất công nghiệp mà chỉ coi như một kỹ năng cần thiết của nghệ nhân.

Điểm khác biệt nữa là nơi sản xuất của nghề thủ công thường khá tùy tiện, có khi trong xưởng tư, trong bếp, ngoài sân ... hay bất cứ khoảng trống nào có điều kiện thực hành nghề, không như sản phẩm Design công nghiệp luôn được thực hiện trong các nhà máy, phân xưởng, do một lực lượng đông người lao động thực hiện.

Sản phẩm thủ công nói chung thường để lại dấu vết gia công của đôi tay người thợ dù là khéo léo nhất, vì thế cùng một kiểu sản phẩm ít khi có hai cái giống hệt nhau, còn sản phẩm công nghiệp tuy cũng để lại dấu vết gia công của máy móc trên bề mặt nhưng sản phẩm hàng loạt rất khó phân biệt sự khác nhau. Các nước phát triển có nền sản xuất công nghiệp hiện đại hay còn gọi là các nước thuộc Thế giới thứ nhất thì nghề thủ công truyền thống ngày càng thu hẹp và trở nên quý hiếm, ngày càng ít người muốn trở thành nghệ nhân thủ công khi đó thủ công nghiệp vẫn đóng một vai trò quan trọng trong các nước thuộc Thế giới thứ ba. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ được chế tác như những mặt hàng xa xỉ và là những món quà sang trọng. Và hai thế giới đó có thể cùng gặp gỡ nhau ở chính những sản phẩm thủ công mỹ nghệ như một hình thức giao lưu văn hoá.

Giá thành cao, kiểu dáng độc đáo mang tính dân tộc và nền văn hoá bản địa, sản phẩm thủ công mỹ nghệ vì thế chắc chắn không biến mất trong tương lai dù phương thức sản xuất có phát triển đến cỡ nào. Có thể tính biểu tượng cao của sản phẩm thủ công sẽ khiến con người hiện đại chế tạo ra một thế hệ các thiết bị máy móc chuyên nghệ có khả năng thay thế sự khéo léo của đôi bàn tay

con người làm ra những sản phẩm thủ công truyền thống, ít nhiều gợi tới chủ nghĩa lịch sử và phong cách cổ điển.

Giá trị của sản phẩm thủ công có được khiến nó còn được chào đón trong tương lai bởi ý thức thẩm mỹ thủ công truyền thống có trong con người đã trải qua hàng ngàn năm so với sản phẩm công nghiệp hiện đại mới hơn một thế kỷ. Hơn nữa bản năng cảm thụ thiên nhiên như một giá trị thẩm mỹ trong con người như một thuộc tính di truyền tự nhiên. Sản phẩm thủ công được làm từ vật liệu tự nhiên gợi cảm hơn nhiều những chất liệu tổng hợp. Kiểu dáng luôn luôn tuân theo chức năng sử dụng một cách hữu cơ và thường rất thiết yếu tới đời sống con người từ xa xưa. Hơn thế nữa, sản phẩm thủ công luôn được cảm nhận do con người trực tiếp làm ra, thể hiện kỹ năng và trình độ nghệ thuật của nghệ nhân, đó không phải chỉ là sản phẩm mà còn là tác phẩm của con người.

Điều đó có thể lý giải tại sao giai đoạn khởi đầu công nghiệp hoá đã có các phong trào cách tân mỹ thuật mỹ nghệ đòi quay trở lại với sản phẩm thủ công, không chấp nhận cái mà sản xuất công nghiệp làm ra. Thực tế là quán tính thẩm mỹ thủ công đã ăn sâu vào tiềm thức không dễ dàng chấp nhận phong cách mới kiểu hiện đại và hơn nữa giai đoạn đầu, nền công nghiệp chưa chứng tỏ được tính ưu việt của mình và thiết bị máy móc, công cụ chưa hoàn thiện, chất lượng sản phẩm vì thế không thể so sánh được với sản phẩm thủ công cầu kỳ sang trọng đương thời.

Đến một giai đoạn nhất định, ngay trong nghệ thuật thủ công cũng đã có những ý tưởng hiện đại với cách nghĩ hiện đại: không hoa văn trang trí, thủ công tức là nghệ thuật trang trí sản phẩm. Tiêu biểu là cộng đồng người Shaker mà những phương pháp chế tác đồ dùng của họ có thể là mẫu mực của sản phẩm thủ công có hình dáng hiện đại, không trang trí thừa thãi và hữu dụng, đạt tiêu chuẩn “bền vững – tiện lợi - đẹp” với cái đẹp của kiểu dáng hiện đại trong xã hội vẫn đang tôn thờ kiểu dáng cổ điển ngày xưa. Khả năng sáng tạo cái mới trong bề bộn cái cũ của con người nhằm thích ứng với hình thức xã hội và Design xuất

hiện như một ngành mới của thời công nghiệp hiện đại nhưng thực ra đã có xuất phát điểm trong nghệ thuật thủ công truyền thống.

2. Sự ra đời của tổ chức ICSID

Tổ chức ICSID (International Council Societies of Industrial Design) – Hiệp Hội thiết kế công nghiệp quốc tế đã đưa ra khái niệm về thiết kế: Design is creative activity whose aim is to establish the multi-faceted qualities of objects, processes, services and their systems in whole life-cycles. Therefore, Design is central factor of innovative humanization of technologies and the crucial factor of cultural and economic exchange... Và tạm dịch như sau: *Thiết kế mỹ thuật là một hoạt động sáng tạo với mục đích tạo ra chất lượng có tính đa phương diện cho sản phẩm, cho một quá trình, cho hoạt động dịch vụ và thiết kế nằm trong hệ thống vận hành của cuộc sống xã hội. Chính vì vậy thiết kế là nhân tố trung tâm của việc cải hóa của kỹ thuật công nghệ phục vụ con người, xã hội. Và thiết kế cũng là yếu tố quan trọng trong việc trao đổi kinh tế văn hóa...* Thiết kế mỹ thuật là một hoạt động sáng tạo văn hóa thẩm mỹ mang tính đặc thù. Thiết kế không phải là nghệ thuật mà thiết kế chỉ là một hoạt động biểu hiện một phần của nghệ thuật. Tính đặc thù của hoạt động sáng tạo này chính là hoạt động sáng tạo văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần vừa mang trong mình dấu ấn tương tác mật thiết giữa kỹ thuật và sự sáng tạo nghệ thuật của con người. Chính những dấu tích của lịch sử phát triển của nhân loại đã cho thấy rằng hoạt động kỹ thuật nói chung không mâu thuẫn với những quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp của con người. Tương ứng với từng giai đoạn phát triển, từng không gian văn hóa mà con người có thể có những chuẩn mực thẩm mỹ riêng. Nhờ vào sự tích lũy kinh nghiệm và kế thừa tri thức của con người trong tiến trình lịch sử mà con người luôn đạt được sự phù hợp hoàn toàn giữa chức năng, cấu trúc và hình thức các công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt và toàn bộ những phương tiện phục vụ cho nhu cầu của con người. Sự hoàn hảo và phù hợp thích ứng ấy đã làm thỏa mãn tinh thần của con người và có giá trị phù hợp với từng khoảng thời gian nhất

định trong lịch sử. Và như vậy, chức năng ích dụng được bổ sung bằng ý nghĩa giá trị nghệ thuật.

Nhìn vào tiến trình lịch sử của mỗi cộng đồng dân tộc và của cả nhân loại theo quá trình phát triển của kỹ thuật khoa học công nghệ, chúng ta có thể nhận thấy một cách rõ nét một qui luật: càng trở về thời gian lịch sử xa xưa thì văn hóa vật chất được tạo ra với nhịp độ càng chậm, sự hoàn thiện về hình thức phải trải qua nhiều thế kỷ, hình thức sáng tạo chỉ mang tính gần như tự phát, giống với sự tạo lập theo hình thức tồn tại trong tự nhiên; càng tiến gần với thời gian của hiện tại, cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật công nghệ, chu kỳ thay thế môi trường đồ vật diễn ra càng nhanh hơn. Tính ổn định, ít thay đổi của diện mạo môi trường đồ vật theo chiều lịch sử được nhận diện qua hàng thế kỷ hay nhiều thập kỷ là phổ biến từ khoảng cuối thế kỷ XIX trở về những thời đại trước đó.

Đầu thế kỷ XX đến những năm đầu của Thiên niên kỷ thứ 3, môi trường xã hội và môi trường khoa học kỹ thuật công nghệ đã phát triển rất nhanh chóng, sản phẩm văn hóa vật chất thay đổi diễn ra ngay trước mắt một thế hệ. Kết quả các hình thức sản phẩm chưa được kiểm nghiệm, đồng hóa đã bị gạt bỏ và bị thay thế bằng các hình thức khác. Sở dĩ có hiện tượng đó là do sự tác động lớn của những giải pháp kỹ thuật tiến bộ hơn thay thế và sự gia tăng ào ạt các nhu cầu của con người về các phương tiện giao thông, các hình thức giao tiếp mới, các thiết bị, công cụ phương tiện làm việc mới hiệu quả hơn. Hay nói một cách khác: Những sản phẩm do con người sáng tạo ra trong thời kỳ hiện nay bị các yếu tố khoa học kỹ thuật công nghệ và các yếu tố khác của cơ chế (kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội...) mang tính xu thế tất yếu của hiện tượng toàn cầu chi phối.

Và cụ thể một điều không thể phủ nhận, cơ chế kinh tế với tính chất cạnh tranh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại trong hoạt động kinh tế cùng với những khát khao sáng tạo hình thức thẩm mỹ và giá trị công năng ngày

càng ưu việt mang bản tính cố hữu của con người đã đẩy mạnh thêm quá trình đa dạng hóa hình thức, đa năng hóa, ưu việt hóa sản phẩm.

Từ những điều kiện và nhu cầu phát triển mang tính tất yếu của sản phẩm trong xã hội loài người từ đầu thế kỷ XX đến nay, xuất hiện và tồn tại hoạt động chuyên tạo hình thức cho chế phẩm trên cơ sở tư duy lôgic, trực giác nghệ thuật, dự kiến sáng tạo trên cơ sở những giải pháp tối ưu nhằm thỏa mãn đáp ứng nhu cầu của con người và những hoạt động liên qua đến con người đã hình thành một ngành độc lập. Đó là hoạt động TKMT (Design). Và những người hoạt động trong lĩnh vực ngành TKMT được gọi là nhà thiết kế (Designer). Hiện nay ở Việt Nam, trong qui định ngành nghề của nhà nước chưa có nghề TKMT trong danh mục ngành nghề.

Việc tạo lập giá trị thẩm mỹ cho môi trường và đồ vật đã trở thành hoạt động nghề nghiệp chuyên sâu có tính mục đích của các nhà TKMT (Designer). Công việc sáng tạo của họ mang tính liên ngành rất rõ nét. Sản phẩm do họ thiết kế vừa mang giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ thỏa mãn đời sống tinh thần, vừa mang giá trị ích dụng trong cuộc sống của mỗi con người và trong hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, vừa mang giá trị thể hiện mang tính kế thừa trong phát triển về trình độ, tư duy nhận thức của con người trong mỗi thời đại.

Hoạt động của Design gắn liền với cuộc sống con người và tên gọi cũng thay đổi như : thẩm mỹ kỹ thuật, thẩm mỹ hình dáng, mỹ thuật ứng dụng, mỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật thẩm mỹ. ở các nước đều tổ chức thành viện nghiên cứu, Liên Xô có viện thẩm mỹ kỹ thuật. Có những nước coi đây là nghệ thuật điều chỉnh sự phát triển của Quốc gia. Từ những hoạt động này phát triển thành tổ chức quốc tế ICSID. Tổ chức này được thành lập ở London vào những năm 1952, họ bàn nhiều về vấn đề liên quan đến Design và mong muốn có sự thống nhất :

- Phương pháp hệ thống Design trong công nghiệp (1967)
- Xác định tên gọi và phương pháp hành nghề và những lĩnh vực của nghề (2 năm họp 1 lần).

VD : bàn về môi trường của người thợ dệt (1 năm 1 người tiêu thụ ít nhất 10m vải. Trung bình cả nước tiêu thụ bao nhiêu m vải và suy ra lực lượng sản xuất trong lĩnh vực này là bao nhiêu?

=>phản khoa học (công sức người công nhân, ánh sáng phải tăng hơn bình thường 3 LUX, độ ồn, độ ẩm cao, độ bụi vậ nên tuổi thọ của công nhân không cao) => phải cải tiến bớt độ ẩm, thay bằng máy dệt tròn.

- Trong hầm mỏ tai nạn lao động cao vì độ tương phản của than cao.

- Trong xã hội chú ý đến sản xuất đồ dùng cho công nhân hành nghề bị tai nạn lao động để họ có thể tiếp tục lao động.

=> Nghề Design là nghề mở và hướng tới 1 phương pháp hành nghề hiệu quả.

3. Các định nghĩa về Design

Hoạt động lần thứ 3 của ICISD dùng từ Design để gọi “jaque Vienno”.

Nhiều người cho rằng Design là một cái gì đó cao cấp sang trọng như thực tế không phải vậy. Design có từ khi con người biết làm ra đồ dùng sinh hoạt hàng ngày (từ thời nguyên thủy). Thời Phục Hưng người đã chỉ ra một công việc là phác thảo ra một sản phẩm tiếng Anh gọi làDesigno vừa có nghĩa là vẽ vừa có nghĩa là một ý định sau đó chuyển sang tiếng Anh là Design ý nghĩa là một tác phẩm nghệ thuật và đến bây giờ nó dùng để chỉ một kế hoạch hay là một phác thảo. Theo thời gian chữ Design được sử dụng song hành với trào lưu của cách mạng công nghiệp. Từ này được dùng vào giữa thế kỷ 19 (hội nghị thứ 3 của ISISD có những định nghĩa sau :

- Định nghĩa của Kelin (viện trưởng viện Mỹ thuật của Đức) : Nghệ thuật tạo dáng nằm trong quá trình chuẩn bị và phát triển của sản phẩm và hệ thống sản phẩm mà trong đó yếu tố thẩm mỹ là một tác phẩm thống nhất gắn bó hữu cơ với các tác phẩm khác. Khoa học công nghệ, thiết bị nhằm tối ưu hoá về giá trị sử dụng thoả mãn các nhu cầu về văn hoá thẩm mỹ của chế độ xã hội thích hợp với các điều kiện của nền sản xuất công nghiệp phát triển.

- Định nghĩa của Thomas Maldonado (hiệu trưởng trường Ulm người Aentina) : hoạt động sáng tạo làm xác định đặc tính hình thức của các đồ vật mà người ta muốn sản xuất theo lối công nghiệp không nên hiểu những đặc tính hình thức chỉ là những tính chất bên ngoài cho một đồ vật sẵn có sự thống nhất chặt chẽ với toàn bộ sản phẩm.

- Định nghĩa của Soloviep (viện trưởng viện Kỹ thuật thẩm mỹ Liên Xô) : Design là hoạt động sáng tạo có mục đích thiết lập một môi trường đồ vật một cách hài hoà, thoả mãn đầy đủ nhất các nhu cầu vật chất tinh thần của con người để mục đích đó đạt được bằng cách xác lập các chất lượng hình thức đồ vật tạo nên nền sản xuất công nghiệp đồng g thời tất cả các đồ vật ấy tạo nên môi trường thẩm mỹ đáp ứng cho cuộc sống ngày 1 nâng cao. Định nghĩa này được chọn làm định nghĩa hoàn thiện nhất. Thế giới đồ vật luôn luôn phát triển và Design tạo 1 vật thể và có hình dáng thích hợp với nội dung. Hình dáng có tỷ lệ cấu trúc hài hoà và phải nằm trong hệ thống các vật thể khác và tổ chức được môi trường thẩm mỹ không ngừng nâng cao thoả mãn nhu cầu tinh thần và vật chất con người, nhu cầu sử dụng của con người và nhu cầu cải tiến của khoa học kỹ thuật.

Tạo nên hình dáng sản phẩm đẹp nhưng phải hài hòa với các sản phẩm khác (tìm hiểu môn học Economic -> mối quan hệ giữa con người và đồ dùng).

II. Design là một ngành nghề mới.

Hội thảo Design toàn quốc lần thứ 1 năm 1986 đã thống nhất chia mỹ thuật ứng dụng ra làm 4 nhóm ngành sau:

- 1 . Thủ công mỹ nghệ truyền thống
- 2 . Thẩm mỹ công nghiệpS
- 3 . Đồ họa ứng dụng
- 4 . Thẩm mỹ môi trường

Với 4 nhóm ngành trên các sản phẩm của ngành Design có thể chia làm 2 dạng (căn cứ vào cơ sở các công đoạn phương thức tạo ra và dạng tồn tại của sản phẩm)

Dạng thứ nhất: là những sản phẩm được tạo ra với tư cách là một sản phẩm độc lập, hoàn thiện về mặt hình thức và giá trị chức năng.

Dạng thứ hai: Tham gia, kết hợp với một sản phẩm nào đó để tạo nên một sản phẩm có giá trị thành phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở dạng sản phẩm thứ nhất là những sản phẩm độc lập như: Các bộ trang phục, sản phẩm trong chuyên ngành thiết kế thời trang; các sản phẩm đơn lẻ hoặc tổng thể trong công trình thiết kế nội thất; các công trình, tác phẩm điêu khắc môi trường; các ấn phẩm quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; hoặc các hình thức khác như: những sản phẩm thủ công mỹ nghệ, những sản phẩm lưu niệm, các loại sản phẩm của đồ họa như: lôgô, poster ...hay sản phẩm đồ dùng trong nội thất.

Còn ở dạng sản phẩm tham gia kết hợp: ở dạng này thì sản phẩm khó phân biệt hơn nếu không căn cứ vào những công đoạn hoặc tách rời các phần của sản phẩm. Đó là sản phẩm trong lĩnh vực tiêu dùng, văn phòng phẩm, hàng công nghiệp ... Trong tất cả các sản phẩm này đều có sự tham gia của ngành Design. Nhà TKMT có thể tạo dáng, tạo mẫu mã bao bì cho sản phẩm. Một lọ nước hoa sẽ có giá trị hơn khi có bàn tay của nhà thiết kế tạo nên kiểu dáng lọ, chai và tem, mẫu mã bao bì cho phù hợp với chất liệu của loại nước hoa đó; một gói bột giặt hoặc một sản phẩm bánh trung thu cũng cần có một bao bì hấp dẫn người tiêu dùng... đôi khi có những sản phẩm việc chi phí cho thiết kế kiểu dáng và giá thành bao bì chiếm đến 30 – 35% giá trị của thành phẩm của sản phẩm ấy khi đưa ra lưu hành trên thị trường. Ví dụ công ty Cổ phần bánh kẹo Biên Hòa (KCN Biên Hòa 1) cho ra sản phẩm mới: kẹo Chocolate. Với loại kẹo này, bảo quản là một khâu đòi hỏi tính kỹ thuật cao trong chế biến và bảo quản nên chi phí cho bao bì tốn kém. Loại giấy VMPP có màng nhôm mềm, dai mới có thể bảo quản loại thực phẩm này. Nhưng chi phí cho loại bao bì này giá lại cao. Hay dạng bao bì hộp thiếc cho bánh tét. Một hộp bánh có giá 30 – 40 ngàn nhưng trong đó tiền bao bì hộp thiếc đã chiếm 10 ngàn (chưa tính thiết kế mẫu mã) (hình 23b). Hay như sản phẩm mỹ phẩm của công ty KAO (KCN AMATA).

Sản phẩm của KAO phục vụ cho người tiêu dùng những chế phẩm mang tính hóa lý phục vụ nhu cầu vệ sinh, giữ gìn sắc đẹp cho con người, đặc biệt là phụ nữ. Với đặc tính của sản phẩm mang tính hóa lý cao nên không phải loại bao bì nào cũng chứa đựng sản phẩm được nên chi phí cho bao bì tạo giá thành sản phẩm cũng rất cao.

Những đặc điểm chung của các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng:

- Thường tham gia, ứng dụng vào các lĩnh vực cuộc sống sinh hoạt và sản xuất kinh doanh hàng hóa.

- Sản phẩm càng bị chi phối tác động nhiều từ công nghệ thì vòng đời của sản phẩm càng ngắn.

- Có khả năng nhân rộng, sản xuất hàng loạt với cùng một mẫu mã, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu.

- Có thể thay đổi mẫu mã, kiểu dáng theo trào lưu, nhu cầu thị hiếu, tâm lý người tiêu dùng.

- Có ý nghĩa, giá trị xã hội cao như: thỏa mãn tâm lý, thị hiếu thẩm mỹ cho người tiêu dùng.

- Cùng một loại sản phẩm nhưng có thể thỏa mãn nhiều đối tượng tiêu dùng trên nhiều không gian khác nhau.

Giải trí, nghỉ ngơi giải trí là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt của con người. Cũng như các chức năng khác, giải trí được thừa nhận như một trong chức năng của Design. Sản phẩm sáng tạo của Design luôn hướng tới tạo sự thỏa mãn cân bằng nhu cầu tâm, sinh lý của con người, tạo cho con người sự hứng khởi trong quá trình sống và lao động sản xuất. Ngoài ra chính hoạt động Design còn tạo ra một thế giới đồ vật phục vụ cho hoạt động vui chơi giải trí như: thiết kế không gian thẩm mỹ môi trường giải trí và thiết kế thế giới đồ vật phục vụ giải trí. Sở dĩ làm được điều đó là vì Design đã sáng tạo ra một thế giới đồ vật thực hoặc thế giới đồ vật ảo bằng hình tượng trên cơ sở tận dụng khoa học công nghệ hiện đại. Với chức năng này Design đã tham gia vào việc duy trì cuộc sống, tái tạo khả năng lao động sản xuất thông qua tính giải trí.

1. Các chuyên ngành của Design

Việc đào tạo các Designer bao gồm toàn bộ các lĩnh vực của các bộ môn khoa học rất cần thiết cho kiến thức và nền tảng văn hoá, thể giới quan của Designer. Tại các trường đào tạo Designer ở Việt Nam hiện nay có các môn học về thẩm mỹ học, tín hiệu học, lý thuyết màu, văn minh phương Tây, văn hoá phương Đông, văn hoá Việt Nam, triết học, ... Cơ sở ngành gồm các môn học thuộc lĩnh vực mỹ thuật hình họa, trang trí, vẽ kỹ thuật, phối cảnh, thiết kế mỹ thuật, ... vật liệu học, tiêu chuẩn hoá ...

Môn duy nhất thuộc chuyên ngành Design là Ergonomic (hay Ergonomie), Việt Nam còn gọi là Công thái học – bộ môn giải thích mối quan hệ trung tâm giữa con người và môi trường, máy móc, nghiên cứu khả năng và hạn chế của con người, nhân trắc học ... để đảm bảo yêu cầu đối với tạo dáng hợp lý, phù hợp với sức khỏe, an toàn và tiện nghi.

Một lĩnh vực khác được quan tâm trong đào tạo Designer là công việc lập kế hoạch quản lý sản xuất, có nghĩa là các công việc về lập kế hoạch tổ chức sản xuất, kinh tế xí nghiệp, các điều luật, quy chế và định hướng chiến lược tiếp thị trong quá trình phát triển và tiêu thụ sản phẩm. Trong thực tiễn, người ta gọi lĩnh vực này là công tác quản lý điều hành của thiết kế (Design management), bởi trong thị trường cạnh tranh khốc liệt thì vấn đề bản quyền và quảng cáo marketing ngày càng có ý nghĩa quan trọng.

Đào tạo các Designer ngoài các môn học nguyên lý còn có các môn học nhập môn lý thuyết và lịch sử Design, phương pháp luận sáng tạo khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học ... khá mới mẻ ở Việt Nam.

Designer ngày nay có một phạm vi hoạt động lớn từ những sản phẩm tiêu dùng hàng ngày như đồ gỗ, dụng cụ gia đình, quần áo, giày dép ... cho đến các sản phẩm công nghiệp. Không chỉ hoạt động trên thế giới của hàng hoá tiêu dùng, họ còn hoạt động cả trong lĩnh vực thiết kế vũ khí, phương tiện giao thông như tàu thủy, ô tô, xe máy cho đến dụng cụ y tế ... Trong những năm gần đây, các Designer còn tham gia thúc đẩy sự tiến bộ của kỹ thuật, y học, hoặc các lĩnh vực

phục hồi chức năng. Ví dụ, sau nhiều năm gần như bế tắc, nhờ sự tham gia của các Designer, người ta đã chế tạo được mẫu xe tự hành, các loại giường bệnh hoặc các phương tiện giúp cho việc đi lại của người tàn tật thêm ưu việt về cả hình thức lẫn công năng.

Tuỳ vào lĩnh vực hoạt động và sản phẩm các Designer thường gắn thêm vào danh hiệu Designer những sản phẩm chuyên môn của mình. Như Designer nội thất (interior designer), Designer đồ gỗ (furniture Designer), Designer đồ hoạ (graphic designer), Designer đồ gốm (ceramic designer) ... Design quả là một nghề phong phú và đa dạng nhưng thực sự quan niệm mới cho rằng Design gồm hai nhánh: Design đồ hoạ (Thiết kế đồ hoạ) và Design sản phẩm (Thiết kế tạo dáng sản phẩm) . Đây,như hai mặt của cặp phạm trù – nội dung và hình thức, cốt lõi và cái vỏ bề ngoài.

2. Một số chuyên ngành hẹp trong mỹ thuật công nghiệp

Thiết kế tạo dáng sản phẩm- Design sản phẩm và Thiết kế đồ hoạ - Design đồ hoạ, thiết kế tranh hoành tráng , Nội thất , Thời trang vv...là những chuyên ngành hẹp trong ngành Mỹ thuật công nghiệp .

Mỹ thuật công nghiệp - Design công nghiệp (Industrial design) bao gồm thiết kế những sản phẩm tiêu dùng hàng ngày như đồ đạc, dụng cụ gia đình, quần áo, giày dép ... cho đến các sản phẩm, trang thiết bị công nghiệp khác, thậm chí cả vũ khí và phương tiện vũ trụ ... nghĩa là Design những sản phẩm công nghiệp. Những ngành có thêm những đặc thù riêng như thiết kế nội ngoại thất, thiết kế thời trang, ... cũng có gốc từ Design sản phẩm công nghiệp khi Designer cần phải tổ chức không gian nội thất từ các sản phẩm đồ đạc, đồ trang trí ... riêng biệt hay phải tập hợp các sản phẩm riêng rẽ thành một bộ cánh có cùng phong cách, mạng tính đồng bộ của thời trang từ giày dép, quần áo cho tới mũ nón, dây lưng, túi xách ... Nghĩa là Designer phải có năng lực Design từng sản phẩm đơn lẻ cho tới năng khiếu thẩm mỹ bố cục tổng thể.

Design đồ hoạ (Graphic design) bao gồm tất cả các lĩnh vực giao tiếp và thông tin (Communication). Quảng cáo, bao bì sản phẩm, brochure,

catalogue, trang trí trưng bày cửa hàng, đồ họa ấn phẩm văn phòng cho các hãng ... nói tóm lại đó là công việc trang trí vẽ trên bề mặt.

Ngày nay, khi phương tiện truyền thông chủ yếu dựa vào hệ thống nghe nhìn, trên màn hình vô tuyến, vi tính ... thì các Designer đồ họa cũng phải ngồi bên máy tính và sáng tạo, trong trường 2D và 3D, tĩnh và động, tạo ra những sản phẩm mỹ thuật ứng dụng mới hiệu quả hơn nhiều so với các hình thức đồ họa ấn phẩm, đồ họa marketing, quảng cáo truyền thống.

Xem hình một số sản phẩm của mỹ thuật công nghiệp



Một Designer hiện đại ngày nay được trang bị kiến thức của cả hai mảng Design sản phẩm và Design đồ họa. Chương trình đào tạo kết hợp hài hòa nền tảng tạo dáng sản phẩm kết hợp với khả năng đồ họa trang trí và marketing quảng cáo

cho sản phẩm. Đồ họa vì vậy được đào tạo cho mọi ngành Design hẹp khác. Những ngành nghề đặc thù riêng Design nội thất hay tạo mẫu thời trang còn có thêm những lý thuyết, nguyên lý Design và một số môn học chuyên ngành.

III. Phương pháp hành nghề Design.

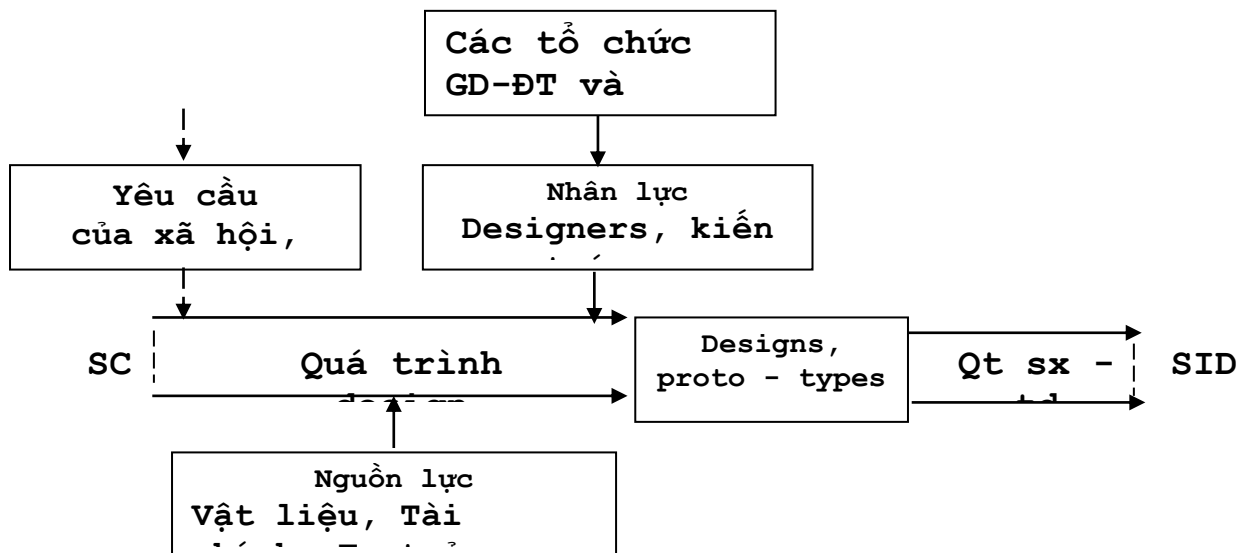
1. Các chức năng và tiêu chí của mỹ thuật công nghiệp

1.1. Quá trình hình thành và chuyển giao sản phẩm Mỹ thuật công nghiệp.

Mỹ thuật công nghiệp không chỉ là một bộ môn nghệ thuật thuần túy mà nó là một hoạt động nhằm thúc đẩy sản xuất công nghiệp và thương mại và hoàn toàn không chỉ do cảm tính nghệ thuật của người quyết định. Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp được thực hiện dựa trên những nguyên lý và sự nghiên cứu nghiêm túc các yếu tố tác động tới sản phẩm và người tiêu dùng. Mỹ thuật công nghiệp cần mang lại hình thể chiến lược (embody strategy) không chỉ qua hình dáng và màu sắc.

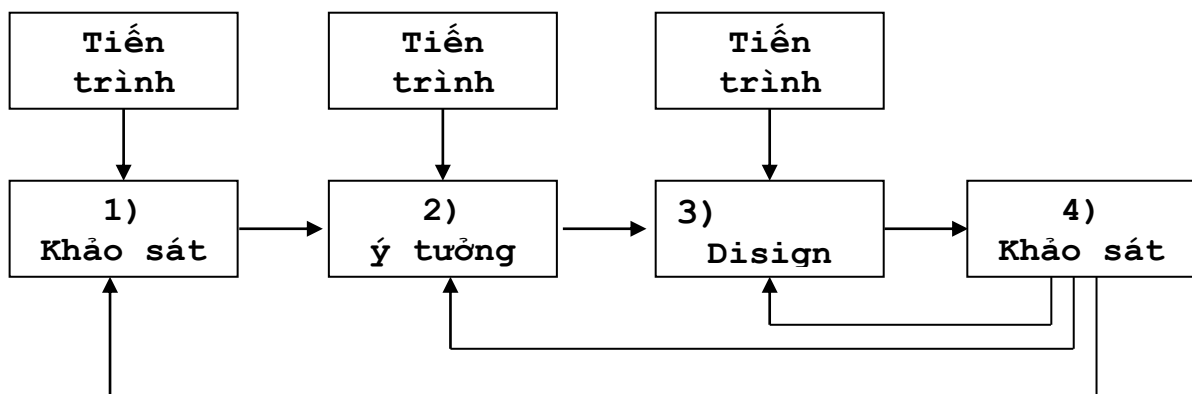
Mỹ thuật công nghiệp gắn liền với quá trình sản xuất – tiêu dùng (Production – consumption) sản phẩm. Hoàn cảnh xã hội (Social context) tác động tới quá trình Design và tác động xã hội của Design (Social impact design) quy định mô hình sản xuất – tiêu dùng theo một trật tự nhất định.

Quá trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design dừng lại ở mẫu đầy hay nguyên mẫu (Proto – Type). Quá trình sản xuất kết thúc ở sản phẩm (Designed Goods). Quá trình lưu thông phân phối (Circulation Distribution) mang sản phẩm tới người tiêu dùng và quá trình tiêu dùng của khách hàng (Consuming Customizing) chấm dứt mô hình chế tạo, sản xuất – tiêu dùng sản phẩm. Người ta gọi quá trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design là quá trình sản xuất như mô hình dưới đây (Mô hình rút gọn chỉ mô tả Quá trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design, không mô tả kỹ Quá trình sản xuất – tiêu dùng):



Sơ đồ 1: Quá trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design trong mô hình Design – Sản xuất – Tiêu dùng

Tiến trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design sản phẩm theo các Designer Nhật Bản được thực hiện qua 4 bước như mô hình sau:



Sơ đồ 2: Mô hình tiến trình Design của hãng Mitsubishi

1.2. Tiến trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp

Thiết kế MTCN - Design phụ thuộc vào sản phẩm cụ thể và thường phải thực hiện đủ 4 bước như tiến trình Design A:

1) Khảo sát nghiên cứu lần 1 về nhu cầu, thói quen sở thích của khách hàng (người tiêu dùng);

2) Hình thành ý tưởng Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design, đó là những bước xác định dần những đặc trưng cơ bản nhất của sản phẩm tương lai khi sản phẩm được đưa vào thị trường, ý tưởng phải thỏa mãn công thức 5W1H (*When* Khi nào, *Who* Ai, *Where* ở đâu, *What* Cái gì, *For Whom* Cho ai, *and How* và Như thế nào);

3) Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design là quá trình thực hiện ý tưởng, ban đầu được thể hiện qua phác thảo (sketch) như những sơ phác ban đầu và chỉ dành riêng cho chính bản thân Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Designer nên có thể được thể hiện tự do bằng nét chì thật nhiều không cần màu mè và hoàn toàn không đặt ra yêu cầu gì liên quan tới sản xuất, sau đó phác thảo mới hoàn thiện dần ý tưởng khi lưu ý tới cấu tạo bên trong, vỏ bọc bên ngoài; bước kế tiếp là bản vẽ kỹ thuật và thực hiện mô hình 3 chiều; cuối cùng hoàn thiện màu sắc, hoa văn, chất liệu bề mặt, trang trí và đồ họa mỹ thuật kết thúc quá trình Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design;

4) Khảo sát nghiên cứu lần 2 xem xét những vấn đề phát sinh khi đưa sản phẩm vào thị trường và ý kiến của người sử dụng. Kết quả khảo sát nghiên cứu lần 2 trở thành tiền đề giải pháp ý tưởng cho lần Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design cải tiến tiếp theo và có thể còn lặp lại tiến trình này cho tới khi sản phẩm mẫu (prototype) được sản xuất hàng loạt.

1.3. Chức năng Mỹ thuật công nghiệp

Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design, đó là một quá trình được bắt đầu từ phác thảo và lập kế hoạch để thực hiện sản xuất một sản phẩm hoặc thực hiện một dịch vụ. Đó là quá trình phát triển biện chứng qua lại giữa việc xác định nội dung của sản phẩm để xây dựng một hình thức thích hợp cho nó. Nói đến điều đó không chỉ đề cập đến việc xác định các chức năng kỹ thuật, chức năng về nhân trắc (ergonomic) mà còn hàng loạt các chức năng khác như thẩm mỹ, tín hiệu và biểu tượng, tạo nên khả năng giao tiếp của sản phẩm.

Nhà triết học người Czech J.Mukarovky năm 1937 đã phát triển một mô hình mà ở đó ông đã xác định 5 chức năng chính của kiến trúc: Gián tiếp, lịch sử, cá thể, xã hội và thẩm mỹ.

Nhiều mô hình lý thuyết tương tự đã xuất hiện trở thành đối tượng tranh luận giữa hình dáng và công năng trong lịch sử phát triển Design. Có thể xác định 3 chức năng chính của Design là:

1. Chức năng kỹ thuật và thực tiễn (Sử dụng)
2. Chức năng thẩm mỹ và chức năng biểu tượng.
3. Chức năng kinh tế,

Hai chức năng trên là tiền đề để Design mang chức năng kinh tế, tạo ra giá trị vô hình cho sản phẩm và vì thế rất quan trọng đối với các nhà sản xuất, kinh doanh.

Những nhận xét đánh giá về những chuẩn mực (tiêu chí) của một Design rất quan trọng, đồng thời góp phần vào việc chuẩn hoá những thuật ngữ chuyên môn về Design. Có rất nhiều cách xem xét đánh giá một Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design, nhưng cơ bản nhất vẫn là cách công thức hoá việc thỏa mãn những yêu cầu và tính chất của sản phẩm công nghiệp. Chất lượng sản phẩm cao hay thấp chính tùy thuộc vào việc Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design thỏa mãn những tiêu chí đánh giá ở mức độ nào.

1.4. Tiêu chí đánh giá sản phẩm Mỹ thuật công nghiệp

Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design là hoạt động không thể thiếu trong giai đoạn trước, trong và sau quá trình sản xuất. Một sản phẩm Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design được đánh giá bởi các tiêu chí xã hội, công năng, công thái học (ergonomic), sinh thái (ecologic) và thẩm mỹ.

Tiêu chí xã hội đánh giá mức hội nhập và định hướng của sản phẩm đối với các tầng lớp xã hội khác nhau, khả năng tối ưu hoá đời sống vật chất cho công dân, lợi ích và hiệu quả xã hội của sản phẩm, quan hệ của sản phẩm và trình độ phát triển của bản thân hoặc nhóm cộng đồng, ý nghĩa của sản phẩm đối với trình độ thẩm mỹ văn hoá của một cá thể.

Tiêu chí công năng đánh giá tính dễ sử dụng, dễ vận hành, dễ sửa chữa, bảo trì bảo hành, độ tinh tế của sản phẩm đối với trạng thái mới nhất của trình độ kỹ thuật (hay tính hiện đại), tiết kiệm năng lượng, tuổi thọ của sản phẩm, vật liệu lựa chọn phù hợp và có khả năng tái sử dụng, kỹ thuật công nghệ tiên tiến.

Tiêu chí ergonomic (công thái học) bao gồm nhiều tiêu chí khác nhau đánh giá về mối quan hệ hữu cơ giữa con người và môi trường, máy móc, xem xét khả năng cũng như hạn chế của cơ thể con người thể hiện qua các mặt vệ sinh, nhân trắc học, vật lý và tâm sinh lý:

Về mặt vệ sinh đảm bảo độ chiếu sáng, nhiệt độ, thông thoáng, độ ẩm, áp suất, từ trường, bụi, bức xạ, độc tính (toxicity), độ ồn, độ rung, trọng lực ...

Về khía cạnh nhân trắc xem xét tầm với và phạm vi kích thước hoạt động của cơ thể người với từng thành phần của sản phẩm có quan hệ tới người sử dụng, sự phân bố trọng lực con người của sản phẩm một cách hợp lý ...

Về tiêu chí vật lý và tâm sinh lý đánh giá khả năng sức mạnh, tốc độ, năng lượng, thị giác, thính giác, khẩu vị và mức độ an toàn của con người đối với sản phẩm và môi trường ...

Tiêu chí ecologic (sinh thái) đánh giá sản phẩm và khả năng cũng như mức độ làm hại môi trường sống, tiết kiệm vật liệu và nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng tốt tới môi trường sống, sử dụng hợp lý năng lượng.

Tiêu chí thẩm mỹ xem xét cấu tạo và hình dáng, tính “xịn” hay cá tính và tính độc đáo (original), mức độ giải quyết cấu trúc – nghệ thuật trong điều kiện phát triển khoa học kỹ thuật hiện tại, sự hài hòa chất liệu trong tạo dáng và chức năng, tính hòa đồng của sản phẩm với môi trường chứa sản phẩm, tính biểu tượng, trình độ phong cách sản phẩm trong quan hệ với sự tiến bộ của xu hướng tạo dáng, dấu ấn thẩm mỹ của những tính chất cấu trúc của sản phẩm, cấu trúc bố cục hài hòa, chi tiết trang trí và bề mặt hoàn hảo.

Dĩ nhiên tùy thuộc vào chức năng mục đích sử dụng của sản phẩm cụ thể mà có thể phân loại và xem xét những tiêu chí bắt buộc, những tiêu chí chủ yếu, thứ yếu và những tiêu chí có thể bỏ qua của Design.

Nhà lý luận Mỹ D.Pye đưa ra những yêu cầu cho Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design cần thiết thỏa mãn gồm: Thể hiện chính xác nguyên tắc và bố cục hỗ trợ các bộ phận chi tiết, giữa các thành phần cấu tạo đảm bảo tạo dáng có hiệu quả tốt; Các thành phần cấu tạo có kết cấu bền vững; Bảo đảm mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, giữa cấu trúc bên trong và vỏ bọc bề ngoài; Tính kinh tế sản xuất và sử dụng; Phù hợp với các tiêu chí thẩm mỹ nhất là tiêu chí phong cách và model đã được thừa nhận.

2. Đặc trưng và yêu cầu của thiết kế mỹ thuật Công nghiệp .

Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design là một môn khoa học đã tổng hợp được các phương pháp khác nhau, rút ra từ các lĩnh vực của khoa học kỹ thuật, khoa học kinh tế, khoa học xã hội và kiến thức trí tuệ của nhân loại. Trong quá trình phát triển lịch sử của bộ môn khoa học này về lý luận lẫn thực tiễn, người ta có nhiều giả định và quan điểm rất khác nhau.

2.1. Thiết kế MTCN phải đáp ứng yêu cầu sử dụng .

Chủ nghĩa công năng đã thống trị từ đầu thế kỷ cho đến những năm 70 (thế kỷ XX), những yêu cầu đòi hỏi về công năng và đòi hỏi về kỹ thuật bao giờ cũng là thước đo về hình thức đối với một sản phẩm được sản xuất hàng loạt. Xu hướng styling coi trọng cái vỏ của nền tạo dáng công nghiệp Hoa Kỳ là mục đích đặt việc quảng cáo tiếp thị lên hàng đầu: kể từ những năm 60 kết thúc và từ khi người ta nói đến chủ nghĩa hậu hiện đại thì yếu tố kiến trúc, yếu tố chất xám được đề cao coi đó là một lĩnh vực khoa học để tạo sự phát triển của Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design hiện đại. Đó chính là quan điểm hình thức chủ nghĩa, coi trọng sự quyến rũ, sự hấp dẫn của cái vỏ trong việc trang trí một sản phẩm. Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design ở Đức trong những năm 50 và 60 (thế kỷ XX) coi trọng nhân trắc học ergonomic trong lao động, đề cao công nghệ cũng như coi trọng quan hệ giữa người và công cụ. Bằng chứng minh mới của những kiến thức liên ngành, người ta cho

rằng Design không chỉ mang chức năng kỹ thuật, chất liệu mà Design còn là phương tiện để ứng xử, phương tiện giao tiếp, bởi vậy khi thiết kế sản phẩm người ta khai thác cả các phương pháp từ tâm lý học, hình dáng. Bởi vì một cái ghế không chỉ là một cái ghế để ngồi – mà hơn thế nữa, cái ghế còn mang ý nghĩa, biểu tượng của những ý tưởng và ngôn ngữ khác.

2.2. *Thiết kế MTCN phải đảm bảo thẩm mỹ.*

Những năm 80 (thế kỷ XX), tại Châu Âu như ở Ý, Đức, quan điểm và nhận thức về Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design biến động. Design - đó không chỉ là công năng, không còn là hình ảnh cũ kỹ lỗi thời, khô cứng về sự đơn giản khi tạo dáng các sản phẩm công nghiệp hàng loạt. Những quan điểm đổi mới về Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design xuất hiện đột ngột, người ta chấp nhận cả những sản phẩm đơn chiếc sản xuất bằng phương pháp thủ công, những sản phẩm bày tại các gallery hay bảo tàng được đưa ra tranh luận xem có phải Design hay không. Design - điều trước tiên không chỉ là những đối tượng mang tính kỹ thuật, không nhất thiết là chỉ của con người, bởi vậy Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design không còn là thước đo chung mà nó là loại nghệ thuật tuân thủ những khuôn mẫu thị hiếu cá nhân và đa dạng. Những quan niệm đột biến đó trở thành mối đe dọa đến sự nhìn nhận về mỹ thuật, thủ công, Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design với các phương tiện thể hiện bằng máy vi tính làm cho người ta dễ bị lẫn giữa các loại hình nghệ thuật với nhau trong sự phân định ranh giới giữa chúng.

2.3. *Thiết kế MTCN phải có ý tưởng mới*

Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design ngày nay có nhiều thay đổi. Nếu trước đây Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design đồng nghĩa với thiết kế những sản phẩm có thể nắm bắt được thì hôm nay Thiết kế Mỹ thuật công nghiệp - Design là quá trình thiết kế tiến độ, thiết kế các hình thức tổ chức và dịch vụ, là trình bày các hình thức quảng cáo và bộc lộ ý tưởng của các hãng (corporate design), là các chương trình thiết kế vi tính hoặc là tạo dựng một phong cách, một hình ảnh cho các nhân vật, các hãng ... Lĩnh vực mới nhất trong Design được gọi là Design dịch vụ (service design), lĩnh vực này tập trung khai thác phục vụ con người bằng các

dịch vụ giải trí. Công tác định hướng cho các dịch vụ Design ngày càng có tầm quan trọng hơn bao giờ hết. Trong khu vực Design cổ điển mở ra nhiều kỹ thuật mới mẻ giải phóng cho con người không bị phụ thuộc vào những phương tiện lỗi thời. Kỹ thuật hiện đại cho phép con người thông qua việc điều hành bằng các phương tiện điện tử có thể gián tiếp chỉ huy máy móc một cách hữu hiệu.

Bảo tàng Pitt – Rivers, Oxford Anh Quốc lưu giữ khá nhiều hiện vật được con người chế tạo từ xưa. Công cụ, vũ khí, quần áo, trang sức và nhiều thứ khác, chứng tỏ trình độ chế tạo vật dụng của người xưa đã rất khéo léo. Người thợ chế tạo cũng là người thiết kế.

Bảo tàng Nghệ thuật hiện đại New York thành lập 1929 trưng bày những sản phẩm sáng tạo của thời kỳ công nghiệp hoá như những tác phẩm nghệ thuật ứng dụng được trân trọng, tôn vinh.

Liên quan đến phương thức sản xuất công nghiệp, đó là sản xuất hàng loạt: rất nhiều mặt hàng tiêu dùng như đồ gỗ, đồ gốm sứ, đồ nhựa ... được sản xuất không chỉ theo hợp đồng mà còn được sản xuất với số lượng lớn. Nhiều biện pháp cung ứng, tiêu thụ (catalog, đại lý, đại diện ...) và việc tiếp thị đã cho phép đầu ra với số lượng lớn. Cũng từ giữa thế kỷ XIX các hàng rào thuế quan và thương mại được nới rộng, việc giao dịch trên thương trường quốc tế phát triển.

2.4. Phù hợp với phương thức sản xuất chế tạo:

Kể từ khi bắt đầu công nghiệp hoá đã có nhiều phong trào cải cách xuất hiện ở Anh và Đức. Đó là cuộc cải cách nền nghệ thuật thủ công, giáo dục ý thức xã hội và giáo dục thị hiếu thẩm mỹ, nhằm đối lập lại những hậu quả tiêu cực của công nghiệp hoá. Có một xu hướng muốn thay thế các sản phẩm thô kệch của sản xuất công nghiệp bằng những sản phẩm có chất lượng cao của một sự cách tân trong sản xuất thủ công – phong trào này kêu gọi hãy trở về với quá khứ. Một phong trào khác có mục đích muốn tạo dáng tốt hơn, nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp – bằng cách phải tạo mẫu sao cho phù hợp với những điều kiện sản xuất công nghiệp – nhằm hiện đại hoá sản phẩm - đạt đến mục tiêu hiện đại, giá cả phải chăng, bền và đẹp, phù hợp những nguyên lý công

nghệ sản xuất hàng loạt, đó là tính chất sao chép, nhân bản của sản phẩm cùng loại (dublication), độ chuẩn xác (accuracy), khả năng lắp lẫn, thay thế (interchangeability) và sự chuyên môn hoá (specialization).

Những nỗ lực trên cuối cùng đã dẫn đến kết quả là những điều kiện của việc sản xuất ra các sản phẩm hàng loạt trong công nghiệp phải tuân thủ những yếu tố có tính đạo đức và mang nội dung của cải cách xã hội – cụ thể là thông qua lý luận của chủ nghĩa công năng đã đưa ra những quan điểm thẩm mỹ trên trở thành nội dung của khái niệm về Design.

2.5. Thiết kế MTCN phải đáp ứng điều kiện kinh tế.

Cách mạng công nghiệp làm thay đổi tương quan lực lượng lao động. Bằng sự phân công lao động và phương thức sản xuất kiểu mới đã biến Design trở thành một ngành nghề đặc biệt tham gia vào quá trình chế tạo sản xuất ra sản phẩm như một yếu tố không thể thiếu nếu không nói là có tính quyết định tới chất lượng và trên hết là hiệu quả kinh tế của cả quá trình. Sản phẩm chế tạo được định hình trước khi ra đời, được tính toán kỹ lưỡng theo những tiêu chí Design và được làm ra với một số lượng lớn vì thế không thuần túy là một sản phẩm – tác phẩm nghệ thuật đơn lẻ kiểu thủ công do một người thợ thực hiện. Yếu tố sản xuất hàng loạt với số lượng lớn khiến cho chất lượng Design trở thành mục tiêu sống còn của các nhà sản xuất “Hàng xấu bán không chạy” (R.Loewy). Những bản vẽ thiết kế được cân nhắc quyết định trước khi đưa vào sản xuất. Design là một quá trình cần có sự góp sức của cả một tập thể.

Nền kinh tế tri thức với sự trợ giúp của máy vi tính làm mở rộng chủng loại sản phẩm hàng hoá phục vụ cho nhu cầu vật chất và tinh thần của con người và chưa bao giờ trong lịch sử, nhu cầu các món ăn văn hoá tinh thần lại cao như ngày nay. Design thiết kế những sản phẩm hữu hình cho nhu cầu vật chất đồng thời tạo dựng một không gian phi vật thể như thế giới ảo không chế tạo và không nắm bắt được. Tất cả chỉ có trong thời đại tin học, computer hoá quy trình Design, trong phạm vi chương trình 2D và 3D, tĩnh và động. Những bản vẽ thiết kế không cần in ra giấy và những mô hình 3D không cần chế thử ... Tất cả đều có thể nhìn thấy được

trên màn hình và điều đó làm cho vấn đề Design cho một sản phẩm đơn chiếc hay cho sản xuất hàng loạt có cùng bản chất, cùng chi phí và cùng hiệu quả. Designer có thể làm việc độc lập và tự đánh giá hiệu quả thẩm mỹ của sản phẩm Design trước khi quyết định giới thiệu rộng rãi và có thể lưu trữ hồ sơ thiết kế cho những lần sử dụng sau một cách hiệu quả mà những phương thức Design truyền thống không thể có được. Điều đó cũng có tác động không nhỏ tới quan niệm về Designer, về chương trình và phương pháp đào tạo, cách đánh giá Designer trong tương lai cũng như thực tiễn trước mắt nhằm theo kịp cuộc cách mạng tin học.

Design là 1 nghề mới, là nghề giao thoa giữa nghệ thuật và kỹ thuật bao gồm nhưng kiến thức giáp ranh giữa khoa học kỹ thuật, nghệ thuật và kinh tế. Một sản phẩm có khi 80% là nghệ thuật. Đồ dùng chia làm nhiều loại:

- Thông thường
- Lắp máy

⇒ Do nhu cầu của từng công việc. Làm đồ dùng có phương pháp:

- Tạo hình dáng. Về nguyên tắc luôn tạo sự cải tiến về chất lượng tiêu dùng (nhu cầu cần thuận lợi hơn) => nhà thiết kế cần phải nghiên cứu nhu cầu của người tiêu dùng (tâm lý, thói quen)

Do đó phương pháp làm việc: không phải tư duy ngẫu hứng mà là tư duy logic: đề ra ý tưởng mới và thực hiện (tiêu dùng). Do đó phải tạo dáng theo nhu cầu của hightech.

- Vật liệu: tìm kiếm vật liệu mới, tạo dáng mới. Đặc biệt chú ý: vật liệu có nguồn gốc của dân tộc.

- Phương pháp chế biến (công nghệ):

⇒ Trên cơ sở đó nhà thiết kế tiếp cận sự tiến bộ và kích thích sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Họ phải là trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng, con người và xã hội, làm công việc thay đổi chất lượng của lao động.

Nelson (nhà lý luận của Mỹ): “Nó là một ngành nghệ thuật bắt nguồn đối lập với các ngành nghệ thuật khác, biểu thị một chân lý và cung cấp hình thể cho các sự vật. Tư duy của họ logic nhưng họ vẫn là người có sáng tạo, tự do cá

nhân với tư duy ngẫu hứng. Nó phải đảm bảo phạm vi sáng tạo và nhờ đó=> Nhờ đó nhà thiết kế thông qua sản phẩm của mình đưa con người vào quan hệ nhất định với môi trường làm -> yếu tố kích thích hoạt động sáng tạo của con người.

=> Kiến thức của nhà thiết kế phải có văn hóa, hiểu biết về khoa học kỹ thuật, kinh tế nhưng là 1 nhà nghệ thuật tinh túy. Nghiên cứu cải tiến 1 sản phẩm nhà thiết kế phải phát triển sản phẩm cũ như thế nào -> đề xuất ý tưởng thay thế -> xây dựng mô hình -> xây dựng mô hình bằng chất liệu trung gian -> mô hình bằng chất liệu thực -> nhà quản lý kinh tế chấp nhận (tiết kiệm được bao nhiêu chất liệu...) -> sản xuất chế thử -> kích thích sản xuất phát triển, nâng cao trình độ sản xuất. Hiện nay, ở nước ta sự kết hợp giữa nhà thiết kế và CN chưa tốt nên sản xuất còn trì trệ. Do đó họ sử dụng nhà thiết kế với tính chất sự vụ.

- Đứng về văn hóa tạo ra 1 thế giới hình dáng quan trọng
- Về khoa học: vấn đề về GT chưa bố trí chỗ vệ sinh.

3. Những nhân tố tác động đến hoạt động thiết kế mỹ thuật

- Hoạt động TKMT là hoạt động sáng tạo theo nhu cầu và theo yêu cầu. Hoạt động thiết kế trong các KCN với các hoạt động sản xuất và kinh doanh thì chính bản thân những hoạt động sản xuất và kinh doanh ấy sẽ chi phối đến hoạt động thiết kế. Sự chi phối đến hoạt động thiết kế ấy có thể là nhu cầu hiện đại hóa sản phẩm, vấn đề đổi mới cách tân trong mô hình quản lý tổ chức và hoạt động sản xuất và kinh doanh, sự đổi mới về công nghệ cũng là nhân tố tác động đến hoạt động thiết kế, sự ra đời của những công cụ hay thành phần những công cụ mới ra đời, luật mới, qui định mới cũng đòi hỏi có mặt của thiết kế, sự hợp nhất về mặt tổ chức đơn vị hay sản phẩm hay một cách nhìn mới, tư duy mới hay xu hướng trào lưu trong tiêu dùng sản phẩm là những yếu tố cơ bản chi phối đến hoạt động thiết kế.

- ***Hiện đại hóa sản phẩm (Modernisation of products)***

Để duy trì hoạt động của doanh nghiệp, ngoài những sự củng cố về công tác tổ chức quản lý sản xuất và kinh doanh, thì chiến lược hướng vào sản phẩm cũng được nhiều doanh nghiệp quan tâm đến trong quá trình phát triển. Nhưng cho dù sử dụng chiến lược hướng vào sản phẩm hay sử dụng chiến lược nào đi chăng nữa thì nhà sản xuất và kinh doanh không thể không quan tâm đến sản phẩm. Bản thân sản phẩm trong sản xuất kinh doanh, dù là sản phẩm vật chất hay tinh thần, sản phẩm hữu hình hay vô hình thì vấn đề hiện đại hóa sản phẩm phải được đặt ra. Hiện đại hóa sản phẩm là nguyên tắc tất yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện đại hóa sản phẩm là quá trình làm thay đổi theo hướng tạo sự ưu việt hơn cho sản phẩm. Và bất cứ sự thay đổi nào về sản phẩm cũng bắt buộc phải có hoạt động thiết kế tham gia để làm mới sản phẩm. Một loại kem đánh răng P/S với thnh phần mới l bạc h sẽ khong dng bao bì P/S muối bảo vệ 2 lần. Vì nếu sử dụng lại bao bì của loại sản phẩm cũ sẽ khong hấp dẫn người tiêu dùng và người tiêu dùng sẽ bị nhiều thông tin. V tất nhìn như thế sẽ khong hiệu quả trong kinh doanh. Hay sản phẩm mới Cafe sữa nhn sm của công ty C ph Bin Hịa khong chỉ thay mẫu thiết kế bao bì m cịn thay đổi hng loạt cc mẫu thiết kế khc như: CD quảng cáo, film quảng cáo, catalogue, poster...

- Cuộc cách tân (Innovations)

Sự cách tân được đề cập đến ở đây là nói đến những điều kiện nào đó về các lĩnh vực như khoa học kỹ thuật, chính trị, văn hóa, chính sách cơ chế, có tính chất cơ bản tác động đến hoạt động thiết kế. Ví dụ việc con người phát minh ra công nghệ kỹ thuật số và chính phát minh sáng tạo ấy đã trở thành tiền đề, cơ sở sáng tạo trong thiết kế ra hàng loạt những mẫu mã kiểu dáng sản phẩm kỹ thuật số như: máy vi tính, TV, máy ảnh... Hay sự sáng tạo vi mạch điện tử đã được các nhà thiết kế thẩm mỹ công nghiệp thiết kế ra hàng loạt kiểu mẫu mã công cụ sản xuất tự động (robot-người máy) thay thế cho việc lao động chân tay của con người. Thường thì trong và sau các trào lưu cách tân bao giờ cũng xuất hiện hàng loạt những sản phẩm thiết kế mới với những tính năng ưu việt và nổi trội.

- Công nghệ mới và phương pháp sản xuất mới (*New technologies allow new production methods*)

Thực sự thì khi một hình thức công nghệ mới xuất hiện tất sẽ kéo theo những phương pháp sản xuất tương ứng. Phương pháp sản xuất, sáng tạo là cái ra đời sau để đáp ứng phù hợp với những đòi hỏi trong sự đổi thay của công nghệ. Và chính những sự thay đổi ấy đã trở thành một trong những nhân tố tác động đến hoạt động thiết kế. Xưa kia khi mà công tác in ấn chỉ là những hình thức in mang tính thủ công và thô sơ thì công tác thiết kế cũng theo đó mà thiết kế rất chậm chạp. Có thể nói khi máy vi tính ra đời và hỗ trợ đắc lực cho con người bằng những phần mềm viết sẵn thì vấn đề thiết kế dàn trang trên bản in đã trở thành một vấn đề đơn giản. Hay như hình thức in ốp sét đã giải phóng đôi tay của người thợ in lụa... Công ty Staprint chuyên thiết kế và in ấn ở KCN Amata với việc sử dụng công nghệ in bao bì tráng bạc tại Singapore đã hấp dẫn, thuyết phục các nhà sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm. Nhưng một điều khó khăn cho công ty Staprint là sau nhiều lần tuyển dụng nhân sự cho in ấn và thiết kế đáp ứng nhu cầu công nghệ mà công ty trang bị nhưng vẫn chưa có kết quả. Hiện tại công ty vẫn phải sử dụng nhân sự thiết kế in ấn trên công nghệ hiện đại là người nước ngoài. Như vậy, theo sau vấn đề thay đổi công nghệ là phương pháp sản xuất mới và thiết kế mới còn phải có đội ngũ nhân lực phù hợp. Có như thế mới tạo tính đồng bộ và đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Giá trị kinh tế (*Economy*)

Thực tế khi nói đến giá trị kinh tế trong sản xuất kinh doanh chính là việc cân đối tính toán giữa chi và thu, giữa đầu tư và lợi nhuận. Đối với thiết kế đặt trong mối quan hệ với vấn đề hiệu quả kinh tế thì vấn đề đặt ra ở sự tồn tại của sản phẩm và xu thế tồn tại của loại sản phẩm. Nếu đòi hỏi tiết kiệm chi phí thì một trong những khoản có thể giảm chi phí là thiết kế. Chi phí cho thiết kế giảm ở chính tính chất đơn giản của mẫu thiết kế (kết cấu, trang trí, chi phí chất

liệu...) Làm được những điều đó sẽ mang lại một phần hiệu quả kinh tế. Như vậy yêu cầu hiệu quả kinh tế đã là nhân tố tác động đến hoạt động thiết kế.

- Cách nhìn nhận mới và xu hướng thời trang (New look, fashion trend)

Cách nhìn nhận mới và xu hướng thời trang là một yếu tố cốt lõi tác động đến hoạt động thiết kế. Sự tác động của yếu tố này mang tính qui luật. Khả năng khám phá thế giới tự nhiên và xã hội cùng với việc kế thừa tri thức và trí tuệ của con người trong quá khứ đã là cơ sở để con người có những chinh phục mới về mọi phương diện. Và trong quá trình ấy con người đã có những sự thay đổi về nhận thức, cách nhìn mới. Tất cả những biểu hiện của sự thay đổi ấy là những xu hướng cảm nhận và tiêu dùng sản phẩm mang tính thời trang. Nhìn nhận ngay từ một hiện tượng cụ thể của sản phẩm thiết kế nội ngoại thất với xu hướng tiên dụng trong sản phẩm đã xuất hiện hàng loạt những sản phẩm mang tính đa năng. Một cái ghế dài vừa là ghế nhưng cũng là giường ngủ, là bàn để làm việc... đáp ứng cho điều kiện chật hẹp của các không gian nội thất đang bị thu hẹp ở các đô thị...

Phương pháp làm việc:

1. Dựa trên cơ sở của phân tích, không phải ngẫu hứng. Muốn xây dựng ấn tượng cho 1 sản phẩm ta phải tạo nên những hình dáng của sản phẩm: hình dáng về vật thể, hình dáng về đồ họa. Phải thống nhất sự hình thành 1 hình thức tạo hình tạo ra 1 hình dáng thời đại.

VD: 1 cái lọ hay bình của thời cổ đại nó phản ánh tư tưởng tình cảm của thời kì đó. Như vậy hình dáng phải biểu đạt được các mặt về trí tuệ, tâm lý gây cho ta những ấn tượng bền lâu vì nó có sự quyến rũ và ảnh hưởng về tâm lý. Hình dáng phải thể hiện trong thực tế. Cái đẹp của hình dáng phải tượng trưng cho hệ thống vật thể xung quanh. Quan hệ này không mang chất thực dụng đơn thuần, nó vượt ra ngoài phạm vi ấy để nói lên được sự gắn bó toàn diện có tính chất tâm lý. Và thông qua đó ta có cảm xúc về cái đẹp.

2. Chú ý đến kết quả tồn tại của vật thể đó, phải nói rằng kết quả là nơi chốn của hình dáng. Tính đến tương quan giữa chúng mà qua môi trường khách quan ấy nó được tồn tại. Nếu là công trình kiến trúc không phải kết quả của khối rỗng mà có hoạt động của con người mà con người xuyên vào kết quả ấy những hoạt động của mình. Như vậy nhà Design phải học tập những nguyên tắc tổ chức kết quả trong việc tạo dựng những hình khối. Ta phải hiểu được việc làm của mình tạo ra 1 thể giới hình khối đa dạng vào tổ chức những kết quả phong phú.

Vấn đề hình dáng là hình thức của đồ vật ngoài những ý kiến trên nó còn phải là 1 kết cấu toàn vẹn và công dụng. Nó phải thể hiện được cả công dụng và thẩm mỹ. Thẩm mỹ là hình thức của nó được trí giác bằng cảm quan đóng vai vật biểu hiện quá trình của sự vật. Những hình dáng ấy không những tồn tại trong môi trường kết quả mà còn tính đến thời gian. Nó là hình thức đóng vai trò tín hiệu về con người, nhờ đó ta nhận biết sự vật phù hợp với chức năng của nó trong phạm vi thiết kế 1 đồ dùng Design.

+ Thiết lập nhiệm vụ kỹ thuật

+ Thu thập thông tin và tài liệu có liên quan.

3. Xây dựng ý đồ (đòi hỏi phải có ý tưởng và ý tưởng này là sự sáng tạo. Việc xây dựng này đề ra 1 giải pháp tốt đề ra sự thành công của 1 tác phẩm. Giải pháp Design phải được sự tán đồng của các nhà kinh tế, của các chuyên gia kỹ thuật.

- Thể hiện phân tích của người tiêu dùng.

- Nhận xét đánh giá mẫu thử (vẽ thiết kế, xây dựng mô hình)

- Kiểm tra sự phù hợp của các sản phẩm hàng loạt

- Đưa ra vật liệu mới ưu thế hơn và nghiên cứu vật liệu ấy

- Giảm chi phí, tạo nên giá trị tiêu dùng mới thẩm mỹ độc đáo

Design là một quá trình thay đổi bản chất của đời sống về tinh thần, vật chất hay sản xuất, do sự thay đổi này xã hội ngày một mới trong lĩnh vực Design. Design đóng vai trò tương quan giữa con người với xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Anh (chị) hãy trình bày: Thế nào là Design? Quan niệm của Design?

Câu 2: Vai trò đóng góp của Bauhaus đối với sự phát triển của Design?

Câu 3: Design và sự ảnh hưởng qua lại của nó với nghệ thuật?

Câu 4: Phong trào Art nouveau ra đời từ khi nào? Quan điểm và sản phẩm của phong trào này? Sự đóng góp và hạn chế của trào lưu này.

Câu 5: Chủ nghĩa công năng ra đời từ khi nào? Quan điểm và sản phẩm của phong trào này? Sự đóng góp và hạn chế của trào lưu này?

Câu 6: Anh (chị) hãy trình bày Design trong nền văn hóa cổ Ai cập, Hy Lạp & La mã

Câu 7: Anh (chị) hãy trình bày Design trong thời kỳ trung cổ & phục hưng

Câu 8: Anh (chị) hãy trình bày Design trong thời kỳ baroque & rococo

Câu 9: Anh (chị) hãy trình bày Design trong thời kỳ tân cổ điển

Câu 10: Ảnh hưởng của Design tới nghề nghiệp mà anh (chị) đang theo học.

Câu 11: Phong trào “Nghệ thuật và Thủ công” (Arts and Crafts) do ai khởi xướng. Quan điểm và sản phẩm của phong trào này. Sự đóng góp và hạn chế của trào lưu này

Câu 12: Anh (chị) hãy trình bày về sự phát triển của Design trong nền văn hóa Việt Nam.

Câu 13: Anh (chị) hãy trình bày về art deco và ảnh hưởng của nó trong nền thiết kế hiện đại.

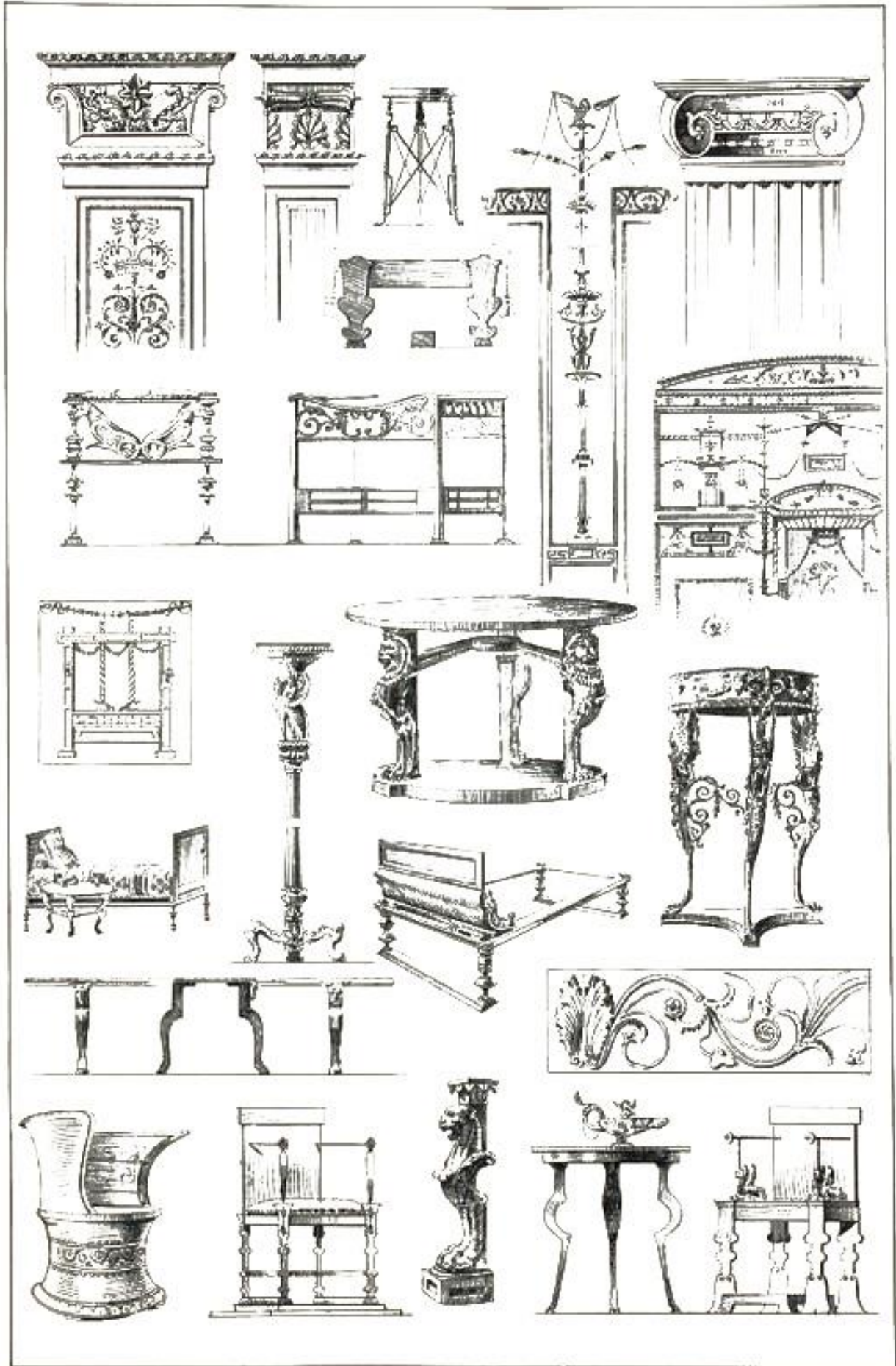
PHỤ LỤC
ĐỒ NỘI THẤT QUA CÁC THỜI KỲ

GRECIAN (New Designs).

(12)

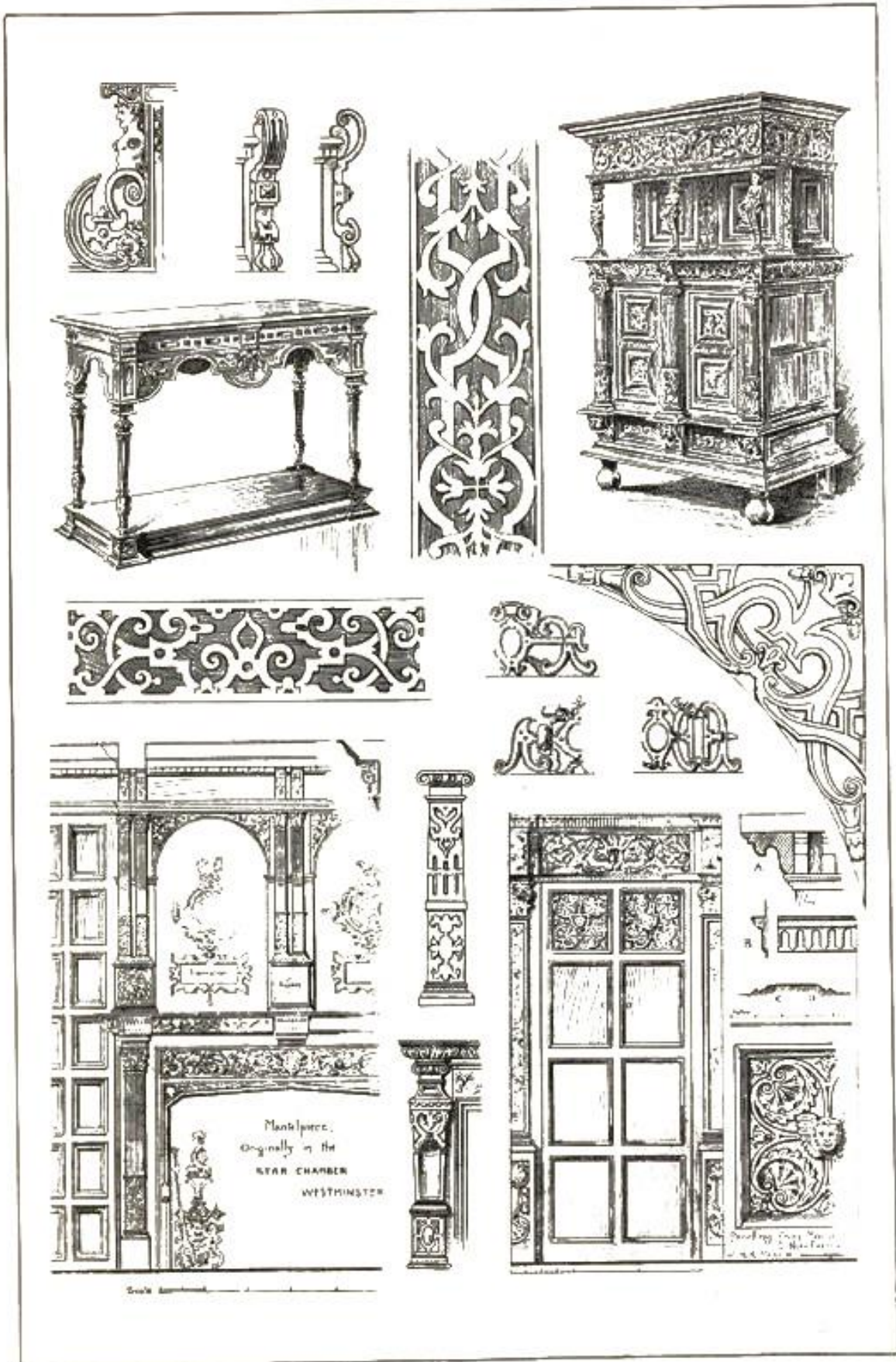


POMPEIAN.





ELIZABETHAN.



WILLIAM & MARY.



JACOBEAN.



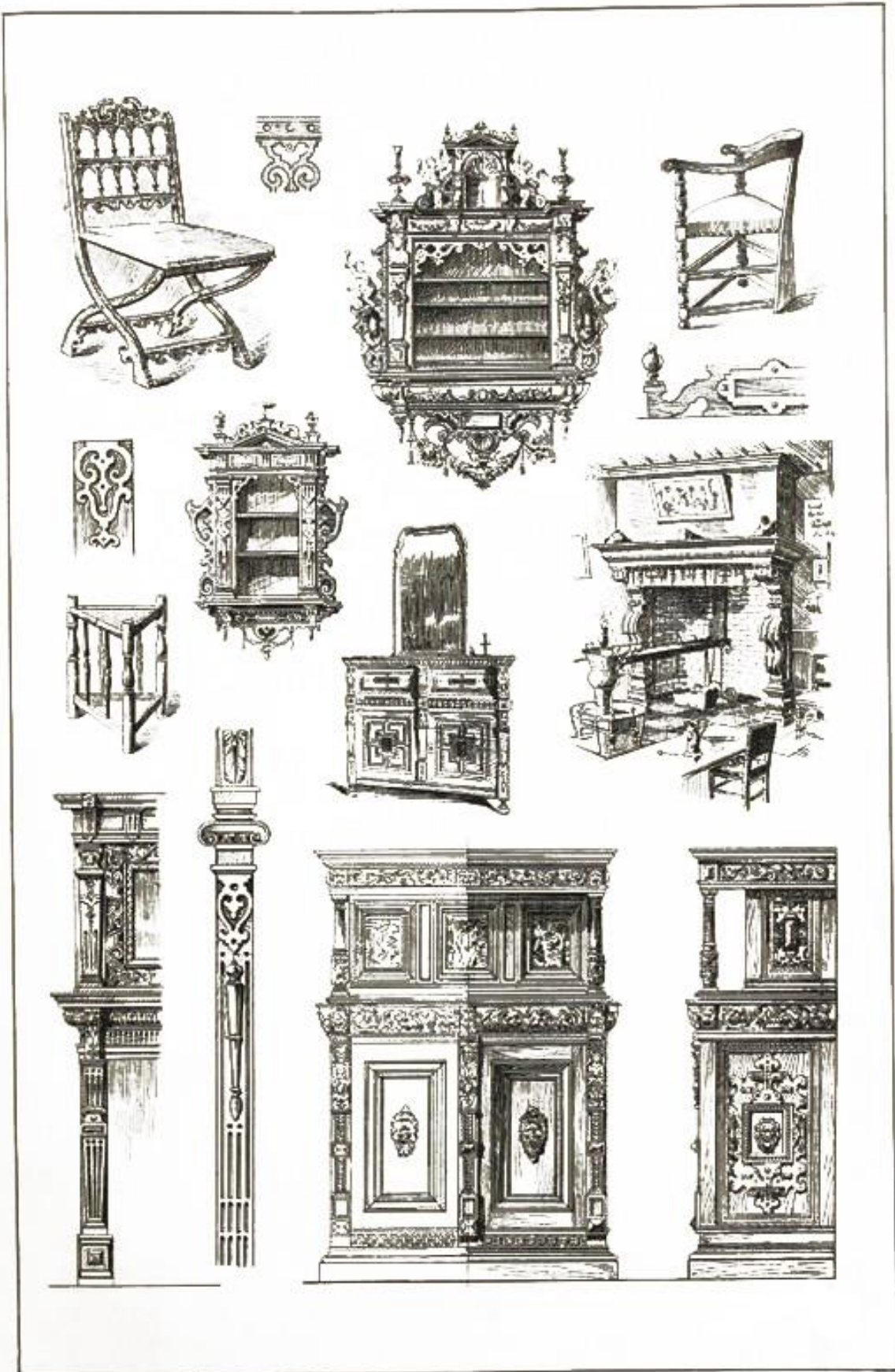
QUEEN ANNE.



LOUIS XV.



DUTCH RENAISSANCE.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Đỗ Nhật Tiến (1994), *Mỹ thuật công nghiệp*, Nxb Hà Nội.
2. Lê Phụng Hoàng (1999), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Đỗ Cung (1993), *Bàn về mỹ thuật Việt Nam*, Viện Mỹ thuật, Hà Nội.
4. Nguyễn Thái Hanh (2002), *Đồ họa cổ Việt Nam - đâu là cội nguồn, đâu là sáng tạo*, Kỷ yếu hội thảo đồ họa ứng dụng, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Nguyễn Phi Hoanh (1984), *Mỹ thuật Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
6. Vũ Tam Lang (1996), *Kiến trúc cổ Việt Nam*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.
7. Đặng Bích Ngân chủ biên (2002), *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông*, Nxb. Giáo dục.
8. Nguyễn Đức Nùng chủ biên (1998), *Chạm khắc cổ Việt Nam* (qua các bản rập), Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
9. Nguyễn Quân - Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
10. Nguyễn Quân - Phan Cẩm Thượng (1991), *Mỹ thuật ở làng*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
11. Hà Văn Tấn chủ biên - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long (1993) *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Phạm Công Thành (1997), *Thói quen thị giác*; in trong *Những vấn đề mỹ thuật*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
13. Phan Cẩm Thượng - Lê Quốc Việt - Cung Khắc Lược (2000), *Đồ họa cổ Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
14. Phan Cẩm Thượng (1997), *Điều khắc cổ Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
15. Chu Quang Trứ (1999), *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

16. Nguyễn Phi Hoanh (2001), *Mỹ thuật và nghệ sĩ*, Nxb TP. HCM.
17. Lê Thanh Sơn (2001), *Những xu hướng kiến trúc đương đại nước ngoài*, Nxb Xây dựng.
18. Lê Phụng Hoàng – Hà Bích Liên – Trần Hồng Ngọc, *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*, Nxb Giáo dục.
19. Đoàn Khắc Tình (1999), *Giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật trong lý thuyết kiến trúc và Design*, Nxb Giáo dục.
20. Lê Huy Văn (1994), *Khái lược Lịch sử Design Công nghiệp*, Trường ĐH Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội.
21. Đặng Thái Hoàng (1993), *Kiến trúc và người kiến trúc sư qua các thời đại*, Nxb Xây dựng.
22. Khắc Thành – Công Thành – Thanh Đa – Anh Việt (1999), *Lịch sử các phát minh sáng chế*, Nxb TP. HCM.
23. Nguyễn Hạnh – Trần Thị Thanh Nguyên (2001), *Tìm hiểu lịch sử những vật dụng quanh ta*, Nxb Phụ nữ.
24. Lê Hồng Lan (2001), *Thần tượng thời trang hiện đại – Lịch sử qua những tên tuổi*, Nxb Phụ nữ.
25. Trịnh Sinh – Nguyễn Văn Huyền (2001), *Trang sức của người Việt cổ*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
26. Michael Fragonard (1999), *Văn hóa thế kỉ XX – Từ điển lịch sử văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia.

II. Tài liệu tiếng nước ngoài.

1. Edmund Burke Feldman – Prentice – Hall, *Art as Image and Idea (Nghệ thuật hay Hình ảnh và Ý tưởng)*, Inc. Englewood cliffs, New Jersey.
2. Catherine McDermott (1997), *Book of 20th Century Design (Sách Design thế kỷ 20)*, The Overlook Press, Woodstock & New York.
3. *Decorative Art 1880 – 1980 (Nghệ thuật trang trí)*, Phaidon Oxford.
4. John A. Walker (1989), *Design History and the History of Design (Lịch sử Design và Lịch sử của Design)*, Pluto Press.

5. *Design new bergreifen (Nhận thức mới về Design) (1996)*, Interface, Bollmann.
6. Cyril M, Harris – Mc Graw – Hill (1993), *Dictionary of Architecture & Construction (Từ điển Kiến trúc và kết cấu)*.
7. Marabout (1994), *Encyclopedie des styles – Du Louis XIII au contemporain (Bách khoa thư phong cách)*.
8. Skriptum VSLD Zvolen (1976), *Historický vysvoj Nasbytku (Lịch sử phát triển đồ gỗ)*.
9. Birken haeuser Verlag (1988), *Italien Design 1945 bis heute (Design Italia)*.
10. *Japanisches Design (Design Nhật Bản)*, Westermann, 1988.
11. Kathryn B. Hiesinger, George H. Marcus (1993), *Landmarks of Twentieth – Century Design (Những cột mốc Design thế kỉ 20)*, An Illustrated Handbook, Abbeville Press Publishers.
12. John Pile (1994), *The Dictionary of 20th – Century Design (Từ điển Design thế kỷ XX)*, Da Capo Press, New York.
13. Sembach – Leuthauser – Gossel (1991), *Twentieth – Centure Furniture Design (Design đồ đạc thế kỉ XnoX)*, Taschen, 1991.